

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

TRỊNH QUỲNH ĐÔNG NGHI

NGHIÊN CỨU CÂU ĐẶC BIỆT TIẾNG VIỆT  
THEO QUAN ĐIỂM NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG

Ngành: Ngôn ngữ học

Mã số: 9229020

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Bùi Trọng Ngoãn

Đà Nẵng – Năm 2024

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu</b> .....	<b>1</b>
<b>2. Mục đích nghiên cứu</b> .....	<b>2</b>
<b>3. Đối tượng, phạm vi và nhiệm vụ nghiên cứu</b> .....	<b>2</b>
<b>4. Nguồn ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu</b> .....	<b>2</b>
<b>5. Đóng góp của luận án</b> .....	<b>4</b>
<b>6. Bố cục của luận án</b> .....	<b>4</b>
<b>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN</b>	<b>6</b>
<b>1.1. Tình hình nghiên cứu về CDB</b> .....	<b>6</b>
<i>1.1.1. Các công trình nghiên cứu CDB ở nước ngoài</i> .....	<i>6</i>
<i>1.1.2. Các công trình nghiên cứu CDB ở Việt Nam</i> .....	<i>11</i>
<b>1.2. Khái quát về NPCN</b> .....	<b>18</b>
<i>1.2.1. Khái niệm NPCN</i> .....	<i>18</i>
<i>1.2.2. Các trường phái NPCN</i> .....	<i>21</i>
<b>1.3. Quan điểm ba bình diện nghiên cứu câu của NPCN điển ngôn</b> .....	<b>22</b>
<i>1.3.1. Bình diện kết học</i> .....	<i>23</i>
<i>1.3.2. Bình diện nghĩa học</i> .....	<i>23</i>
<i>1.3.3. Bình diện dụng học</i> .....	<i>24</i>
<b>1.4. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài luận án</b> .....	<b>25</b>
<i>1.4.1. Cấu trúc lớp (layers)</i> .....	<i>25</i>
<i>1.4.2. Hạt nhân (the nucleus)</i> .....	<i>25</i>
<i>1.4.3. Tác tử (operator)</i> .....	<i>26</i>
<i>1.4.4. Nghĩa sự tình</i> .....	<i>27</i>
<i>1.4.5. Nghĩa tình thái</i> .....	<i>28</i>
<i>1.4.6. Ngữ cảnh</i> .....	<i>29</i>
<i>1.4.7. Quan hệ liên nhân</i> .....	<i>30</i>
<b>1.5. Xác lập cương vị CDB trong cú pháp tiếng Việt</b> .....	<b>31</b>
<i>1.5.1. Tiêu chí xác định một đơn vị là câu</i> .....	<i>31</i>
<i>1.5.2. Xác định cương vị câu của CDB</i> .....	<i>34</i>
<i>1.5.3. Đề xuất khái niệm CDB tiếng Việt</i> .....	<i>36</i>
<i>1.5.4. Phân định CDB với những hình thức tương tự</i> .....	<i>39</i>

Tiểu kết .....	42
<b>CHƯƠNG 2. BÌNH DIỆN KẾT HỌC CỦA CÂU ĐẶC BIỆT TIẾNG VIỆT.....</b>	<b>43</b>
<b>2.1. Áp dụng quan điểm của NPCN diễn ngôn vào việc phân tích cấu trúc CDB tiếng Việt .....</b>	<b>43</b>
2.1.1. Phân tích CDB theo cấu trúc lớp ( <i>layers</i> ) .....	43
2.1.2. Xác định hạt nhân ( <i>the nucleus</i> ) trong CDB .....	43
2.1.3. Xác định tác tử ( <i>operator</i> ) trong CDB.....	45
2.1.4. Cách thức phân xuất cấu trúc CDB tiếng Việt .....	49
<b>2.2. Xác lập các dạng cấu trúc CDB tiếng Việt .....</b>	<b>50</b>
2.2.1. CDB chỉ có hạt nhân .....	50
2.2.2. Cấu trúc có hạt nhân và các tác tử.....	53
<b>2.3. Cấu trúc lớp trong CDB có tác tử .....</b>	<b>63</b>
Tiểu kết .....	67
<b>CHƯƠNG 3. BÌNH DIỆN NGHĨA HỌC CỦA CÂU ĐẶC BIỆT TIẾNG VIỆT</b>	<b>68</b>
<b>3.1. Nghĩa sự tình của CDB tiếng Việt.....</b>	<b>68</b>
3.1.1. Cơ sở xác định nghĩa sự tình trong CDB tiếng Việt.....	68
3.1.2. Các loại sự tình trong CDB tiếng Việt .....	69
3.1.3. Một số nhận định về sự biểu đạt nghĩa sự tình trong CDB.....	83
<b>3.2. Nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt.....</b>	<b>84</b>
3.2.1. Cơ sở xác định nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt .....	84
3.2.2. Các phương tiện từ vựng biểu thị nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt.....	85
3.2.3. Phân tích nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt.....	94
Tiểu kết .....	113
<b>CHƯƠNG 4. BÌNH DIỆN DỤNG HỌC CỦA CÂU ĐẶC BIỆT TIẾNG VIỆT</b>	<b>115</b>
<b>4.1. Đặc trưng ngữ cảnh của CDB.....</b>	<b>115</b>
4.1.1. Bối cảnh của CDB.....	116
4.1.2. Quan hệ liên nhân .....	120
<b>4.2. Đánh dấu mục đích phát ngôn .....</b>	<b>127</b>
4.2.1. Các phương thức đánh dấu mục đích phát ngôn trong CDB.....	128
4.2.2. Mục đích phát ngôn của CDB.....	134
Tiểu kết .....	142

<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>143</b>
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN... 146</b>	
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>147</b>

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Bùi Trọng Ngoãn. Các nội dung nghiên cứu và kết quả trong đề tài này là do tôi thực hiện. Những ví dụ và số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích được chính tác giả khảo sát, thống kê từ nguồn ngữ liệu được trích dẫn đúng quy định.

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả có công bố một số kết quả trên các tạp chí khoa học, kỉ yếu hội thảo của ngành và của lĩnh vực ngôn ngữ học. Kết quả nghiên cứu của luận án này chưa từng được công bố trong bất kì công trình nghiên cứu nào khác ngoài các công trình nghiên cứu của tác giả.

Tôi cam kết chịu mọi trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp của luận án này.

Tác giả luận án

Trịnh Quỳnh Đông Nghi

## **TRANG THÔNG TIN LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**Tên đề tài:** Nghiên cứu câu đặc biệt tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp chức năng

**Ngành:** Ngôn ngữ học

**Họ và tên NCS:** Trịnh Quỳnh Đông Nghi

**Người hướng dẫn khoa học:** PGS.TS Bùi Trọng Ngoãn

**Cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

### **Những kết quả chính của luận án**

Luận án nghiên cứu câu đặc biệt tiếng Việt từ góc độ tiếp cận của lí thuyết ngữ pháp chức năng, trường phái ngữ pháp chức năng diễn ngôn được xây dựng bởi Dik và các cộng sự .

Từ kết quả nghiên cứu của đề tài, chúng tôi đã bước đầu xác lập được cương vị của CDB trong cú pháp tiếng Việt, đề xuất được khái niệm CDB và áp dụng bộ khung lí thuyết NPCN diễn ngôn để miêu tả ba bình diện kết học, nghĩa học và dụng học của CDB tiếng Việt. Với tư cách là một câu, CDB thể hiện trọn vẹn ba bình diện nghiên cứu là kết học, nghĩa học và dụng học.

Ở bình diện kết học, dựa trên mô hình cấu trúc lớp, các khái niệm công cụ là hạt nhân – tác tử, chúng tôi đã xác định được mô hình cấu trúc của CDB tiếng Việt, từ đó phân lập được 13 dạng cấu trúc CDB gồm 2 nhóm lớn: CDB chỉ có hạt nhân và CDB có cấu trúc hạt nhân kết hợp với tác tử. Từ bình diện kết học có thể khẳng định CDB là loại câu độc lập, có mô hình riêng và cương vị trong cú pháp tiếng Việt, cấu trúc CDB được tổ chức một cách hoàn chỉnh và phân tầng rõ rệt, có thể mô hình hoá và phân hoá về tính điển dạng.

Ở bình diện nghĩa học, thông qua việc phân tích hai bình diện nghĩa chính của câu là nghĩa sự tình và nghĩa tình thái, luận án đã chứng minh được khả năng biểu đạt nghĩa của CDB. Cũng như những câu khác, các thành tố ngữ nghĩa trong CDB kết hợp hài hoà để chuyển tải khá trọn vẹn thông tin sự tình và bộc lộ một cách khéo léo, tinh tế thái độ của người nói đối với điều được nói đến trong câu hay đối với người nghe. Khi đi vào chi tiết, hình thái CDB cũng phản ánh tính chọn lọc về biểu đạt khi chỉ phản ánh các loại sự tình và tình thái nhất định.

Ở bình diện dụng học, luận án nghiên cứu các CDB trong mối quan hệ với hoạt động giao tiếp để làm rõ đặc trưng ngữ cảnh và mục đích phát ngôn của CDB. Thông qua việc phân tích bối cảnh trực tiếp xuất hiện CDB và tác động của mối quan hệ liên nhân đối với việc chọn lựa cách biểu đạt là CDB, chúng tôi đã khẳng định rằng hình thức cú pháp mang tên CDB là sự lựa chọn tất yếu trong những hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Đồng thời, bản thân CDB cũng có khả năng chuyển tải những

mục đích phát ngôn chính như tất cả những kiểu loại câu khác, trong đó, có những trường hợp mục đích phát ngôn được đánh dấu trọn vẹn, sắc sảo.

Từ những nội dung đã biện luận trong luận án, theo quan điểm ngữ pháp chức năng, chúng tôi có thể khẳng định rằng, hình thái tồn tại của CĐB là **sự lựa chọn cần thiết**, có chủ định trong rất nhiều phương án giao tiếp mang tính khả dụng của hệ thống ngôn ngữ. Nói theo cách khác, CĐB ắt hẳn phải có những điểm **khác** so với các phân loại khác cùng cấp độ, nhưng không phải là một loại câu bất thường, vì thế không nên (hoặc không cần) phải tách biệt loại câu này thành một nhóm riêng, đồng thời tránh những nhận định mang tính khắt khe đối với sự tồn tại của CĐB trong cú pháp.

CĐB tiếng Việt có thể tiếp tục được khai thác và làm rõ theo các khung lí thuyết chức năng khác (như trường phái Ngôn ngữ học chức năng hệ thống của Michael Halliday), các lí thuyết hiện đại như lí thuyết điển mẫu (Prototype theory) hay ngữ pháp Nano (Nanosyntax) để hoàn thiện những phần còn khiếm khuyết của luận án này.

**Từ khoá:** *câu đặc biệt tiếng Việt; ngữ pháp chức năng diễn ngôn; hạt nhân; tác tử; kết học; nghĩa học; dụng học.*

## **INFORMATION PAGE OF DOCTORAL THESIS**

**Name of thesis:** Investigating Vietnamese fragment, an approach from Functional grammar perspective

**Major:** Linguistics

**Full name of PhD student:** Trinh Quynh Dong Nghi

**Supervisors:** Associate Professor. Dr. Bui Trong Ngoan

**Training institution:** University of Science and Education - University of Da Nang

### **The major results of thesis**

The thesis studies Vietnamese fragment from the perspective of functional grammar theory, the school of functional discourse grammar built by Dik and etc.

From the research results of this project, we have initially established the position of fragment in Vietnamese syntax, proposed the concept of fragment, and applied the theoretical framework of discourse functional grammar to describe the three dimensions of syntactic, semantic, and pragmatic of Vietnamese fragment. As a sentence, fragment fully reflects the three research dimensions: syntactic, semantics, and pragmatics.

On the syntactic dimension, based on the layered structure and the tool concepts of the nucleus - the operator, we have identified the structural frame of Vietnamese fragment, isolating 13 structural forms of fragment into two major groups: fragment with the nucleus and fragment with the nucleus and the operators. The sentence patterns are symbolized and explained based on the position of the value components. The corpus also initially demonstrates the variation in the prototypicality of sentence patterns, where the more minimalistic forms of fragment are more common in communication.

From the description of the syntactic dimension, it can be confirmed that fragment is an independent sentence type with its frame, completely separate from other sentence types in Vietnamese syntax. The structure of fragment is organized in a complete and clearly stratified manner, which can be modeled and differentiated in terms of prototypicality.

On the semantic dimension, through the analysis of the two main dimensions of sentence meaning, state of affairs and modal meaning, the thesis has demonstrated fragment's ability to express meaning. Like other sentences, the semantic elements in fragment harmoniously combine to convey state of affairs information quite fully and subtly reveal the speaker's attitude towards what is being said in the sentence or towards the listener. The semantic dimension also highlights the special points of this sentence type, or in other words, classifies fragment into different meaning-



conveying groups, such as: fragment that can fully convey both state of affairs and modal meaning; fragment with only modal meaning and undefined state of affairs meaning (often fragment with interjection as the nucleus); and fragment with clearly defined state of affairs meaning but difficult to determine modal meaning (fragment with only a nucleus and the nucleus is not an interjection). Going into detail, the fragment also reflects selective expression, only reflecting certain types of state of affairs and modal meaning.

On the pragmatic dimension, the thesis examines fragment in relation to communicative activity to analyze and clarify the contextual characteristics and speech purposes of fragment. Through the analysis of the direct context in which fragment appears and the impact of interpersonal relationships on the syntactic adjustment of fragment, we have affirmed that fragment is an inevitable choice in certain communicative circumstances. At the same time, fragment itself can convey major speech purposes like all other sentence types, with some cases where the speech purpose is fully and sharply marked through the expression of fragment.

From the arguments presented in the thesis, we can assert that the existence of fragment is a necessary and intentional choice among many communicative options available within the language systems. In other words, fragment must have differences compared to other classifications at the same level, but it is not an abnormal sentence type; therefore, it should not (or need not) be isolated into a separate group, and stringent judgments regarding the existence of fragment in syntax should be avoided. This can be considered a condition or basis for identifying and distinguishing fragment in Vietnamese syntactic theory.

As stated in the thesis, the understanding of the various aspects of fragment has not yet achieved complete consensus, particularly regarding the theoretical framework when applied to a subject with many specific characteristics like the Vietnamese fragment. Therefore, we believe that further exploration and clarification of fragment can be undertaken using other functional theoretical frameworks (such as Halliday's Systemic Functional Linguistics), some modern theories like prototype theory, or Nanosyntax to address the gaps remaining in this thesis.

**Key words:** *Vietnamese fragment; Functional Discourse Grammar; the nucleus; operators; syntactic; semantic; pragmatic*

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<b>TT</b>	<b>Viết tắt</b>	<b>Nghĩa là</b>
1	CĐB	câu đặc biệt
2	NPCN	ngữ pháp chức năng

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1.1. Thuộc tính ngữ pháp của các đơn vị ngôn ngữ.....	33
Bảng 2.1. Mô tả vị trí tác tử .....	54
Bảng 2.2. Bảng sơ đồ vị trí & các dạng cấu trúc CĐB .....	54
Bảng 2.3. Các dạng mẫu câu xếp theo mức độ điển hình .....	63

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ vị trí tác tử trong khung vị từ theo quan điểm NPCN điển ngôn..	26
--	----

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

1.1. Trong các đơn vị ngôn ngữ, câu được đánh giá là đơn vị phức tạp nhất, cũng là đơn vị nhỏ nhất thể hiện trọn vẹn ba bình diện kết học - nghĩa học - dụng học. Chính vì thế, ngay từ rất sớm, câu được ngôn ngữ học nói chung, ngữ pháp học nói riêng quan tâm nghiên cứu với những hướng tiếp cận khác nhau. Ngữ pháp cổ điển cũng như một số khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại như cấu trúc luận, ngữ pháp tạo sinh coi câu là đơn vị cấu trúc lớn nhất trong tổ chức ngữ pháp của một ngôn ngữ. Theo đó, câu chủ yếu được xem xét trên bình diện ngữ pháp với các vấn đề như: các thành phần ngữ pháp của câu, các kiểu cấu tạo ngữ pháp của câu và các quan hệ ngữ pháp trong câu. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề về câu chưa được giải quyết, đặc biệt là các vấn đề có liên quan đến nghĩa, hoạt động hành chức của câu và các loại câu không được kiến giải theo bộ khung cấu trúc thông thường.

1.2. Quan điểm của ngữ pháp chức năng như Dik và các cộng sự từng tuyên bố là “một lí thuyết ngữ pháp không nên thoả mãn với việc trình bày các quy tắc ngôn ngữ vì mục đích tự nó mà nên cố gắng, bất cứ khi nào có thể, giải thích các quy tắc này về mặt chức năng theo cái cách mà nó được dùng và theo mục đích cuối cùng của cách dùng này” [108, tr.15] ngày càng chứng minh ưu thế trong việc làm rõ các bình diện nghiên cứu của câu, khai thác sâu và lí giải thuyết phục bình diện nghĩa liên nhân, trong đó có những vấn đề về tình thái. Có thể nói, các thành tựu nghiên cứu của ngữ pháp chức năng đã chạm đến những năng lực giải thích mà các trường phái nghiên cứu ngôn ngữ trước đây còn bỏ sót, vì thế đây được xem là khuynh hướng nghiên cứu đáng tin cậy của ngôn ngữ học hiện đại.

1.3. Câu đặc biệt là loại câu có những đặc điểm khác thường so với các kiểu câu khác vì thế đã thu hút nhiều nhà ngữ pháp quan tâm nghiên cứu. Các tranh luận xoay quanh CDB và các loại câu có đặc trưng ngữ pháp tương tự đã được đề cập đến trong nhiều công trình với những cách tiếp cận và lí giải khác nhau. Tuy nhiên, vì tính chất đặc biệt trên nhiều bình diện từ tổng thể đến thành tố, từ cấu trúc đến chức năng cho nên đến nay vẫn chưa tìm được mô hình nào triệt để và thuyết phục cho loại câu này. Việc tìm một bộ khung ngữ pháp lí giải CDB vẫn là điều mà các nhà nghiên cứu cú pháp quan tâm ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau.

Mặc dù còn nhiều điểm chưa thống nhất trong quan điểm của các nhà nghiên cứu, nhưng từ nhiều năm nay, câu đặc biệt vẫn là đơn vị được sử dụng phổ biến trong ngôn ngữ ở các dạng thức khác nhau của diễn ngôn. Vậy nên theo chúng tôi, CDB cần được thừa nhận sự tồn tại khách quan trong cú pháp tiếng Việt, khẳng định hình

thái CDB là một kết quả của **sự lựa chọn cần thiết** trong giao tiếp bằng ngôn ngữ ở những tình huống nhất định.

Với tinh thần kế thừa những thành tựu lí luận của các nhà nghiên cứu cú pháp qua nhiều thế hệ, mạnh dạn tiếp thu những cách tiếp cận cởi mở và hiện đại, chúng tôi chọn “Nghiên cứu câu đặc biệt tiếng Việt theo quan điểm ngữ pháp chức năng” làm đề tài luận án của mình. Chúng tôi hi vọng kết quả nghiên cứu của luận án sẽ đưa ra một cái nhìn xác đáng về CDB tiếng Việt.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Luận án được chúng tôi triển khai với hai mục đích chính là:

- 2.1. Làm rõ cương vị cú pháp của CDB tiếng Việt;
- 2.2. Làm rõ các bình diện kết học, nghĩa học, dụng học của CDB tiếng Việt.

## **3. Đối tượng, phạm vi và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án: Câu đặc biệt tiếng Việt.

Phạm vi nghiên cứu: nghiên cứu CDB tiếng Việt theo quan điểm của NPCN diễn ngôn.

Các kết luận trong luận án dựa trên cơ sở nguồn ngữ liệu là các CDB đã được văn bản hoá, khảo sát từ các tác phẩm văn học hiện đại.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Chúng tôi đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu để làm rõ về CDB tiếng Việt như sau:

- (1) Tổng quan các công trình nghiên cứu về CDB tiếng Việt;
- (2) Xác định cương vị cú pháp của CDB;
- (3) Miêu tả các bình diện kết học, nghĩa học, dụng học của CDB theo hướng

phân tích NPCN diễn ngôn.

## **4. Nguồn ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu**

### **4.1. Ngữ liệu và phân loại ngữ liệu**

Luận án này có định hướng nghiên cứu lí luận, tuy nhiên, để đảm bảo độ tin cậy thì những luận điểm nêu ra phải được hình thành từ ngữ liệu. Đó vừa là kênh minh hoạ, cũng là kênh kiểm chứng lí luận.

Ngữ liệu nghiên cứu phục vụ cho luận án là các tác phẩm đã được xuất bản chính thức thuộc giai đoạn văn học Việt Nam hiện đại, được lựa chọn từ những tác giả khác nhau nhằm đảm bảo tính đại diện và độ bao quát, tin cậy cũng như xuất xứ để trích dẫn.

Các tập văn bản được liệt kê đầy đủ trong phần ngữ liệu của luận án.

Trong trường hợp cần thiết, chúng tôi cũng sử dụng một số ví dụ được khai thác từ kho ngữ liệu tiếng Việt của Trung tâm từ điển Vietlex (VLCorpus). Đây là

kho ngữ liệu mở đồ sộ, người dùng có thể truy cập trực tuyến và miễn phí. Kho ngữ liệu này cho phép chúng tôi mở rộng lĩnh vực của các trích dẫn, giúp củng cố lập luận được chúng tôi miêu tả trong quá trình xác lập lý thuyết về CDB tiếng Việt.

Tổng số ngữ liệu được thu thập là 5734 đơn vị nhưng luận án chỉ chọn lựa trích dẫn khoảng 236 lượt CDB điển hình làm ví dụ minh họa cho những nội dung phân tích. Việc trích dẫn thực hiện theo nội dung nghiên cứu từng bình diện, vậy nên một số CDB có thể được trích dẫn hơn một lần, tuy nhiên điều này không ảnh hưởng đến các kết luận khoa học của từng chương, mục cũng như kết luận của luận án.

## **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong luận án, chúng tôi sử dụng và phối hợp các phương pháp:

### ***4.2.1. Phương pháp xử lý ngữ liệu***

Để có thể nhận diện và phân xuất CDB từ nguồn ngữ liệu, chúng tôi đã tiến hành những bước sau:

Bước 1: Phân tích nguồn ngữ liệu để nhận diện câu;

Bước 2: Phân tích ngữ liệu để nhận diện, xác định và trích xuất các CDB dựa trên cơ sở về tiêu chí xác lập CDB đã đề ra;

Bước 3: Phân tích các thành tố trong nội bộ CDB;

Bước 4: Xác định vị trí của CDB trong ngữ đoạn, ngữ cảnh và đánh giá tầm tác động của CDB trên các bình diện.

### ***4.2.2. Các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu***

Luận án thuộc nhóm công trình nghiên cứu lý thuyết, phương pháp nghiên cứu chính là phân tích cú pháp theo quan điểm NPCN, trong đó việc miêu tả cấu trúc ngữ nghĩa không tách rời hình thức cấu trúc là cách tiến hành xuyên suốt quá trình nghiên cứu.

Để giải quyết nhiệm vụ đặt ra, luận án sử dụng đồng thời các thao tác quy nạp và diễn dịch, các thủ pháp về quan hệ ngữ pháp, ngữ nghĩa và các thủ pháp của phương pháp miêu tả để miêu tả triệt để và xác đáng CDB tiếng Việt, trong đó đặc biệt quan trọng là:

- Thủ pháp thống kê, phân loại: Thủ pháp thống kê, phân loại ngữ liệu giúp chúng tôi xác định được tần số xuất hiện các kiểu cấu trúc cú pháp của CDB, các phương thức đánh dấu đặc trưng ngữ nghĩa của CDB.

Sau khi thống kê, phân loại tư liệu, trên cơ sở phân tích, tổng hợp, chúng tôi xác định từng thành phần trong cấu trúc cú pháp cũng như các đặc trưng ngữ nghĩa cùng với sự tác động, chi phối của các yếu tố thuộc bình diện ngữ dụng.

- Phương pháp miêu tả là phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học quán xuyên toàn bộ nghiên cứu, với các thủ pháp cụ thể sau:

+ Thủ pháp phân bố để xem xét sự có mặt hay vắng mặt cũng như vị trí xuất hiện của từng thành phần; thủ pháp phân tích thành tố cấu trúc ngữ pháp và cấu trúc ngữ nghĩa để tìm hiểu những biểu hiện cụ thể của CĐB với mục đích đưa ra những nhận xét về đặc điểm hình thức, đặc trưng bản chất của biến thể.

+ Thủ pháp phân tích ngữ cảnh nhằm mô tả chức năng, phạm vi xuất hiện cũng như điều kiện sử dụng, hướng tới khám phá đầy đủ chức năng của CĐB.

- Phương pháp khái quát, hệ thống hoá: Việc vận dụng lí thuyết chức năng diễn ngôn để nghiên cứu CĐB giúp chúng tôi khái quát các nhóm phương thức đánh dấu và đặc trưng ngữ nghĩa, ngữ pháp khu biệt của đối tượng nghiên cứu.

## **5. Đóng góp của luận án**

Nghiên cứu CĐB tiếng Việt là một việc làm có ý nghĩa cả về phương diện lí luận lẫn ứng dụng thực tiễn.

Về lí luận: kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện lí thuyết NPCN khi áp dụng lí thuyết này vào việc nghiên cứu một đối tượng cụ thể là CĐB; trên cơ sở đó giúp định vị CĐB tiếng Việt trong hệ thống đơn vị ngữ pháp tiếng Việt theo cách tiếp cận của NPCN.

Về thực tiễn: kết quả nghiên cứu của luận án có thể ứng dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu CĐB nói riêng và câu tiếng Việt nói chung trong văn bản theo hướng tiếp cận của NPCN.

## **6. Bố cục của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án gồm có 4 chương:

### Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lí luận

Chương 1 trình bày tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án. Trong chương này, luận án cũng hệ thống hoá cơ sở lí luận về NPCN diễn ngôn với những khái niệm cơ bản được dùng để giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu của luận án. Từ đó, luận án xác lập cương vị và đề xuất khái niệm CĐB trong cú pháp tiếng Việt.

### Chương 2. Bình diện kết học của câu đặc biệt tiếng Việt

Ở chương này, luận án tập trung giải quyết các vấn đề chính là xác lập cấu trúc cho CĐB tiếng Việt theo quan điểm NPCN diễn ngôn thông qua việc phân tích cấu trúc lớp và xác định các dạng cấu trúc của CĐB tiếng Việt.

### Chương 3. Bình diện nghĩa học của câu đặc biệt tiếng Việt

Chương 3 của luận án đặt nhiệm vụ làm rõ các bình diện nghĩa của CDB mà NPCN chú ý tới là nghĩa sự tình và nghĩa tình thái. Bình diện nghĩa học của CDB được chúng tôi nhận định là bình diện quan trọng, chi phối các bình diện còn lại của CDB.

#### Chương 4. Bình diện dụng học của câu đặc biệt tiếng Việt

Ở chương 4, CDB được đặt trong mối quan hệ với hoạt động giao tiếp, luận án làm rõ bình diện dụng học ở hai nội dung chính là Đặc trưng ngữ cảnh và Đánh dấu mục đích phát ngôn của CDB tiếng Việt.



## CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

### 1.1. Tình hình nghiên cứu về CDB

#### 1.1.1. Các công trình nghiên cứu CDB ở nước ngoài

Để đánh giá đúng về đối tượng nghiên cứu của luận án, chúng tôi đã tìm hiểu về việc nghiên cứu CDB trên thế giới. Việc làm này giúp chúng tôi trả lời câu hỏi: *CDB có được quan tâm nghiên cứu bởi ngôn ngữ học thế giới hay không?* Và kết quả nhận lại thực sự đáng mong đợi với số lượng công trình có tầm vóc đồ sộ nghiên cứu về CDB. Nội dung phần tổng quan chúng tôi thu thập được không chỉ là những nhận định tình hình nghiên cứu mà còn những bài học kinh nghiệm, những vấn đề đã và đang được đặt ra trong tranh luận xoay quanh CDB mà chúng tôi cần lưu tâm tường giải trong luận án của mình.

Chúng tôi đã tiếp cận được nhiều đầu sách, luận án, các bài báo, kỉ yếu hội thảo và tài liệu trao đổi trong các workshop chuyên đề về CDB. Sự quan tâm về CDB thể hiện thông qua hai nhóm: phổ quát (đề cập đến CDB trong nghiên cứu ngữ pháp) và chuyên sâu (xác định CDB là đối tượng nghiên cứu riêng). Ở phần này, chúng tôi giới thiệu một số công trình đại diện cho bức tranh tổng thể nói trên, bao gồm các nghiên cứu riêng về CDB và các nghiên cứu có nội dung phân loại liên quan đến CDB.

Trước hết, nhóm phổ quát là hướng nghiên cứu chính đối với CDB ở nước ngoài. Không giống như các công trình ngữ pháp tiếng Việt hầu hết đều đề cập đến CDB, rất nhiều sách Ngữ pháp tiếng Anh không thừa nhận sự tồn tại về CDB, vì đánh giá đây không phải là câu, không được thừa nhận tư cách câu trong văn bản và trong giao tiếp. Phần phân loại liên quan đến CDB (*tạm xác định là: fragment*) trong các tài liệu ngữ pháp xem đây là những câu què, câu cụt mà định hướng người dùng phải khắc phục lỗi ngữ pháp này trong tạo lập văn bản. Tiêu biểu như trong *Basic grammar and usage*, tác giả Choy, P., & Clark, D. G sử dụng tên là “Chapter 12: Correcting Fragment” để viết về CDB. Tác giả chỉ ra có 2 dạng tồn tại là các mệnh đề phụ thuộc và cụm từ bị phân tách thành câu do lỗi sử dụng dấu câu, chính vì thế, tác giả cũng cho rằng đó là những trường hợp phải tránh, không nên xuất hiện trong văn bản [104; tr.117-118].

Trong *The Concise Oxford Dictionary of Linguistics* – Từ điển chuyên ngành Ngôn ngữ học, các tác giả đề cập đến các thuật ngữ trên các bình diện nghiên cứu ngôn ngữ và cả thành tựu của các nhà ngôn ngữ học nổi tiếng, tuy nhiên, mục từ “Sentence Fragment” lại được giải thích là “Usually of a sentence reduced by ellipsis to an incomplete form: e.g. *My brother*, uttered in answer to a question such as ‘Who

sent it?’.” [150] Nội dung này lẽ ra nên dùng giải thích cho “Elliptical sentence” chứ không phải là “Fragment”.

George W. Davidson (2002) trong *Phrases, Clauses and Sentences* đã đưa ra định nghĩa: “Câu là những nhóm từ dùng để tuyên bố, đặt câu hỏi, ra lệnh hoặc đưa ra yêu cầu. Người dùng nên cung cấp đủ thông tin cho một người để có được một ý tưởng đầy đủ về những gì đang được nói với họ. Có bốn loại câu chính: tuyên bố, câu nghi vấn, câu mệnh lệnh và câu cảm thán. Các câu nên bắt đầu bằng một chữ viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than.” [118; tr.8] Bằng việc khẳng định: “Một nhóm từ không truyền tải được thông điệp hoàn chỉnh thì không phải là một câu hoàn chỉnh” [118; tr.1], tác giả định vị tất cả những nhóm từ được phân định bằng dấu hiệu hình thức bộc lộ một thông điệp là câu. George Davidson xác lập tư cách câu cho tất cả các trường hợp như: “Come back. / Do be reasonable. / Sit up straight...” tuy nhiên phần đa các ví dụ lại rơi vào nhóm câu mệnh lệnh khuyết chủ ngữ.

Hướng nghiên cứu CDB với tư cách là đối tượng riêng biệt được xem là một bức tranh nhiều màu sắc. Các quan điểm với nhiều cách xử lý dữ liệu cũng như phân tích rất khác nhau được giới thiệu ngay từ rất sớm, gây tranh cãi và rộ lên trong những năm gần đây vẫn chưa làm giới ngôn ngữ học thoả mãn. Việc thiếu sự thống nhất cũng được chứng minh bằng việc các công trình nghiên cứu lí thuyết và thực nghiệm đã sử dụng các thuật ngữ khác nhau để chỉ các đơn vị cú pháp tách biệt này như: chuỗi đơn vị vô nghĩa - ‘nonsentential utterance types or units’ (Fernández & Ginzburg, 2002; Fernández Rovira, 2006; Progovac, Paesani, Casielles & Barton, 2006; Fernández, Ginzburg & Lappin, 2007; Bowie & Popova, 2019), đơn vị không phải là câu hoặc ngữ phụ thuộc - ‘non-sentences’ or ‘subsences’ (Stainton, 2004, 2006; Hall, 2007), câu phụ - ‘minor sentences’ (Kline & Memering, 1977; Sadock & Zwicky, 1985), và cú hoặc câu không hoàn chỉnh ‘clause/ sentence fragments’ (Morgan, 1973; Bowie & Aarts, 2016; Bowie & Popova, 2019; Goldberg & Perek, 2019).

Từ sự khác nhau về thuật ngữ, cách lí giải nguyên nhân tồn tại dạng câu này trong giao tiếp và văn bản cũng khác nhau. Theo truyền thống, các câu này được lí giải là kết quả của "phương pháp tính lược thành phần" (Morgan 1973; Hankamer 1979; Stanley 2000; Merchant 2001, 2004; Reich 2003; Craenenbroeck 2010).

Việc giải thích các CDB và thành phần CDB là vấn đề nghiên cứu được Barton (1990) [87]; Stainton (2006) [179] công bố theo hướng ngữ nghĩa ngữ dụng. Cách

---

<sup>1</sup> “A group of words that does not convey a complete message is not a complete sentence” [118; tr.1]

tiếp cận đầu tiên đề xuất một phép biến đổi giả định từ các thành phần cấu trúc chưa được phát âm hoặc bị ẩn như Hankamer (1979) [131]. Theo Merchant (2004) [154] các câu trả lời ngắn trong hội thoại hỏi – đáp là kết quả của sự chuyển động của phần còn lại (phát âm) đến một vị trí ngoại vi theo sau là sự tỉnh lược các thành phần không chứa thông tin mới.

Cách tiếp cận thứ hai không liên quan đến tỉnh lược hay bất kì cấu trúc cú pháp cơ bản nào; thay vào đó, cú pháp của phân đoạn chỉ là từ hoặc cụm từ riêng của nó. Một mệnh đề, cú hoặc câu có thể xuất phát từ cấu trúc là một cụm từ. Theo đó, Heine (2011) khẳng định “các CDB và câu tỉnh lược thuộc dạng các cấu trúc độc lập, không phụ thuộc vào dạng đầy đủ” [134].

Các nhà nghiên cứu đã dựa trên nhiều khung lí thuyết và phương pháp khác nhau để trình bày có hệ thống về nhiều khía cạnh của các kiểu câu tồn tại xoay quanh hiện tượng tỉnh lược, chẳng hạn như: “Cấu trúc cú pháp ẩn của các câu trong diễn ngôn” (Andrew Weir); “Đặc tính hình thái và ngữ nghĩa của Wh-questions với sự kết hợp” (Ourania Sinopoulou); “Cơ sở và mối quan hệ của các câu không chủ vị” (Bert Cappelle) ... “Xác lập nguồn gốc của các câu tỉnh lược” (Eva-Maria Bauer và Thomas Hoffmann), “Các cơ chế cấp phép hình thái và ngữ nghĩa áp dụng trong những kết hợp lời nói vô nghĩa” (Eleni Gregoromichelaki et al.)...[92]. Các thảo luận này đã gợi ra trong chúng tôi những vấn đề như: CDB có thực sự là kết quả của hiện tượng tỉnh lược hay nói cách khác là sự hiển thị trên văn bản của một câu hoàn chỉnh có các thành phần bị ẩn? Quá trình tạo ra hình thái và nghĩa của CDB được tiến hành như thế nào hay cần giải thích cách mã hoá ý nghĩa và chức năng (Cappelle, Bauer và Hoffmann).

Trong các công trình được dẫn ra ở trên, chúng tôi quan tâm đến cách giải quyết vấn đề của các tác giả sau đây:

Ting-Chi Wei (2013) trong bài viết “Fragment question and ellipsis in Chinese”, đăng trên tạp chí mở *Studies in Chinese Linguistics* đã dựa trên các tiền đề lí luận được chứng minh trong tiếng Anh của Merchant (2004) và tiếng Hàn của Yim (2012) để áp dụng nghiên cứu trên ngữ liệu tiếng Trung. Từ giả thiết “phân loại các CDB trong tiếng Trung thành hai nhóm có tiền đề ngôn ngữ và không có tiền đề ngôn ngữ”<sup>2</sup> [183; tr.1], tác giả đã lí giải nguyên nhân, phân tích đặc điểm riêng biệt của từng nhóm câu. Bài báo kết luận “Fragment Question có tiền đề ngôn ngữ là kết quả của hiện tượng tỉnh lược, phân đoạn hoặc đảo vị trí trong cấu trúc. Nhóm này hoàn toàn khác với nhóm Fragment Question không có tiền đề ngôn ngữ, không bắt buộc

<sup>2</sup> “Fragment Question in Chinese can be subcategorized into the Fragment Question with linguistic antecedent and the Fragment Question without specific linguistic antecedent” [183; tr.1],

phải lí giải phụ thuộc ngữ cảnh, và nhóm này chịu sự chi phối của ngữ dụng học và đặc điểm chung của diễn ngôn chứa nó” [183]. Điểm thuyết phục trong nghiên cứu này của Ting-Chi Wei là ở chỗ, cơ sở nghiên cứu thì dựa vào tiền đề của Merchant nhưng tác giả Ting-Chi Wei luôn chú ý đến đặc điểm loại hình của tiếng Trung, linh hoạt trong xử lí dữ liệu bằng việc tiếp thu thành tựu của các nhà nghiên cứu về CDB, hiện tượng tỉnh lược và các nhóm ngữ trực thuộc trước đó để xử lí những khúc mắc trong quá trình nghiên cứu. Tác giả đã phân tích tỉ mỉ cách xử lí ngữ đoạn (CP, vP, and DP theo Bos&kovic 1994, 1997, 2005), vận dụng luận điểm của Chomsky (2001, 2005), Abels (2003), Gengel (2007, 2009), Funakoshi (2012), Craenenbroeck (2004), Fox and Lasnik (2003), Merchant (2008), Aelbrecht 2010). Tác giả cũng mạnh dạn chỉ ra những điểm không phù hợp khi vận dụng cách xử lí ngữ đoạn hoặc đảo vị trí vào tiếng Trung, nhấn mạnh các yếu tố tác động đến việc sử dụng câu của người Trung Quốc. Chúng tôi cho rằng, cách tiếp cận cởi mở, có chọn lọc thành tựu lí thuyết của các công trình đi trước, chú trọng tính đặc thù của bản ngữ là một đường hướng khôn khéo và hiệu quả, đồng thời có thể thu được những kết luận tin cậy.

Luận án "Fragments and Clausal Ellipsis" (2014) của Weir Andrew là một công trình nghiên cứu các thuộc tính cú pháp và ngữ nghĩa của các CDB – phát ngôn bao gồm một thành phần nhỏ hơn một mệnh đề. Tác giả đã phân tích các quan điểm của những nhà nghiên cứu trước đó về hiện tượng này, chỉ ra những bất cập và tìm phương án để giải mã (như QUD-GIVENness hoặc sự chuyển đổi ở cấp độ âm vị). Kết luận của nghiên cứu này chỉ ra rằng các Fragment có chứa các cấu trúc mệnh đề, tức là có sự ràng buộc ngữ nghĩa và tính logic cho sự xuất hiện của các câu [188; tr.163]. Về cấu trúc, công trình này cũng cho rằng, có một số trường hợp nhìn giống như kết quả của tỉnh lược nhưng thực chất không tồn tại phần bị tỉnh lược mà câu Fragment tồn tại bởi giá trị ngữ nghĩa [188; tr165]; đồng thời tác giả cũng phân tích các dạng cấu trúc như cụm danh từ chỉ ra các phân loại của Fragments dựa trên sự chuyển đổi vị trí các thành tố một cách hoàn toàn khác với quan điểm chuyển động ra ngoại vi của Merchant (2001) [153]. Tuy nhiên, cũng chính tác giả khẳng định, loại chuyển động này chỉ diễn ra trong tiếng Anh (“only takes place in elliptical constructions in English” [153; tr.211]. Có thể xem đây là công trình chuyên sâu đầu tiên nghiên cứu về CDB trong tiếng Anh, tuy nhiên, điều đáng tiếc là, tác giả đã dành nhiều dung lượng cho phần phân tích và chỉ ra các vấn đề trong lí luận của những người đi trước khiến phần kết quả nghiên cứu về cú pháp và ngữ nghĩa của CDB chưa thực sự được giải quyết thấu đáo. Tác giả cũng chưa mô tả các thuộc tính cú pháp cũng như các chức năng nghĩa của CDB như mục tiêu nghiên cứu ban đầu đề ra.

Gần đây nhất, cuối năm 2022, The 9th Biennial International Conference on the Linguistics of Contemporary English (BICLCE) tổ chức tại Ljubljana, Slovenia đã dành 1 phiên workshop để trao đổi về “Fragments: construction and reconstruction”. Mục đích của việc thảo luận cũng được nêu rất rõ ràng nhằm tiếp cận toàn diện nhóm câu này, giải quyết các vấn đề và thách thức nghiên cứu về CDB. Trong đó, quan điểm về loại câu này được xác định là độc lập, có chức năng về mặt ngữ nghĩa, về mặt giao tiếp, mặc dù có biểu hiện đứt đoạn (tác giả dùng từ “orphan”) [93; tr.65]. Sự kiện này chứng minh tính thời sự của việc nghiên cứu CDB hiện nay.

Các công trình được giới thiệu khái quát ở trên được chúng tôi liệt kê chi tiết trong phần tài liệu tham khảo với trích nguồn rõ ràng.

Có thể thấy, những công trình nghiên cứu về nhóm câu có dấu hiệu khác biệt với nhóm câu có cấu trúc và chức năng thông thường nói trên đã đưa chúng tôi đến những nhận định như sau:

(1) Sự tồn tại của kiểu câu không được mô tả theo khung lí thuyết ngữ pháp thông thường trong giao tiếp bằng lời hay được văn bản hoá là hiển nhiên không thể phủ nhận;

(2) Các tác giả với những trường phái nghiên cứu khác nhau vẫn chưa đi đến thống nhất khi lí giải cơ chế, miêu tả cấu trúc cũng như diễn giải chức năng của loại câu này;

(3) Trong mỗi ngôn ngữ thuộc loại hình khác nhau có thể tồn tại các phương thức đánh dấu CDB đặc thù.

Có thể nói rằng, việc nghiên cứu về CDB và những dạng câu gần như nó là một vấn đề phức tạp nhưng cũng vô cùng cuốn hút đối với các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Như Merchant đã đề cập, việc làm này “đi thẳng vào trọng tâm của lí do chính mà chúng ta nghiên cứu cú pháp: để phân biệt bản chất của sự tương ứng về hình thức và ý nghĩa”<sup>3</sup> [153; tr.36].

Bằng sự tập hợp ngữ liệu trong nhiều ngôn ngữ với những khung lí thuyết và cách kiến giải khác nhau, cho đến nay, ngôn ngữ học thế giới vẫn chưa đồng nhất cho câu trả lời về hiện tượng tỉnh lược - phi câu và sự tồn tại của những cấu trúc hiển nhiên phục vụ cho nhu cầu giao tiếp của con người, không phải là kết quả của bất kì quá trình tỉnh lược hoặc dịch chuyển vị trí, chức năng của thành phần nào trong câu. Theo quan điểm của chúng tôi, với sự quan tâm trên diện rộng của nhiều nhà nghiên cứu, trong đó có những nhà ngôn ngữ học đã công bố nhiều công trình trong nhiều năm về đối tượng nghiên cứu này đã khẳng định vị trí khoa học của nhóm câu này

<sup>3</sup> “to discern the nature of the form/ meaning correspondence” [153; tr.36].

trong nghiên cứu cú pháp hiện đại. Điều này càng thôi thúc chúng tôi đưa ra những nhận định về CDB tiếng Việt để hoà vào dòng chảy nghiên cứu của ngữ pháp học thế giới hiện đại.

Tiếp thu tất cả những cách tiếp cận và lĩnh hội những kết quả nghiên cứu nói trên, chúng tôi cho rằng, việc xác lập một khung lý thuyết nhằm phân tích làm rõ CDB là việc không dễ dàng (bởi thực tế điều này đã để lại nhiều mâu thuẫn và tranh luận chưa có hồi kết). Đồng thời, các kết quả nghiên cứu trên các ngôn ngữ khác nhau như tiếng Anh, Hi Lạp, Hà Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật, Hàn Quốc, Trung... đã dẫn đến những kết luận về mặt cấu trúc và chức năng của nhóm câu này rất khác nhau.

Như Ting-Chi Wei và 1 số tác giả khác đã lưu ý, khi nghiên cứu về CDB phải tiến hành trên cơ sở tôn trọng các thuộc tính loại hình và thuộc tính riêng biệt của bản thân ngôn ngữ, tránh việc áp đặt một cách khiên cưỡng các thuộc tính phổ quát sẽ dẫn đến những kết luận thiếu chính xác.

### **1.1.2. Các công trình nghiên cứu CDB ở Việt Nam**

Trong hầu hết các công trình nghiên cứu ngữ pháp, các tác giả trường phái cấu trúc đã đưa ra những kết quả nghiên cứu khá toàn diện về câu tiếng Việt. Trong đó, CDB cũng được đề cập đến.

Hướng nghiên cứu chính về CDB tiếng Việt có thể xác định là ngữ pháp cấu trúc.

Một trong những công trình nghiên cứu sớm nhất về câu tiếng Việt có đề cập đến CDB phải kể đến Lê Văn Lý (*Le parler Vietnamine*, Paris, 1948) trong 94 kiểu câu riêng biệt được tác giả thống kê có những kiểu câu chỉ do một từ hay một ngữ chính - phụ đảm nhiệm [196; tr.154]. Bước đầu có thể xem đây là công trình đầu tiên đề cập đến CDB như một kiểu loại độc lập. Tiếp sau đó hàng loạt các tác giả nhắc đến CDB khi nghiên cứu cú pháp tiếng Việt, tuy nhiên, đường giao nội dung lại không trùng khớp, dẫn đến nhiều tranh luận khác nhau xoay quanh kiểu câu này.

Từ việc tổng quan các công trình nghiên cứu có đề cập đến CDB, chúng tôi nhận thấy các vấn đề chính sau:

(1) Về cách tiếp cận: các công trình trình bày kết quả nghiên cứu từ những cách tiếp cận: ngữ pháp truyền thống – cấu trúc chủ vị, phân loại dựa vào thành tố chính, trung tâm cú pháp, thành tố cấu tạo; NPCN – NPCN ba bình diện, NPCN hệ thống, cấu trúc đề - thuyết; cấu trúc vị từ - tham tố - nòng cốt IC; dụng học; phân đoạn thực tại... trong đó cấu trúc chủ - vị là hướng tiếp cận chính.

(2) Về mặt tên gọi: các tác giả đã sử dụng những tên gọi khác nhau để chỉ về đối tượng này: câu đơn giản, câu tự loại, câu thiếu chủ ngữ, ngữ trực thuộc, câu đơn bộ cú, câu phụ thuộc, cú phụ, câu đơn một thành phần, phát ngôn tách biệt, phát ngôn thuyết – đơn phần... trong đó tên gọi CDB được sử dụng phổ biến nhất.

(3) Về việc lí giải thành tố cấu tạo: bao gồm các dạng cấu tạo từ một từ, cụm từ (bao hàm hoặc không đối với cụm từ chủ vị), thành phần câu (theo chủ - vị hoặc đề - thuyết), kết quả của hiện tượng tinh lược, ẩn thông tin...

(4) Về phân loại: Việc phân loại phụ thuộc nhiều vào cách tiếp cận ở (1) và thành tố cấu tạo ở (3) nên rất nhiều cách khác nhau đã được chỉ ra như: CDB danh từ, vị từ, thán từ; CDB thán từ, hô ngữ và ứng ngữ, tiêu đề; CDB bộc lộ tình cảm tâm sinh lí trực tiếp, câu tượng thanh, câu giới thiệu cảnh huống, câu hô gọi, câu bộc lộ cảm xúc, đánh giá; CDB phân loại theo mức độ điển hình: câu tượng thanh và cảm thán, câu ta thán về tên gọi, câu hô gọi và giới thiệu cảnh huống, câu cảm xúc – đánh giá, câu đánh giá sự kiện...

Trong tất cả các nghiên cứu được liệt kê ở trên thì chúng tôi quan tâm nhất là phần nhắc đến CDB trong các công trình đại diện cho các hướng tiếp cận chính sau:

#### *1.1.2.1. Tiếp cận theo quan điểm ngữ pháp truyền thống*

Quan điểm ngữ pháp truyền thống với cách tiếp cận cấu trúc được nhận định là đường hướng ngữ pháp chính phân tích CDB tiếng Việt, trong đó có thể phân tích kĩ hơn ở các công trình sau:

Các tác giả *Ngữ pháp tiếng Việt* (Ủy ban Khoa học Xã hội) thừa nhận CDB là những câu “có tính chất ít bình thường hơn” [84; tr.26] và căn cứ vào ý nghĩa của câu, phân chia CDB thành các loại khác nhau: câu xác định tồn tại của sự vật; câu đánh giá về sự vật; câu xác định thời gian, nơi chốn, cảnh tượng sự kiện; câu liệt kê sự vật.

Hồng Dân (1986) trong bài viết “Trở lại vấn đề CDB tiếng Việt” (Báo cáo tại Hội nghị khoa học, Hội nghị IV giữa các nước Xã hội chủ nghĩa, Hà Nội) đã nêu: “Thừa nhận sự tồn tại khách quan của CDB trong tiếng Việt, đó là một thái độ “thực sự cầu thị”. Nhưng bản chất về mặt cấu trúc của CDB là gì, thì đó là vấn đề không đơn giản. Không thể giản đơn coi tất cả mọi CDB là câu chỉ có vị ngữ hay thuyết ngữ, càng không thể giản đơn cho CDB là câu không xác định được thành phần, là câu có cấu trúc riêng biệt, cô lập, không có liên hệ gì với câu bình thường. Loại câu này, sở dĩ được gọi là CDB là vì được xem xét trong mối liên hệ với câu bình thường, nó là kết quả của sự vận dụng cấu trúc bình thường.” [16]

Tác giả đã chỉ ra 7 dạng CDB trong tiếng Việt là:

- CDB có liên hệ với câu bình thường thông qua thành phần vị ngữ;
- CDB có liên hệ với câu bình thường thông qua thành phần chủ ngữ;
- Câu khó phân định rõ là CDB chỉ có vị ngữ hay CDB chỉ có chủ ngữ;
- CDB là kết quả phân tách và đảo vị trí của câu bình thường có đủ hai thành phần chủ ngữ và vị ngữ;

- CDB được xây dựng từ một thành phần khác trong cấu tạo câu bình thường;
- CDB được tạo ra bằng cách tách thành phần thân ra khỏi kết cấu vốn có của câu bình thường;
- Thành phần chỉ tình huống trong câu bình thường cũng có thể được tách ra thành CDB.

Như vậy, tác giả Hồng Dân đã đưa ra những đánh giá rất đúng đắn về vị trí của CDB trong ngữ pháp tiếng Việt, tuy nhiên phần phân loại của Hồng Dân bộc lộ một số điểm nhầm lẫn giữa các loại hiện tượng cú pháp hay các dạng câu văn bản với CDB.

Trên cơ sở xem xét câu là một mô hình các liên kết cú pháp được tổ chức theo thứ bậc mà đỉnh của chúng biểu thị dấu hiệu và phân biệt bằng phạm trù khẳng định/phủ định, V.S. Panfilov (1993) trong *Cơ cấu ngữ pháp tiếng Việt* cho rằng tư cách “câu” là một chuỗi có thang độ, và ta có thể xếp các phát ngôn theo nấc thang tăng dần của các dấu hiệu câu, bắt đầu từ sự thiếu vắng hoàn toàn các dấu hiệu này và kết thúc bằng trường hợp câu hoạt động như một bất biến thể cấu trúc của phát ngôn. Các dấu hiệu này gồm có: tính “sơ đồ”, tính “có tổ chức”, tính “chi phối”, tính “dấu hiệu”, tính “phủ định”. Kết quả ta có 5 kiểu phát ngôn, càng thoả mãn ít tiêu chí thì càng “đặc biệt” [59].

Cách tiếp cận của Panfilov sử dụng phương pháp định lượng để có được những kết luận định tính cho đối tượng, bằng cách này bản chất của CDB trong tiếng Việt bắt đầu được phân hoá, tuy nhiên tác giả không xác lập CDB là đối tượng nghiên cứu riêng, vì thế, còn nhiều vấn đề chưa được quan tâm tường giải.

Luận án “Các phát ngôn đơn phần tiếng Việt” của tác giả Phan Mậu Cảnh (1996) nghiên cứu và nhận diện phát ngôn đơn phần trên bình diện lời nói. Phan Mậu Cảnh đã chỉ ra ba loại phát ngôn đơn phần là phát ngôn biệt lập, phát ngôn tỉnh lược và phát ngôn tách biệt. Tác giả đã nêu định nghĩa: “một phát ngôn đơn phần có thể là biến thể của mô hình câu đơn phần mà cũng có thể là biến thể của mô hình câu song phần” [10]. Nhận định này đồng nghĩa với việc tác giả đã nghiên cứu về thành phần hiện hữu hay dạng biến thể của các loại câu đơn phần và câu song phần, trong đó tiêu chí hình thức là tiêu chí nhận diện quan trọng nhất. Trong nội dung phân loại của luận án, phần các phát ngôn biệt lập về cơ bản tương ứng với mô hình CDB với đặc điểm “không có cơ sở để xem đó là những phát ngôn có thành phần bị tỉnh lược, đồng thời chúng không phụ thuộc hoàn toàn vào ngữ cảnh” [10; tr.29]. Tuy nhiên, trong chương này, tác giả liệt kê tiểu loại của phát ngôn đơn phần bao gồm các dạng: tiêu đề, tượng thanh, định vị, liệt kê, gọi đáp, cảm thán, bình xét – đánh giá, phản ứng, thông báo. Một số phân loại chúng tôi cho rằng chưa hợp lí khi xem phát ngôn này là kết quả



của hiện tượng tỉnh lược (chẳng hạn phát ngôn đáp, tr.63), phát ngôn bình xét có thể phân định theo cấu trúc đề thuyết, tr.71) hay nhiều ví dụ về phát ngôn liệt kê tương đương các thành phần câu phụ thuộc bị phân tách (tr.50-56)... Góc độ tiếp cận là phát ngôn khiến những kiến giải này đều hợp lí, tuy nhiên trên bình diện mô hình câu lại bộc lộ nhiều mâu thuẫn từ cấu trúc, nghĩa đến chức năng.

Diệp Quang Ban có lẽ là tác giả dành sự quan tâm và trình bày về CDB chi tiết nhất. Trong *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2 (1996), tác giả đã định nghĩa:

“Câu đơn đặc biệt là kiến trúc có một trung tâm cú pháp chính (có thể có thêm trung tâm cú pháp phụ), không chứa hay không hàm ẩn một trung tâm cú pháp thứ hai có quan hệ với nó như là quan hệ giữa chủ ngữ với vị ngữ.

Câu đơn đặc biệt phân biệt với câu đơn hai thành phần chính là ở chỗ nó là một kiến trúc kín tự thân chứa một trung tâm cú pháp chính, không đòi hỏi phải thêm một trung tâm cú pháp chính nào khác, hơn nữa, trong nó không cần và không thể xác định đâu là chủ ngữ, đâu là vị ngữ. Mặt khác tồn tại trong hoàn cảnh sử dụng của mình, câu đơn đặc biệt tự nó đủ cho người ta hiểu nó, đây là chỗ câu đơn đặc biệt khác với câu đơn hai thành phần vắng chủ ngữ hay vắng vị ngữ.” [3; tr.153]

Với việc xác định câu đơn đặc biệt là một nhóm câu đơn trong mối quan hệ lưỡng phân với câu đơn hai thành phần, Diệp Quang Ban đã khẳng định thuộc tính cú pháp hoàn chỉnh và khả năng tồn tại độc lập của kiểu loại câu này, đồng thời thao tác này cũng đã tách CDB ra khỏi những hiện tượng tỉnh lược hoặc câu văn bản khác.

Từ những tiền đề đó, tác giả tiếp tục bàn luận về cấu tạo, phân loại (theo bản tính từ loại của thành tố chính), chú thích về hoạt động ngữ pháp cũng như xác lập khuôn hình cho loại câu này (theo nguyên tắc xác lập khuôn hình dành cho câu đơn hai thành phần). Nội dung bàn luận của tác giả Diệp Quang Ban có ý nghĩa rất quan trọng trong việc định danh cho CDB. Định nghĩa câu đơn đặc biệt do tác giả nêu ra rất xác đáng, phân phân loại hai nhóm chính (CDB – danh từ và CDB – vị từ) với những ý nghĩa khái quát cụ thể là đóng góp quan trọng để cho nhiều công trình sau này phân biệt CDB với các loại câu tương tự. Tuy nhiên phần chú thích về hoạt động ngữ pháp của câu đơn đặc biệt theo chúng tôi là khá mâu thuẫn. Nếu câu đơn đặc biệt đã là một câu độc lập thì không thể “biến thành thành phần phụ của câu” [3; tr.161]. Tác giả cũng vướng mắc ở chỗ “có một số trường hợp không phân biệt được CDB là câu danh từ hay câu vị từ, vì bản tính từ loại của từ đang xét không rõ” (như câu “Mua!”). Đây có lẽ là một hạn chế khá rõ của việc nghiên cứu câu từ góc độ cấu trúc cú pháp truyền thống, coi đơn vị cú pháp là đối tượng nghiên cứu riêng biệt. Phần khuôn hình câu với cách định bậc khuôn hình cơ sở và khuôn hình hiện thực như đối xử với câu đơn hai thành phần khiến cho mọi thứ chệch khỏi quỹ đạo vì không thể

áp một bộ khung bình thường với những câu có đặc điểm bất thường. Trong các ví dụ về CDB, tác giả đã liệt kê nhiều mẫu câu tồn tại (loại câu có thể phân định theo cấu trúc đề – thuyết của NPCN) và một số câu là kết quả của hiện tượng đảo ngữ. Chính vì thế, mặc dù nội dung CDB được trình bày khá dày dặn so với các công trình trước đó nhưng những vấn đề về CDB trong nghiên cứu của Diệp Quang Ban vẫn tồn tại không ít điểm chưa thoả đáng.

Sau này, khi tiếp cận quan điểm NPCN, những công trình *Ngữ pháp tiếng Việt* công bố những năm 2004 (*Ngữ pháp Việt Nam – phần câu*, NXB Đại học Sư phạm), năm 2008 (*Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt theo định hướng NPCN, tập 2 – Phần câu*) và 2012 (*Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt theo định hướng NPCN*, NXB Đại học Sư phạm), tác giả Diệp Quang Ban đã thay đổi cách gọi CDB thành “câu đơn không chủ ngữ” và sử dụng thuật ngữ CDB “dành cho câu không có thực từ làm vị tố, như câu do thán từ tạo thành” [7, tr.41]. Cũng trong đó, tác giả đã xếp câu cảm thán là một phát ngôn đặc biệt “tức là phát ngôn không chia được thành hai phần đề - thuyết và không chứa phần nghĩa biểu hiện” [6, tr.304], có lúc tác giả lại gọi chính nhóm này là câu phụ (Minor clause).

Tác giả đã rất cố gắng để lí giải CDB theo lí thuyết NPCN nhưng vì chưa thoát li hẳn cách định dạng truyền thống làm cho việc xác định ranh giới và các thành tố nghĩa trở nên khó thuyết phục. Thêm vào đó, việc tiếp cận theo các phân loại nghĩa làm các tiểu loại CDB bị phân mảnh thành nhiều nhóm khác nhau.

#### 1.1.2.2. Tiếp cận theo quan điểm NPCN

Cao Xuân Hạo (1991<sup>4</sup>) với công trình *Tiếng Việt – Sơ thảo NPCN* cho rằng có thể tồn tại những câu gọi là câu một phần chỉ có phần Thuyết (tương đương với vị ngữ), vắng mặt phần Đề (tương đương với chủ ngữ) bởi vì:

(a) Khung cảnh hiện hữu của ngôn từ chiếm lĩnh sự chú ý của người nói đến một mức độ đủ để không cần phải nhắc tới mà vẫn lẩn át được khung cảnh do ngôn (văn) bản dựng lên một cách hiển ngôn.

(b) Một câu không có Đề hiển ngôn là một câu lấy khung cảnh hiện hữu của ngôn từ làm Đề hoặc giả đó không phải là một câu mở đầu văn bản, là một câu thừa hưởng phần Đề gần nhất của câu đi trước cùng cấp. [26; tr.150].

Tuy nhiên, ngay cả Cao Xuân Hạo cũng phải thừa nhận rằng, việc lấy một cái gì đó ở bên ngoài ngôn ngữ làm thành phần cú pháp là một lập luận không phải thuyết phục với tất cả mọi người. Trong công trình này, tác giả đã nêu khái niệm của CDB là những trường hợp không thể phân tích như “sự thể hiện ngôn ngữ học của mệnh

<sup>4</sup> Bị chú: Các trích dẫn trong luận án này được sử dụng theo bản in năm 2004.

đề” [26; tr.380] và khẳng định “*CĐB không phải là câu một phần*”. Điều chúng tôi tâm đắc trong mục “6. CĐB” là tác giả đã phân biệt CĐB thực sự với những câu “không có gì là đặc biệt cả”. Trên cơ sở đó, các phân loại CĐB theo quan điểm của Cao Xuân Hạo gồm có:

(1) Thán từ, nghĩa là “những từ tự nó làm thành một câu trọn vẹn, và không thể kết hợp với bất kì từ nào khác với tư cách là một ngữ đoạn có quan hệ ngữ pháp với từ ấy” [26; tr.382-384].

(2) Hô ngữ và ứng ngữ

Tác giả đồng thời xếp luôn các từ - câu tượng thanh vào nhóm này.

(3) Các tiêu đề, đó là tên của các cơ quan, cửa hiệu, là đầu đề của các tác phẩm. [26; tr.386].

Với chúng tôi, Cao Xuân Hạo không chỉ khẳng định tư cách tồn tại của CĐB mà những lập luận của ông có giá trị rất lớn trong việc phân định CĐB với những loại câu (hoặc chưa phải câu) tương tự như nó. Sự xác lập CĐB đến thời điểm của Cao Xuân Hạo đã trở mình từ việc được đánh dấu ở bình diện cấu trúc sang việc khẳng định những chức năng nghĩa khác với những kiểu câu khác trong giao tiếp. Dĩ nhiên, có một số nội dung chúng tôi không đồng thuận hoàn toàn với quan điểm của Cao Xuân Hạo như trường hợp tác giả dẫn ví dụ: “ – Cặp nhíp ! ... Dao mổ !” và phân tích đây là câu tỉnh lược chỉ còn phần thuyết<sup>5</sup> vì lí do câu này “được bác sĩ nói trong phòng mổ, với người phụ mổ chuyên đưa dụng cụ cho ông. Chẳng lẽ mỗi lần cần cặp nhíp hay dao mổ, lại phải nói đi nói lại đến lần thứ mấy trăm: “Cô y tá phụ mổ hãy đưa cho tôi một cái cặp nhíp” trong khi nhiệm vụ duy nhất của cô ta (chứ không phải ai khác) chính là đưa, và đưa cho người bác sĩ đang mổ (chứ không phải ai khác), các dụng cụ phẫu thuật?” [26; tr.380-381].

Chúng tôi cho rằng, quan điểm của tác giả ở nội dung này có những hợp lí nhất định nhưng có thể chưa đúng trong những trường hợp khác. Bởi lẽ, bất kì câu nào cũng được nói ra trong một hoàn cảnh giao tiếp nhất định, với những nhân vật giao tiếp xác thực, người nói biết họ nói với người nghe nào và cần đạt được mục đích gì. Câu là đơn vị nhỏ nhất thực hiện chức năng giao tiếp, đồng nghĩa với việc, khi câu

<sup>5</sup> Ở trường hợp này có quan niệm cho rằng các dạng này là câu tỉnh lược vì nó lệ thuộc vào ngữ cảnh. Chúng tôi không phủ nhận các câu này phải đặt vào ngữ cảnh mới hiểu đúng nghĩa phát ngôn. Tuy nhiên, bản chất đơn vị ngôn ngữ nào cũng phụ thuộc vào ngữ cảnh mới có thể hiểu đích xác nghĩa mà nó truyền tải, dù là từ, hay câu. Đối với câu, có thể hiểu câu: “Con ăn cơm chưa?” theo những cách khác nhau: (a) một câu hỏi về việc nhân vật giao tiếp con đã thực hiện hoạt động trước thời điểm được hỏi hay chưa?; (b) một câu với mục đích cảm đoán: vì con chưa ăn cơm nên con không thể ăn kem; (c) một lời nhắc nhở: con phải ăn cơm mới có thể đi học hoặc uống thuốc... Theo các tiêu chí xác định câu (mà chúng tôi sẽ phân tích rõ ở mục sau) thì đây là CĐB, vì thực chất câu này hoàn thành đủ chức năng của mình là cung cấp đủ thông tin cho nhân vật giao tiếp, không cần bổ sung bất cứ thành phần nào để trở nên hoàn chỉnh hơn. Đồng thời câu này được tạo lập một cách chủ động, và cũng không trải qua thao tác tỉnh lược thành phần.

hoàn thành chức năng giao tiếp, ở dạng một thông báo nhất định nào đó, thì nó là một câu. Người nói có chủ kiến đối với việc triển khai nội dung câu nói theo cách nào cho phù hợp (trừ những câu sai ngữ pháp), vậy nên không nhất thiết phải cải biên theo cách mà người nói chưa và thậm chí là không nghĩ tới khi triển khai câu đó là “Cô y tá phụ mổ hãy đưa cho tôi một cái cặp nhíp”. Thêm vào đó cũng chính các nhà NPCN từng khẳng định, trong NPCN “không cải biến” (*được hiểu là xoá, thay thế, hoán vị các thành tố*) [108, tr.22]. Việc phân biệt CDB với các dạng tương tự như nó là cần thiết, tuy nhiên không thể vì việc phân tích nghĩa của CDB phải dựa vào hoàn cảnh phát ngôn mà cho rằng đó không phải là câu thì hơi khắt khe với loại câu này. Có thể đây là quan điểm riêng của tác giả luận án, chúng tôi sẽ trình bày rõ hơn ở phần khái niệm CDB ở phần sau.

Hoàng Văn Vân (2004) với *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt* (NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội) đã đề cập tới CDB và gán cách gọi “cú phụ”. Tác giả áp dụng theo Halliday (1984, 1994), Hasan (1991, 1996), Matthiessen (1995) với nội dung “cú chính trong tiếng Anh, cho dù là độc lập hay phụ thuộc, là cú có thể lựa chọn cho cả ba đặc điểm chuyển tác, thức và đề ngữ. Ngược lại, cú phụ là cú không có tiềm năng lựa chọn này. [...] Sự lựa chọn hệ thống giữa cú chính và cú phụ cũng tồn tại trong tiếng Việt, với các ví dụ như: “Bác Hai ơi!”, “Trời!” và “Quân ơi!”. Chúng là những cú phụ ở chỗ chúng không có cấu trúc chuyển tác, thức và đề ngữ.” [85; tr.127-128]. Với cách nhìn nhận này, các chức năng của CDB bị giới hạn rõ rệt.

Ở giai đoạn sau, cùng với việc tiếp thu những thành tựu của ngôn ngữ học hiện đại, các nhà nghiên cứu đã vận dụng những quan điểm và mô hình khác để phân tích CDB như ngữ pháp ngữ nghĩa, mô hình liên kết có tính điển hình, nghiên cứu phát ngôn hoặc cấu trúc thông tin.

Công trình *Cú pháp tiếng Việt* (2009) của tác giả Nguyễn Văn Hiệp đã dành một tiểu mục để đưa ra các giả thiết đáng thảo luận xung quanh vấn đề CDB đồng thời đề nghị các cách phân loại mới làm nổi rõ hơn bình diện nghĩa của CDB. Tác giả đã khẳng định: “CDB là kiểu câu *không thể* phân tích theo cấu trúc cú pháp cơ bản như những câu bình thường khác. Hệ quả là, không thể nói là CDB chỉ có chủ ngữ hay chỉ có vị ngữ... bởi vì CDB không thể phân tích thành phần theo chủ ngữ, vị ngữ hay là thành phần nào khác [33]. Ở công trình này, Nguyễn Văn Hiệp xác định CDB có “nòng cốt đơn phần” [33; tr.94] và vạch ra ranh giới giữa CDB với các kiểu câu khác có dấu hiệu nhận diện tương tự như câu tỉnh lược, câu dưới bậc. Ở *Cú pháp tiếng Việt*, Nguyễn Văn Hiệp cũng đã dùng các tiêu chí ngữ pháp và ngữ nghĩa để đánh giá CDB. Tác giả giới thiệu hai cách phân loại theo ngữ nghĩa và theo mức độ điển hình của CDB. Cách tiếp cận này giúp việc phân định CDB trở nên sáng rõ hơn

hiều. Tuy nhiên, công trình dừng lại ở việc giới thiệu kết quả nghiên cứu, trình bày về CDB có dung lượng khá khiêm tốn, các bình diện chức năng chưa được nêu rõ.

Nguyễn Hồng Cỏn (2010) trong bài viết “Các kiểu cấu trúc thông tin của câu đơn tiếng Việt” đã chỉ ra nhóm cấu trúc thông tin chỉ có tiêu điểm “đây là kiểu cấu trúc có phần thuyết làm cơ sở nhưng bị tính lược, chỉ còn lại phần đề trùng với tiêu điểm thông tin” [15; tr.5]. Bằng cách tiếp cận này, tác giả đã chỉ ra các dạng cấu trúc thông tin có tiêu điểm là đề, cấu trúc thông tin có tiêu điểm là thuyết và cấu trúc thông tin có tiêu điểm là cấu trúc đề thuyết trong CDB.

Ngoài ra, chúng tôi cũng nhận thấy sự quan tâm của các nhà nghiên cứu đối với tác động của CDB trong diễn ngôn thể hiện qua một số công trình ở các cấp độ khác nhau, tuy nhiên các tác giả đều lựa chọn và vận dụng các khái niệm có sẵn của các nhà ngôn ngữ học để làm cơ sở lí luận cho việc khảo sát và phân tích CDB trong những ngữ cảnh văn chương cụ thể. Bên cạnh đó, bài báo “Bàn về việc dịch CDB trong tiếng Việt sang tiếng Anh” của tác giả Huỳnh Thị Hồng Hạnh đăng trên *Tạp chí Công thương* số ngày 17/01/2021 cũng bàn luận về những đặc điểm riêng của CDB cũng như những vướng mắc trong việc dịch loại câu này sang tiếng Anh, qua đó đề xuất một số cách dịch nhằm đảm bảo nội hàm của CDB. Có thể thấy, từ những góc độ khác nhau, CDB là một đề tài hấp dẫn các nhà nghiên cứu.

Từ tình hình tổng quan các nghiên cứu về CDB nói trên, chúng tôi nhận thấy, điều rõ ràng nhất là cho đến hiện nay, vẫn chưa có sự thống nhất trong phân định về loại câu này, chưa có công trình nghiên cứu riêng biệt về CDB tiếng Việt từ góc độ lí luận cú pháp, và chính vì thế chưa thể nhìn nhận và miêu tả đầy đủ CDB.

## **1.2. Khái quát về NPCN**

### ***1.2.1. Khái niệm NPCN***

Sự phát triển của cú pháp học hiện đại phản ánh một quá trình hình thành và phát triển của những trào lưu ngữ pháp khác nhau. Với tiến trình vận động đó, hiện nay sau ngữ pháp cổ điển, ngữ pháp cấu trúc, ngữ pháp tạo sinh thì NPCN là khuynh hướng nghiên cứu thu hút sự quan tâm của giới chuyên môn. Khác với quan điểm của Noam Chomsky trong lí thuyết ngữ pháp tạo sinh (Transformational- Generative) xem ngôn ngữ là một tập hợp các quy tắc được khái quát hoá độc lập với ngôn cảnh, NPCN được xây dựng dựa trên quan niệm triết học cho ngôn ngữ ra đời là để phục vụ cho mục đích giao tiếp của loài người. Đó là chức năng của nó, để thực hiện chức năng này, ngôn ngữ phải mang trong mình nó một ý nghĩa nào đó.

NPCN hiện đại được khơi nguồn từ những năm 70 của thế kỉ XX, được xây dựng trên cơ sở kế thừa từ ba trường phái: (1) Trường Prague (The Prague School) đứng đầu là ba nhà ngôn ngữ người Nga: N.S.Trobeckoj, R.O. Jakobson, và

Karccuski (học trò của F. de Saussure) và những nhà ngôn ngữ Tiệp Khắc: V. Mathesius, J. Vachk; (2) Trường London (The London School) với những tên tuổi như J.R. Firth, V. Malinonski, ... (3) Lí thuyết của C.S. Peirce về ba bình diện của ký hiệu (trong đó có bình diện dụng pháp hay dụng học).

Lí thuyết NPCN lần đầu tiên được giới thiệu bởi Michael Halliday vào năm 1961 và vào những năm 1970 lại tiếp tục được biết đến với tên tuổi của Simon C. Dik. Quan điểm của hai tác giả nói trên cũng là hai biến thể chính của NPCN là NPCN diễn ngôn và nghiên cứu ngữ pháp theo quan điểm của ngôn ngữ học chức năng hệ thống.

Theo lí thuyết NPCN thì nghĩa (meaning) là đối tượng nghiên cứu quan trọng nhất của ngôn ngữ chứ không phải là dạng thức (form) hay cấu trúc (structure) của ngôn ngữ. Halliday đưa ra quan điểm rằng NPCN được đặt tên như vậy là vì khung khái niệm của loại ngữ pháp này thiên về chức năng (functional) chứ không phải hình thức (formal). NPCN có các chức năng được quy vào ba nghĩa riêng biệt theo cách diễn dịch về (1) văn bản, (2) hệ thống và (3) các yếu tố của cấu trúc ngôn ngữ. Theo nghĩa thứ nhất, NPCN được thiết kế để giải thích cách sử dụng ngôn ngữ. Mỗi văn bản (nói hoặc viết) đều mở ra trong một số bối cảnh sử dụng. Theo Halliday, có thể hiểu NPCN về cơ bản là một ngữ pháp tự nhiên theo nghĩa là mọi yếu tố trong đó có thể được giải thích bằng cách tham khảo phương thức sử dụng ngôn ngữ của chúng. Theo nghĩa thứ hai, các thành phần cơ bản của ý nghĩa trong ngôn ngữ là các thành phần chức năng.

Nói cách khác, các nhà NPCN quan niệm “ngôn ngữ và ngôn cảnh sử dụng phụ thuộc lẫn nhau hay có mối liên hệ biện chứng giữa ngôn ngữ, ngôn cảnh và chức năng giao tiếp” [129; tr.35].

Theo Martin, Matthiessen, Painter (1997), NPCN là “một cách nhìn về ngữ pháp theo cách sử dụng ngữ pháp” [151; tr.56], NPCN tập trung vào sự phát triển của các hệ thống ngữ pháp như một phương tiện để mọi người tương tác với nhau. Định hướng của NPCN là xã hội [130; tr.61].

Như vậy có thể thấy, NPCN nhấn mạnh tầm quan trọng của chức năng giao tiếp với tư cách là yếu tố quyết định đối với mọi kiểu diễn đạt ngôn ngữ. Một câu nói nếu không mang nghĩa thì không bao giờ có thể có một tác dụng giao tiếp nào theo ý muốn của người nói. Với quan niệm đó, NPCN đã “tự đặt cho mình cái nhiệm vụ nghiên cứu, miêu tả và giải thích các quy tắc chi phối hoạt động của ngôn ngữ trên các bình diện của mặt hình thức và nội dung trong mối liên hệ có tính chức năng (trong mối liên hệ giữa những phương tiện và những mục đích)” [26; tr.15]. Nói cách khác, khung khái niệm của NPCN được xây dựng dựa trên việc lí giải sự tổ chức các

ngôn ngữ tự nhiên theo ít nhất ba nghĩa có liên quan chặt chẽ: (1) nó có quan điểm chức năng về bản chất của ngôn ngữ; (2) coi trọng quan hệ chức năng ở các cấp độ khác nhau trong tổ chức ngữ pháp; (3) mỗi thành phần được giải thích trong mối quan hệ với toàn hệ thống.

Có thể nói, quan điểm NPCN đã mở ra một trang mới trong việc nghiên cứu cú pháp tiếng Việt. Các nhà ngôn ngữ học hiện đại đã có nhiều công trình theo đường hướng chức năng góp phần làm phong phú địa hạt nghiên cứu về ngữ pháp ở Việt Nam. Cùng với dòng chảy không ngừng của ngôn ngữ học hiện đại, khung lí thuyết NPCN đã gợi ra thêm nhiều hướng tiếp cận với nhiều cấp độ và phạm vi khác nhau. Nhiều bài báo, luận văn, luận án, và chuyên khảo tiếp tục vận dụng lí thuyết NPCN như phân tích diễn ngôn phê phán, mô tả chức năng - thực hành ngôn ngữ trong các mối quan hệ quyền lực - hệ tư tưởng và hệ thống các mối quan hệ xã hội khác hay nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá... Có thể nói, NPCN từ lâu đã không còn là thể nghiệm mà là khuynh hướng nghiên cứu ngữ pháp hiện đại được quan tâm nhất.

Lí thuyết NPCN cung cấp các phương tiện và nguyên tắc có thể giúp trình bày NPCN của một ngôn ngữ cụ thể. Điều này khiến khung lí thuyết NPCN trở nên tương hợp với tất cả ngôn ngữ khác xa nhau về loại hình, không chỉ vậy còn có thể giải thích những điểm tương đồng và dị biệt. Mô hình nghiên cứu coi trọng ba bình diện đồng thời đã mang lại sự giải thích thoả đáng về dụng học, loại hình học và đặc biệt là về tâm lí học khi xử lí các vấn đề ngữ pháp trên tư tưởng “ngôn ngữ là công cụ được dùng bởi con người với những đặc điểm tâm lí có sẵn” [108; tr.19]. Điều này mang lại kì vọng về sự lấp đầy các chỗ hổng mà các đường hướng ngữ pháp tiền chức năng để lại. Đối với việc nghiên cứu cú pháp tiếng Việt, sự ra đời của đường hướng NPCN đã cung cấp khung tham chiếu phù hợp hơn cho các ngôn ngữ đơn lập và không biến đổi hình thái như tiếng Việt. Phân tích câu theo hướng của NPCN sẽ giúp làm rõ hơn các bình diện nghiên cứu của câu, có cơ sở để khai thác cũng như lí giải thuyết phục bình diện nghĩa liên nhân. Bằng hướng tiếp cận chức năng, NPCN tạo ra tính khả thi trong việc giải quyết hầu hết những loại câu mà ngữ pháp truyền thống còn bỏ ngỏ như CĐB, câu sai ngữ pháp, câu đảo trật tự cú pháp và những loại câu chưa được phân loại, trong đó có CĐB là đối tượng nghiên cứu của luận án này.

### 1.2.2. Các trường phái NPCN

Trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, bên cạnh trường phái ngữ pháp Vai và quy chiếu của Robert D. Van Valin Jr thì hai trường phái NPCN được quan tâm nhiều nhất là NPCN diễn ngôn (Functional Discourse Grammar) với đại diện là nhà ngôn ngữ học Hà Lan Simon Cornelis Dik và NPCN hệ thống (Systemic Functional Grammar) do Michael Halliday khởi xướng.

#### 1.2.1.1. NPCN diễn ngôn

NPCN diễn ngôn (Functional Discourse Grammar, viết tắt là FDG) là đường hướng điển hình cho chủ trương nghiên cứu câu theo 3 bình diện kết học, nghĩa học và dụng học. NPCN diễn ngôn gắn với tên tuổi của Simon C. Dik qua các công trình được xuất bản lần lượt 1978, 1982, 1989 và các cộng sự như Kees Hengeveld và Lachlan Mackenzie. Tuy đều thuộc cách tiếp cận chức năng, đối lập sâu sắc với cách tiếp cận hình thức của Chomsky, nhưng NPCN diễn ngôn lại rất khác so với NPCN hệ thống của Halliday. Sự khác biệt này thể hiện ở chỗ: mỗi thành tố của chức năng sẽ được gán chức năng ở ba cấp độ khác nhau, tương ứng với 3 bình diện nghiên cứu của tín hiệu theo quan điểm chức năng.

Có thể nói, NPCN diễn ngôn là đường hướng điển hình cho chủ trương nghiên cứu câu theo ba bình diện kết học, nghĩa học và dụng học.

Theo đó, quan hệ chức năng được chỉ ra tương ứng với ba bình diện nêu trên:

Chức năng ngữ nghĩa chỉ ra các vai, mang sở chỉ của các từ ngữ có liên quan, hiện diện trong cái sự tình được biểu thị bằng kết cấu vị ngữ.

Chức năng cú pháp chỉ định cái khung quy chiếu mà từ đó sự tình được thể hiện trong các biểu thức ngôn ngữ học.

Chức năng ngữ dụng chỉ định tình trạng thông tin của các thành tố với một tình huống giao tiếp rộng hơn mà trong đó nó xuất hiện. [108; tr.13]

Như thế theo quan điểm của Dik, mỗi bình diện của câu thực hiện một chức năng nhất định, đồng thời “cả ba bình diện chức năng này đều tham gia vào việc xác lập cả hai mặt hình thức và nội dung của các biểu thức ngôn ngữ” [108; tr.24,25]. Có thể nói, cách tiếp cận này chịu ảnh hưởng sâu sắc của lý thuyết hành động ngôn từ khi ưu tiên chức năng giao tiếp và cố gắng giải thích mọi phương tiện biểu nghĩa trong ngôn ngữ như một hoạt động hợp tác có cấu trúc chịu sự chi phối bởi các quy ước của thiết chế xã hội.

#### 1.2.1.2. NPCN hệ thống

Nghiên cứu ngữ pháp theo quan điểm của ngôn ngữ học chức năng hệ thống, chúng tôi xin phép gọi là NPCN hệ thống (Systemic Functional Grammar – SFG) là



mô hình nghiên cứu được phát triển bởi nhà ngôn ngữ học người Anh Michael Alexander Kirkwood Halliday với cách tiếp cận tín hiệu học hệ thống về ngôn ngữ.

Tư tưởng cốt lõi của cách tiếp cận này là xem ngôn ngữ như một hệ thống những sự lựa chọn có quan hệ với nhau để diễn đạt nghĩa, và ngôn ngữ đã tiến hoá để đảm bảo thực hiện được chức năng đó. Tính đa chiều kích (multidimensional architecture) của cấu trúc ngôn ngữ chính là sự phản ánh bản chất đa chiều kích của những mối quan hệ liên nhân, tính đa chiều kích của sự trải nghiệm mà con người có được về thế giới và tính đa chiều kích trong cách tổ chức thông điệp.

Quan điểm của M.A.K. Halliday khác với Dik và một số dòng NPCN khác, như Ngữ pháp Vai và Quy chiếu của Van Valin và Lappola, phân biệt nghĩa (meaning) và chức năng (function) như có thể thấy qua tên gọi cuốn sách của hai tác giả này, do Cambridge University Press xuất bản năm 1977 là *Syntax: Structure, Meaning and Function*. NPCN hệ thống của Halliday đồng nhất nghĩa (meaning) với chức năng (function)<sup>6</sup>.

Theo Halliday, ngữ pháp được miêu tả như các hệ thống các lựa chọn chứ không phải như các quy tắc. Hệ thống các lựa chọn này được xây dựng dựa trên luận điểm cho rằng mỗi cấu trúc ngữ pháp có liên quan đến một sự lựa chọn được lấy ra từ một tập hợp những khả năng có thể được miêu tả được, do đó, ngôn ngữ được xem là nguồn tạo nghĩa<sup>7</sup>. Đến lượt mình, nghĩa được xem là “có cơ sở xã hội” (socially based), và ngôn ngữ học chính là sự nghiên cứu về nghĩa trong xã hội<sup>8</sup>: chức năng kinh nghiệm, chức năng liên nhân và chức năng văn bản, những chức năng này được gọi là các siêu chức năng (metafunction<sup>9</sup>). Mỗi siêu chức năng như vậy được biểu đạt bằng một kiểu cấu trúc riêng và do đó trong một cú (clause) hiện diện đồng thời 3 loại cấu trúc khác nhau, lần lượt được gọi là cấu trúc nghĩa biểu hiện, cấu trúc thức và cấu trúc đề - thuyết.

### 1.3. Quan điểm ba bình diện nghiên cứu câu của NPCN diễn ngôn

Trong hai biến thể chính của NPCN: quan điểm của Halliday thiên về nghĩa và chú trọng việc mô tả các quá trình hơn trạng thái, trong khi CDB thường xuất hiện ở dạng tối thiểu, dẫn đến việc rất khó áp dụng mô hình đánh giá chức năng theo khung thành tố của Halliday<sup>10</sup>. Đối tượng nghiên cứu của luận án là CDB với những biểu hiện không tương thích với các bộ tiêu chí đang có sẵn của NPCN hệ thống, chính vì

<sup>6</sup> “In functional approaches to grammar we essentially equate meaning with function” [128; tr.8].

<sup>7,8</sup> Xin xem Halliday, M.A.K. (1985), *An Introduction to Functional Grammar*, Hodder & Stoughton, London.

<sup>9</sup> the ideational, the interpersonal and the textual metafunction

<sup>10</sup> Nhận định này đã từng được Hoàng Văn Vân nêu ra với cách gọi cú phụ chúng tôi đã dẫn ở phần trước - “Chúng là những cú phụ ở chỗ chúng không có cấu trúc chuyên tác, thức và đề ngữ” [85; tr.127-128].

vậy, trong quá trình nghiên cứu, luận án có thể căn cứ vào khung lí thuyết nghiên cứu câu theo NPCN diễn ngôn, việc xác lập các tiêu chí khảo sát và phân tích CDB được tiến hành trên cơ sở chú trọng cả ba bình diện chức năng trong mối quan hệ hữu cơ với hoạt động hành chức của ngôn ngữ tự nhiên<sup>11</sup>. Điều quan trọng nhất, theo quan điểm của chúng tôi, việc nghiên cứu được tiến hành theo quan điểm chức năng trên tinh thần cập nhật những thành tựu hiện đại trong nghiên cứu cú pháp trong và ngoài nước, và tôn trọng đối tượng nghiên cứu của luận án là CDB cũng như đảm bảo tương hợp với đặc điểm của tiếng Việt.

Sau đây là phần trình bày về ba bình diện nghiên cứu của câu theo đường hướng NPCN diễn ngôn đã được chúng tôi bóc tách những nội dung có liên quan đến đối tượng nghiên cứu của đề tài là CDB.

### **1.3.1. Bình diện kết học**

Kết học là phương diện liên kết tín hiệu với tín hiệu trong một thông điệp, ta biết rằng trong một hệ thống tín hiệu, không phải các tín hiệu liên kết với nhau theo bất kỳ quy tắc nào cũng cho ta một thông điệp có thể lĩnh hội được. Theo bình diện này, câu được xem xét có cấu tạo như thế nào tức là có thể được phân tích thành những thành phần cấu trúc nào. Bình diện này theo Dik, các chức năng cú pháp như chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ trực tiếp, bổ ngữ gián tiếp, định ngữ được xác định không phải căn cứ vào việc các ngữ đoạn biểu thị cái gì mà vào mối quan hệ ngữ pháp với các ngữ đoạn khác được biểu thị bằng những phương tiện hình thức gọi là tác tử cú pháp (syntactic operator) như hình thái cách hoặc các chuyển tố (translatifs, relateurs), các “giới từ” bằng sự phù ứng về số, về ngôi với một danh ngữ nhất định... [dẫn theo 26, tr.21]. Việc sử dụng cấu trúc hạt nhân – tác tử theo quan điểm của NPCN diễn ngôn để phân tích cấu trúc cú pháp của CDB là hướng khai thác phù hợp, có thể giải quyết những vướng mắc mà các đường hướng ngữ pháp khác gặp phải khi phân tích cấu trúc CDB, từ đó lí giải liên kết nội tại của CDB cũng như chỉ báo những mối quan hệ ngữ nghĩa với các bình diện còn lại.

### **1.3.2. Bình diện nghĩa học**

Theo bình diện này, ngữ pháp học xem xét câu biểu thị nội dung gì trong thế giới thực tại (thực tế hay tưởng tượng). Bình diện nghĩa học là bình diện của “sự tình” được biểu thị và những “vai trò” tham gia cái sự tình ấy. Để làm rõ điều này nhiệm vụ nghiên cứu phải xác định được những “tham số” (participants) của sự tình gồm có

---

<sup>11</sup> Quan điểm này được hiểu là: chúng tôi sẽ sử dụng bộ khung NPCN diễn ngôn để phân tích, xử lí CDB trên ba bình diện, lí thuyết chính là NPCN theo quan điểm của S.C.Dik. Tuy nhiên, trong quá trình phân tích (nếu có) những vấn đề nào thuộc về đối tượng nghiên cứu là CDB chưa tương hợp với lí thuyết NPCN diễn ngôn thì chúng tôi sẽ tường giải trên quan điểm của bình diện thông tin – ngữ nghĩa, chú trọng chức năng giao tiếp của ngôn ngữ để xử lí sao cho luận án mô tả được đầy đủ và trọn vẹn (ở mức có thể) về CDB.

những diễn tố (actants), chu tố (circumstants). Các diễn tố là những vai trò tất yếu được giả định sẵn trong nghĩa từ vựng của vị từ. Các chu tố không được giả định một cách tất nhiên trong khung vị ngữ, đó là những điều kiện về thời gian, không gian, cách thức, phương tiện hoặc là những nhân vật có liên quan...

Như vậy có thể hiểu, nghĩa của câu tức là câu trình bày nội dung sự tình gì cần được xem xét dựa trên các thành phần từ vựng biểu thị những nội dung nhất định xoay quanh trung tâm là hạt nhân nghĩa và cách tổ chức các vai nghĩa trong mối quan hệ với hạt nhân của câu.

Các vai nghĩa thuộc phạm trù nội dung vì thế phải được biểu thị bằng hình thức nào đó. Các vai nghĩa được đánh dấu một cách khác nhau trong các ngôn ngữ khác nhau, đối với tiếng Việt hai phương thức chính vẫn là hư từ và trật tự từ. Vậy nên khi xem xét nghĩa của CDB, chúng tôi sẽ vận dụng kết hợp giữa mô hình các kiểu sự tình và danh sách vai nghĩa theo Dik (1989) kết hợp các diễn giải của Cao Xuân Hạo (1991), Nguyễn Văn Hiệp (2008) trong tiếng Việt để làm rõ vấn đề nghiên cứu của luận án.

Mặc dù có những tranh luận về các thành tố nội dung cần triển khai trong bình diện nghĩa học nhưng tựu trung lại có thể đề cập đến hai loại nghĩa chính đó là nghĩa sự tình và nghĩa tình thái. Số lượng các vai nghĩa và cách thức triển khai giá trị ngữ nghĩa ở trong CDB có thể sẽ khác với các loại câu được phân tách theo kiểu cấu trúc phổ quát khác, tuy nhiên nếu đã xác định CDB là một câu thì việc thừa nhận tư cách giao tiếp và chức năng nghĩa của loại đơn vị này cũng cần được làm rõ.

Vấn đề này sẽ được chứng minh thông qua phân phân tích tiếp theo ở chương nghĩa học của luận án, khi thực tế chỉ ra rằng bình diện nghĩa học là một trong những bình diện có nội dung sắc thái phân hoá nhất trong các bình diện được chúng tôi triển khai ở luận án này.

### ***1.3.3. Bình diện dụng học***

Bình diện dụng học của câu nghiên cứu quan hệ giữa câu nói với tư cách là tín hiệu ngôn ngữ với người sử dụng (người nói và người nghe). Trên thực tế lĩnh vực dụng học rất rộng vì thế việc liên kết những vấn đề của dụng học lại với nhau cũng như việc vạch ra ranh giới cho bình diện dụng học của câu là không hề dễ dàng. Các nhà ngữ pháp học đã xếp hàng loạt những vấn đề vào phạm vi nghiên cứu của dụng học như cấu trúc đề - thuyết, cấu trúc thông báo, các hiện tượng tiêu điểm hoá, cường điệu, nhấn mạnh các giá trị, hành động ngôn từ và lực ngôn trung...

Ở bình diện này, chức năng dụng học thể hiện vị thế thông tin của các thành tố thông qua việc phân tích ngữ cảnh giao tiếp. Với tư cách là đơn vị thông báo hoàn chỉnh, độc lập và có dạng thức riêng biệt của mình, chúng tôi cho rằng CDB là cấu

trúc biểu thị tổ chức thông điệp với những lực ngôn trung nhất định được thể hiện thông qua việc đánh dấu mục đích phát ngôn trong những hoàn cảnh nhất định. Chính vì thế ở phần bình diện dụng học chúng tôi sẽ phân tích hai nội dung cơ bản là hoàn cảnh giao tiếp và các mục đích phát ngôn của CDB.

#### **1.4. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài luận án**

##### ***1.4.1. Cấu trúc lớp (layers)***

Thuật ngữ lớp và phân lớp lần đầu tiên được sử dụng trong ngữ pháp Vai và Quy chiếu của Foley & Van Valin sau đó được phát triển và hoàn thiện trong khung vị từ của NPCN diễn ngôn. Có thể hiểu cấu trúc lớp đề cập đến một kiểu phân cấp của cấu trúc ngôn ngữ với những cấp bậc thành tố ngữ pháp khác nhau, các quan hệ phạm vi dựa vào đó mà được xác định theo các lớp ngữ nghĩa khác nhau. Matthew P. Anstey (2002) trong bài viết “Layers and Operators Revisited” đã từng đưa ra nhận định: “Có lẽ tính năng đặc biệt nhất của NPCN diễn ngôn là việc sử dụng cái gọi là cấu trúc phân lớp (layered structure) của mệnh đề.”<sup>12</sup> Cấu trúc phân lớp được sử dụng như một cấu trúc mô tả và giải thích, chia các đơn vị ngôn ngữ thành các lớp khác nhau có liên quan theo thứ bậc, mỗi lớp có các tác tử và chu tố xuất hiện và có tầm tác động đến khung vị từ không giống nhau. Trong đó hai vấn đề nổi bật liên quan đến việc phân lớp là vấn đề vị trí và vấn đề về mặt loại hình.

Việc thừa nhận cấu trúc lớp trong kết cấu của câu dẫn đến thao tác phân rã các lớp để xác định khung vị ngữ, khung vị ngữ mở rộng và các thành tố hữu quan của câu.

##### ***1.4.2. Hạt nhân (the nucleus)***

Hạt nhân là thành tố quan trọng của cấu trúc mệnh đề được tạo nên bởi một khung vị ngữ. Khung vị ngữ có thể là cơ bản hoặc chuyển hoá/ mở rộng. Các khung vị ngữ cơ bản được tạo ra bởi các từ liên kết với nhau.

Như vậy có thể hiểu, tổ chức của câu bao gồm vị từ trung tâm và các tham tố. Trong đó, “vị tố là yếu tố còn lại trong câu sau khi loại bỏ các biểu thức quy chiếu” [32; tr.330]. Như vậy, vị từ trung tâm hay vị tố được hiểu trên tinh thần ngữ nghĩa học hiện đại, có thể là danh từ, vị từ hoặc số từ, thán từ... Các diễn tố cú pháp tiếp tục là các thành phần bao quanh vị tố, giúp bổ sung, khắc hoạ những nội dung sự tình trong mối quan hệ với vị tố trong biểu thức cú pháp của câu. Chính tác giả Diệp Quang Ban khi nhìn nhận CDB từ lí thuyết NPCN cũng đã cho rằng: “Ngữ pháp học hiện đại thừa nhận rằng yếu tố trung tâm (hạt nhân) của câu là vị tố, vị tố có thể là

<sup>12</sup> “Perhaps Functional Grammar’s most distinctive feature is its extensive use of the so-called layered structure of the clause”. [148; p.1-2]

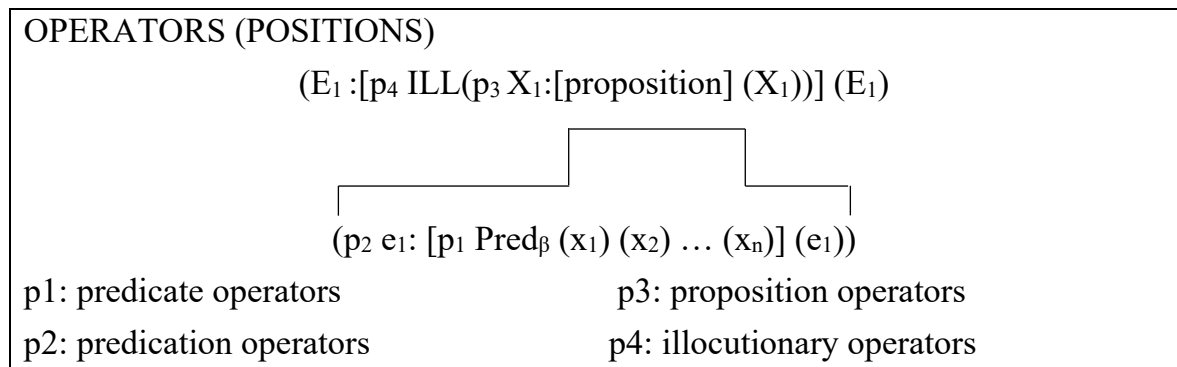
đanh từ, động từ hay tính từ. Cho nên câu đơn đặc biệt trước đây, thực chất là câu không có chủ ngữ, trong đó vẫn có từ làm vị tố” [32; tr.71].

Chúng tôi cho rằng khái niệm “hạt nhân” của NPCN diễn ngôn rất phù hợp để xác định thành tố trung tâm trong kết cấu tối giản của CDB.

### 1.4.3. Tác tử (operator)

Khái niệm tác tử<sup>13</sup> trong nghiên cứu của chúng tôi được gọi ra từ lí thuyết NPCN diễn ngôn của Dik tham chiếu vào đối tượng nghiên cứu cụ thể của luận án là CDB tiếng Việt.

Năm 1977, Dik công bố bài báo đề cập đến quy trình phân rã các lớp từ vựng. Một trong những nội dung chính là nêu ra định nghĩa vị từ và các tiểu loại vị từ. Dik [109; tr.145] lúc này đề cập đến nghiên cứu về “Tác tử và hạt nhân” của Seuren (1969). Seuren<sup>14</sup> (1969) lưu ý rằng các tác tử mệnh đề (tức là ngôn từ) đã được Lewis đề xuất ngay từ năm 1946 và các tác tử phương thức đã được đề xuất ngay từ thời Trung cổ. Dựa trên nghiên cứu này, NPCN diễn ngôn ngày càng hoàn thiện và xây dựng nên các dạng cấu trúc tác tử phức tạp hơn<sup>15</sup> được Dik khái quát thành 4 nhóm vị trí phân bổ theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1. Sơ đồ vị trí tác tử trong khung vị từ theo quan điểm NPCN diễn ngôn<sup>16</sup>

<sup>13</sup> Operators (definitions): “Predication operators capture the grammatical means which locate the SoAs [State of Affairs, MPA] designated by a predication in a real or imaginary world and thus restrict the set of potential referents of the predication to the external situation(s) the speaker has in mind” [...] We can deduce from these statements that particular operators for Hengeveld are a minimal grammatical unit in a language representing a unitary semantic concept. [148]

<sup>14</sup> Seuren (1969) notes that propositional (i.e., illocutional) operators were proposed as early as 1946 by Lewis and modal operators were proposed as early as the middle ages. Seuren’s complete list is as follows: the “sentence qualifiers”... In the light of this work, it is perhaps surprising that FG took its time to adopt a more sophisticated operator structure. [175]

<sup>15</sup> Năm 1986, Kees Hengeveld, công trình nêu lên khung cấu trúc và các phép tác tử ở mỗi lớp, theo ông, các từ được đặt trong khung ngôn từ, giống như các thuật ngữ được đặt trong khung ngôn ngữ (Hengeveld, 1986, p. 77; cf. Hengeveld, 1987). Đến năm 1990, Hengeveld phát triển cấu trúc lớp hoàn thiện của mình trong công trình “Lớp và Tác tử” bao gồm bộ khung mô hình tác tử và vệ tinh, đồng thời giải thích cụ thể các mô hình và cho ví dụ về các cấu trúc khác nhau.

<sup>16</sup> Dẫn theo Kees Hengeveld [135; tr.130]

Như vậy, tùy thuộc vào miền hoạt động của tác tử, NPCN phân biệt thuật ngữ tác tử<sup>17</sup> thành 4 nhóm tương ứng từ p1 đến p4 trong sơ đồ trên. Có thể tạm xác định tác tử vị từ (p1), tác tử vị ngữ hoá (p2), tác tử mệnh đề (p3), và tác tử ngôn trung (p4) với cách hiểu:

p1 *Các tác tử vị từ*: Các yếu tố vị ngữ bao hàm các phương tiện ngữ pháp chỉ các thuộc tính bổ sung của tập hợp hành động hoặc trạng thái được xác định bởi một mệnh đề không có bổ ngữ.

p2 *Các tác tử vị ngữ hoá*: Các yếu tố vị ngữ bao hàm các phương tiện ngữ pháp xác định vị trí của hành động hoặc trạng thái được xác định bởi một vị ngữ trong một thể giới thực hoặc tưởng tượng và vì vậy giới hạn tập hợp các sở chỉ tiềm năng của vị ngữ trong một (số) tình huống mà người nói nghĩ đến.

p3 *Các tác tử mệnh đề*: Các yếu tố hàm ý/mệnh đề bao hàm các phương tiện ngữ pháp mà qua đó người nói xác định thái độ của họ đối với (tính đúng đắn của) hàm ý/mệnh đề mà họ cho rằng cần xem xét.

p4 *Các tác tử ngôn trung*: Các yếu tố ngữ dụng bao hàm các phương tiện ngữ pháp mà qua đó người nói điều chỉnh mức độ/ trạng thái của hành động ngôn ngữ cơ bản (nói/ viết) của một biểu thức ngôn ngữ nhằm mục đích làm cho biểu thức ngôn ngữ đó phù hợp với chiến lược giao tiếp của họ.

Sự khác biệt cơ bản giữa tác tử vị ngữ hoá và tác tử mệnh đề là ở chỗ tác tử mệnh đề quan tâm đến thái độ của người nói đối với nội dung của hành động nói của mình, hơn là đến sự xuất hiện của sự kiện mà hành động nói đó được tham chiếu tới. Do đó, các tác tử mệnh đề có liên quan đến chức năng nội dung của các mệnh đề.

Sự khác biệt cơ bản giữa các tác tử mệnh đề và tác tử ngôn trung là các tác tử ngôn trung quan tâm đến các tác động có thể có về ngôn từ của một hành động lời nói, hơn là nội dung của nó. Như vậy, các tác tử ngôn ngữ có liên quan đến ý định giao tiếp mà người nói trình bày nội dung này.

Như vậy, tác tử là thành tố ngữ pháp quan trọng tạo nên kết cấu hạt nhân mở rộng với vai trò biểu đạt các chức năng nghĩa học, dụng học của CDB.

#### **1.4.4. Nghĩa sự tình**

Nghĩa sự tình (còn gọi là nghĩa biểu hiện, nghĩa sự việc, nghĩa miêu tả) là thành phần nghĩa phản ánh những mảng của thế giới hiện thực hay thế giới nội tâm của con người, gọi chung là sự việc hay sự tình. Mỗi câu đề cập đến một hay một vài sự tình. Mỗi sự tình được phản ánh vào trong câu là một cấu trúc nghĩa gồm cái lõi của sự

<sup>17</sup> Depending on their domain of operation, FG [Functional Grammar] recognizes the following types of operators: (2) a.  $\Omega$  : term operators b.  $\pi_1$  : predicate operators c.  $\pi_2$  : predication operators d.  $\pi_3$  : proposition operators e.  $\pi_4$  : illocutionary operators [...]. [109; p.137-138]

tình cùng với các yếu tố tham gia vào sự tình. Cái lõi của sự tình là thành tố nêu đặc trưng hay quan hệ, gọi chung là vị tố, thường biểu hiện trong tiếng Việt bằng một vị tố, ngoài ra còn có các yếu tố tham dự vào sự tình bổ sung nghĩa cho cấu trúc của sự tình được phản ánh vào câu.

Nghĩa sự tình và hiện thực luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau. Để hiểu được nghĩa sự tình của câu, cần xác định xem nó thuộc về kiểu sự tình nào, ngược lại, để xác định mỗi câu được nói (viết) ra thuộc về loại hình sự tình nào thì cần phân xuất được các thành tố tạo nên cấu trúc nghĩa của nó.

Nghĩa sự tình gắn với tên tuổi của Tesnière và Fillmore, khởi xướng từ những năm 50 của thế kỉ XX với kết cấu vị từ, tham tố bắt buộc (diễn tố), tham tố không bắt buộc (chu tố). Danh sách các vai nghĩa tương ứng về sau được nhiều nhà ngôn ngữ học như Chafe, Dixon, Parson... trong đó có S. Dik của trường phái NPCN diễn ngôn tiếp tục bổ sung, hoàn thiện. Các vai nghĩa xuất hiện và biểu đạt sự tình tùy thuộc vào bản chất của chính sự tình đó. Vì thế, theo Dik, “Sự tình có thể chia thành nhiều kiểu khác nhau, tùy vào những thông số phân biệt mà nó có. Theo quan điểm của tôi (*tức Dik - tác giả chú thích*), hai thông số cơ bản là Động (Dynamism) và Chủ ý (Control) [108, tr.48].

#### **1.4.5. Nghĩa tình thái**

Câu được phát ra thể hiện kết quả tri nhận về thế giới khách quan của mỗi người, chính vì vậy mọi phát ngôn dù khách quan nhất vẫn là nhận thức chủ quan của con người và quá trình nhận thức chủ quan của con người đã tạo nên nghĩa tình thái của câu. Nghĩa tình thái là thành phần nghĩa biểu thị thái độ, quan hệ, cách đánh giá của người nói và là thành phần mang tính linh hồn ngữ nghĩa của câu.

Trên thế giới có quan niệm rộng, hẹp khác nhau về nghĩa tình thái. Theo quan niệm hẹp, nghĩa tình thái thường được cho là phần nghĩa phản ánh mối quan hệ, thái độ, ý định của người nói đối với nội dung phát ngôn và hoặc quan hệ giữa nội dung phát ngôn đối với thực tế. Theo quan niệm rộng, tình thái - nói theo Bybee - là “tất cả những gì mà người nói thực hiện cùng với toàn bộ nội dung mệnh đề” [dẫn theo 32, tr.92]. Các nhà nghiên cứu Việt ngữ về cơ bản thống nhất với quan niệm rộng về tình thái.

##### **1.4.5.1. Nghĩa tình thái khách quan**

Có thể hiểu rằng tính chủ quan thể hiện ở vai trò của người nói, còn tính khách quan thì thể hiện ở sự loại trừ vai trò của người nói. Nghĩa tình thái khách quan hay tình thái hướng tác thể, có được do người nói đơn thuần truyền đạt lại hiện thực như nó vốn có. Tuy không hoàn toàn phủ nhận vai trò chủ quan của người nói, nhưng nhóm ý nghĩa này nhằm vào những kiểu quan hệ chung nhất giữa phán đoán với hiện thực; mang tính khách quan, bản thể; có thể kiểm chứng đúng/sai. Nghĩa tình thái khách quan từng được

quan tâm trong logic học nhưng đồng thời cũng là một nhóm nghĩa tình thái trong ngôn ngữ học. Phương tiện chính để thể hiện nghĩa tình thái khách quan là các vị từ tình thái, các phó từ chỉ thời thể, tần suất, chỉ sự phủ định.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, diễn tả khả năng và tất yếu là vấn đề nòng cốt của tình thái, chúng rất phổ biến và truyền thống. Theo đó, nghĩa tình thái khách quan sẽ có các sắc thái: khả năng hiện thực, khả năng phi hiện thực, tất yếu hiện thực, tất yếu phi hiện thực.

#### 1.4.5.2. Nghĩa tình thái chủ quan

Nghĩa tình thái chủ quan biểu thị mối quan hệ giữa người nói với điều được nói đến, loại nghĩa tình thái này được xem là dấu hiệu tự do của phát ngôn. Xét về góc độ tình thái, tình thái chủ quan đa dạng hơn nhiều so với tình thái khách quan, là sự biểu hiện trực tiếp thái độ, tình cảm, cảm xúc chủ quan của người nói với điều được nói tới hoặc với người nghe.

Tổng quan các nghiên cứu về nghĩa tình thái, chúng tôi cho rằng nghĩa tình thái chủ quan có thể tiến hành phân tích theo cách xử lý của Nguyễn Thị Nhung, chia làm hai nhóm: nghĩa tình thái chủ quan biểu thị quan hệ giữa người nói với điều được nói tới trong câu và nghĩa tình thái chủ quan biểu thị quan hệ giữa người nói với người nghe. [58, tr.22]

#### 1.4.6. Ngữ cảnh

Mỗi một câu đều được sản sinh ra trong một bối cảnh nhất định, muốn lĩnh hội được đầy đủ, chính xác câu đó, ta phải đặt nó trong bối cảnh mà nó ra đời, bối cảnh đó được gọi là hoàn cảnh ngôn ngữ hay ngữ cảnh.

Ngữ cảnh chính là một khái niệm cơ bản của dụng học. Nguyễn Quang Ninh (1998) gọi ngữ cảnh là “tình huống giao tiếp” [54]. Theo Đỗ Hữu Châu (2002), ngữ cảnh (situational context, context of situation) là bối cảnh ngoài ngôn ngữ của một phát ngôn hay là những thông tin ngoài ngôn ngữ góp phần tạo nên nghĩa (của phát ngôn). Hiểu theo nghĩa rộng nhất, ngữ cảnh được xác định chính là bối cảnh ngôn ngữ, ở đó diễn ra hoạt động giao tiếp [11,12].

Ngữ cảnh có vai trò quan trọng; vì thế khi tạo câu, người nói (viết) cần chú ý đến ngữ cảnh, đến từng nhân tố trong đó. Đồng thời, muốn lĩnh hội chính xác, thấu đáo một phát ngôn nào đó người nghe (người đọc) cần căn cứ vào ngữ cảnh, gắn với tình huống và diễn biến cụ thể.

Ở chương nghiên cứu về bình diện dụng học của luận án này, chúng tôi tiếp cận và phân tích ngữ cảnh tình huống. Theo đó, ngữ cảnh tình huống mô tả lí do tại sao một điều gì đó đang xảy ra và cách thức điều phối hành động sao cho phù hợp với tình huống đó. Thường được sử dụng liên quan đến giao tiếp, ngữ cảnh tình



huống của lời nói sẽ chi phối các quy tắc giao tiếp xã hội nói chung, các quy tắc đặc thù nói riêng cũng như cách tiếp nhận và giải thuyết thông điệp. Ngữ cảnh tình huống vì thế còn được xem là thước đo cách ứng xử (thông qua câu nói) của từng nhân vật giao tiếp trong tình huống cụ thể đồng thời giúp đánh giá mức độ phù hợp về mặt chuyên tải thông điệp của hình thức cú pháp được lựa chọn.

#### ***1.4.7. Quan hệ liên nhân***

Khi giao tiếp, các nhân vật giao tiếp sẽ xác lập vị thế giao tiếp khác nhau tùy vào nhiều yếu tố xác định như: tuổi tác, chức quyền, nghề nghiệp, trình độ hiểu biết, kinh nghiệm sống, giai cấp, cùng hoặc khác cảnh ngộ, giàu hoặc nghèo, xa hay gần, thân hoặc sơ... Quan hệ liên nhân bao gồm quan hệ theo chiều ngang và quan hệ theo chiều dọc giữa các nhân vật giao tiếp. Theo các nhà ngữ dụng học, quan hệ liên nhân có thể khảo sát trên hai trục: trục ngang, biểu thị quan hệ khoảng cách (distance) hay còn gọi là trục thân hữu, và trục dọc, còn gọi là trục vị thế xã hội hay trục quyền uy (power) [11, tr.17].

Trục quyền lực: khi giao tiếp, các nhân vật giao tiếp sẽ xác lập vị thế giao tiếp cao thấp khác nhau tùy vào địa vị xã hội. Mà địa vị xã hội có thể kiến tạo thông qua các yếu tố như: chức quyền, tuổi tác, nghề nghiệp, trình độ hiểu biết, kinh nghiệm sống... Người ở vị thế giao tiếp cao thường có quyền quyết định nội dung giao tiếp.

Trục khoảng cách: trục này có hai cực là thân tình và xa lạ với những mức độ khác nhau. Khi giao tiếp, các nhân vật giao tiếp có thể gần gũi mà cũng có thể xa cách nhau. Và khoảng cách đó có thể được rút ngắn hay kéo ra xa trong quá trình giao tiếp.

Trong quá trình giao tiếp, quan hệ theo trục thân hữu có thể thay đổi, trục quyền lực thì không. Theo trục thân hữu, các nhân vật giao tiếp có thể gần gũi nhau mà cũng có thể xa cách nhau. Thông thường qua giao tiếp người ta hiểu nhau và rút ngắn khoảng cách (trừ trường hợp từ chối cộng tác, từ chối sự thay đổi khoảng cách). Trên trục quyền lực thì những người giao tiếp khi đã xác định được vị thế xã hội thì sẽ giữ nguyên trong quá trình giao tiếp, và không thể thay đổi qua thương lượng.

Giữa trục quyền lực và trục thân hữu thường có sự tương ứng. Khoảng cách, địa vị xã hội càng lớn thì các nhân vật giao tiếp càng khó gần nhau hơn. Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng vậy.

Việc lựa chọn các yếu tố ngôn ngữ cho phù hợp với quan hệ liên nhân sẽ góp phần thành công trong mỗi cuộc giao tiếp. Qua giao tiếp, người nghe nhận biết được người nói đã xác định quan hệ vị thế và quan hệ thân cận giữa hai người như thế nào. Việc phát ngôn đòi hỏi hai yêu cầu là lời nói phải đúng vai xã hội (tức cương vị của một người, những yêu cầu, những mong đợi của xã hội đối với cương vị đó) và lời

nói phải phù hợp với trình độ của người nghe. Đây là hai yêu cầu cần thiết trong giao tiếp. Chính bởi quan hệ liên nhân chi phối mạnh cách thức giao tiếp cho nên các nhân vật giao tiếp cũng thường thay đổi cách thức hội thoại để thử nghiệm hoặc bày tỏ ý muốn thay đổi quan hệ liên nhân.

Các khái niệm được chúng tôi giới thiệu nêu trên là cách hiểu về những vấn đề lí thuyết được triển khai làm rõ ở các bình diện của CDB trong các chương tiếp theo.

### **1.5. Xác lập cương vị CDB trong cú pháp tiếng Việt**

Như phần tổng quan về tình hình nghiên cứu CDB mà chúng tôi đã trình bày, dù phạm vi nghiên cứu ở nước ngoài hay trong nước thì cho đến nay vẫn tồn tại nhiều vấn đề chưa thống nhất trong quan điểm của các tác giả khác nhau. Chính vì thế, việc xác lập cương vị cho CDB là thao tác lí thuyết quan trọng tạo nền móng cho các công đoạn nghiên cứu tiếp theo của luận án này.

#### ***1.5.1. Tiêu chí xác định một đơn vị là câu***

Tiếng Latin có một tuyên ngôn rằng: “Không có một cái gì trong ngôn ngữ mà lại không có trong câu nói” [Dẫn theo Cao Xuân Hạo, 26; tr.26]. Điều này giúp câu xác lập được một vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống ngôn ngữ. Việc nghiên cứu, tìm hiểu về câu vì thế cũng diễn ra sôi nổi với nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Câu hỏi “Câu là gì?” từ lâu đã là vấn đề ngôn ngữ học thế giới quan tâm kiến giải.

Từ sớm, E. Sapir (1921) đã xác định “Nó là sự thể hiện ngôn ngữ học của mệnh đề. Nó là sự kết hợp một chủ đề của diễn ngôn với một tuyên bố liên quan đến chủ đề này<sup>18</sup>” [171; tr.14]. Cách định nghĩa này thể hiện giá trị của câu trong việc thể hiện nhận định của tư duy về một chủ đề nhất định.

Để đơn giản, bằng các thuộc tính ngữ âm học, nhiều nhà ngôn ngữ đã xem xét câu “là một ngữ đoạn do một người phát ra mà ở phía trước và phía sau đều có một quãng im lặng của người nói đó” [42, tr.25]. Chính đặc điểm quãng im lặng kéo theo sự hợp nhất về hình thức viết hoa đầu câu và các dấu chấm câu biểu thị sự kết thúc trên bề mặt văn bản. Tuy nhiên thực tế dấu hiệu hình thức đơn thuần này không đủ phân lập câu và các dạng thức tồn tại khác trên văn bản, cũng như chưa phản ánh được những đặc điểm bản chất của câu.

Theo L. Bloomfield (1933), trong tiếng Anh và các ngôn ngữ khác, câu có thể được đánh dấu bởi “modulation”<sup>19</sup> [94; tr.170]. Khái niệm “modulation” được *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học đối chiếu* giải thích là “nét điệu tính thể hiện thái độ” [28;

<sup>18</sup> “It is the linguistic expression of a proposition. It combines a subject of discourse with a statement in regard to this subject.” [171, tr.14]

<sup>19</sup> “In English, and many other languages are marked off by modulation, the use of secondary phonemes” [94, tr.170]

tr.154], ở đây, chúng tôi tạm hiểu là ngữ điệu. Theo đó, Bloomfield cho rằng loại đơn vị này không chỉ đánh dấu câu mà còn phân định các loại câu khác nhau.

V. Mathesius (1936) đưa ra quan niệm về tính trọn vẹn: “Câu là phát ngôn tối giản... đứng về phía phương diện chủ quan có tính trọn vẹn” [151; tr.306 - 319]. Trong nhiều bài viết, Mathesius thường nhấn mạnh “tính quy ước” và “thái độ tích cực chủ quan” cùng ý định giao tiếp của người nói thể hiện trong câu, điều này nhấn mạnh chức năng của câu. Về sau, É. Benveniste (1966) [194; tr.151-167] và C. Hagège (1982) tiếp tục nhấn mạnh đặc trưng độc lập cũng như nhiệm vụ ứng dụng của câu [195].

Việc sơ dẫn một vài định nghĩa từ các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học trên thế giới đã chỉ rõ tính cần thiết trong việc nghiên cứu câu từ nhiều bình diện. Nghĩa là, muốn có được câu trả lời thế nào là câu không thể chỉ dừng lại ở việc đánh dấu đơn thuần ở góc độ chức năng hoặc hình thức.

Ở Việt Nam, thảo luận về việc nhận diện như thế nào là câu cũng thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Theo Hoàng Trọng Phiến từ năm 1980 “Về câu tiếng Việt cũng có khoảng 30 định nghĩa” [61, tr.21], cho đến nay, con số đó không ngừng tăng thêm. Có thể dẫn ra một vài khái niệm đại diện về đường hướng của các nhà Việt ngữ học như:

“Câu là đơn vị dùng từ hay đúng hơn, dùng ngữ mà cấu tạo nên trong quá trình tư duy, thông báo; nó có nghĩa hoàn chỉnh, có cấu tạo ngữ pháp và có tính chất độc lập” [6; tr.167].

“Câu là ngôn bản (văn bản) nhỏ nhất” [26; tr.27]. Đồng thời, tác giả Cao Xuân Hạo đã cũng nhấn mạnh “tính trọn vẹn” (*cái ấn tượng về sự trọn vẹn*) và “tính độc lập” của câu.

Thông nhất một định nghĩa chuẩn chỉnh về câu trên cả bình diện lí luận lẫn thủ pháp là điều không dễ dàng, tuy nhiên thông qua hàng loạt giới thuyết của giới nghiên cứu, chúng tôi bước đầu nhận diện được những phương diện chính xoay quanh cấp độ đơn vị này nhằm làm bản lề cho việc xác lập có hay không sự tồn tại của CDB trong cú pháp học.

Theo đó, trước khi nhận diện câu như một đơn vị độc lập, cần xem xét câu trong mối quan hệ với các cấp độ đơn vị nhỏ hơn nó. Dựa trên các thuộc tính ngữ pháp, xếp theo cấp độ từ nhỏ đến lớn, có thể khái quát trong bảng 1.1 sau:

Thuộc tính Đơn vị	Có giá trị khu biệt	Có nghĩa	Có khả năng hoạt động độc lập	Có giá trị thông báo
Âm vị	+	-	-	-
Hình vị	+	+	-	-
Từ	+	+	+	-
Câu	+	+	+	+

*Bảng 1.1. Thuộc tính ngữ pháp của các đơn vị ngôn ngữ*

Như vậy, trong mối quan hệ với âm vị - hình vị - từ thuộc hệ thống ngôn ngữ nói chung thì câu là đơn vị ngữ pháp lớn nhất, có giá trị khu biệt, có nghĩa, có khả năng hoạt động độc lập và có thể diễn đạt một thông báo trọn vẹn.

Từ bảng trên, có thể thấy, khả năng thông báo là tiêu chí quan trọng để phân biệt câu với tất cả các đơn vị còn lại trong hệ thống. *Vì thế, sự khác biệt cơ bản giữa câu với từ và tổ hợp từ là tính thông báo trọn vẹn trong hoạt động nói năng chứ không phải là cấp độ đơn vị hay diện mạo hình thái của nó.* Đặc điểm này rất có giá trị đối với việc nhận diện CDB tiếng Việt.

Với tư cách là “đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất có khả năng truyền đạt thông điệp nhưng là đơn vị lớn nhất được tạo lập trực tiếp bởi các thành tố ngữ pháp và các quan hệ ngữ pháp” [22; tr.68], chúng tôi định hình những tiêu chí xác lập câu như sau:

(1) Về phương diện cấu trúc, câu là phạm vi ngữ pháp lớn nhất của những mối quan hệ ngữ pháp chính danh. Nói cách khác, câu là đơn vị được cấu tạo bằng những thành tố ngữ pháp, nhưng nó không thể làm thành tố ngữ pháp cho một đơn vị nào lớn hơn. Đây là tiêu chí được chúng tôi rút ra theo quan điểm của Cao Xuân Hạo, phát triển từ nền tảng của Bloomfield [94; tr.170] và Lyons [52; tr.172-176].

Tiêu chí này cho phép nhìn nhận câu là kết quả của một hoạt động tạo lập trong giao tiếp, tức là để có câu thì phải trải qua quá trình lựa chọn, xác lập vị trí, liên kết các thành tố cấp thấp trong mối quan hệ ràng buộc về ngữ pháp. Hay nói cách khác, câu là một kết cấu ngữ pháp có cấu tạo hoàn chỉnh, có mối liên hệ với tổng thể mà nó tham gia vào, đồng thời không cần (hoặc không thể) thêm các thành tố khác vào kết cấu này.

(2) Về phương diện chức năng, câu được quan niệm thống nhất như là sự phản ánh của một mệnh đề. Tuy nhiên cần phân biệt sự thể hiện một mệnh đề với “biểu hiện một tư tưởng trọn vẹn” vì tư tưởng trọn vẹn là một cách hiểu rất mơ hồ. Trong hoạt động giao tiếp, thông báo do con người phát ra tất yếu phải là kết quả của một quá trình tư duy và vận hành bộ máy phát âm dựa trên sự chỉ đạo tư duy đó. Vậy nên kết quả phản ánh trong câu tất yếu phải là nội dung mà tư duy muốn chuyển tải. Chức

năng của câu, hiểu theo cách khác, chính là giá trị, là đóng góp của câu trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. Như đã nhấn mạnh ở trên về *tính thông báo trọn vẹn của câu trong hoạt động nói năng*, sự đóng góp của câu mang tính truyền tải thông điệp của người nói một cách tương đối hoàn chỉnh, đây cũng là lí do vì sao câu là đơn vị cấp độ nhỏ nhất mà ba bình diện kết học - nghĩa học - dụng học được biểu hiện đầy đủ.

Tương hợp với quan điểm của Halliday, có thể hiểu đó là sự thể hiện kinh nghiệm (as representation), sự trao đổi (as exchange) trong quan hệ liên nhân hay là thông điệp (as message) trong văn bản (Halliday gọi là cú).

(3) Về phương diện dấu hiệu, hoặc diễn đạt theo cách khác là tính đánh dấu hình thức của câu. Nếu các tiêu chí (1) và (2) tạo ra giá trị cho câu thì tiêu chí này có tác dụng hoàn thiện tính trọn vẹn và độc lập của câu, mà diễn đạt theo Hagège là góp phần tạo nên “cái ấn tượng về sự trọn vẹn mà người bản ngữ thể nghiệm” [195; tr.27]. Sơ khởi của cách hiểu này là quan niệm định vị câu dựa vào các thuộc tính ngữ âm học như ngữ điệu. Không thể phủ nhận vai trò của các khoảng im lặng, khoảng dừng ở cuối câu, lấy hơi khi bắt đầu một câu mới và những biểu thị tương ứng về hình thức của nó trên bề mặt văn bản. Trong quá trình nói, hay viết, sự phân tách câu có ý nghĩa quan trọng để người nói biểu đạt và người nghe tiếp nhận đúng thông điệp. Trong phân tích diễn ngôn, đường hướng nào cũng chú trọng phân tách các cấp độ thành phần diễn ngôn trong đó có câu. Và hiển nhiên, việc tách câu, trừ một số trường hợp do mắc lỗi, thì còn lại đều do dụng ý của người tạo lập. Các tiêu chí của thức cũng là một sự thể hiện khác về phương diện dấu hiệu này, mà qua đó, có thể định dạng mục đích phát ngôn hay biểu cảm của người nói.

Để hoàn thiện bộ tiêu chí nhận diện câu, có thể còn cần những công trình nghiên cứu về cú pháp tiếng Việt, những phương diện nói trên có tính chất tổng hợp từ các định nghĩa của các nhà Việt ngữ học đi trước với mục đích phục vụ cho việc xác định cương vị CDB trong tiếng Việt mà chúng tôi sẽ thực hiện ở phần tiếp theo của luận án.

### **1.5.2. Xác định cương vị câu của CDB**

Dựa vào các tiêu chí xác lập câu, đối chiếu với đặc điểm CDB tiếng Việt, chúng tôi có thể đưa ra những nhận định sau:

#### **(1) CDB thoả mãn tiêu chí cấu trúc của một câu.**

Để thực hiện việc phát tin trong giao tiếp bằng ngôn ngữ, việc mã hoá thông điệp thành tín hiệu là hoạt động thường quy. CDB trong lời nói hay trong văn bản là sản phẩm của việc các ý nghĩa được nhập mã thành ngôn từ. Người nói không thể phát tin nếu thiếu đi sự chi phối của tư duy. Chính vì thế, theo nguyên tắc vận hành

của tư duy, câu là sản phẩm của các liên kết và tạo dựng trong hoạt động nói năng. Theo NPCN, ngôn ngữ được giải thích như là một mạng lưới của những sự lựa chọn, hoặc sự lựa chọn này hoặc sự lựa chọn khác, tùy thuộc vào các thuộc tính của mỗi bối cảnh mà đưa ra hình thái cú pháp tương ứng để truyền đi thông điệp. Thế nên theo chúng tôi, cấu trúc CDB với dạng thức một từ hoặc một cụm từ là sự lựa chọn phù hợp về hình thức của nhân vật giao tiếp trong tình huống cụ thể đó, không thể giải thích hình thức này là một thao tác mắc lỗi hay dạng tồn tại bất thường. Việc không đối ứng với mô hình cú pháp thông thường có thể vì tần suất hoạt động của CDB ít hơn, chỉ được dùng trong những ngữ cảnh phù hợp nên chưa được nhìn nhận đúng mức và khái quát hoá.

Cấu trúc CDB là sản phẩm hoàn chỉnh và khép kín, không cần và cũng không thể bổ sung thêm các thành phần ngữ pháp để trở thành một dạng cấu trúc đầy đủ hơn. Dạng thức biểu đạt trong diễn ngôn cũng là dạng thức duy nhất, không có dạng thức tiền đề nào hay hoạt động tác động nào (như tinh lược và phục hồi, tách thành phần câu và ghép trở lại) để biến đổi dạng thức đó. CDB là sự biểu đạt tối giản, tức ngắn gọn nhất khi diễn đạt nhưng vẫn bao hàm các quan hệ ngữ pháp chính danh và có mô hình riêng của mình. CDB cũng không thể làm thành tố ngữ pháp cho một đơn vị nào lớn hơn. Trong tổng thể văn bản mà nó tham gia vào, CDB đảm bảo tính liên kết và giá trị bộ phận như bất kì câu ở dạng cấu trúc nào.

*(2) CDB thực hiện trọn vẹn chức năng của một câu trong giao tiếp.*

CDB cũng như các loại câu khác là điểm hội tụ của ba kiểu ý nghĩa giải thích cho cảnh huống: chức năng biểu đạt tư tưởng, chức năng liên nhân và chức năng kết cấu ngôn bản. Việc thể hiện trọn vẹn chức năng của một câu không bị hạn chế bởi hình thức cấu trúc và việc có hay không sự tồn tại của đề - thuyết hay chủ - vị. Hay diễn đạt theo Phan Mậu Cảnh là “[...] cấu trúc cú pháp trùng với cấu trúc thông tin. Lượng thông tin quan trọng và cần thiết được thể hiện trong một cấu trúc tinh giản tối đa” [10; tr.17]. Thực tế cho thấy, CDB thoả mãn nhu cầu giao tiếp và truyền đạt thông tin, tùy tình huống mà truyền đạt phán đoán hay biểu cảm, xác lập quan hệ, định vị không thời gian hay các loại giá trị khác. Như vậy, CDB có tính thông báo trọn vẹn, không bị sự chi phối của đặc thù hình thức mà hạn chế năng lực truyền tải. Điểm này cũng chỉ ra sự khác biệt của CDB với “câu què, câu cụt” hoặc các cấp độ đơn vị nhỏ hơn câu, chưa phải là câu.

*(3) CDB là đơn vị cú pháp độc lập được đánh dấu và có thể nhận diện như bất kì loại câu nào.*

Xét về thuộc tính ngữ âm học, CDB khi nói được đánh dấu bởi sự lấy hơi và quãng im lặng khi đi kèm một câu khác. Trong những trường hợp cần phân định mục đích phát ngôn hay chỉ báo lực ngôn trung, CDB được đánh dấu bằng ngữ điệu.

Xét về hình thức chính tả, CDB được mở đầu bằng hình thức viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm câu phù hợp.

CDB cũng như các loại câu khác đều hội đủ các đặc điểm hình thức của một câu, được phân tách rõ ràng ra khỏi các câu khác. Sự đánh dấu dành cho CDB đòi hỏi bất kì ai khi phân tích diễn ngôn cũng phải tính đếm đó là một đơn vị độc lập. Thực chất, tính đánh dấu hay tiêu chí hình thức này là yếu tố đầu tiên thu hút sự quan tâm của các nhà ngôn ngữ học đối với CDB nhưng chúng tôi xếp sau cùng vì không muốn miễn cưỡng xem CDB như một loại câu văn bản đơn thuần.

Từ việc đối chiếu đặc điểm của CDB với tiêu chí xác lập câu, chúng tôi xác định CDB có cương vị là một câu, hay nói cách khác là một đơn vị cú pháp độc lập. Phần mô tả chi tiết các tiêu chí nói trên sẽ được chúng tôi luận giải kĩ lưỡng hơn trong các chương tiếp theo của luận án.

### ***1.5.3. Đề xuất khái niệm CDB tiếng Việt***

#### ***1.5.3.1. Khái niệm CDB***

Một trong những nhiệm vụ mà chúng tôi xác lập cho luận án này là đề xuất khái niệm CDB tiếng Việt.

Với chúng tôi, sự tồn tại của CDB là hiển nhiên, là kết quả của sự lựa chọn cần thiết cái biểu đạt để giao tiếp của chủ thể. Bởi lẽ, không có một hình thức câu sai nào được nhiều người sử dụng, trong một thời gian dài và được văn bản hoá trong nhiều lĩnh vực với những phong cách ngôn ngữ khác nhau như thế. Bản chất của tín hiệu ngôn ngữ là sự quy ước, quy ước hình thành bởi tập quán ngôn ngữ của xã hội. Theo đó, hình thái CDB có thể xuất hiện với tần suất thấp hơn, nhưng đều đặn và liên tục nên cũng cần sự thừa nhận trong khung cú pháp của bất kì ngôn ngữ nào.

Thế nên, việc tìm câu trả lời cho “CDB là gì?” theo chúng tôi nghĩa là trả lời cho phần “là gì” trong câu hỏi về chủ thể CDB, chứ không phải “CDB không phải là...” hoặc “không thể...” như cách mà nhiều nhà ngôn ngữ học đã thực hiện – định nghĩa CDB bằng cách chỉ ra sự bất thường, sự khác biệt hoặc thậm chí là sự vi phạm so với quy chuẩn về câu theo mô hình cú pháp thông thường. Khi khái niệm được xác lập, đồng nghĩa với việc đối tượng trở nên tường minh khi quy chiếu, trở thành một đơn vị cú pháp độc lập trong ngôn ngữ.

Từ khái niệm câu và các tiêu chí nhận diện câu, đặt trong mối quan hệ với các hình thức tương tự, chúng tôi mạnh dạn đề xuất khái niệm:

*CDB là loại câu biểu đạt thông báo bằng hình thức tối thiểu.*

Trước hết, khái niệm này khẳng định CDB là đơn vị ngôn ngữ bậc câu.

Thứ hai, để làm rõ nội dung sự biểu đạt thông báo bằng hình thức tối thiểu, có thể tường giải theo các cách tiếp cận sau:

Theo cách hiểu thứ nhất, hình thức tối thiểu của CDB là dạng thức ngữ pháp do một từ hoặc một tổ hợp từ cấu tạo theo quan hệ ngữ pháp chính phụ hoặc đẳng lập. Các thành tố ngữ pháp – ngữ nghĩa cấu tạo nên CDB mang tính quan yếu và không thể (hoặc không nên) giản lược ở mức nhỏ hơn.

Theo cách hiểu thứ hai – tiếp cận theo quan điểm NPCN diễn ngôn, hình thức tối thiểu của CDB bao gồm quan hệ ngữ pháp giữa hạt nhân và tác tử với mức độ quan yếu được chi phối tùy theo ngữ cảnh tạo tiền đề cho sự xuất hiện của CDB đó.

Cách hiểu này là cơ sở rất quan trọng để chúng tôi nhìn nhận khả năng thông báo và giá trị hình thức của CDB. Thông qua khái niệm này, chúng tôi thực hiện các thao tác khảo sát ngữ liệu nhằm miêu tả CDB ở các nội dung tiếp theo của luận án.

#### 1.5.3.2. Tiêu chí nhận diện CDB

Từ khái niệm CDB được đề xuất ở trên, có thể bóc tách các đặc điểm cần lưu ý đồng thời cũng chính là các tiêu chí nhận diện đâu là CDB trong hàng loạt các câu xuất hiện trong giao tiếp, trong văn bản như sau:

- (1) Có khả năng biểu đạt thông báo trọn vẹn;
- (2) Được kiến tạo từ một vị từ hoặc một kết cấu vị từ mở rộng theo các quan hệ ngữ pháp nhất định;
- (3) Được đánh dấu bằng các thuộc tính hình thức (ngữ điệu hoặc quy cách trình bày trên văn bản).

Có thể phân tích các tiêu chí nhận diện CDB thông qua ví dụ<sup>20</sup> dưới đây:

- *Anh uống ít rượu thôi! Em van anh! – Nàng cầu khẩn trong một lần anh ghé chơi.*

#### **(1)- Tại sao?**

- *Bởi vì em không muốn thấy anh trở thành một kẻ nát rượu. (2)Thảm lắm!*

- *Tương lai không xán lạn được đến thế đâu! Tôi chết trước khi được trở thành một kẻ nát rượu.*

*Nàng tát khế vào miệng anh:*

#### **(3)- Bậy nào! Dừng khí của đàn ông để dưới gót giày rồi sao?**

*Anh cười nhạt:*

<sup>20</sup> Vì đặc thù CDB dễ bị nhầm lẫn sang các đơn vị ngôn ngữ có những điểm tương đồng với nó (đặc biệt là hiện tượng tinh lược), chính vì thế khi trích dẫn CDB, chúng tôi luôn cố gắng trích dẫn ngữ huống bao chứa CDB nhằm tránh những nghị luận về cương vị CDB.



- Em cứ việc giễu cợt. Mười hai móng, đến bây giờ chỉ còn ba. (4) **Sắp đến lượt tôi rồi!**

- Mỗi người mỗi số phận. Những cái chết ấy liên quan gì đến tính mạng của anh cơ chứ?

*Nàng cố trấn an, nhưng trong lòng bỗng run rẩy vì một dự cảm.*

(Võ Thị Hào, *Dây neo trần gian*, tr.70)

Trong trích đoạn trên có thể nhận diện được 4 CDB lần lượt là: “Tại sao?”, “Thảm lắm!”, “Bậy nào!”, “Sắp đến lượt tôi rồi!”.

Xét tiêu chí (1) và (2) ở từng câu nêu trên như sau:

“Tại sao?” là CDB được kiến tạo từ một đại từ nghi vấn, được nhân vật “anh” trong trích đoạn dùng để hỏi nguyên nhân mình phải thực hiện theo lời khuyên nên uống ít rượu của cô gái. Câu hỏi được bật ra rất tự nhiên, logic với ngữ huống và truyền đạt trọn vẹn hành động hỏi trực tiếp của người tham gia giao tiếp.

“Thảm lắm!” là CDB được tạo ra từ một cụm từ có trung tâm là vị từ “thảm” chỉ sự khổ sở đau thương kết hợp với “lắm” thể hiện mức độ được đánh giá là cao. Tổ hợp từ “thảm lắm” vì thế đủ sức để truyền đạt thông tin về trạng thái mà “anh” vạch ra đối với những tưởng tượng của bản thân.

Tương tự như “Thảm lắm”, “Bậy nào!” là CDB được tạo ra từ một cụm từ có trung tâm là “bậy” kết hợp với tiểu từ tình thái “nào”. Hành động bác bỏ được chuyển tải rõ ràng thông qua CDB này. Nhân vật “em” biểu thị ý phủ định dứt khoát, bác bỏ câu thoại mang suy nghĩ tiêu cực, bi lụy của “anh”.

“Sắp đến lượt tôi rồi!” là một thông tin cảnh báo, là dự cảm cho sự ra đi được báo trước của “anh” sau chín lần chứng kiến đồng đội rời bỏ vì di chứng chất độc hoá học, án tử mà chiến tranh đã treo trên tính mạng của họ ngay từ trước khi cuộc chiến kết thúc.

Tất cả bốn câu đều không có quan hệ thuyết giải, không xác lập được các thuộc tính cú pháp theo quan điểm thông thường nhưng đều được thốt ra tự nhiên trong giao tiếp và có đủ khả năng chuyển tải thông tin cho nhân vật giao tiếp một cách trọn vẹn, tường minh.

Xét tiêu chí thứ (3), sự xuất hiện của mỗi câu trong 4 ví dụ nêu trên đều mang tính phù hợp về ngữ đoạn thông tin và vị trí, các câu được phân tách độc lập thông qua thao tác đánh dấu hình thức (?) hoặc (!). Nếu chuyển tải thành âm thanh hiển nhiên phải kèm theo quãng nghỉ và các thuộc tính kèm lời phù hợp. Điều này giúp 4 CDB nói trên được khẳng định tư cách “câu” trên văn bản.

Từ việc phân tích các đặc điểm của CDB, chúng tôi nhận thấy việc nhận diện và bóc tách CDB ra khỏi các câu khác trong diễn ngôn là mang tính khả thi. Và các

CĐB đang thực hiện chức năng giao tiếp của mình một cách hiệu quả, đồng thời khẳng định tính thoả đáng cho sự tồn tại của nó ở ngữ cảnh mà nó tham gia vào.

#### **1.5.4. Phân định CĐB với những hình thức tương tự**

##### *1.5.4.1. CĐB không phải là kết quả của hiện tượng tỉnh lược*

Câu tỉnh lược hay câu rút gọn là cách gọi tên các biến thể của câu đầy đủ thành phần. Trong giao tiếp, vì những lí do nhất định, một số thành phần câu bị ẩn đi tạo ra những dạng cấu trúc chỉ còn một thành phần hiển thị trên bề mặt cấu trúc. Phần hiển thị này là phần báo, mang thông tin mới hoặc thông tin quan trọng, tức chỉ có phần biểu đạt phán đoán cần thiết hiện hữu. Cũng vì lí do nói trên mà câu tỉnh lược hay câu rút gọn luôn tồn tại trong mối quan hệ với ngữ cảnh, không thể tách rời các thành phần bị lược đi dù nó không hiển thị trong giao tiếp. Có thể xét trong ví dụ sau:

*Sp1: Chiều nay An có học không?*

*Sp2: Có.*

*Sp1: Học cơ sở nào?*

*Sp2: Lê Duẩn.*

*Sp1: Vậy tụi mình đi chung xe nhé.*

Vì luôn tồn tại trong mối quan hệ với các thành tố ngữ pháp bị ẩn nên chúng ta cũng dễ dàng phục hồi lại các thành phần bị rút gọn. Câu “Có” trên văn bản có thể diễn đạt đầy đủ là “Chiều nay mình có học”, tương tự như vậy là “Bạn học cơ sở nào?” hay “Mình học ở Lê Duẩn.”

Câu tỉnh lược hay câu rút gọn là một cách gọi hình thức tồn tại trên văn bản của một loại câu khác với CĐB, hay nói chính xác hơn đó là biến thể của câu thông thường. Tỉnh lược không phải là cách thức tạo ra CĐB. Thêm vào đó, việc xem xét các CĐB có phải là kết quả của hoạt động tỉnh lược cú pháp hay không sẽ trở nên không cần thiết khi quy chiếu với quan điểm Dik từng tuyên bố: NPCN không thực hiện cải biến cú pháp, tôn trọng hình thức giao tiếp hơn là việc áp đặt các quy tắc để phán xét hình thức. Vậy nên, chúng tôi cho rằng, khi một đơn vị cú pháp có khả năng tồn tại độc lập và biểu đạt trọn vẹn thông báo trong hoàn cảnh nhất định, đó là một câu. CĐB nên được xem xét là một tên gọi trong phân loại hơn là việc nó được tạo ra theo cách nào.

##### *1.5.4.2. CĐB là đối tượng nghiên cứu khác với câu tồn tại*

Không ít nhà nghiên cứu như Nguyễn Kim Thản (1963), Lê Xuân Thai (1969), Hồ Lê (1992), Hữu Quỳnh (1995)... cho câu tồn tại thuộc CĐB hay câu đơn phần. Chính Diệp Quang Ban, tác giả từng nghiên cứu câu tồn tại với tư cách đối tượng nghiên cứu độc lập cũng xác định: “câu mang ý nghĩa tồn tại có khả năng xuất hiện trong tất cả các khuôn hình có thể có ở các kiểu câu đơn tiếng Việt” [2; tr.36]. Không

thể phủ nhận việc câu tồn tại có khuôn hình riêng, nhưng câu tồn tại hay câu mang ý nghĩa tồn tại thực chất là sự tiếp cận câu trên bình diện nghĩa “được xây dựng trên cơ sở hai cách hiểu với hai mức độ khái quát về nội dung ý nghĩa tồn tại” [2; tr.48]. Điều này đồng nghĩa với việc có những CDB mang ý nghĩa tồn tại, và cũng có những câu mang ý nghĩa tồn tại có cấu trúc thuộc các mô hình câu khác.

Ở nội dung này, chúng tôi đồng tình với quan điểm của Nguyễn Văn Hiệp, cho CDB “là kiểu câu không thể phân tích theo cấu trúc cú pháp cơ bản như những câu bình thường khác” [32; tr.270] còn “câu tồn tại cũng cần được phân tích như các câu SVO khác trong tiếng Việt” [8; tr.331], tác giả Nguyễn Văn Hiệp đã vạch ra ranh giới rõ ràng để phân định CDB và câu tồn tại đồng thời chứng minh qua ví dụ: “Trên bàn đặt một lọ hoa.”<sup>21</sup>

Được phân tích về phương diện ngữ nghĩa như sau:

Trên bàn	đặt	một lọ hoa
vai vị trí	vị từ tồn tại	chủ thể tồn tại

Được phân tích về phương diện cú pháp như sau:

Trên bàn	đặt	một lọ hoa
chủ ngữ	vị ngữ	bổ ngữ

Việc phân tích mô hình câu tồn tại nêu trên đã vạch một ranh giới khá rõ ràng giữa CDB và câu tồn tại.

#### 1.5.4.3. CDB không phải là câu dưới bậc hay ngữ trực thuộc

Câu dưới bậc hay ngữ trực thuộc là những hình thức tồn tại trên văn bản với dấu hiệu hình thức của một câu. Nói như vậy đồng nghĩa với việc, ngoài sự phân định bằng các thủ pháp hình thức thì câu tách biệt hay ngữ trực thuộc đều chưa thoả mãn dấu hiệu hình thức hay biểu đạt chức năng nghĩa của một câu. Câu tách biệt, ngữ trực thuộc luôn luôn tồn tại trong mối quan hệ cộng sinh với một hoặc một vài câu đi trước hoặc đi sau nó. Đây là kết quả của thao tác phân tách thành phần câu nhằm những mục đích như nhấn mạnh nghĩa hoặc định vị không - thời gian cho một ngữ hướng cụ thể.

Có thể nhận thấy chức năng đó trong các ví dụ sau:

*“Sáng hôm sau. Hấn thức dậy trên cái giường nhà hấn. Hấn thấy mình mảy đau như dằm, đầu nặng, miệng khô và đắng. Cổ thì ráo và rát cháy. Hấn đưa tay với ấm nước ở trên bàn để uống. Ấm nước đầy và nước hầy còn ấm. Đó là sự ý tứ của Từ. Hộ hiểu thế, và lòng buồn nao nao. Bởi hấn lò mò nhớ ra rằng: hình như đêm qua hấn say rượu, đi la cà chán rồi về, lại gây sự với Từ; hình như hấn lại đánh cả*

<sup>21</sup> Xin đọc thêm Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

*Từ, đuổi Từ đi, rồi mới đóng cửa lại và đi ngủ... Hẳn đột nhiên hoảng sợ, nhồm dậm, mắt nhón nhác tìm Từ...*

(Nam Cao, *Đời thừa*)

*“Lam gặt. Và nhìn.”*

(Nguyễn Thị Thu Huệ, *Lãng quên phiên muộn*)

“Sáng hôm sau” thực chất là trạng ngữ chỉ thời gian định vị cho hàng loạt mô tả được nêu ra trong các câu tiếp theo nó. “Và nhìn” là hoạt động được bổ sung cho hành động của nhân vật Lan nêu ra trong câu đi trước.

Trong khi đó, CDB không thực hiện chức năng làm thành tổ ngữ pháp cho đơn vị lớn hơn nó, và cũng không bị lệ thuộc ngữ cảnh như nhóm đơn vị này.

#### *1.5.4.4. CDB không phải là kết quả của thao tác đảo thành phần câu*

Không ít trường hợp, vì mục đích nhấn mạnh hay biểu cảm mà các thành phần câu được hoán đổi vị trí tạo ra những câu có vị ngữ hay phần thuyết đứng trước chủ ngữ hay phần đề của nó. Điều này gây nhầm lẫn câu ít nhất hai thành phần sang dạng kết cấu cụm từ của CDB. Có thể minh họa cho thao tác này bằng các ví dụ sau:

*“Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều”*

(Tố Hữu, *Lên Tây Bắc*)

*“Trong xanh ánh mắt*

*Trong vắt nhãn lồng”*

(Trần Kim Dững, *Hương nhãn*)

Hiện tượng đảo vị trí của các thành phần câu không làm mất đi quan hệ cú pháp vốn có của câu, sự thay đổi này chỉ mang dụng ý nghệ thuật, làm tăng tính gợi hình và truyền cảm cho diễn đạt. Vậy nên, những câu có hiện tượng này vẫn có thể xác lập các thành phần câu theo cấu trúc chủ - vị hoặc đề - thuyết. Điều đó cũng chỉ ra sự khác biệt rõ rệt giữa hiện tượng đảo vị trí trong câu với dạng thức CDB.

## Tiểu kết

Với mục đích tìm hiểu về CDB, chúng tôi đã trình bày tổng quan vấn đề nghiên cứu. Những nghiên cứu về CDB ở nước ngoài và trong nước giúp chúng tôi có cái nhìn đa chiều về CDB, từ đó định hình một cách rõ ràng về đối tượng nghiên cứu cũng như các nhiệm vụ cụ thể mà luận án cần phải giải quyết.

Từ phần nội dung tổng quan, chúng tôi có thể khẳng định rằng, chưa có công trình nào nghiên cứu về CDB tiếng Việt với tư cách là đối tượng riêng biệt và toàn diện. Hầu hết các công trình có đề cập đến CDB đều tập trung vào việc chỉ ra những điểm bất thường (chủ yếu ở mặt cấu trúc) của CDB và ít nhiều có sự phân lập CDB với các kiểu loại câu khác. Chính vì thế dẫn đến những vướng mắc nhất định còn bỏ ngỏ trong việc giới thuyết về loại câu này. Theo chúng tôi, việc nghiên cứu CDB tiếng Việt là cấp thiết và hữu ích nhằm miêu tả một cách đầy đủ về loại câu này, góp phần hoàn thiện hệ thống lí luận cú pháp tiếng Việt hiện đại. Dĩ nhiên, định hướng của luận án không phải là xây dựng một quan điểm mới hay định ra khung lí thuyết mới về CDB, mà mục đích của chúng tôi là vận dụng quan điểm NPCN nhằm lí giải sự tồn tại thoả đáng của CDB từ đó miêu tả các bình diện của loại câu này sao cho trọn vẹn và tường minh.

Khung lí thuyết vận dụng cho việc nghiên cứu CDB tiếng Việt trình bày trong luận án này được xây dựng từ quan điểm NPCN diễn ngôn trên tinh thần kế thừa những cập nhật phân tích ngữ nghĩa hiện đại, với quan điểm đã được Nuyts (2001) phát biểu: “lấy phạm trù ngữ nghĩa làm điểm xuất phát mà tìm xem những biểu hiện ngôn ngữ học của nó”<sup>22</sup> (dẫn theo Nguyễn Văn Hiệp [32; tr.325]). Cách tiếp cận này, theo chúng tôi, là hiện đại và có khả năng mô tả tương đối toàn diện về CDB theo đúng nhiệm vụ nghiên cứu mà luận án này vạch ra.

Trong chương này, chúng tôi cũng đã phân tích các tiêu chí nhận diện câu đề đề xuất khái niệm *CDB là sự biểu đạt thông báo bằng hình thức tối thiểu* với những kiến giải cũng như minh hoạ cụ thể. Cách hiểu trên là cơ sở để chúng tôi nhận diện và thống kê CDB làm nền tảng cho việc phân tích ba bình diện nghiên cứu câu theo quan điểm NPCN diễn ngôn.

Từ định hướng giải quyết vấn đề nghiên cứu theo khung lí thuyết NPCN diễn ngôn, chúng tôi cũng đã giới thuyết cách hiểu về các khái niệm công cụ cần có cho việc phân tích từng bình diện của CDB.

---

<sup>22</sup> “taking the semantic category as its starting point, it looks into the range of its linguistic manifestation” (Nuyts 2001, xvi) [32; tr.325]

## CHƯƠNG 2. BÌNH DIỆN KẾT HỌC CỦA CÂU ĐẶC BIỆT TIẾNG VIỆT

Bình diện kết học quan tâm đến cấu trúc hình thức hay nói cách khác là mối quan hệ giữa các tín hiệu trong giao tiếp. Ở bình diện này, chúng tôi đặt ra nhiệm vụ phân tích cấu trúc cú pháp và phân loại các dạng thức tồn tại của CDB tiếng Việt.

### 2.1. Áp dụng quan điểm của NPCN diễn ngôn vào việc phân tích cấu trúc CDB tiếng Việt

#### 2.1.1. Phân tích CDB theo cấu trúc lớp (layers)

Theo bình diện kết học, câu được xét có cấu tạo như thế nào, tức là phân tích các thành phần cấu trúc, giúp xác định phối cảnh biểu đạt của câu, từ đó chỉ ra sự khác biệt về hình thức của các loại câu. Xuất phát điểm của khái niệm CDB trong tiếng Việt hay Fragment trong tiếng Anh là sự bất thường về mặt cấu trúc. Như chúng tôi đã phân tích ở chương 1, CDB là loại câu không thể phân tích thành các nhóm thành phần và quan hệ thuyết giải như các kiểu câu “bình thường” khác. Trong lịch sử nghiên cứu về CDB, dù các nhà nghiên cứu xem xét từ góc độ cấu trúc chủ - vị hay đề thuyết thì bình diện kết học của loại câu này cũng chưa thể lí giải theo khung mẫu của cấu trúc thông thường. Như vậy, lí thuyết về cấu trúc lớp do S.Dik và các cộng sự thuộc trường phái NPCN diễn ngôn là bộ khung phù hợp để giải mã điểm vướng mắc ở bình diện này của CDB.

Về cơ bản, có thể thấy quy trình phân rã các lớp cấu trúc của một mô hình ngữ pháp nhất định liên quan đến 3 khái niệm: *hạt nhân (the nucleus)* – *các tác tử (operators)* và có thể có thêm *chu tố/vệ tinh (satellites)*. Trong đó, cấu trúc cú pháp của CDB được kiến tạo từ hạt nhân và một hoặc một số tác tử.

#### 2.1.2. Xác định hạt nhân (the nucleus) trong CDB

Từ khái niệm “the nucleus” trong lí thuyết về cấu trúc lớp của NPCN diễn ngôn, chúng tôi phóng chiếu quan điểm của các lí thuyết tương tự để xác định đâu là hạt nhân của CDB. Với cách hiểu những gì xuất hiện trên bề mặt câu là bởi vì đó là thành tố bắt buộc và có giá trị chuyển tải nghĩa của câu cũng như thông điệp của người tham gia giao tiếp, hạt nhân được xác định chức năng chính là miêu tả nghĩa của câu.

Như vậy có thể hiểu, *hạt nhân là lớp trong cùng của kết cấu CDB, đồng thời là trung tâm của các quan hệ ngữ pháp trong CDB*. Tùy thuộc vào thực tế mà hạt nhân có thể tồn tại độc lập ở dạng khung vị từ cơ bản hoặc kết nối với các tác tử để tạo nên khung vị ngữ mở rộng.

Trong mối quan hệ với bình diện nghĩa học, hạt nhân ngữ pháp này đồng thời là trung tâm chuyển tải nghĩa sự tình của CDB. Hiển nhiên, chức năng chuyển tải nghĩa sự tình của hạt nhân trong CDB được xác định trên đa số CDB, với cách hiểu “đa số” trên cả số lượng câu lẫn phân loại kiểu câu thuộc phạm vi ngữ liệu của luận

án. Trong đó, các loại CDB có hạt nhân là thán từ sẽ có những nội dung biểu hiện nghĩa mang tính đặc thù<sup>23</sup>.

Thành tố hạt nhân hoặc trung tâm trong kết cấu CDB tạo ra các liên kết ngữ pháp với các loại tác tử nhất định cần có hoặc nên có theo sự đòi hỏi hoàn cảnh giao tiếp (sẽ được nhắc đến ở mục sau). Trong CDB, trung tâm này có thể được tạo lập từ một từ hoặc một cụm từ cấu tạo theo quan hệ ngữ pháp chính phụ hoặc đẳng lập.

Hạt nhân trong CDB tiếng Việt có thể tồn tại ở những dạng thức khác nhau, có thể là một vị từ, một kết cấu vị ngữ.

(5) – Ông... bà... giữ... lấy... nó... cho... tôi!

- Có thả nó cũng không chạy được, mau lên!

Bà ấy vẫn chạy. Bà ấy vẫn kêu. Bà ấy vẫn thờ.

**Thảm quá!**

Vòng người đứng giãn ra. Bà ấy đến. Hồn hên thờ cũng chẳng được:

- Phải, nó đây rồi.

(Nguyễn Công Hoan, *Thằng ăn cắp*, tr.63)

(6) Ông đại biểu cho dân hàm hàm nét mặt:

- Mà không ăn thừa cơm chó phải không?

Bà Nghị nói con tam bành:

- Mẹ mà dạy mà thế đấy chứ? Con ranh con! Ở đây với bà mà mà cứ giữ cái thói khoảnh ấy, thì bà dần từng cái xương. Này, bà bảo cho mà biết: mà ăn cơm chó nhà bà cũng chưa đáng đâu. Con chó nhà bà còn được mấy chục, con người như mà, bà chỉ mua có một đồng đấy thôi. **Đừng khoảnh với bà!**

(Ngô Tất Tố, *Phần I- A. Tiểu thuyết xã hội Tất đền*, tr.120)

Ở ví dụ (5), hạt nhân chính là vị từ “thảm”, nhưng ở ví dụ (6), hạt nhân là kết cấu “khoảnh với bà”.

Tuỳ theo CDB mà hạt nhân có thể là một trong hai thành tố ngữ pháp quan trọng, tồn tại trong mối quan hệ với một hoặc một số vị từ. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp khác, bản thân hạt nhân có thể đứng độc lập, khi đó ranh giới hạt nhân trùng với ranh giới của chính CDB đó.

(7) ...Mà cơ khổ chứ! Lang Rận lại là một anh chàng béo lẻo. Thấy họ cười họ nói, anh chàng cứ như thấy cao hứng thế nào. Anh không tài nào nhịn được. Anh cười, anh gật gù, rồi anh lân la chỗ mồm vào. **Tội nghiệp!** Mẹ anh chết từ ngày anh mới biết lấm dẫm chạy đi. Anh lấy liền tiếp ba đời vợ, nhưng vợ nào cũng chê anh. Cuối cùng thì anh bực chí, quẩy đôi bò thuốc ra đi. Anh đi khắp đó đây, tìm một nỗi

<sup>23</sup> Nội dung này sẽ được luận án làm rõ trong chương 3.

*an ủi, nhưng chưa bao giờ gặp. Bởi thế mà anh chàng thấy đàn bà là cứ y như mèo thấy mỡ. Họ hút anh như đá nam châm. Anh rất thích được ngồi với họ, nghe họ nói họ cười, được góp với họ một vài câu nói của anh. Chỉ thế thôi, chứ anh cũng chẳng dám ao ước gì hơn...*

(Nam Cao, *Lang Rận*, tr.135)

(8) *Người ta nâng đều tay để xuống thêm và ra ngõ. Người ta đặt trên đòn, úp mái vào, thấp nển, thấp hương, rồi buộc lại bốn chiếc mảnh bốn bên cho chắc chắn.*

*- Ôi mẹ ơi là mẹ ơi, rồi đây một ngày một xa, biết bao giờ cho mẹ con ta lại gặp nhau! **Ôi giời cao đất dày ơi!** Giường cao chiếu sạch mẹ chẳng nằm, mẹ ra nằm ngoài giữa đồng, mẹ ơi là mẹ ơi!*

(Nguyễn Công Hoan, *Người thứ ba*, tr.248)

(9) *Hắn làm thì cật lực mà quanh năm vẫn nghèo rớt mùng tơi; chỉ vì một miếng cũng không giữ được mà ăn; đĩa nào nó vớ được nó cũng xoay, mà đĩa nào xoay cũng chịu. Sau cùng bực quá, hắn ra đi lính. **Lại càng thêm tội!** Không bực còn được vợ, tuy rằng thỉnh thoảng có bị sây sót ra ngoài, nhưng vẫn là vợ mình. Bực thì hoá ra mất vợ.[...]*

(Nam Cao, *Chí Phèo*, tr.213)

Ở ví dụ (7), CDB được tạo ra từ chính hạt nhân là vị từ “tội nghiệp”. Tương tự như vậy, “**Ôi giời cao đất dày ơi**”(8) là CDB thán từ trùng với chính hạt nhân tạo ra nó. Khác với ví dụ (7) và (8), CDB “**Lại càng thêm tội**” được tạo ra từ kết cấu hạt nhân “**thêm tội**” và hai tác tử.

Trong cấu tạo CDB, hạt nhân là thành tố đương nhiên, CDB có ranh giới trùng với chính hạt nhân của nó là CDB ở dạng thức tối giản nhất về cấu trúc. Tuy theo ngữ cảnh mà hạt nhân sẽ tồn tại độc lập hay kết hợp với tác tử. Số lượng và vị trí tác tử ở mỗi câu tùy thuộc vào nhu cầu kiến tạo vai nghĩa của hạt nhân, được quy định bởi những thành tố cụ thể của hoàn cảnh giao tiếp và lượng thông tin cần thiết người giao tiếp cần truyền tải.

### **2.1.3. Xác định tác tử (operator) trong CDB**

Từ khái niệm tác tử trong lí thuyết NPCN diễn ngôn của Dik với bốn nhóm tác tử đã nêu ở chương 1: p1 (các tác tử vị từ), p2 (các tác tử vị ngữ hoá), p3 (các tác tử mệnh đề), p4 (các tác tử ngôn trung), khi vận dụng vào đối tượng nghiên cứu là CDB, sự xuất hiện của các tác tử cũng có những biểu đạt mang tính đặc thù so với các loại câu khác, chẳng hạn, nhóm tác tử p1 – p2 ít có phân biệt rạch ròi vai trò trong CDB, hoặc hiểu theo cách khác, p1 chính là hạt nhân vị từ còn p2 chính là tác tử mở rộng khung vị từ, có giá trị vị ngữ hoá vị từ hạt nhân, các tác tử p3 và p4 gần như đều có tầm tác động đối với khung vị ngữ chứ không phải là mệnh đề (vì CDB không xác



định được mệnh đề). Bên cạnh đó, các tác tử trong CDB tiếng Việt không những rất khó phân định rạch ròi ở vai tác tử nào mà còn đồng thời đảm nhận nhiều chức năng trong câu.

Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, CDB lại có những đặc thù về hình thái, vậy nên khi vận dụng các khái niệm tác tử nêu trên vào nghiên cứu cấu trúc CDB tiếng Việt, phải lưu ý đến thứ tự của quá trình phân rã sao cho đảm bảo đặc trưng cấu trúc của loại câu này cũng như tránh làm đứt gãy liên kết thông báo của tiêu điểm thông tin, đồng thời nhất thiết xây dựng lại cách hiểu về tác tử trong kết cấu CDB nhằm đảm bảo việc phân tích bình diện kết học hiệu quả.

Theo chúng tôi, có thể định nghĩa khái niệm tác tử trong cấu trúc cú pháp CDB như sau: *Tác tử là thành tố ngữ pháp tạo nên kết cấu hạt nhân mở rộng của CDB.*

Tác tử đồng thời bổ sung các giá trị cho hạt nhân, góp phần hoàn thiện chức năng nghĩa học và dụng học trong CDB.

Việc xác lập tác tử trong tiếng Việt theo như Nguyễn Văn Hiệp từng chỉ ra là cần lưu ý đến hai phương thức: dùng trật tự từ và dùng giới từ<sup>24</sup>.

Khi áp dụng quan niệm tác tử nói chung và khái niệm mà chúng tôi vừa xây dựng vào phân tích CDB, chúng tôi nhận thấy có các dạng biểu hiện và tầm tác động đối với hạt nhân nói riêng và cấu trúc CDB không giống nhau. Có thể minh họa việc xác định các nhóm tác tử trong CDB tiếng Việt bằng ví dụ sau:

(10) *Trời dẫm swong, Chinh ngồi vào chỗ của anh. Bàn tay Chinh đặt lên vai tôi nặng và ấm.*

- *Con chim xanh có hay là không có?*

- *Rồi em sẽ biết. Khi ngọn núi này được san bằng đi...*

- *Vậy còn những thân cây kia?*

- ***Tất nhiên là sẽ chặt.***

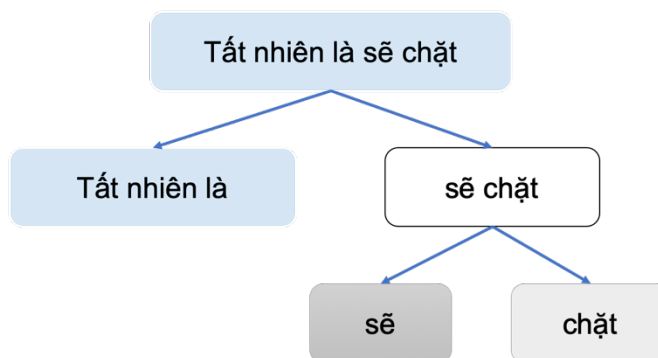
- *Vậy còn những linh hồn kia?*

*Chinh liếc một ánh mắt rất nhanh về phía tôi. Hoảng hốt.*

(Dương Giao Linh, *Tiếng hát của con chim xanh*, tr.223)

Trong kết cấu của CDB “Tất nhiên là sẽ chặt”, chúng ta có thể thấy rõ “chặt” là hạt nhân, “sẽ” đóng vai trò “p2” còn “tất nhiên là” thuộc p3. P2 liên kết với hạt nhân, còn p3 tác động toàn khung vị từ hạt nhân mở rộng “sẽ chặt”.

<sup>24</sup> Theo phân tích của Nguyễn Văn Hiệp (2021), *Xác lập cơ sở lý thuyết cho việc biên soạn cú pháp tiếng Việt*, tác giả chỉ ra ba phương thức đánh dấu vai nghĩa là “dùng trật tự từ, dùng biến tố, dùng giới từ” [35; tr.228]. Tuy nhiên, phương thức dùng biến tố chỉ xuất hiện ở các ngôn ngữ biến hình nên chúng tôi không nhắc đến ở nội dung này.



Ở ví dụ (11) dưới đây, tầm tác động của các tác tử lại khác ví dụ (10).

(11) *Nghĩ thế nên tôi có động lực để từ bỏ ý nghĩ sẽ không gặp Hiền. Hơn giờ đồng hồ nữa là xe về tới bến. Tay lơ xe nói và đưa cho tôi chai nước kèm chiếc khăn lạnh.*

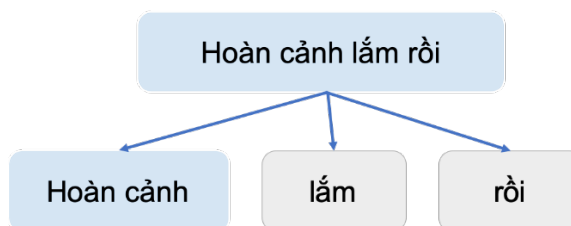
- *Không được lấy thêm tiền đâu đấy... - Tôi nói.*

*Gã liếc mắt trêu tôi:*

- ***Hoàn cảnh lắm rồi.***

*Gã nói và đưa cho tôi tờ năm trăm ngàn đồng.*

(Hoàng Lâm, *Về đêm*, tr.143)



Các tác tử “lắm”, “rồi” đều tác động như nhau (về giá trị ngữ pháp) đến trung tâm ngữ pháp: “hoàn cảnh”, có thể xác định hai tác tử này đồng thời thuộc nhóm p3.

Ở một hình thái khác, tác tử trong ví dụ sau đây có tầm tác động đến khung hạt nhân không đơn thuần ở bình diện quan hệ hình tuyến mà phân hoá thành các lớp quan hệ khá phức tạp:

(12) *Lời nói khí khái đó làm chúng tôi ngạc nhiên. Người đàn ông lại hỏi:*

- *Thầy có thuốc lào cho tôi xin...*

- *Có. Nhưng mà không có điều.*

- *Điều đây.*

*Tôi nghe thấy anh ta sờ soạng trong bóng tối. Chúng tôi nhích lại gần. Tôi cho tay vào túi lấy thuốc, rồi nói với bạn tôi một câu bằng tiếng Pháp:*

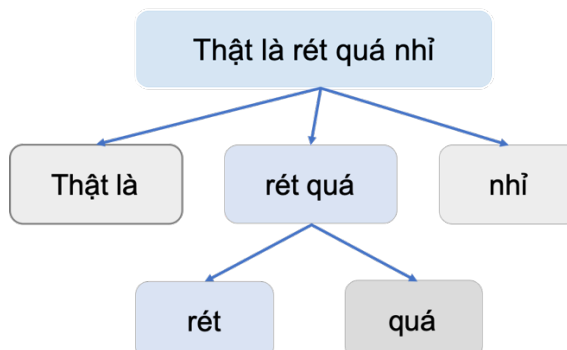
- ***Thật là rét quá nhỉ.***

Tức thì người đàn ông trả lời:

- Vàng, rét thật.

(Thạch Lam, *Người lính cũ*, tr.188)

Dưới đây là sơ đồ tác động của các tác tử:



Trong sơ đồ nêu trên, “rét quá” đóng vai trò là hạt nhân, quá là tác tử p1 tác động trực tiếp đến vị từ “rét”, đây được xem là lớp thứ nhất. Lớp thứ hai với sự tham gia của các tác tử “Thật là” và “nhỉ” đóng vai trò là tác tử p3 và p4.

Điều đáng chú ý là, sự phân rã cho thấy tác tử không phải là yếu tố bắt buộc, tức có thể khuyết hoàn toàn các vị trí tác tử như các ví dụ sau:

(13) *Mấy hôm nay, nhờ trời, dân Việt Nam ta không phải phàn nàn rằng nước ta kém nực. **Góm ghiếc!** Nóng đâu lại có nóng thế! Làm cho đất trắng xoá, nẻ kẽ, lá cây gục lả như sắp chết khát. Thỉnh thoảng, trận gió tây nổi lên, hắt hơi lửa vào mặt. Buổi tối thì im gió, nên khí nóng cứ lẩn quất một nơi. Quạt đến rã cánh tay, chẳng qua chỉ đổi hơi bức chỗ này lấy hơi bức chỗ khác.*

(Nguyễn Công Hoan, *Phàn! Phạch*, tr.128)

(14) *Chiến tranh là tội ác. Chính nó đã cướp đi tất cả của những người lính. **Khát vọng. Tình yêu và cuộc sống.** Và cả bây giờ khi chiến tranh đã lùi xa chúng tôi mấy chục năm rồi sao? Khi giờ đây chúng tôi đã được yêu, được ngồi bên nhau dưới trời đêm yên bình và tĩnh lặng này...*

(Dương Giao Linh, *Tiếng hót của con chim xanh*, tr.218)

Như vậy có thể thấy, trong CDB tiếng Việt, tác tử có thể xuất hiện ở những vị trí khác nhau (trên quan hệ ngang), trước hoặc sau vị trí của hạt nhân, đồng thời tầm tác động của tác tử cũng không giống nhau, biểu đạt các chức năng nghĩa linh hoạt trong từng câu. Sự biểu đạt chức năng của tác tử có thể mang tính kết hợp, được hiểu là một tác tử đồng thời đảm nhận được vai trò của p3 và p4 (theo quy ước của NPCN diễn ngôn). Đây là yếu tố góp phần làm cô đúc cấu trúc nhưng không giảm thiểu tính tinh tế về nghĩa và hiệu quả tương tác của CDB tiếng Việt.

### 2.1.4. Cách thức phân xuất cấu trúc CDB tiếng Việt

Dựa trên khung lí thuyết của NPCN diễn ngôn và việc xác lập cách hiểu về các khái niệm hạt nhân - tác tử trong CDB tiếng Việt, luận án áp dụng phân tích các CDB trong phạm vi ngữ liệu khảo sát được, từ đó chỉ ra các dạng cấu trúc CDB tiếng Việt. Việc xác lập các dạng thức cấu trúc của CDB là một thao tác quan trọng giúp chúng tôi khẳng định một lần nữa tư cách câu của CDB từ đó đi đến những đúc kết về đặc điểm cú pháp của loại câu này trên bình diện kết học. Chính vì thế, khi tiến hành thao tác này, chúng tôi đã cẩn trọng xác định hạt nhân của CDB, có thể xem như nòng cốt trong các kết cấu câu thông thường. Sau khi xác định được hạt nhân, tác tử được tính đếm theo vị trí xuất hiện bao quanh hạt nhân với nguyên tắc định lượng và tính hình tuyến của ngôn ngữ. Việc xác định tác tử được tiến hành trong mối quan hệ chặt chẽ với hạt nhân để phác hoạ hình thái cấu trúc lớp, tránh việc xác định tác tử theo chiều ngang hoặc tính đếm cơ học đơn thuần làm bỏ sót tính chất phân lớp của cấu trúc CDB.

Vậy nên, thao tác xác định cấu trúc vừa thủ công và cụ thể trên từng đơn vị câu, thông qua đó đi đến mục đích trừu tượng hoá kiểu cấu trúc của CDB nói chung. Quy trình phân rã cấu trúc CDB với hai thao tác chính có thể minh hoạ trong ví dụ sau đây:

(15) *A Thao tránh cho khỏi khỏi vào mắt, đáp:*

- *Mé đừng, để con thi đua. Thế cái ấy mé cất đâu?*

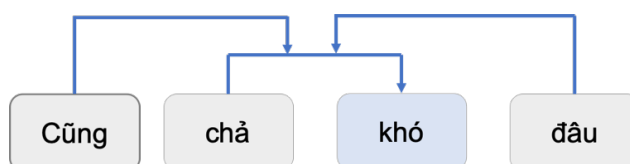
- *Tao vặn xoắn lại, vớt mẹ nó xuống suối. Nó chả tìm thấy được.*

*Nói đoạn bà đắc chí, vừa cười vừa đứng dậy, đi lau lưỡi dao dính nhựa bừa vào cái giẻ:*

- ***Cũng chả khó đâu.*** *Tao tưởng thế nào, chứ như thế thì phụ lão cũng làm nên.*

*Tao còn chặt gãy thêm ba cái cột, rồi lấy bừa mài, tao mới sang Quảng.*

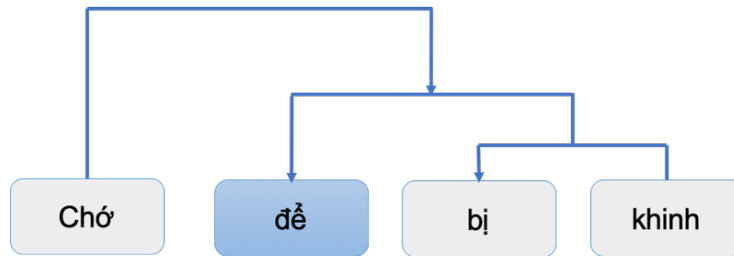
(Nguyễn Công Hoan, *Hai mẹ con*, tr.258)



(16) *Và có điều đáng để ý là báo nào cũng gọi việc vua Xiêm sang đây là một chỗ “rẽ ngọt”. Những tờ báo hoàng thì đăng: Một cái hân hạnh đặc biệt cho bình dân Việt Nam: Cả vua Xiêm, nhân dịp, thân hành sang chơi với ta! Hai nước Xiêm - Việt từ nay bắt tay nhau trên đường tiến bộ! Duy có một tờ báo phản đối thì in lên*

trang nhất những câu xa xôi như thế này: *Tốt khoe ra, xấu xa đậy lại! **Chớ để bị khinh!***

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, tr.433)



Ở ví dụ (15) thông qua việc xác định vị từ cốt lõi là “khó” kết hợp với tác tử p2 là “chả” tạo nên kết cấu hạt nhân “chả khó”. Hai tác tử p3 “cũng” và “đâu” hoàn thiện khung câu bằng việc tác động lên “chả khó” như hình minh hoạ.

Ở ví dụ (16), kết cấu hạt nhân được xác định là “để bị khinh”, trong đó “để” là vị từ tình thái cốt lõi được đặt trong mối quan hệ với hai tác tử p2 là “bị” và “khinh”, trong đó “khinh” làm rõ cho vị từ tình thái “bị”, kết cấu “bị khinh” bổ sung ý nghĩa cho vị từ tình thái “để” như mũi tên chỉ dẫn. Ở lớp ngoài cùng, tác tử p3 là “chớ” tác động đến toàn bộ kết cấu hạt nhân đã được xác lập.

Từ hai ví dụ được sơ đồ hoá ở trên, các dấu mũi tên đã minh hoạ cho quy trình phân rã cấu trúc, ô màu xanh đại diện cho vị từ cốt lõi trong kết cấu hạt nhân của CDB. Bằng các bước thao tác như trên, các lớp liên kết nội tại của CDB được bóc tách rõ ràng.

Quy trình phân rã tiến hành trên toàn bộ ngữ liệu giúp chúng tôi phân định được các dạng cấu trúc ở mục tiếp theo, việc phân định các dạng cấu trúc CDB được tiến hành thuận lợi, tỉ lệ kiểu câu được xác lập sẽ đồng thời phủ định tính bất thường về cú pháp của loại câu này, góp phần khẳng định sự tồn tại hợp lí của CDB như mọi loại câu khác trong ngữ pháp. Đồng thời các thành tố trong khung cấu trúc CDB sáng rõ sẽ giúp chỉ báo các chức năng nghĩa của CDB.

## 2.2. Xác lập các dạng cấu trúc CDB tiếng Việt

Khi áp dụng quy trình phân rã để xác định cấu trúc của CDB tiếng Việt, với việc xác định sự xuất hiện của hạt nhân và tác tử, bước đầu luận án phân thành hai dạng cấu trúc chính của CDB là *cấu trúc chỉ có hạt nhân* (không có tác tử) và *cấu trúc có sự kết hợp giữa hạt nhân với một hoặc một số tác tử*.

### 2.2.1. CDB chỉ có hạt nhân

Như đã phân tích ở trên, CDB có cấu trúc chỉ có hạt nhân là loại câu do vị từ hoặc kết cấu vị từ kiến tạo nên. Loại cấu trúc chỉ có hạt nhân này có số lượng là 2883 câu, chiếm 50,28% tổng số câu trong ngữ liệu của luận án này. Điều này một lần nữa

chứng minh tính tối giản của cấu trúc CĐB, tức là CĐB thường ưu tiên xuất hiện ở dạng thức không thể tinh gọn hơn. Trong giao tiếp, hạt nhân này đồng thời đảm nhận vai trò truyền tải nghĩa cho CĐB một cách trực tiếp, tường minh. Các câu này thường do một vị từ hoặc vị từ kết hợp với các thành tố vệ tinh nghĩa, không bao chứa các tác tử.

#### 2.2.1.1. Hạt nhân là vị từ

CĐB có cấu tạo là một vị từ thường được các nhà Việt ngữ học gọi là câu một từ. Loại CĐB này được cấu tạo từ một từ duy nhất, thường là thực từ, có thể từ đó chỉ bao gồm một đơn vị tiếng câu tạo thành (từ đơn âm tiết). Tổng số CĐB có hạt nhân vị từ 1795 câu, chiếm tỉ lệ 31,28% trên toàn bộ ngữ liệu của chúng tôi.

(17) - *Trời ơi, không biết tôi có nhầm không?* - *Người đàn bà chủ nhà bỗng thốt kêu lên bằng một giọng đầy khắc khoải.*

- *Hạnh!* Tôi là An đây!

- *Anh!* Em đi tìm anh suốt bao nhiêu năm trời, anh có biết không?

(Nguyễn Minh Châu, *Bên đường chiến tranh*, tr.75)

(18) *Hình như anh sắp đi đâu xa, xa lắm.*

*Nàng vẫn cúi người, nghiêng đầu nhìn Dũng.*

*Dũng nói:*

- *Có lẽ. Nhưng... sao cô biết?*

*Loan mỉm cười:*

- *Thế ra thật à?*

*Dũng cũng mỉm cười:*

- *Thế ra cô bắt độn tôi à?*

(Nhật Linh, *Nhật lá vàng rơi*, tr.372)

(19) *Tôi òa lên khóc nức nở. Xung quanh sông nước nhòa đi. Bà cụ lái đò vẫn đang rầu rầu kể lể:*

- *Khốn nạn!* Nhà Thảm cứu được không biết bao nhiêu người ở khúc sông này... Thế mà cuối cùng nó lại chết đuối mà không ai cứu...

(Nguyễn Huy Thiệp, *Chảy đi sông ơi*, tr.90)

Các ví dụ nêu trên đều được cấu tạo từ một từ duy nhất: “Hạnh”, “Anh”, “có lẽ”, “khốn nạn”, không kết hợp với bất kì tác tử nào trước hoặc sau. Loại câu này có cấu trúc tối giản nhất trong các kiểu loại CĐB. Nói cách khác, trong một số tình huống giao tiếp cụ thể, người tham gia giao tiếp hoàn toàn có thể chuyển tải thông báo chỉ với một từ. Sự tồn tại này khơi gợi lại những dạng thức giao tiếp mang đặc trưng bản chất của ngôn ngữ tự nhiên trong giai đoạn sơ khai mà Ngôn ngữ học chức

năng hệ thống từng miêu tả. Trong giao tiếp, rất dễ dàng bắt gặp những tình huống mà người nói chỉ sử dụng một từ để miêu tả sự tình như:

- Mưa!
- Cháy.
- Haizza.

#### 2.2.1.2. Hạt nhân là kết cấu vị từ

Ở nhóm phân loại này, hạt nhân của CDB ở dạng thức mở rộng hơn, bao gồm một vị từ kết hợp với một số thành tố chức năng bổ sung nghĩa cho vị từ, không kết hợp với bất kì tác tử nào. Tương quan với cách gọi của ngữ pháp truyền thống, nhóm phân loại này có thể tương đương với một cụm từ, hoặc ngữ vị từ. Trong phạm vi khảo sát của chúng tôi, loại CDB theo dạng cấu trúc này chiếm tỉ lệ 19% với tổng số là 1008 câu.

(20) *Hắn - không ! Một thứ người ở một rừng núi nào bên Triều Tiên, Trung Quốc hay ở một xứ nào khác thì mới phải chứ người Nhật sao lại thế - Hắn cũng lùn, nhưng đó là một lùn dày và bè ra của một thân thể to chắc. Cái mũ hắn đội chỉ vừa dính có chỏm đầu, mà đầu thì tóc xoắn tít mọc trùm cả gáy! Mặt hắn chỉ để nhận thấy có hai con mắt, hai con mắt quăm quăm dưới đám lông mày lăm lăm bạc, hai con mắt rất sáng, rất tợn nhưng không làm người ta sợ - còn thì chỉ thấy râu ria xồm xoàm.*

#### **Một con khỉ độc!**

*"Con khỉ độc" nay lại mặc cái quần thùng thình như cái váy, thắt lưng da trễ ra để hở cái rốn và lông bụng. Nó không lông xuống đám đông để phá phách mà đứng ngây ra nhìn.*

(Nguyễn Công Hoan, *Buổi chiều xám*, tr.129)

(21) - *Thưa cậu, thế thì coi không tiện.*

- *Sao không tiện?*

- *Vâng, nhưng nhà chật lắm! Chỉ vừa kê được hai cái giường, một cái của bà con, một cái của vợ chồng nhà con.*

- **Mặc kệ mày!** Mày làm sao được thì làm!

- *Thưa cậu, cái ấy để tùy hai cậu chứ con biết làm sao được?*

(Nam Cao, *Sống mòn*, tr.331)

(22) *Thằng Chích con anh Mỏi, dang tay hết sức nện vào mặt trống, và đưa một mình, nó đánh nhịp bằng ba tiếng một:*

- **Thuế thuế thuế! Thuế thuế thuế!**

(Nguyễn Công Hoan, *Bước đường cùng*, tr.409)

Trong ba ví dụ nêu trên, ví dụ (20) và (21) có quan hệ ngữ pháp giữa các thành tố khác với ví dụ (22). Xét ở cấp độ đơn vị cấu tạo CDB, “*Thuế thuế thuế*” là một cụm từ được kết hợp theo quan hệ đẳng lập. Tuy nhiên theo quan sát ngữ liệu của chúng tôi thì quan hệ đẳng lập giữa các thành tố cấu tạo nên kết cấu vị từ có số lượng rất ít, quan hệ chính phụ chiếm đại đa số, trên 97%. Hiển nhiên không có cụm từ cấu tạo theo quan hệ ngữ pháp chủ vị. Điều này khẳng định tính đúng đắn trong tiền đề về việc CDB không có quan hệ thuyết giải qua lại, không phân định được kết cấu theo bộ quy tắc thông thường của các lí thuyết. Trong cấu trúc lớp, xét ở thuộc tính của hạt nhân thì ví dụ 22 là dạng thức CDB có hạt nhân là vị từ. Quan hệ chính phụ với tỉ lệ 97% nêu trên thực chất là biểu hiện quan hệ phụ thuộc một chiều của các thành tố ngữ pháp (tác tử) với hạt nhân của câu. Theo đó, dù phân tích ở góc độ nào thì kết cấu của CDB cũng có thể được tường giải rõ ràng.

CDB có hạt nhân là một kết cấu vị từ về cơ bản có kết cấu và khả năng biểu đạt nghĩa tương tự như CDB có hạt nhân là một vị từ. Về mặt cấu trúc, loại câu này có cấp độ lớn hơn vị từ. Về mặt nghĩa, vì được bổ sung các thành tố mang tính mở rộng hoặc thu hẹp nên nội dung sự tình thường mang tính sắc thái hoá hơn so với vị từ cốt lõi trong kết cấu, nhưng không bao gồm tác tử nào nên gần như ít tạo ra sự khác biệt về nghĩa tình thái so với CDB chỉ có vị từ. Các nhận định từ cấu trúc cú pháp này sẽ được chúng tôi tiếp tục bàn luận trong chương Bình diện nghĩa học của luận án này.

### **2.2.2. Cấu trúc có hạt nhân và các tác tử**

CDB có cấu trúc bao gồm hạt nhân và các tác tử là dạng cấu trúc chiếm 49,72% còn lại trên tổng ngữ liệu mà chúng tôi khảo sát được. Mặc dù định lượng về cấu trúc chia đều cho hai nhóm phân loại, nhưng theo quan sát của chúng tôi thì các CDB ở nhóm này lại có sự phân hoá đa dạng và năng lực biểu đạt đặc sắc hơn so với nhóm CDB hạt nhân.

Để xác định các dạng cấu trúc CDB có hạt nhân và tác tử, chúng tôi kết hợp giữa phương pháp định lượng và định tính, thông qua việc định vị khung câu bao gồm hạt nhân và +/- các ô vị trí tác tử để khái quát thành các tiểu loại CDB theo tỉ lệ phổ biến (tính đếm trên % xuất hiện của tổng số câu ngữ liệu). Bằng cách làm này, kí hiệu kiểu câu sẽ được xác định dựa vào việc loại câu đó có bao nhiêu tác tử, xuất hiện ở vị trí nào từ đó quy ước tên kiểu câu.

Nhóm CDB này có thể có tối đa 6 vị trí tác tử kết hợp với hạt nhân. Các vị trí được xác lập theo phương thức trật tự từ, lấy lõi làm trung tâm, -3 là vị trí xa nhất bên trái so với hạt nhân, xuất hiện đầu tiên theo tính hình tuyến, xa nhất bên phải là vị trí +3. Có thể hình dung khung vị trí tác tử và thứ tự xuất hiện như sau:



Thứ tự tác tử	Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
	Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
Vị trí quy ước	-3	-2	-1	X	+1	+2	+3

*Bảng 2.1. Mô tả vị trí tác tử*

Thao tác tiến hành xác định cấu trúc CDB tiếng Việt là định vị hạt nhân, phân lập lần lượt từ trung tâm về 2 phía trái - phải để xác định các ô vị trí có tác tử xuất hiện để đánh dấu mô hình. Hạt nhân trong nhóm CDB này được kí hiệu là X.

Từ quy ước vị trí tác tử nói trên, sự tịnh tiến vị trí tác tử từ trung tâm ra 2 phía tạo ra các dạng cấu trúc CDB có thể xuất hiện như sau:

Thứ tự	Quy ước vị trí	Tác tử trước			HẠT NHÂN (X)	Tác tử sau			Kí hiệu mẫu câu
		Tác tử (-3)	Tác tử (-2)	Tác tử (-1)		Tác tử (+1)	Tác tử (+2)	Tác tử (+3)	
1.		-	-	+	+	-	-	-	-1 X
2.		-	+	+	+	-	-	-	-2 X
3.		+	+	+	+	-	-	-	-3 X
4.		-	-	-	+	+	-	-	X +1
5.		-	-	-	+	+	+	-	X +2
6.		-	-	-	+	+	+	+	X +3
7.		-	-	+	+	+	-	-	-1 X +1
8.		-	+	+	+	+	-	-	-2 X +1
9.		+	+	+	+	+	-	-	-3 X +1
10.		-	-	+	+	+	+	-	-1 X +2
11.		-	+	+	+	+	+	-	-2 X +2
12.		+	+	+	+	+	+	-	-3 X +2
13.		-	-	+	+	+	+	+	-1 X +3
14.		-	+	+	+	+	+	+	-2 X +3
15.		+	+	+	+	+	+	+	-3 X +3

*Bảng 2.2. Sơ đồ vị trí & các dạng cấu trúc CDB*

Dựa trên Sơ đồ vị trí và các dạng cấu trúc CDB với 15 dạng ở bảng 2.2 là các kết hợp tối đa theo vị trí. Trên thực tế ngữ liệu, trong 2851 CDB có sự xuất hiện của

tác tử mà chúng tôi khảo sát được lần này có 13 mẫu chia thành 3 nhóm phân loại lần lượt như sau:

### 2.2.2.1. CDB có tác tử trước hạt nhân

Theo quy ước về trật tự thành tổ hạt nhân, CDB có tác tử trước do ít nhất 1 và tối đa 3 tác tử kết hợp với hạt nhân là thành tổ đương nhiên, không có vị trí tác tử sau. Đối với dạng này, kết quả khảo sát thu về 3 mẫu -1|X, -2|X và -3|X như sau:

a. Mẫu -1|X được tạo ra từ 1 vị trí tác tử xuất hiện trước hạt nhân. Dạng cấu trúc này của CDB cũng khá phổ biến với 788 câu chiếm tỉ lệ 13,74% ngữ liệu khảo sát.

(23) *Thối hết bài sáo, lão quay sang hỏi tôi:*

- Ông có nghe thấy điều gì trong tiếng sáo không?

- Vâng, tôi nghe thấy trong đó tâm sự của một người ẩn dật, có thể là một nhà tu hành. **Thật bất ngờ.**

(Bùi Việt Phương, *Năm tôi bốn mươi chín tuổi*, tr.188)

(24) ... *Nhưng bây giờ thì hẩn tỉnh. Hẩn băng khuâng như tỉnh dậy sau một cơn say rất dài. Cũng như những người say tỉnh dậy, hẩn thấy miệng đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn, chân tay không buồn nhấc. Hay là đói rượu? Nghĩ đến rượu, hẩn hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tí. Hẩn sợ rượu cũng như những người ốm thường sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hẩn mới nghe thấy... **Chao ôi là buồn!***

(Nam Cao, *Chí Phèo*, tr.231)

Phân tích ví dụ trên cho thấy “bất ngờ”(23) và “buồn”(24) là hạt nhân còn “thật”(23) và “chao ôi là”(24) được xác định là tác tử ở vị trí -1.

Khi đặt ví dụ (23) và (24) vào khung vị trí có thể phân tách như sau:

Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
-	-	Thật	bất ngờ	-	-	-
-	-	Chao ôi là	buồn	-	-	-

b. Mẫu -2|X bao gồm 2 tác tử ở vị trí trái kết hợp với hạt nhân. Theo quy ước vị trí của chúng tôi, khi có tác tử ở vị trí -2 bắt buộc phải có tác tử -1. Chúng tôi thu thập được 156 câu theo mẫu này, chiếm 2,72%.

(25) *Có như vậy thật. Ai dám ngờ rằng sang tháng Chín rồi mà còn có bão to? Thấy trời trở heo may, người ta tưởng đây là thu. Những người giàu lấy áo mặc thêm. Những người nghèo mơ ước một nồi ngô bung để ăn cho chắc dạ trước khi đi ngủ. Trời lạnh lại càng khoẻ đói. Nếu có mà ăn, người ta có thể ăn suốt ngày. Trong lúc*

người ta đang rất yên lòng nghĩ đến mặc và ăn, gió cứ mỗi lúc một thêm to. Gió suốt đêm. **Hình như lại có mưa.** Đến gần sáng thì những cái nhà tre đã bắt đầu chuyển mình kêu rãng rãc. Người ta giật mình choàng dậy. Gió đã hung hăng lắm. Lấn át những tiếng kêu của lá, gió chồm lên hồng học.

(Nam Cao, *Làm tổ*, tr.68)

(26) *Thấy một bóng người thấp thoáng, Hai liền cất tiếng khàn khàn gọi:*

- *Bây! Bảy Hựu!*

***Nhưng không phải!*** Hai Răng Vàng trông lắm.

(Nguyễn Hồng, *Bảy Hựu*, tr.45)

Khi đặt ví dụ (25) và (26) vào khung vị trí có thể phân tách như sau:

Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
-	Hình như	lại	có mưa	-	-	-
-	Nhưng	không	phải	-	-	-

c. Mẫu -3|X bao gồm 3 tác tử ở vị trí trái kết hợp với hạt nhân. Theo quy ước vị trí của chúng tôi, khi có tác tử ở vị trí -3 bắt buộc phải có tác tử -2 và -1. Đây là mẫu câu hiếm khi xuất hiện, chúng tôi chỉ thu thập được 10 câu chiếm tỉ lệ 0,17%, nhiều tập ngữ liệu không xuất hiện dạng cấu trúc này.

(27) - *Thế chứ, thế cho tôi vay nhé, vay năm đồng rồi thế nào tôi cũng giả.*

- *Có chắc không?*

- ***Sao lại không chắc?***

(Thạch Lam, *Hà Nội ban đêm*, tr.94)

(28) *Hay là nhịp điệu? - Vũ lại bắn khoăn tự hỏi. Chàng biết rằng vũ trụ kia hỗn độn vô minh, trái đất chúng ta quá bé nhỏ, con người quá bé nhỏ... Văn học không phải là tất cả. **Không nên quá coi trọng văn học.** Văn học chỉ là từ ngữ [...]*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Bài học tiếng Việt*, tr.412)

Khi đặt ví dụ (27) và (28) vào khung vị trí có thể phân tách như sau:

Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
Sao	lại	không	chắc	-	-	-
Không	nên	quá	coi trọng văn học	-	-	-

### 2.2.2.2. CDB có tác tử sau hạt nhân

Theo trật tự thành tổ hạt nhân, CDB có tác tử sau do 1 đến 3 tác tử kết hợp với hạt nhân ở vị trí trung tâm là thành tổ đương nhiên, không có vị trí tác tử trước. Đối với dạng này, kết quả khảo sát thu về 3 mẫu  $X|+1$ ,  $X|+2$  và  $X|+3$  như sau:

a. Mẫu  $X|+1$  không có tác tử trước, chỉ có 1 tác tử đứng sau hạt nhân. Đây là mẫu CDB có tỉ lệ xuất hiện cao, đứng thứ 2 sau nhóm CDB chỉ có hạt nhân trong thống kê ngữ liệu của chúng tôi với 1291 câu, chiếm 22,51%.

(29) *Ngoài nhà, mưa vẫn rơi tầm tã.*

*Một cơn gió lạnh thổi vào làm rung động mấy bông hồng và đưa lại phía chàng một ít hương nhẹ, Triết lẩm bẫm:*

**- Éo le vô cùng...**

*Rồi chàng chống hai khuỷu tay lên bàn tay với một bông hồng, áp vào môi, nhắm mắt lại, rung rung muốn khóc.*

(Nhật Linh, *Hai buổi chiều vàng*, tr.163)

(30) *Tức thì một dịp cười xa xa đáp lại và khoanh khắc Đoàn đã đi theo sau con chó săn chạy thục mau xuống chân đồi, vừa thở vừa giơ cho bạn coi hai con gà gô béo lóm đốm chấm nâu. Minh khen:*

**- Giỏi nhỉ!** *Tôi đã biết ngay rằng thế nào chiều nay cũng được chén gà gô.*

*Đoàn đáp lại bằng một nhịp cười tự phụ rồi cũng bạn bước lên xe trở về áp.*

(Khái Hưng, *Tiếng dương cầm*, tr.401)

Khi đặt ví dụ (29) và (30) vào khung vị trí có thể phân tách như sau:

Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
-	-	-	Éo le	vô cùng	-	-
-	-	-	Giỏi	nhỉ	-	-

b. Mẫu  $X|+2$ : Cấu trúc mẫu  $X|+2$  không có tác tử trước, có 2 tác tử sau hạt nhân. Mẫu này chúng tôi thống kê được 100 câu trong ngữ liệu, chiếm tỉ lệ 1,74%.

(31) *Mụ Hai xem chừng đã chuyển:*

*- Vẫn biết vậy... Anh Ba Chấn đã giới thiệu, thì chắc hai thầy không để tôi thiệt nào... **Khó thật đấy!**... Nhưng thôi, hai thầy cứ đợi đây, tôi phải ra chợ mới được, vì chắc thằng Ba không ăn thua...*

(Thạch Lam, *Hà Nội ban đêm*, tr.97)

(32) *Gần đến bến xe hơi, Thứ gặp San đi xe kéo trở về. San xua tay, ra hiệu cho Thứ từ đằng xa. Thứ ngạc nhiên, chẳng hiểu ra sao. Đến gần, San mới hỏi:*

**- Quay trở về đi thôi!**

(Nam Cao, *Sống mòn*, tr.475)

CĐB có cấu trúc  $X|+2$  khác với  $X|+1$  ở chỗ được bổ sung thêm 1 tác tử, kết cấu mở rộng dẫn đến khả năng biểu đạt thông báo cũng hiệu quả hơn.

c. Mẫu  $X|+3$ : Cấu trúc mẫu  $X|+3$  không có tác tử trước, có 3 tác tử sau hạt nhân. Trong phạm vi ngữ liệu của chúng tôi, mẫu  $X|+3$  ít xuất hiện, tuy nhiên số lượng mẫu câu có 3 tác tử sau xuất hiện nhiều hơn so với mẫu có 3 tác tử trước ( $-3|X$ ). Mẫu này chúng tôi có 44 câu ví dụ, chiếm tỉ lệ 0,77%.

(33) *Quan Bó ngất ngưỡng đánh luôn: tom tom tom chát tom!*

*Đoạn cụ gật gù nói rõ to:*

- **Hay thật đấy chứ!** Văn chương như thế mới gọi là tân thời... “Xin dang tay giật phịch quả đào tiên”. Thế có lẳng lơ không? Chuyến này thì cụ Phán nhà tôi sẽ vì câu thơ ấy là cái lão hoàn đồng!

(Vũ Trọng Phụng, *Ăn mừng*, tr.167)

(34) *Sáng sớm hôm sau, thằng xe lại buộc cái tổ chim ra cành cây ổi. Nó kêu:*

- *Mới có một đêm mà lông lá nó đã xù ra rồi! **Chóng quá đi mất!***

(Vũ Trọng Phụng, *Tự do*, tr.121)

Khi đặt ví dụ (33) và (34) vào khung vị trí có thể phân tách như sau:

Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
-	-	-	Hay	thật	đấy	chứ
-	-	-	Chóng	quá	đi	mất

### 2.2.2.3. CĐB có tác tử trước và sau hạt nhân

Dạng CĐB này được cấu tạo từ các thành tố tác tử phân bố lần lượt trước và sau hạt nhân. Ở phân loại này, chúng tôi khảo sát được các mẫu  $-1|X|+1$ ,  $-2|X|+1$ ,  $-3|X|+1$ ,  $-1|X|+2$ ,  $-2|X|+2$ ,  $-3|X|+2$ .

a. Mẫu  $-1|X|+1$  được cấu tạo cân đối bởi 1 tác tử trước, 1 tác tử sau, 2 tác tử này bao quanh thành tố hạt nhân ở vị trí trung tâm. Mẫu câu này cũng xuất hiện khá phổ biến, chúng tôi khảo sát được 334 câu, chiếm tỉ lệ 5,82% tổng số CĐB.

(35) *Hắn đi thẳng lại trước mặt Từ. Hắn cúi xuống, quắc mắt nhìn Từ, gõ gõ một ngón tay trở vào trán Từ và dọa như người ta dọa trẻ con:*

- Ngày mai... mình có biết không?... Chỉ ngày mai thôi! Là tôi đuổi tất cả mấy mẹ con mình ra khỏi cái nhà này... Tôi đuổi tất, không chừa một đứa nào, kể cả con bé Thảo là con ngoan nhất... Mấy đứa kia đều đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn với hét! Cả con mẹ nữa, con mẹ là mình ấy... cũng đáng vật một nhát

cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn rồi ngồi ôm con như nhện ôm khur khur bọc trứng, không chịu làm thêm việc gì cho có tiền. **Chỉ khổ thằng này thôi!**

Hắn rít lên như vậy. Rồi hắn mím chặt môi, đôi mắt ngầu ngầu nhìn vào tận mắt Tì.

(Nam Cao, *Đời thừa*, tr.165)

(36) Tự nhiên bà Phó Đoan hỏi:

- *Này cái anh chàng Xuân xem chừng cũng được việc đấy chứ?*

Cô cháu đáp:

- *Hắn thông minh lắm!*

*Mới vào làm có vài ngày mà khách khứa xem ý ai cũng mến.*

Bà Phó Đoan sung sướng mà rằng:

- *Số anh ta tốt lắm đấy! Ở đâu là vui vẻ đấy, thịnh vượng đấy.*

- *Thế à! Có lẽ đúng thật! Tì hôm có hắn thì quả nhiên khách may mặc cũng có đông hơn lên.*

Ông cháu rỏ ơn tồn:

- *Được cái mồm miệng hắn cũng nhanh nhẩu.*

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, tr.297)

Khi đặt ví dụ (35) và (36) vào khung vị trí có thể phân tách như sau:

Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
-	-	Chỉ	khổ thằng này	thôi	-	-
-	-	Có lẽ	đúng	thật	-	-

b. Mẫu  $-2|X|+1$  bao gồm 3 vị trí tác tử, trong đó 2 tác tử liền trước và 1 tác tử sau hạt nhân. Trong ngữ liệu khảo sát, chúng tôi thu thập được 75 câu dạng này, chiếm tỉ lệ 1,31%.

(37) *Con lửa về đến đích trong tiếng hò hét sấm ran của mọi người. Khi tiếng hò hét đã ngớt, lão già cầm loa lại khe khẽ:*

- *Ấy dà, không được mà! Thằng này nó không phải người Sĩ Mã Phìn mình. Nó không được tham dự, nó không phải là người thắng cuộc.*

(Nguyễn Phú, *Tuyết đào*, tr.126)

(38) *“Đồng chí hãy lo cho mình trước đi. Ở đây, chúng tôi quen với bom đạn quá rồi. Các đồng chí phải khẩn trương lên xe rời bến phà này càng nhanh càng tốt. May bay địch lại sắp tới nữa rồi”. Một nữ chỉ huy thanh niên xung phong nói với Hồ. Sao lại thế nhỉ. Anh sẽ lên xe và đi, để lại cách cô nơi bến phà này chống chọi với trận bom tiếp theo hay sao. “Tôi xin ở lại chiến đấu” – anh nói. Người nữ chỉ huy*

ng nghiêm giọng: “Lệnh trên là các đồng chí phải khẩn trương rời bến phà. Chúng tôi đã có phương án đối phó với máy bay địch”. Nhiệm vụ của chúng ta là vào Nam chiến đấu. Đồng đội nhắc Hồ. Anh theo mọi người lên những chiếc xe ngụy trang lá cây để tiến sâu vào rừng. Sau lưng anh, bến phà lại tiếp tục đón một trận bom mới.

(Trần Nguyễn Anh, *Hơi ấm Linh Cảm*, tr.144)

Khi đặt ví dụ (37) và (38) vào khung vị trí có thể phân tách như sau:

Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
-	Ầy dà	không	được	mà	-	-
-	Sao	lại	thế	nhỉ	-	-

c. Mẫu  $-3|X|+1$  bao gồm 4 vị trí tác tử, trong đó 3 tác tử đứng trước và 1 tác tử sau hạt nhân. Trong ngữ liệu khảo sát, chúng tôi chỉ thu thập được 6 câu dạng này, chiếm 0,1%.

(39) *Hai Trâm than với bạn:*

- *Thiệt là tức thẳng con tui quá. Giết được thì giết nó chết cho rồi.*

- ***Đừng có mà bi đát vậy.*** *Cũng tại vợ chồng ông quá nuông chiều con cái. Con có hư cũng do cha mẹ hết chín phần rưỡi. Bây giờ lâm cảnh như vậy, phải tìm cách gỡ cho vẹn toàn. Tui chỉ cho ông chiêu này, may ra gỡ được.*

(Nguyễn Trí, *Giá của bánh giò*, tr.121)

(40) - *Ừ thì ông ta nói gặp Phượng có chút việc riêng. Nhưng ý là ông ta có tỏ thái độ gì không?*

- *Thì như người qua đường hỏi đường mà hỏi hổng có được.*

- *Nghĩa là thất vọng à?*

- ***Hừm, cũng không hẳn vậy.*** *Nhìn quanh, thở dài, than, “hai đứa con sống thế này hả?”. Ôi chao, cái ông người trời ở đâu mau tới nè, con nhỏ nó muốn gặp rồi mà lại đi mất xác. Hai người duyên quá xá đi! Con Oanh rên lên thê thảm.*

(Phong Điệp, *Người lạ*, tr.49)

Khi đặt ví dụ (39) và (40) vào khung vị trí có thể phân tách như sau:

Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
Đừng	có	mà	bi đát	vậy	-	-
Hừm	cũng	không	hẳn	vậy	-	-

d. Mẫu  $-1|X|+2$  là kết quả của sự xuất hiện 1 tác tử trái và 2 tác tử bên phải của thành tố hạt nhân. CDB dạng này chiếm 0,59% với tổng số là 34 câu.

(41) *Khi anh từ phòng thử máu bước ra, tay cầm mảnh giấy và khuôn mặt rạng ngời, nàng vờ nói: “Đấy! Em đã bảo mà! **Chỉ là bệnh tưởng đấy thôi!**”. Anh cười,*

*nắm tay nàng định nói một lời gì đó thật đặc biệt, xứng với trường hợp này. Nhưng nàng vờ cười thật tươi và nói rằng, trót để quên chiếc ví trong phòng xét nghiệm rồi chạy vụt trở vào, chỉ lo mình oà khóc.*

(Võ Thị Hào, *Dây neo trần gian*, tr.75)

(42) *Kiểm điểm một lượt, thấy trong những trang đã viết, không có chỗ nào phạm trường quy thì mừng rỡ bảo với Vân Hạc:*

- *Thoát nạn rồi? Tao đã viết qua hai tờ thứ nhất và thứ nhì rồi, mày ạ?*

*Vân Hạc vui vẻ:*

- *Khá lắm. Tôi cũng đỡ lo cho anh. Nhưng anh cũng phải nhanh lên.*

**Sắp tới rồi đấy.**

*Khắc Mẫn viết nốt câu đóng của bài Truyện, rồi vớ lấy chiếc điếu cày đặt môi thuốc vào đó, thầy vừa gỡ hộp đá lửa, đánh lửa hút thuốc, vừa nghĩ bài Kinh.*

(Ngô Tất Tố, *B. Tiểu thuyết phóng sự Lều chõng*, tr.196)

Khi đặt ví dụ (41) và (42) vào khung vị trí có thể phân tách như sau:

Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
-	-	Chỉ là	bệnh tương	đấy	thôi	-
-	-	Sắp	tới	rồi	đấy	-

e. Mẫu  $-2|X|+2$  bao gồm 4 vị trí tác tử, trong đó 2 tác tử đứng trước và 2 tác tử đứng sau hạt nhân. Trong ngữ liệu, chúng tôi chỉ thu thập được 10 câu dạng này, chiếm tỉ lệ 0,17%.

(43) *Lão Hạ sợ quá, bủn rủn hết cả chân tay. Tiếng khóc ngằn ngặt đúng là có thật. Lão đóng tai nghe. Đúng là tiếng khóc trẻ con.*

*Lão Hạ cuống cuống chạy xuống vệ sông. Lão vừa chạy vừa ngã. Tiếng khóc níu lão lại. Lão nhìn bên đường và nhận ra đứa bé nằm ở trong cống.*

*Lão Hạ dần dần hoàn hồn. **Hoá ra chẳng có quỷ ma nào cả!** Hú hồn hú vía! Ma quỷ đã bỏ mất một cơ hội để rình chộp lão!*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Cún*, tr.255)

(44) *Sáng hôm sau, tôi đang rửa mặt thì Kha đã tắt tưới xách cái lồng sáo của Kha sang, Kha toe toét cười để làm lạnh. Thấy tôi có vẻ làm lý, Kha búng tai tôi một cái:*

- *Trông cái mặt đẹp chưa! **Vẫn còn giận đấy à?***

- *Giận quái gì! Tôi có quyền gì mà giận?*

- *Ái chà. Cậu cũng biết đay hấn hoi kia đấy!...*

(Nam Cao, *Truyện tình*, tr.83)



Khi đặt ví dụ (43) và (44) vào khung vị trí có thể phân tách như sau:

Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
-	Hoá ra	chẳng	có quỹ ma	nào	cả	-
-	Vẫn	còn	giận	đấy	à	-

f. Mẫu  $-3|X|+2$  có 3 tác tử bên trái và 2 tác tử bên phải của hạt nhân. Đây là mẫu câu có khung mở rộng vị trí nhất với tổng cộng 5 vị trí tác tử và rất hiếm xuất hiện trong phạm vi ngữ liệu của chúng tôi, chỉ có 3 CDB ở dạng này, chiếm 0,05%.

(45) *Mãi cho đến khi Xuân Tóc Đỏ muốn xin cái “ân huệ cuối cùng” thì Tuyết đứng lên giận dữ:*

- *Im! Để yên! Không bao giờ tôi cho mình cái ân huệ cuối cùng. Mình không phải là người lịch sự! Tôi không đại dốt như những cô gái ngây thơ đâu! Ít ra tôi cũng đã là một trang bán xù nữ!*

*Xuân Tóc Đỏ ngây người ra không hiểu. Tuyết nói nốt:*

- *Nghĩa là demi vierge! Nghĩa là còn tân một nửa!*

*Xuân ngây ngô hỏi lại:*

- *Còn một nửa cái tân thôi? Còn một nửa chữ trinh thôi?*

*Tuyết đài các đáp:*

- *Chứ lại gì! **Chứ khi nào lại mất tân hẳn được!** Chứ khi nào lại để cho ngày nhị hỉ thấy lợn cắt tai được!*

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, tr.338)

(46) *Xuân Tóc Đỏ nghĩ ngợi hồi lâu rồi phán:*

- *Cái việc tướng của sư ông xem ra còn khuyết điểm cần phải cải cách... Nếu không thì, sẽ không hợp thời, mà không hợp thời thì ắt bị thải. Thời buổi tối tân này, Phạt mà không biết tiến hoá theo văn minh thì cũng chết nhăn răng ra.*

- *Ấy **bẩm chính thế đấy ạ!** Nếu ngài đã học hỏi thạo đời như thế thì nên giúp bản tăng một tay... Thí dụ việc bà Phán đây với cậu Phước thì ngài tán thành vào cho bản tăng vẽ ra chuyện gì thì họ cũng gặt cả!*

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, tr.380)

Khi đặt ví dụ (45) và (46) vào khung vị trí có thể phân tách như sau:

Tác tử trước			HẠT NHÂN	Tác tử sau		
Tác tử	Tác tử	Tác tử		Tác tử	Tác tử	Tác tử
Chứ	khi nào	lại	mất tân	hẳn	được	-
Ấy	bẩm	chính	thế	đấy	ạ	-

Việc sắp xếp các thành tố ngữ pháp theo ô vị trí tác tử giúp chúng tôi nhìn rõ được trật tự xuất hiện của các tác tử theo quan hệ trực tiếp với hạt nhân. Khi đặt các ví dụ vào sơ đồ vị trí trên đây cũng giúp chúng tôi phân biệt được sự khác nhau giữa các dạng cấu trúc câu bởi sự tồn tại +/- thành tố trong ô tác tử được quy ước.

Tổng hợp các mẫu CDB ở mục 2.2.1 và 2.2.2, chúng tôi tổng hợp được 13 kiểu cấu trúc CDB sắp xếp theo mức độ điển hình như sau:

TT	Kí hiệu mẫu câu	Số lượng	Tỉ lệ %
1	X	2883	50,28
2	X +1	1291	22,51
3	-1 X	788	13,74
4	-1 X +1	334	5,82
5	-2 X	156	2,72
6	X +2	100	1,74
7	-2 X +1	75	1,31
8	X +3	44	0,77
9	-1 X +2	34	0,59
10	-2 X +2	10	0,17
11	-3 X	10	0,17
12	-3 X +1	6	0,10
13	-3 X +2	3	0,05
Tổng cộng		5734	100,0

*Bảng 2.3. Các dạng mẫu câu xếp theo mức độ điển hình*

Có thể thấy, việc khảo sát trên phạm vi tương đối rộng cung cấp cho chúng tôi lượng ngữ liệu khá lớn, đủ độ tin cậy để xem xét về bình diện kết học của CDB. Với hơn năm ngàn câu ngữ liệu, chúng tôi có đủ cơ sở để trừu xuất kiểu cấu trúc câu. Điều đặc biệt là, dữ liệu đa dạng không chỉ giúp chúng tôi bóc tách được các kiểu CDB điển hình, xuất hiện nhiều trong giao tiếp và văn bản mà còn tiếp cận các dạng thức cấu trúc khá hiếm, ít xuất hiện, nhưng vẫn cần được ghi nhận sự tồn tại như một biến thể có hàm lượng thông tin đặc thù, riêng biệt.

### **2.3. Cấu trúc lớp trong CDB có tác tử**

Ở phần 2.2, chúng tôi đã dựa vào hai phương thức đánh dấu trong tiếng Việt là dùng giới từ và dùng trật tự từ để xác định các dạng cấu trúc CDB, trong đó thứ tự xuất hiện theo quan hệ hình tuyến là phương thức chính để định vị số lượng tác tử và gọi tên các mẫu câu tương ứng. Dựa trên phương thức định lượng và mức độ điển hình của từng mẫu câu, cách làm trên bộc lộ nhiều ưu điểm. Tuy nhiên, trên thực tế,

các mẫu câu chưa phản ánh rõ được quan hệ tác động giữa các tác tử với hạt nhân và tính đánh giá về tầm tác động giữa các tác tử. Vậy nên, chúng tôi cho rằng cần tiếp tục phân tích cấu trúc lớp trong các CDB có tác tử để làm rõ tính tầng bậc trong mối quan hệ nội tại của CDB tiếng Việt. Thao tác này còn có ý nghĩa định hướng cho việc phân tích bình diện nghĩa học và dụng học được hiệu quả hơn.

Như đã trình bày ở mục 2.2.1, CDB tiếng Việt tồn tại khá phổ biến ở hình thức chỉ có hạt nhân (ranh giới câu trùng với chính hạt nhân của nó). Tuy nhiên, khi người tham gia giao tiếp nhận định bản thân hạt nhân không đủ năng lực chuyển tải thông báo trong một số trường hợp nhất định, các tác tử được sử dụng để mở rộng khung câu. Trong CDB có hạt nhân và tác tử, CDB có hạt nhân là kết cấu vị từ có thể được kiến tạo từ một vị từ kết hợp với một số tác tử vị ngữ hoá (p2) bổ sung ý nghĩa cho vị từ, trong tiếng Việt có thể bắt gặp các hư từ như *đừng, đã, đang, sẽ, rất, quá...* bên cạnh đó, một số tác tử khác lại bổ sung ý nghĩa mệnh đề hoặc ý nghĩa ngôn trung, vì thế không tác động trực tiếp lên vị từ lõi của hạt nhân mà là kết cấu vị từ bao gồm hạt nhân kết hợp với một (hoặc một số) tác tử. Có thể làm rõ mối quan hệ tác động thông qua một số ví dụ sau đây:

(47) *Đốc Cung mỉm cười:*

- *Sao mà tự làm khổ cái thân mà như vậy? Bây giờ quan trường còn ngủ, chứ dễ người ta đã ra cửa trường để đón mà vào đó chắc? Ra từ bây giờ để đứng cửa trường mà run đấy à!*

*Khắc Mẫn không trả lời. Tất cả bước luôn xuống thềm. Cả bọn trong này đều cười sảng sặc. Giây lát thấy thầy bước lên, mỗi người hỏi mỗi câu:*

- ***Không đi nữa à?***

- *Quên cái gì à?*

(Ngô Tất Tố, B. *Tiểu thuyết phóng sự Lều chõng*, tr.202)

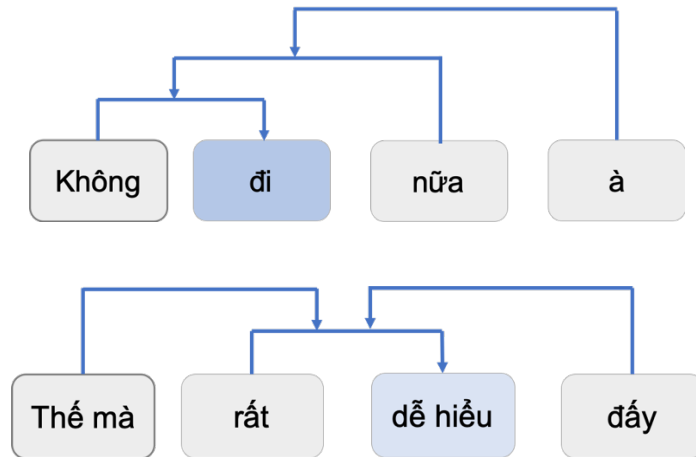
(48) - *Được lắm! Nhưng tôi chưa hiểu tại sao bác chỉ nói: “Chính phủ vạn tuế! Nước Pháp dân chủ vạn tuế” mà cảnh binh, mật thám, sen đầm lại ập đến được?*

- ***Thế mà rất dễ hiểu đấy!*** *Nước Pháp cai trị chúng ta tuy là dân chủ, nhưng mà vua nước ta thì là... quân chủ. Vua Xiêm cũng là quân chủ! Đón tiếp vua mà hô khẩu hiệu ủng hộ dân chủ tức là có ngụ ý khuynh đảo nhà Vua! Chính phủ Bảo hộ ở đây là công minh và sắc mắc lắm. Tôi dám chắc nếu hô: Nước Pháp dân chủ vạn tuế” thì thế nào cái bọn người đứng ở chỗ chúng ta cũng đều sẽ được bị bắt!*

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, tr.425)

Ở 2 ví dụ (47) và (48), có thể nhận thấy cấu trúc hạt nhân lần lượt là “không đi” và “rất dễ hiểu”, không thể xếp các tác tử “không” ngang hàng với “nữa” và “à”,

cũng tương tự như vậy, không thể đánh giá tầm tác động của “thế mà” và “đấy” giống với “rất”. Chúng tôi sẽ sơ đồ hoá quan hệ giữa các lớp tác tử như sau:



Dĩ nhiên không thể phủ nhận rằng, ở những cấu trúc CDB có ít tác tử như  $X|+1$  hoặc  $-1|X$  thì hầu hết tác tử liên kết và tác động trực tiếp đến vị từ làm hạt nhân.

(49) *Bóng trắng chiếu xiên vào mặt, bỗng đánh thức ông. Gà vừa gáy nửa đêm ở các xóm. Ông đứng dậy bước chân đi... Ông đi về nhà.*

*Ông đồ đi về nhà? Táo tợn nhĩ? Không, ông không táo tợn gì đâu! Ông chỉ vừa nghĩ được một kế, một diệu kế. Về tới cổng, cổng đóng. Ông trèo qua cổng vào trong sân. Con chó cắn mấy tiếng, rồi quen hơi chủ vẫy đuôi mừng rỡ.*

(Khái Hưng, *Ông đồ đặc*, tr.490)

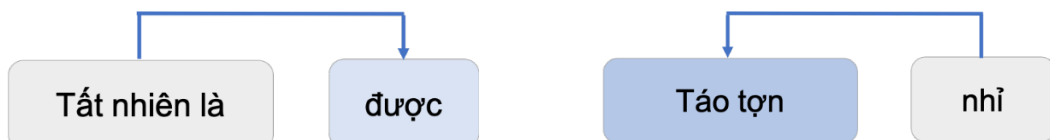
(50) *Anh đặt một cuốn thơ của mình lên chiếc ghế bên cạnh, như muốn giữ chỗ đó, dù chẳng biết người từng ngồi đó có quay lại không.*

- *Chào anh, em ngồi ghế này được không? – Giọng nói mềm mại, có phần quyến rũ, vừa đủ lọt tai anh trong tiếng xôn xao không ngớt và tiếng nhạc đệm ngâm thơ lẩn át.*

- *Tất nhiên là được.* - *Anh ngẩng lên trong lúc tay lượm vội cuốn thơ đặt trên ghế, và chợt ngỡ ngàng khi ánh mắt anh dừng lại trên khuôn mặt rạng rỡ nét cười của cô – Ô, tối qua chúng ta đã gặp nhau!*

(Kiều Bích Hậu, *Say nắng ở Budapest*, tr.76)

Sơ đồ của hai ví dụ (49) (50) có sự khác nhau về chiều hướng mũi tên tùy theo vị trí của tác tử, nhưng cả hai đều có tầm tác động trực tiếp đến vị từ, có thể đối sánh trực quan như sau:



Có thể xuất phát từ đặc trưng loại hình ngôn ngữ đơn lập của tiếng Việt mà số lượng CĐB có mối quan hệ tác tử theo chiều ngang chiếm đại đa số so với các câu có sự phân hoá về cấu trúc lớp. Tuy nhiên, thực tế phân tích các ví dụ và các mũi tên chỉ dẫn trong sơ đồ có thể thấy rõ vị trí của các tác tử và tầm tác động có sự phân hoá đa dạng trong từng kết cấu CĐB. Đây là một minh hoạ chứng minh tính tương thích của CĐB đối với bộ khung phân tích cú pháp của NPCN diễn ngôn. Mặc dù hình thái của CĐB có ít nhiều điểm khác biệt so với các dạng thức câu khác trong cú pháp nhưng vẫn có thể được phân tích một cách logic về mặt kết học theo lí thuyết NPCN.

## Tiểu kết

Bình diện kết học là bình diện nghiên cứu các mối quan hệ ngữ pháp tạo nên cấu trúc cú pháp trong giao tiếp. Qua nội dung của chương 2, có thể khẳng định cấu trúc CĐB là sự lựa chọn phù hợp về cấu trúc cú pháp nhằm biểu đạt các chức năng nghĩa nhất định.

Từ khái niệm và cương vị cú pháp của CĐB đã nêu ra ở chương 1, chúng tôi phân tích các liên kết cú pháp của CĐB, qua đó nhận thấy cấu trúc CĐB được tổ chức một cách hoàn chỉnh và phân tầng rõ rệt, có thể mô hình hoá thành những cấu trúc mang tính điển dạng.

CĐB là loại câu độc lập, có mô hình riêng, tách biệt hoàn toàn với các loại câu khác trong cú pháp tiếng Việt. Với dạng thức tối giản, CĐB được phân lập dựa vào các thành tố cú pháp là hạt nhân và tác tử. Hạt nhân được xem là thành tố ngữ pháp trung tâm có thể tự tạo câu hoặc kết nối với các tác tử để kiến tạo nên những dạng cấu trúc CĐB khác nhau.

Từ mô hình chung được xây dựng từ các thành tố chính và phương thức đánh dấu đặc thù của tiếng Việt, chúng tôi phân lập được 13 mẫu câu tương ứng với 13 dạng cấu trúc CĐB chia thành 2 nhóm lớn: CĐB chỉ có hạt nhân và CĐB có cấu trúc hạt nhân kết hợp với tác tử. Ở mỗi nhóm cấu trúc đều có những phân loại nhỏ hơn, với những cách thức kết hợp cú pháp đa dạng, đảm bảo liên kết logic để khái quát thành mẫu câu CĐB tương ứng. Song song với việc phân loại, chúng tôi cũng đã tiến hành phân tích khá cặn kẽ từng tiêu loại mẫu câu với các ví dụ và sơ đồ minh hoạ.

Kết quả khảo sát chỉ ra cho chúng tôi các dạng cấu trúc thực tế của CĐB theo mức độ điển hình về tần số xuất hiện trên văn bản không giống nhau. CĐB có dạng thức càng tối giản càng phổ biến trong giao tiếp.

Khi phân tích cấu trúc tầng bậc bên trong CĐB, chúng tôi cũng nhận thấy mối quan hệ kết hợp giữa hạt nhân và một (hoặc một số) tác tử biến hoá rất đa dạng. Số lượng, vị trí và tầm tác động của các tác tử tạo nên những mối quan hệ nội tại và lớp cấu trúc mang tính đặc thù của CĐB.

Như vậy có thể thấy, mặc dù hình thái CĐB mang tính tối giản, tinh gọn nhưng mối quan hệ ngữ pháp giữa các thành tố cấu thành vẫn hiện diện và đảm bảo liên kết chặt chẽ. Các thành tố cấu trúc mà chúng tôi đã phân lập trong chương này đồng thời cũng là cơ sở nhận diện các bình diện nghĩa học và dụng học ở các chương tiếp theo của luận án.

### CHƯƠNG 3. BÌNH DIỆN NGHĨA HỌC CỦA CÂU ĐẶC BIỆT TIẾNG VIỆT

Nghĩa học là lĩnh vực biểu thị quan hệ giữa tín hiệu với các sự vật, hiện tượng ở bên ngoài hệ thống tín hiệu. Trong ngôn ngữ học hiện đại, bình diện ngữ nghĩa của câu được quan tâm và được xem là bình diện quan trọng, chi phối các bình diện còn lại của câu.

Ở chương này, luận án đặt nhiệm vụ làm rõ các bình diện nghĩa của CDB mà NPCN chú ý tới là nghĩa sự tình và nghĩa tình thái.

#### 3.1. Nghĩa sự tình của CDB tiếng Việt

Nghĩa sự tình của câu còn được biết đến với các tên gọi khác như nghĩa biểu hiện, nghĩa miêu tả, nghĩa kinh nghiệm..., đây là khái niệm dùng để chỉ cách mà câu diễn tả các tình huống cụ thể trong thế giới thực hoặc trong một ngữ cảnh giả định, vì thế sự tình có thể được đánh giá tính đúng đắn trong mối quan hệ với hiện thực.

##### 3.1.1. Cơ sở xác định nghĩa sự tình trong CDB tiếng Việt

S.C.Dik dùng thuật ngữ “sự tình” theo nghĩa rộng của “cái có thể là tình huống trong một thế giới nào đó”. Sự tình có thể được chia thành nhiều kiểu khác nhau, tùy vào những tiêu chí phân định được xác lập.

Mô hình cấu trúc ngữ nghĩa của S.C. Dik gồm có kết cấu vị ngữ hạt nhân và kết cấu vị ngữ mở rộng. Kết cấu vị ngữ hạt nhân chỉ bao gồm vị từ và các tham tố. Vị từ là yếu tố quyết định số lượng cũng như đặc điểm của các tham tố, theo tinh thần NPCN có thể do bất kì từ loại nào khác đảm nhiệm. Các tham tố do các ngữ định danh biểu thị và là yếu tố cần thiết, yếu tố bắt buộc của khung vị ngữ. Kết cấu vị ngữ mở rộng được hình thành nhờ bổ sung các chu tố vào kết cấu vị ngữ hạt nhân. Các chu tố cũng do các ngữ định danh biểu thị nhưng đó không phải là các yếu tố bắt buộc của khung vị ngữ và nó gắn liền với bản chất của sự tình hơn là với bản chất của vị từ. Đối với CDB, nghĩa sự tình sẽ được kiến tạo bởi hạt nhân, như đã đề cập ở chương 2, hạt nhân có thể tồn tại ở dạng hạt nhân vị từ hay kết cấu vị từ mở rộng hơn, kèm theo một hoặc một số tác tử nhất định.

Trong thời gian khoảng hai chục năm gần đây, người ta đã chứng kiến cố gắng của những nhà ngôn ngữ học theo trường phái chức năng trong việc dùng các tiêu chí ngữ nghĩa, mà họ gọi là các tham số ngữ nghĩa (semantic parameters) để phân loại các kiểu sự tình (typology of SoA). Theo đó, các tham số ngữ nghĩa được coi là quan trọng nhất như tính [động], [chủ ý], [hữu kết], [nhất thời] được dùng như những tiêu chí để phân loại sự tình thành các kiểu loại như: hành động, trạng thái, biến cố, tư thế, quan hệ. Tùy theo mức độ chi tiết, các nhà ngôn ngữ học còn dùng nhiều tham số ngữ nghĩa khác như tính [chuyển tác], [nội tại], [định vị], [thường tồn], [thể chất]...

Cách phân loại sự tình của Dik, một trong những cách phân loại được coi là có hiệu lực cho mọi ngôn ngữ, cho ta bốn loại sự tình cơ bản là hành động, tư thế, quá trình, trạng thái.

Về sau, năm 1989, Dik đưa thêm tính thành quả (telicity) vào bộ thông số của mình, và nó cũng được xét theo hai chiều, qua đó cho ra một bảng phân loại gồm 6 loại sự tình là: Tư thế (Position); Trạng thái (State); Hành động hoàn thành (Accomplishment); Hành động diễn tiến (Activity); Quá trình biến đổi (Change); Quá trình biến động (Dynamism).

Với quan điểm vị từ là trung tâm của vị ngữ, là yếu tố đánh dấu sự phân biệt giữa các loại sự tình, Cao Xuân Hạo đã áp dụng lí thuyết của S.C. Dik, kết hợp với các thành tựu của những nhà NPCN tiêu biểu để phân biệt các sự tình trong câu tiếng Việt. Trên cơ sở các sự tình mà S.C. Dik đã đề xuất, Cao Xuân Hạo đưa thêm sự tình [tồn tại] vào hàng các sự tình cơ bản ngang hàng với [biến cố] và [tình hình]. Cũng vậy, để phù hợp với đặc điểm tiếng Việt, ông đã thay thế ô Tư thế trong lược đồ các sự tình của S.C. Dik bằng loại Quan hệ (các quá trình) của M.A.K. Halliday. Bên cạnh đó, các sự tình thuộc ô Tư thế của S.C. Dik sẽ thuộc vào nhóm các sự tình hành động không chuyên tác, không di chuyển và được ông gọi là Ứng xử (behavioural, thuật ngữ của M.A.K. Halliday). Các sự tình này đã được ông hệ thống thành lược đồ loại hình các sự tình<sup>25</sup>. Sau đó, Cao Xuân Hạo cũng giải thuyết: “Các sự tình, được biểu hiện trong ngôn ngữ bằng những câu mà hạt nhân là khung vị ngữ”, vậy nên ông nhất thống thành ba loại câu phản ánh ba loại sự tình cơ bản là:

- Câu tồn tại: nhận định rằng trong một thế giới hay một nơi nào đó có một cái gì;
- Câu chỉ sự tình động hay sự việc, biến cố: trong đó phân ra thành hành động và quá trình;
- Câu chỉ sự tình tĩnh hay tình hình, được phân ra thành trạng thái và quan hệ.

Như vậy, ở nội dung này, quan điểm của Cao Xuân Hạo là sự vận dụng cách thức phân loại sự tình của S.C. Dik vào đối tượng cụ thể tiếng Việt. Chính vì thế, chúng tôi cho rằng, cơ sở lí thuyết này hoàn toàn phù hợp với hướng giải quyết vấn đề của luận án này.

### **3.1.2. Các loại sự tình trong CDB tiếng Việt**

#### **3.1.2.1. Sự tình hành động**

Theo quan điểm của Dik, sự tình hành động được mô tả bởi hai thuộc tính [+Động] và [+Chủ ý], gọi theo cách khác là các sự kiện chủ ý. Sự tình hành động

<sup>25</sup> Xem thêm Cao Xuân Hạo, “Sơ thảo Ngữ pháp chức năng”, tr.428.



xuất hiện trong hoàn cảnh hành động được thực hiện có chủ ý, có sự điều khiển. Tùy thuộc vào việc hành động có tác động đến đối tượng nào hay không mà được phân ra thành hành động vô tác hay chuyển tác.

a. Hành động vô tác

Một hành động không tác động lên đối tượng nào là hành động vô tác. Loại hành động này biểu thị sự tình ở các dạng thức như sự di chuyển có chủ ý từ vị trí này sang vị trí khác và thường miêu tả ở dạng kết cấu cầu khiến, người nói đưa ra một yêu cầu, đề nghị người nghe thực hiện, có thể bao gồm chỉ dẫn về đích và hướng di chuyển hoặc không. Các câu này vì thế đòi hỏi phải cho đối tượng chịu tác động, trong khi đó CDB lại không xác định được đối tượng này. Các câu có dạng thức gần như CDB thì lại là các câu mệnh lệnh, tồn tại trong giao tiếp ở dạng thức bị tính lược chủ ngữ. Vậy nên CDB không biểu thị dạng hành động vô tác này.

Hành động vô tác trong CDB tiếng Việt được biểu thị ở dạng hành động tinh thần hoặc thông qua việc thực hiện một hoạt động để ứng xử với tình thế mà họ đang đối diện. Trong trường hợp đó, hành động vô tác được diễn tả như những cử động theo một phương thức nhất định, nhóm này không biểu thị sự di chuyển mà là những thay đổi động thái thân thể như “nhếch mép cười” trong ví dụ sau:

(51) *Bất chợt V. gọi điện cho tôi. Cô tỏ ý muốn xin lại những bức hình. Có một vài báo muốn xin những tấm ảnh ấy, mà tôi thì không dùng đến chúng. Thực lòng tôi cũng có ý muốn trả lại cho cô. Một dịp nào đó. Cô thì bận rộn với những show diễn. Tôi thì bận rộn với những thứ mà không biết vì sao mình phải bận rộn với nó.*

*Chúng tôi gặp nhau. Ở quán café bữa trước. Đối diện nhau. Những tấm ảnh nằm giữa.*

***Nhếch mép cười.***

(Phong Điệp, *Sau cánh gà*, tr.61)

Dĩ nhiên, hành động vô tác trong CDB tiếng Việt có thể là một hành động tinh thần của chủ thể, phản ánh một chuyển biến về nhận thức, tâm lí trước một tình huống nào đó, nghi hoặc, cảm thấy bất ngờ:

(52) *Tàu đi một đoạn xa, gọi về nhà. Hải cố phân tách tiếng nói ngọng lếu của con với tiếng xôn xao của sóng, cố tìm cho được một chút tính hiệu gì đó vừa hồi hộp, vừa lo âu. Nhưng suốt cuộc gọi ấy đứa nhỏ vẫn tươi vui. Không hỏi nhưng mẹ cũng nói, “thằng nhỏ không rên chút nào!”. Lòng dậy lên những dấu hỏi giăng như chùm móc câu bện ngọt. **Nghi lắm?***

(Lê Quang Trọng, *Biển vọng*, tr.154)

(53) *Thối hết bài sáo, lão quay sang hỏi tôi:*

*- Ông có nghe thấy điều gì trong tiếng sáo không?*

- *Vâng, tôi nghe thấy trong đó tâm sự của một người ẩn dật, có thể là một nhà tu hành. **Thật bất ngờ.***

- *Vì ông nhìn vào con chó rồi đoán định về tôi? Con chó ấy vốn không phải của tôi. Nó là của phường săn. Tôi là người đốn củi, nghĩa là chỉ nhặt những thứ rác rưởi của rừng. Khi họ hết cái để săn, hết thú dữ thì ai canh rừng, kể cả con chó săn cũng biến thành miếng mồi, nên tôi với nó thành ra những kẻ ẩn dật ở chỗ này.*

(Bùi Việt Phương, *Năm tôi bốn mươi chín tuổi*, tr.188)

Nhóm hành động này trong các dạng câu khác được phân loại khá đa dạng, tuy nhiên trong CDB, sự khuyết đi vị trí chủ thể, hành thể và mục tiêu khiến cho nhóm hành động biểu thị sự tình này xuất hiện rất hạn chế trong phạm vi ngữ liệu chúng tôi khảo sát được.

#### b. Hành động chuyển tác

Hành động chuyển tác là hành động tác động làm thay đổi trạng thái hay vị trí của đối tượng so với ban đầu. Số diễn tố của loại hành động này trong các câu thuộc các dạng cấu trúc khác thường mang tính bắt buộc, chẳng hạn như phải có tác thể (agens), đối thể hay bị thể (goal - patients), ngoài ra tùy tình huống còn xuất hiện nhận thể và đích.

Tác động hành động chuyển tác đối với đối thể có những mức độ khác nhau, tuy nhiên trong CDB, sự tác động này gần như không đủ điều kiện để diễn ra, biểu hiện cho hành động chuyển tác khá nghèo nàn, khó xác định, nó tồn tại ở dạng mô tả về một hành động nào đó như “biểu năm trăm đồng”, “mặc”, “ở lại” trong các CDB dưới đây:

(54) *Tết năm đó, nhà tôi không mua hoa đào, không gói bánh chưng. Chiều mồng hai, đơn vị cũ của cha tôi cho người về viếng mẹ tôi. **Biểu năm trăm đồng.** Ông Chương, phó của cha tôi bây giờ lên tướng, ra mộ thắp hương. Anh Thanh đại úy cần vụ đi theo rút súng bắn ba phát lên trời.*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Tướng về hưu*, tr.106)

(55) *Bà ghét mẹ vì sao tôi không biết, cho đến ngày bác dâu tôi vào phòng mẹ thủ thi. Mẹ đang thút thít. Bà ngoài kia chửi chó mắng mèo. Bà chửi nhiều hơn mọi bạn. Bà hực hực với cả cái rế rách, cái quần thâm nhuộm không ăn củ. **Mặc.** Bác tôi cứ thủ thi. Mẹ cứ khóc. Chưa bao giờ tôi thấy mẹ nằm khóc như thế mà bà chửi nhiều như thế. Thường lúc đó mẹ tắt tả gánh mạ hay cố vun cho đầy luống đất để chờ lúc gieo hạt.*

(Bảo Thương, *Nỗi đau của mẹ*, tr.137)

(56) - *Thế thì ông đi chuyến ấy có hơn không? Máy hôm nay, hôm nào cũng gần về chiều giờ mới hừng nắng. Vây ông chờ một tý nữa xem.*

*Bằng yên lặng, nàng lại nói luôn:*

*- Thôi, ông hãy ở lại một lát nữa.*

*Bằng ngẫm nghĩ rồi chép miệng nhìn nàng mỉm cười:*

*- Thì ở lại.*

*Cô phó rên vui mừng nói một cách ngây thơ:*

*- Vâng, có thể chứ!*

(Khái Hưng, *Bên đường dừng bước*, tr.432)

Câu chứa hành động chuyển tác có thể biểu thị cho một hành động ngôn từ, loại sự tình này còn được gọi là hành động tạo tác, chẳng hạn như hành động bác bỏ ví dụ dưới đây:

(57) *Chiều. Bố Lâm bảo tôi: “Cậu với thằng Lâm có thích xem điều không?” Mẹ Lâm bảo: “Tôi lạy ông. Xay cho tôi mấy thùng thóc”. Chị Hiên bảo: “**Kệ bố. Để con xay cho. Chẳng mấy khi nhà có khách**”. Bố Lâm lấy ở góc bếp xuống cái điều to bằng cái thuyền thúng bôi giấy “dó”, dây điều là cuộn song to bằng ngón tay trỏ của tôi.*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Những bài học nông thôn*, tr.267)

CĐB cũng có những miêu tả hành động chuyển tác khá đặc sắc như “ùn mãi người lên” trong ví dụ sau đây được chúng tôi đánh giá rằng nếu không phải là CĐB thì khó bề chuyển tải được hành động làm thay đổi trạng thái một cách tường minh như vậy:

(58) *Còn cái thằng quýt đã thức suốt đêm với tôi hôm qua ở hàng cơm thì mỗi lúc thấy một ai, bất cứ đực hay cái, đến giữ chỗ, là lại cầu nhau:*

*- Giời ơi! Lại cứ thêm thêm mãi thì bao giờ cho tôi mới có việc đây!*

*Thật vậy, bất cứ ở bậc thang nào trong xã hội, một kẻ đồng nghiệp cũng là một kẻ đáng ghét, một vú già cũng cầm câu chửi một câu bâng quơ:*

*- Tiên nhân nhà nó! **Cứ ùn mãi người lên thế này!***

(Vũ Trọng Phụng, *Cơm thầy cơm cô*, tr.186)

Số lượng diễn tố tham gia biểu thị nghĩa của các hành động chuyển tác trong CĐB khá hạn chế, một số vị trí bắt buộc ở các loại câu khác lại đương nhiên khuyết trong CĐB. Chính vì lí do đó, sự biểu thị của loại hành động này cũng hạn chế thông tin sự tình, các loại cấu trúc gây khiến hay cấu tạo kết quả không được thiết lập trong CĐB hoặc nếu có thì lại tồn tại ở dạng câu khác, không phải là đối tượng nghiên cứu của đề tài này. Đây cũng là một trong những lí do khiến nội dung sự tình của CĐB tường minh nhưng thiếu sự liền mạch, rõ ràng, không có khả năng biểu lộ những quá trình có sự tham gia của nhiều diễn tố hoặc những sự tình mang tính phức tạp.

### 3.1.2.2. Sự tình quá trình

Một biến cố trong đó không có chủ thể nào có chủ ý được gọi là một quá trình. Một quá trình có thể có sự tham gia của các diễn tố hoặc không, vì thế được chia ra thành quá trình không chuyên tác (vô tác) hoặc chuyên tác.

Quá trình chuyên tác hoặc vô tác khác với các loại sự tình khác ở chỗ nhất định phải có sự tham gia của đối tượng trực tiếp trải nghiệm quá trình đó, chẳng hạn như “mưa” trong “mưa rơi”, “nhà” trong “cháy nhà”, “một cây kem” trong “một cây kem chảy”... Đây có thể là một thành tố rất dễ xác định bởi tính tồn tại hiển nhiên trong các kết cấu câu có hai thành phần chủ - vị hoặc đề - thuyết, nêu - báo... Tuy nhiên trong CDB, vì không tồn tại quan hệ thuyết giải, vậy nên gần như không thể xác định sự tình quá trình, dù ở dạng vô tác hay chuyên tác.

### 3.1.2.3. Sự tình trạng thái

Sự tình trạng thái dùng để biểu đạt các tính chất và tình trạng trong CDB.

#### a. Sự tình tính chất

Tính chất là đặc trưng lâu dài và ổn định gắn liền với những đối tượng nhất định. Các tính chất thường phân thành hai nhóm cơ bản là thể chất và tinh thần. Các tính chất vật chất gắn liền với các hoạt động vô sinh hoặc hữu sinh, tuy nhiên, trong CDB, nhóm tính chất vật chất này được miêu tả khá sinh động, mặc dù đa phần tập trung biểu hiện sự đánh giá các tính chất vật chất nhiều hơn tinh thần:

(59) *Buổi phiên chợ Bằng, Liên ngồi cạnh nàng nhi nhảnh khoe:*

- *Này Tâm xem, tôi mới sắm được cái này đẹp lắm.*

*Liên đưa ra một đôi khuyên vàng cô mới gửi đánh ở trên tỉnh. Tâm cầm lấy ngắm nghía trên tay. Mắt nàng sáng lên, Tâm nghĩ đến những buổi nói chuyện với Liên khi nàng chưa lấy chồng. Hai chị em bàn về những đồ trang sức, và đôi khuyên là cái ước vọng tuyệt đích của hai cô gái quê. Hai người buổi nào cũng nhắc đến, và cùng hẹn nhau dành dụm để sắm một đôi đeo Tết.*

- **Đẹp quá nhỉ.** *Chị mua hết bao nhiêu ?*

*Nàng ngẩn ngơ đưa trả lại Liên, yên lặng nhìn bạn mắc vào tai.*

(Thạch Lam, *Cô hàng xóm*, tr.274)

“Đẹp quá nhỉ” là tính chất của đôi khuyên vàng mà Liên mới đánh trên tỉnh, đây là một đặc trưng tích cực gắn liền với bản thân đối tượng.

(60) *Hà không đẹp. Dáng người cứng, đuối. Mặt dẹt quá. Cái mũi hơi đỏ. Da sần sần, nhờn, trông như bản. Cổ chân, cổ tay thì thô lắm. Nó bước mãi, cái đầu hơi nghẹo đi, như thẹn. Còn cách hè độ mười bước, nó ù té chạy tọt vào. Thứ nghe tiếng nó cười ri ri, như vừa cười vừa bịt mồm, và tiếng bà cụ làu nhàu chửi. San lại đứng*

đưa đôi mắt, cười. San thêm những cử chỉ uốn éo, nũng nịu. Y vẫn thường kêu với Thứ:

- *Lấy vợ nhà quê tức tức lạ! Chẳng biết làm nũng gì cả. Giá tôi là con gái, tôi làm nũng thì phải biết!...*

Cửa buồng đóng chặt rồi, đôi bạn nằm khênh trên giường, vừa xia răng, vừa bàn tán nhỏ với nhau về vợ thằng Mô:

- **Xấu quá!** Không bằng nữa con Lân. Sao thằng Mô không lấy con Lân nhỉ?

(Nam Cao, *Sống mòn*, tr.366)

Nhân vật San gán thuộc tính “xấu quá” với cô gái tên Hà, vợ sắp cưới của cậu Mô trong truyện. Tính chất này hoàn toàn phù hợp những chi tiết được tác giả mô tả về đối tượng ở phần trước đó như “Dáng người cứng, đuồn. Mặt dẹt quá. Cái mũi hơi đỏ. Da sần sần, nhờn, trông như bản. Cổ chân, cổ tay thì thô lắm.”

Bên cạnh đó, ngữ liệu cũng có nhiều câu mô tả các dạng tính chất khác như:

(61) **Nét lấm**. (Nguyễn Huy Thiệp, *Không có vua*, tr.189)

(62) **Xinh nhé**. (Võ Thị Xuân Hoà, *Lính cứu hoả*, tr.33)

Như vậy, CDB đa phần mô tả các tính chất vật chất, sự phân hoá về sắc thái khá đa dạng, biểu đạt nhiều khía cạnh của đối tượng. Trong khi đó, các tính chất tinh thần chỉ có ở con người hoặc động vật thường được biểu đạt trong các dạng câu khác khá đa dạng như tính chất trí tuệ, ứng xử... Tuy nhiên đối với đặc thù CDB không có tác thể, hành thể, dẫn đến sự mô tả các tính chất phức tạp này bị hạn chế. Nhóm sự tình này cũng vì thế mà không xuất hiện nhiều trong phạm vi ngữ liệu chúng tôi khảo sát được.

(63) ... *Tôi cười: “Anh biết không: người cách mạng chỉ chú tâm vào mục đích cuối cùng mà thôi”. Anh Bường bảo: “Đừng có bẫy tao vào chính trị tư tưởng, mày đều lắm”. Tôi bảo: “Anh còn lạ gì thằng Biền nó khoẻ thế, nó bẻ gãy tay tôi anh có thương không?” Anh Bường bảo: “Bản chất của mày là một thằng trí thức lưu manh chính trị. **Tởm lấm!** Cút mẹ mày đi”. Tôi bảo: “Anh là một thằng tù hình sự, một tên lưu manh “gin”, tại sao anh không chịu nổi tôi?” Anh Bường nhổ nước bọt vào mặt tôi. Anh bảo: “Mày tự do. Nếu cần, sáng sớm mai tao đi vay tiền cho mày về xuôi”.*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Những người thợ xẻ*, tr.304)

Câu “Tởm lấm” trong ví dụ (63) xuất hiện khi anh Bường đánh giá về nhân cách, suy nghĩ và lối hành động của nhân vật tôi sau sự kiện vật nhau với Biền. Đây là một dạng mô tả sự tình tính chất tư tưởng đặc thù hiếm xuất hiện trong CDB.

#### b. Sự tình tình trạng

Tình trạng dùng để chỉ phân loại sự tình mang tính nhất thời, biểu thị trạng thái trong một hoàn cảnh nhất định, hoặc bị tác động vật lí, hoá học nào đấy của môi trường. Các tình trạng đó thường mang tính khách quan như các ví dụ sau:

(64) *Tôi đã nhồm dậy đến bên mắc, với áo, chiếc áo của Bân. Qua lần vải tôi thấy chiếc ví kệnh kệnh răn răn. Khoác áo lên một bên vai, tôi đi lại trong nhà, bồn chồn nóng ruột. Một cô đầu lê guốc ra hé cửa, nhìn ra ngoài trời:*

- **Tối lắm.** Phải vậy gì mà đi bây giờ anh ạ.

- Đầu xem nào...

*Tôi cũng đến bên cửa nghiêng nhìn ra ngoài.*

(Thạch Lam, *Sợi tóc*, tr.298)

“Tối lắm” là câu cô đầu dùng để mô tả tình trạng không gian bên ngoài ở thời điểm được đề cập của hội thoại. Tình trạng này mang tính nhất thời tùy thuộc vào không gian, thời gian cụ thể mà không có tính duy trì, ổn định.

Tương tự như ví dụ sau:

(65) *Tuy đã cuối tháng chín nhưng đối với Trúc cứ lúc nào trời đổi gió heo may mới thực là lúc bắt đầu mùa thu.*

*Trúc đặt chén nước, châm một điếu thuốc lá hút rồi bước vội ra sân.*

*Thấy Loan ở trong nhà đi ra, Trúc nói:*

- *Trời đẹp quá cô Loan nhỉ !*

*Loan đặt rổ bát phơi trên nắp chum rồi quay lại vừa vẫy mạnh hai bàn tay cho ráo nước vừa xuýt xoa nói:*

- *Sáng ngày sang đây, em sợ trời nóng chỉ mặc cái áo trắng phong phanh.*

***Nguy hiểm quá.***

(Nhất Linh, *Nhật lá bàng rơi*, tr.219)

Trước tiết trời giao mùa khi đang trở rét, heo may lúc thì lại nắng to, Loan tự nhận tình trạng “nguy hiểm quá” khi “chỉ mặc cái áo trắng phong phanh”. Ở đây “nguy hiểm” không phải là thuộc tính của sự vật sự việc nào mà chỉ thuộc về tình huống mà sự tình của câu thuộc về.

Nếu gắn liền với con người, các tình trạng sự tình mang tính chủ quan, có thể xuất phát từ nhận định của người nói về hiện trạng diễn biến trong hoàn cảnh giao tiếp. Tuy nhiên tình trạng khác với cảm xúc, tình cảm ở hiệu ứng tác động đến từ bên ngoài hoặc nói cách khác là các yếu tố ngoại quan tác động làm thay đổi cảm giác, điều này có thể mang tính nhất thời, hoặc bắt đầu chuyển biến ngay chính ở thời điểm phát ngôn.

(66) - *Thế sao cô không bảo thực tôi từ trước, để tôi kéo cô qua các nhà sẫm để hỏi, cô còn sĩ diện mãi.*

- *Nào ai biết cơ sự nó ra thế này. Thôi, này, tôi nói thế này thì anh nghe. Nếu bây giờ anh bỏ tôi ở đây, thì tôi không có tiền giả anh, sự ấy đã đành rồi, nhưng mà anh thiệt. Vậy anh có kéo tôi nữa, may tôi có khách thì tôi có tiền, mà anh cũng không phải phàn nàn nữa.*

- *Tôi thật là nợ nần gì cô kiếp trước hay sao, mà nay tôi khổ với cô như thế này. Đầu năm mà đã rấp! **Rắc rối!***

- *Anh đừng nói thế, ai muốn thế này làm gì!*

*Bất đắc dĩ, con ngựa người lại phải kéo con người ngựa vậy.*

*Nhưng lần này thì thật là không buồn bước lên nữa. **Chán quá!***

*Rõ số đâu mà số ăn mày thế này!*

*Anh xe vừa đi, vừa thở dài. Khách cũng vừa đi, vừa thở dài. Càng đi, càng thấy phở vẳng tanh, vẳng ngắt. Thỉnh thoảng mới gặp một người tùm hum cái áo ba đờ xuy, mà đi có ý vội vàng.*

***Buồn thay!** Đàn muỗi vo vo bay, đùa nhau xung quanh ngọn đèn. Lá cây sột soạt rụng, đuối nhau ở trên đường nhựa.*

(Nguyễn Công Hoan, *Người ngựa và ngựa người*, tr.43)

Các CDB: “Chán quá”, “Buồn thay” là cảm giác của người phu xe cùng quần khi miệt mài kéo xe hơn 3 giờ đồng hồ trong đêm giao thừa, trong hoàn cảnh bĩ cực nhưng nhen nhóm bao nhiêu tia hi vọng thì va phải tình trạng trớ trêu “rắc rối” từ người khách đi xe. “Chán” hay “buồn” là tình trạng của người phu xe khi biết được sự thật, là bởi sự tác động của thông tin tình huống dẫn đến biến đổi theo chiều hướng tiêu cực. Đây đồng thời cũng là nhận định của người dẫn chuyện về bối cảnh sự tình.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng thu thập được những tình trạng trong các CDB khác như:

(67) ***Thật đáng tiếc.*** (Thạch Lam, *Ngày mới*, tr.433)

(68) ***Kinh khiếp quá!**...* (Nguyễn Hồng, *Tàu đêm*, tr.140)

Từ các ví dụ có thể thấy, các sự tình tình trạng trong CDB có khuynh hướng biểu thị chiều hướng tiêu cực hơn là tích cực. Cũng có thể xuất phát từ tâm lí những điều tiêu cực thường mang tính bất thường, xảy đến đột ngột, khiến cho người tham gia giao tiếp vì vậy phải thốt lên trực tiếp. Hoặc hiểu theo cách khác, chiều hướng tích cực thường được biểu thị ở các câu chỉ những trạng thái tâm lí, tình cảm, còn được gọi là câu thể nghiệm tình cảm như trong các ví dụ (69) - (71) sau:

(69) *Chân chạm đất, tay vịn gậy, bà cố nhướn lưng cho thẳng rồi căng ngực hít một hơi thật sâu. **Đễ chịu quá!** Mùi đồng làng, mùi tuổi thơ, mùi quê cha đất tổ là dưỡng khí hồi sinh sức khỏe cho bà.*

(Vũ Thanh Lịch, *Bà cô bên chông*, tr.266)

(70) *Thầy bảo: "Sau này về viện, em cũng có cơ hội được đi như thế". Em bảo: "Sao mà em về được. Các bạn khác có người giỏi hơn em mà". Thầy bảo: "Giỏi không phải là tất cả". Em bảo: "Vậy người ta phấn đấu học giỏi để làm gì ạ?". Thầy bảo: "Để thêm hiểu biết, để sống thích ứng". Đúng! Học giỏi chỉ là một trong "n" tiêu chuẩn thôi. Nào, luận văn đâu đưa đây xem nào". Em bảo: "Thầy uống gì ạ?". Thầy bảo: "Có gì uống nấy". Em bảo: "Em đã chuẩn bị rượu vang và lạc rang tẩm hương húng liu". Thầy bảo: "**Ồ, tốt quá!** Mình thích lắm".*

(Trần Mạnh Hùng, *Khoảng trống*, tr.101)

(71) *Có lẽ chị đã viết thư báo trước, bởi vì chị vừa bắm chuông, cửa đã lập tức mở. Con gái chị ào ra:*

*- Mẹ! Ôi, mẹ! Mẹ đi đâu mà lâu thế không về với con! – Cô bé giơ đôi cánh tay mũm mĩm ra ôm quàng lấy mẹ. Phương ôm con vào lòng. Những giọt nước mắt rơi giàn giụa “Ôi! Con của mẹ! Mẹ lại có con rồi! **Sung sướng quá...**”*

(Võ Thị Hào, *Phiên chợ người cùi*, tr.134)

Ở ví dụ (69), “dễ chịu quá” là cảm nhận của nhân vật bà cô khi được đặt chân lên mảnh đất quê hương, ngửi được mùi vị của quê hương như thể dưỡng khí hồi sinh của một người già xa quê như bà. Câu đánh giá tình trạng “tốt” (70) của người thầy phát ra đầy hài lòng khi sự tình diễn tiến theo chiều hướng mà ông ấy mong muốn, việc cô học trò mời đến tận nhà xem luận văn sau loạt than vãn “cô đơn” của thầy, khi cô ấy đã chuẩn bị rượu vang và lạc húng liu, một hoàn cảnh đưa đẩy theo đúng nguyện vọng của thầy, dù rằng theo thực tế không phải là tích cực dù quy chiếu theo trục nào. Cảm nhận thuộc tính tình trạng rõ ràng nhất chính là CDB trong ví dụ (71), người mẹ bị phong trở về sau hai năm đi điều trị, chịu cảnh cách biệt với con gái của mình, nay được ôm con mình vào lòng, bằng xương bằng thịt, bằng một cảm giác rất thật sau bao giày vò khổ đau cả về thể xác lẫn tinh thần, tình trạng của người mẹ được biểu đạt rất trực tiếp, rất rõ ràng là “sung sướng quá”.

Như vậy, khác với các kiểu câu còn lại, CDB dù biểu thị tính chất hay tình trạng cũng đều là phô diễn trực tiếp sự tình, các vị từ trạng thái, tính chất đều có khả năng biểu đạt vừa tường minh vừa sinh động sự tình cần chuyển tải. Có thể nói ở góc độ này, nghĩa sự tình tình trạng hay tính chất cũng đều được biểu lộ hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ thông báo của một câu. Đây cũng là một trong những nhóm sự tình đặc sắc được CDB chuyển tải.

#### 3.1.2.4. Sự tình quan hệ

Trong *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Cao Xuân Hạo đã chỉ rõ bản chất của sự tình quan hệ trên cơ sở đối lập quan hệ với trạng thái như sau: “*nếu trạng*



*thái là một tình hình của một thực thể xét trong bản thân nó, thì quan hệ là một tình hình một thực thể xét từ bên ngoài có đối chiếu với một thực thể khác”* [26, tr.428].

Sự tình quan hệ trước nay luôn được xem xét trong mối quan hệ mật thiết với câu quan hệ. Trong mối quan hệ này, luận án *Sự tình quan hệ và câu quan hệ tiếng Việt* của tác giả Lê Thị Lan Anh đã nêu định nghĩa câu quan hệ “*là câu phản ánh sự liên quan, mối quan hệ nào đó giữa vật, việc, hiện tượng nêu ở chủ ngữ với vật, việc, hiện tượng khác nêu ở bổ ngữ. Nói cách khác, câu quan hệ là câu mà nòng cốt câu biểu thị sự tình quan hệ*”. [1, tr.97]

Chính Cao Xuân Hạo đã khẳng định “*Một câu quan hệ nhất thiết phải có hai vế*” [26, tr. 444], thế nên chiếu theo các tiêu chí mà các tác giả đi trước đã chỉ ra, CDB không phải là câu quan hệ. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, CDB là câu có thể biểu đạt một trong các dạng thức của sự tình quan hệ.

Về phân loại sự tình quan hệ, Cao Xuân Hạo đã chỉ ra các nhóm sự tình quan hệ như: quan hệ liên quan đến vật thể và quan hệ liên quan đến sự tình. Xét trong quan hệ với hiện thực và ngữ cảnh xuất hiện CDB, có thể thấy, CDB có thể biểu đạt một số phân loại của sự tình quan hệ mà chúng tôi sẽ phân tích dưới đây.

#### a. Sự tình quan hệ tương liên

CDB có hạt nhân là các đại từ nhân xưng thường biểu thị hành động gây khiến là gọi một đối tượng nào đó, đối tượng này có mối quan hệ xác định đối với vai nói trong đối thoại, hành động gọi là hành động tác động vào đối tượng để chờ sự phản hồi, hoặc dừng lại trong hoàn cảnh cụ thể. Mặc dù không biểu thị một cách đầy đủ như “A là con của B” hay “A là thầy của B” như trong mô tả của Cao Xuân Hạo, nhưng thông qua các CDB này, thông tin sự tình mà đại từ nhân xưng mang lại được dùng như một sự xác tín về mối liên hệ giữa các nhân vật giao tiếp<sup>26</sup>.

Có thể trong các câu “*Này em ơi!*” (Nguyễn Công Hoan, *Oăn tà roăn*, tr.28), *Cụ... đây!* (Ngô Tất Tố, *Phần I- A. Tiểu thuyết xã hội Tắt đèn*, tr.146) (Ngô Tất Tố, *Phần I- A. Tiểu thuyết xã hội Tắt đèn*, tr.146) khó xác định quan hệ tương liên là gì, nhưng rõ ràng “*Bu nó ơi!*” có thể diễn tả ngay quan hệ vợ chồng giữa đôi bên, người gọi là chồng và người nghe là vợ, đồng thời định vị cặp vợ chồng này là người miền Bắc Việt Nam:

(72) *Bác Trương trai ồ ồ nói:*

- *Tao thấy nó chui qua hàng rào bác Pha đấy.*

*Bác Trương gái lại the the :*

- *Thế thì sang mà tìm, thấy đứa nào ăn cắp, đem mà đào mả bố nó lên!*

<sup>26</sup> Cao Xuân Hạo gọi là “quan hệ giữa một thực thể với một thực thể” [26; tr.446]

*Pha bị nói cạnh, bỗng nảy ra ý kiến:*

**- Bu nó ơi! Phải rồi.**

*Rồi anh nói thềm, chị Pha cau mặt gắt:*

**- Cái gì nói to lên nào!**

**- Tôi nghĩ ra tên thằng cu rồi.**

(Nguyễn Công Hoan, *Bước đường cùng*, tr.298)

Tương tự như vậy, xét trong ví dụ sau:

(73) *Đi qua hiên gác, Minh vô tình thoáng nhìn vào một gian buồng. Một người thiếu phụ xinh đẹp dịu dàng ngồi bên một cái giường trẻ con. Thấy Minh nàng đứng dậy chấp tay ngả đầu chào. Đoàn giới thiệu:*

**- Nhà tôi.**

*Rồi quay vào phía trong bảo vợ:*

**- Anh Minh, bạn thân của tôi.**

*Hai người lại ngả đầu chào nhau một lần nữa, rồi Đoàn đưa Minh vào phòng. Ngắm nhìn mọi vật xếp đặt đâu vào đấy, Minh cảm động vì tấm lòng chu đáo của bạn.*

(Khái Hưng, *Tiếng dương cầm*, tr.402)

Thông qua câu “Nhà tôi”, chúng ta có thể xác định được “người thiếu phụ xinh đẹp dịu dàng ngồi bên một cái giường trẻ con” là vợ Đoàn. Câu “Anh Minh, bạn thân của tôi” cũng chỉ ra ra quan hệ bạn hữu giữa Minh và Đoàn.

Mặc dù không phải tất cả các CDB đều có thể biểu thị quan hệ tương liên, có nhiều câu vì thiếu đi các từ liên kết và tham thế mà không thể xác định được hoặc xác định không rõ ràng, tuy nhiên không thể phủ nhận CDB có loại sự tình này.

b. Sự tình quan hệ định vị trong không gian

Không gian trong CDB danh từ thường là vùng không gian hẹp biểu thị thông tin về sự hiện hữu trong bối cảnh giao tiếp được phô diễn ra một cách trực diện.

(74) *Ở đâu? Từ bao giờ? Nguyễn căng óc suy nghĩ... Có lẽ từ lâu lắm. Từ khi còn nằm trong bụng mẹ ông đã bắt gặp khuôn mặt này rồi. Kí ức vụt dậy nhanh như tia chớp. Ông không nhớ gì cả. Không có khuôn mặt ấy trong kí ức ông. **Ngôi nhà ven sông... Góc thành Nam, lều một gian... Chặng đường rừng xa vắng... Buổi gặp mặt Lê Lợi lần đầu... Những đêm chong đèn viết “Bình Ngô sách”... Hội thề Lam Sơn... Những lần hành quân vất vả. Buổi tiễn đưa Vương Thông... Bữa thiết triều đầu tiên ở điện Kính thiên... Những ngày tù ngục... Không thấy có khuôn mặt người phụ nữ này.***

(Nguyễn Huy Thiệp, *Nguyễn Thị Lộ*, tr.320)

Các CDB liên tiếp “Ngôi nhà ven sông... Góc thành Nam, lều một gian... Chặng đường rừng xa vắng...” giúp nhân vật Nguyễn định vị không gian tạo lập quan hệ của ông và Nguyễn Thị Lộ.

Ở ví dụ (75) sau đây thì “Rừng lan” là thông tin về không gian mà hai nhân vật cô Sao và Quang đang muốn tìm kiếm và đã đến được, rừng lan chính là bối cảnh được CDB chỉ ra biểu thị quan hệ giữa sự tình và chu cảnh một cách trực tiếp.

*(75) Đi khỏi một cái dốc, chàng thấy hiện ra ở trước mặt một mảng trắng xoá dưới bóng trăng.*

**- Rừng lan.**

*Cô Sao mỉm cười vừa nói vừa kéo tay Quang chạy vào trong đám hoa. Hương thơm ngát, Quang thấy đầu óc choáng váng; chàng mơ màng thấy cô Thổ kéo mình ngồi xuống giữa rừng lan. Chàng lắc đầu dụi mắt để cố nhìn cho rõ, nhưng không thể được. Trong lúc bàng hoàng, chàng thấy hình như tất cả những bông hoa trong rừng đều ngả cả về phía chàng, những bông hoa mềm và mát rung rinh bên má chàng như cơn man, ve vuốt...*

(Nhất Linh, *Lan rừng*, tr.200)

Ngoài các dạng thức không gian vật lí, CDB có thể quy chiếu đến sự tình không gian vật chất kết hợp tinh thần nơi các thực thể thuộc về:

*(76) Xan bỏ hẳn kính ra, cất vào túi áo trong rồi ngược mắt trông, Xan hơi bàng hoàng vì sự hiện diện đột ngột này. Trên đầu Xan, mây chì càng thấp xuống, và chung quanh Xan, cảnh vật càng thẫm lại. Gió thổi mạnh hơn. Bụi đường cùng lá cây cuộn lên thành tung đám dày, chạy rào rào và quăn quại như những chim chóc chạy trốn trước cơn bão. Cái lạnh càng thấy rõ nữa trong cảm giác Xan. Xan rít tiếng khe khẽ:*

*- Không biết còn rét đến bao giờ hở?*

*Câu hỏi này làm Xan cúi mặt xuống, không dám nhìn ra xa và nhìn kĩ chung quanh nữa. Từ những thân thể trần truồng, co quắp, những cái dáng đi lầy bầy mờ mờ, và những cặp mắt ngơ ngác của những đám người nhan nhản ở hai bên đường và các xó hè, đến những cây cối, nhà cửa và thời may đều âm âm hỏi theo Xan:*

*- Đến bao giờ nữa hở? Đến bao giờ nữa hở?*

*Cái không khí u uất về chiều này! Cái cảnh tượng nhọt nhọt của chiến tranh này! Cái hoang mang của sự sống qua những đói rét, tàn phá và chết này! Nghĩ tới đấy, thót cái tim Xan như bị kẹp mạnh, bởi một cái kìm, vào ngực Xan như bị ai đứng dận lên. Lại như có từng núi gạo đương đốt cháy ngùn ngụt ở trước mặt Xan. Lại như có từng đồng xác chết vây bọc lấy Xan trong đó có cả cha mẹ, anh em,*

vợ con, và bao nhiêu người quen biết của Xan, mấy tháng trước đây còn vạm vỡ, nhanh nhẹn không thể tưởng tượng được. Và không!... Không!... Có cả Xan nữa.

(Nguyễn Hồng, *Buổi chiều xám*, tr.126)

“Không khí u uất về chiều” và “cảnh tượng nhợt nhạt của chiến tranh” được nhắc đến trong các CDB trên đã định vị ra khoảng không gian với cảnh vật bi thương rất cụ thể mà nhân vật Xan đang thuộc về, đó vừa là sự tri giác vật lí bằng các giác quan, cũng đồng thời là cảm nhận của kí ức, của sự việc liên quan đến chu cảnh đó.

Cần lưu ý thêm không gian được miêu tả trên này là sự tình, không phải là bối cảnh để diễn ra một sự tình của các câu liên đới. Điều này có nghĩa rằng, bản thân vị trí là thông báo của CDB đến đối tượng giao tiếp. Khi khảo sát ngữ liệu, chúng tôi đã bóc tách các CDB biểu thị sự tình thuộc không gian, thời gian, loại bỏ các câu dưới bậc (ngữ trực thuộc) hiển thị trong văn bản như là một bộ phận của các câu đi theo sau hoặc bao quanh nó. Chính vì thế bản thân không gian, thời gian được mô tả ở phần này chính là loại sự tình mà CDB đóng góp cho hoàn cảnh giao tiếp như bất kì một thông báo thuộc các loại CDB nói riêng hoặc câu trong cú pháp nói chung.

#### c. Sự tình quan hệ định vị trong thời gian

Theo lẽ thường, CDB thường khó biểu thị quan hệ định vị trong thời gian, tuy nhiên, trong một số câu nhất định, có thể quy chiếu một số mốc thời gian có thể biểu đạt thông tin sự tình, gọi ra những quan hệ thông tin với các chi tiết, sự việc của ngữ cảnh mà nhân vật giao tiếp muốn kết nối.

(77) *Thảo nghĩ đến Thành. Chắc giờ đây, lòng thanh thản và ngập tràn hạnh phúc, anh đang mê đắm trong vòng tay người vợ mới cưới. Ngày ở Rừng Cười, cô đã khao khát đến cháy lòng ngày ấy! Cái ngày ấy là một trong những đóm lửa sáng nhất giục giã cô cố nhào ra khỏi cuộc sống hoang dã chốn rừng sâu.*

*Cái ngày ấy!... Thảo thấy ngọn đèn dầu nhoè dần, và đứng đưa trước mắt cô một quả cà chua chín đỏ lịm hình trái tim chập chờn, chập chờn. Cô đưa tay bắt. Hình như nước cà chua vỡ ra, chạy dọc theo cánh tay, vào tận ngực. Thử nước đỏ nhờn nhợt như máu loãng. Không hiểu sao, cô thấy buồn buồn ở nách như bị ai cù, và cô bật lên tiếng cười. Trong một trạng thái gần như vô thức, Thảo vung tay, mười sáu phong thư dày cộm vung vãi khắp giường.*

(Võ Thị Hảo, *Người sót lại của Rừng Cười*, tr.118)

“Cái ngày ấy” là thời gian không có thực nhưng gọi ra nhiều quan hệ thông tin. “Ngày ấy” từng nhiều lần xuất hiện trong quá khứ, khi Thảo còn là cô thiếu nữ ở Rừng Cười, nhớ thương người yêu, mong đợi đến ngày đoàn viên. Đó là ngày hẹn, cũng là mục tiêu, động lực để Thảo vùng vẫy giữa ranh giới giữa sự sống và cái chết.

Đến hiện tại, “ngày ấy” không bao giờ xảy ra nữa. Như vậy, thời gian trong CDB có giá trị biểu thị sự tình, tạo lập kết nối mạch thông tin quy chiếu một cách mạch lạc.

Bên cạnh đó, CDB mang những thông tin thời gian có mối quan hệ chặt chẽ với các hành động diễn ra trước và sau câu biểu thị thời gian.

(78) *Trình không đáp, không dám nhận lời vì nàng chưa biết Trùng có bằng lòng cho em nàng lên ở trên này không. Nàng nhìn đồng hồ, mong đợi.*

- **Đã gần tám giờ tối.** *Thôi mời mẹ ăn cơm trước đi, nhà con không biết bao giờ mới về.*

(Thạch Lam, *Ngày mới*, tr.480)

Trong ngữ liệu có khá nhiều những câu như vậy:

(79) *Ba, bốn giờ đêm.* (Thạch Lam, *Buổi sớm*, tr.329)

(80) *9h kém 5.* (Huệ Ninh, *Đằng nào cũng chết*, tr.105)

CDB biểu thị quan hệ thời gian giữa sự tình và chu cảnh thường không giống với các loại câu khác ở cách biểu đạt quan hệ, có thể xét trong ví dụ:

(81) *Cái sức làm cho anh kếp Tư Bền có thể nghĩ đến sự bỏ cha ốm một mình là ở câu nói ấy. Mà cha anh cũng vì câu nói ấy mà nở nang cả lòng xương ngực. Ông cụ cố thở mạnh mấy cái cho khoan khoái trong lòng.*

- *Cậu nghĩ sao?*

- **Nhưng nửa tháng trời!** *Ai trông nom cho cha tôi?*

- *À, thôi, thế này thì cậu bằng lòng nhé. Cậu cứ ở nhà mà học vở. Đến hôm diễn thử lần cuối, cậu hãy đến rạp cũng được. Vì tôi biết cậu thông minh và có tài hơn người khác. Tôi chi, có dịp trở tài, và lại để cho thiên hạ nhớ mong lâu cũng không tiện!*

(Nguyễn Công Hoan, *Kiếp Tư Bền*, tr.90)

“Nửa tháng” là thời gian Tư Bền phải tham gia tập nếu nhận vở diễn. Thời gian này đã được ông bầu nhắc đến trong lần gặp trước, gợi ra thông tin thời gian đơn thuần cũng gắn với những lo lắng về việc chăm sóc người cha già đau ốm của anh kếp.

Ngoài ra, CDB có thể báo hiệu thời khắc chuyển giao hoặc đánh dấu mốc cho sự thay đổi:

(82) *Năm mới!* (Thạch Lam, *Tối ba mươi*, tr.260)

(83) *Nửa đêm rồi.* (Nhật Linh, *Lan rừng*, tr.197)

CDB không có quan hệ thuyết giải, vì thế thời gian thường mang tính khách quan nhiều hơn chủ quan, còn gọi là thời gian vật lí, đa phần CDB giới thiệu về mốc thời gian hoặc khoảng thời gian mang tính đánh dấu với ngữ cảnh hoặc diễn tiến của hành động, sự việc trong ngữ cảnh đó. Có thể xem đây là loại sự tình thời gian mang

tính đặc thù đối với CDB khi mà giá trị định lượng về thời gian được biểu thị ở dạng đơn giản, tường minh nhất, phần đa nghiêng về thời gian vật lí có thể đo lường được theo thông số thông thường.

### **3.1.3. Một số nhận định về sự biểu đạt nghĩa sự tình trong CDB**

Để xác định các loại sự tình trong CDB, luận án đã sử dụng bộ khung của NPCN diễn ngôn, kết hợp với những bổ sung, hoàn thiện của Cao Xuân Hạo trên đối tượng câu tiếng Việt. Cách làm này nhất quán về đường hướng lí thuyết mà luận án đã vạch ra, đồng thời đảm bảo tính thoả đáng về loại hình và đặc thù ngôn ngữ.

Khi nói (viết) ra một câu thường là thông báo về một sự tình nào đó. Sự tình này có thể thuộc thể giới vật chất hoặc thể giới tinh thần của con người. Việc phân tích loại hình các sự tình trong CDB đã một lần nữa chứng minh CDB tiếng Việt có thể biểu đạt sự tình như tất cả các kiểu câu khác.

Thông thường, trong quá trình nói (viết), sự tình được truyền đạt đến người nghe, người đọc thông qua cách tri nhận của người nói (viết). Đối với CDB, tính chủ quan ít nhiều chịu sự ảnh hưởng của hình thái câu, sự tình đa phần được bộc lộ một cách trực tiếp thông qua hạt nhân hoặc kết cấu hạt nhân do vị từ định hình nghĩa, các thành tố nghĩa khác (do các tác tử đóng góp) thường xuất hiện và hỗ trợ khi cần (nhưng không nhiều).

Mặc dù khẳng định khả năng chuyển tải sự tình của CDB, tuy nhiên, vẫn cần lưu ý rằng:

- Tất cả các CDB đều mang nghĩa và thực hiện một chức năng nhất định trong tình huống giao tiếp nhưng không phải CDB nào cũng đều có thể biểu đạt một sự tình cụ thể. Bởi lẽ, nghĩa sự tình liên quan đến tính đúng - sai của câu theo quy chiếu với thực tại khách quan khi được sử dụng trong những tình huống giao tiếp cụ thể. Khi dùng ngôn ngữ để diễn đạt sự tình, người sử dụng ngôn ngữ phải tổ chức sự tình phù hợp với tình huống, với cách nhìn nhận sự tình và mục đích của mình.

Trong phạm vi ngữ liệu của chúng tôi cũng như trong thực tế, không khó để tìm thấy những câu như:

(84) *Ô!* (Đỗ Bích Thuý, *Màn tang mọc trong thung lũng*, tr.420)

(85) *Trời ơi!* (Võ Thị Hào, *Phiên chợ người cùi*, tr.129)

(86) *Trời đất!* (Bùi Việt Phương, *Năm tôi bốn mươi chín tuổi*, tr.185)

(87) *Ừa!* (Hữu Phương, *Bản nhạc mõ trâu*, tr. 58)

(88) *Khiếp!* (Nam Cao, *Sống mòn*, tr.373)

(89) *Eo ơi!* (Nguyễn Công Hoan, *Oản tà roăn*, tr. 28)

Các câu này hiển nhiên là CDB nhưng lại không biểu đạt một sự tình nào trong quan hệ với hiện thực. Bình diện nghĩa học của nhóm câu này được khai thác ở góc

độ nghĩa tình thái, hay chính xác hơn là những câu biểu thị tình thái, thông tin mà câu chuyển tải chưa có tiêu chí xác định để quy chiếu hàm chân trị, gọi theo cách của Cao Xuân Hạo là một dạng “tư duy cảm quan” [26, tr.383].

- Sự biểu hiện nghĩa sự tình trong CDB mang tính đặc thù như các sự tình hành động, sự tình tính chất và sự tình quan hệ được ghi nhận các biểu hiện khá đa dạng. Sự tình hành động trong CDB chủ yếu tồn tại ở dạng hành động tinh thần, hoặc đại diện cho một cách ứng xử trong tình huống cụ thể nào đó. Một số phân loại của sự tình quan hệ đã được chúng tôi phân tích như: sự xác tín về mối liên hệ giữa các nhân vật giao tiếp, sự định vị về không gian, hay thời gian có quan hệ với chi tiết, sự việc mà nhân vật giao tiếp muốn kết nối. Sự tình tính chất là nhóm biểu thị đặc sắc và phong phú nhất trong CDB, đa phần tập trung biểu hiện sự đánh giá các tính chất vật chất nhiều hơn tinh thần và có khuynh hướng biểu thị chiều hướng tiêu cực hơn là tích cực. Sự tình quá trình và khá nhiều phân loại của sự tình hành động (như hành động chuyên tác) hay sự tình quan hệ (quan hệ so sánh, quan hệ đồng nhất, quan hệ nhân quả...) không được biểu đạt trong CDB.

Như vậy có thể thấy, CDB tiếng Việt biểu đạt sự tình khá hạn chế. Nói theo cách khác, loại câu này chỉ được lựa chọn để chuyển tải một số loại hình sự tình nhất định, và trong tình huống đó, CDB hoàn thành tốt chức năng của mình (như các loại tính chất vật lí và tình trạng bất ngờ, đột ngột). Đây cũng là một chỉ báo về việc sử dụng CDB sao cho phù hợp trong giao tiếp.

### **3.2. Nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt**

Nghĩa tình thái tham gia vào quá trình thực tại hoá, biến nội dung sự tình còn ở dạng tiềm năng thành phát ngôn hiện thực. Nghĩa tình thái cho biết, chẳng hạn, sự tình nêu ra trong phát ngôn là hiện thực hay khả năng, mức độ cam kết của người nói với độ tin cậy của thông tin, đánh giá thái độ, tình cảm của người nói khi phát ngôn như thế nào. Ở mục này, chúng tôi tiếp cận ở góc độ nghĩa tình thái, thông qua việc khảo sát, thống kê các phương tiện biểu thị tình thái và phân tích nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt.

#### ***3.2.1. Cơ sở xác định nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt***

Khi phân tích bình diện kết học của CDB tiếng Việt theo quan điểm NPCN của Dik và các cộng sự ở chương 2, chúng tôi đã chỉ ra hạt nhân và 4 nhóm tác tử cơ bản, trong đó, các tác tử mệnh đề (kí hiệu p3 - propositional operators) bao hàm các phương tiện ngữ pháp mà qua đó người nói xác định thái độ của họ đối với (tính đúng đắn của) hàm ý/ mệnh đề mà họ cho rằng cần xem xét. Trong kết cấu CDB, tác tử mệnh đề đề cập đến thái độ của người nói đối với nội dung của hành động nói của

mình, vậy nên có thể hiểu đây là thành phần trong câu có thể trích xuất để phân tích bình diện nghĩa tình thái.

Trong các ngôn ngữ biến hình, thì (tense) và thức (mood) của động từ có vai trò tích cực trong việc biểu đạt các ý nghĩa tình thái. Đối với các ngôn ngữ không biến hình như tiếng Việt, các phương tiện từ vựng - ngữ pháp đại diện thực hiện chức năng của tác tử mệnh đề thường được gọi là các phương tiện từ vựng biểu thị tình thái. Ở đây chúng tôi vận dụng hệ thống các phương tiện từ vựng biểu thị tình thái, bao gồm 12 nhóm đã được Nguyễn Văn Hiệp khái quát<sup>27</sup>: (1) Các phó từ; (2) Các vị từ tình thái; (3) Các vị từ chỉ thái độ; (4) Các quán ngữ tình thái; (5) Các vị từ ngôn hành; (6) Các thán từ; (7) Các tiêu từ tình thái cuối câu và tổ hợp đặc ngữ tương đương; (8) Các vị từ đánh giá và tổ hợp có tính đánh giá; (9) Các trợ từ; (10) Những đại từ nghi vấn được dùng trong những câu phủ định – bác bỏ và các liên từ; (11) Các từ ngữ chêm xen biểu thị tình thái; (12) Kiểu câu điều kiện, giả định. [32, tr.140]

Trên thực tế, các nhóm phương tiện do Nguyễn Văn Hiệp chỉ ra áp dụng trên phạm vi tiếng Việt nói chung, khi tiến hành khảo sát, thống kê các nhóm phương tiện nêu trên vào thực tế ngữ liệu, sẽ có những nhóm không xuất hiện trong kết cấu CDB vì thế chúng tôi không đề cập đến.

### **3.2.2. Các phương tiện từ vựng biểu thị nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt**

#### **3.2.2.1. Các phó từ**

Các phó từ chỉ thời gian làm thành phần phụ xuất hiện phổ biến trong các CDB. Trong đó, nhóm phó từ chỉ sự phủ định có số lần xuất hiện cao nhất, đại diện như *không* (194 lần ở vị trí -1 và 43 lần ở vị trí -2), *chẳng* (43 lần), *đã* (41 lần), *chả* (16 lần); tiếp theo đó là nhóm phó từ biểu thị thời gian và mức độ: *sắp* (13 lần), *rất* (12 lần), *hơi* (5 lần), *đang*, *sẽ* (4 lần)...

Một số câu minh họa cho sự xuất hiện của nhóm phương tiện này như sau:

(90) *Anh nói có lẽ... Ta hãy cứ đợi xem...*

*Vừa lúc ấy có tiếng gõ cửa...*

*Anh Khanh nằm trên giường vội nhồm dậy:*

*- Họ về rồi đấy...*

*Rồi anh bước xuống, vội vàng ra mở cửa.*

*- Chào ông!*

*- **Không dám.** Bà hỏi gì?*

(Thạch Lam, *Hà Nội ban đêm*, tr.98)

<sup>27</sup> Xin đọc Nguyễn Văn Hiệp (2008), [32; tr.140]



(91) Nhưng mà con lỳ ló cứ leng keng với con môi dày ấy. Em chửi cho bao bạn rồi mà nó có chừa đâu? Chẳng lẽ lại đánh thì lại xót.

- **Không được đánh nhau.** Thiếu gì cách mà phải dùng cách xấu đó.

(Nguyễn Thị Thu Huệ, *Lãng quên phiền muộn*, tr.201)

(92) Bây giờ thì Chí Phèo đã mưa xong. Hấn mệt quá, lại vật người ra đất. Hấn đờ hai mắt ra khê rên; hấn chỉ còn đủ sức để rên khe khẽ. Từ đống mưa bay lại một mùi gì thoảng như mùi rượu, hấn bỗng nhiên rùng mình.

Thị Nở lại đặt một tay lên ngực hấn (thị suy nghĩ đến bây giờ mới xong). Thị hỏi hấn:

- **Vừa thổ hả?**

Mắt hấn đảo lên nhìn thị, nhìn một loáng rồi lại đờ ra ngay.

(Nam Cao, *Chí Phèo*, tr.230)

(93) Nàng chỉ cái giá áo, nói như mê sảng.

– Oan hồn... Tôi sắp chết rồi. Tôi bị quỷ ám. Mụ ta lúc nào cũng đeo đẳng tôi.

– Ra ngoài kia. Ra hết ngoài kia. – Kẻ canh giữ cỗ máy quất những bệnh nhân bầu nhâu ngoài cửa rồi ấy nàng thô bạo. – Cứ yên tâm. **Rồi sẽ được chết.** Ai đã phải vào đây thì chẳng thoát được đâu.

Gã nhếch mép cười, nụ cười hiểm hoi, với hai chiếc răng nanh nhọn và ánh mắt độc ác.

(Di Li, *Bộ tóc giả*, tr.250)

### 3.2.2.2. Các vị từ tình thái

Các vị từ tình thái là thành tố chính đóng góp cơ bản cho nghĩa tình thái chủ quan trong các CDB tiếng Việt. Nhóm phương tiện này chủ yếu xuất hiện ở vị trí tác tử -1 ngay trước hạt nhân của CDB. Theo kết quả khảo sát, có thể liệt kê các vị từ tình thái phổ biến như: *phải* (80 lần), *đừng* (54 lần), *hãy* (20 lần), *được* (15 lần)...

Các ví dụ minh họa cho nhóm phương tiện này như sau:

(94) Sau khi viết xong chuyện Cún, tôi mang đến đọc cho nhà nghiên cứu văn học, giáo sư tiến sĩ K nghe. Mặt anh tái đi theo diễn biến câu chuyện.

- Không phải thế! - K giằng lấy tập bản thảo ở trên tay tôi - Cậu viết những điều bịa đặt! **Cần phải tuân theo chủ nghĩa hiện thực.** Hiện thực khác lắm! Cậu biết cha tôi như thế nào không?

(Nguyễn Huy Thiệp, *Cún*, tr.264)

(95) Ông đại biểu cho dân hằm hằm nét mặt:

- Mà không ăn thừa cơm chó phải không?

Bà Nghị nói con tam bành:

- Mẹ mày dạy mày thế đấy chứ? Con ranh con! Ở đây với bà mà mày cứ giữ cái thói khoảnh ấy, thì bà dần từng cái xương. Này bà bảo cho mà biết: mày ăn cơm chó nhà bà cũng chưa đáng đâu. Con chó nhà bà còn được mấy chục, con người như mày, bà chỉ mua có một đồng đấy thôi. **Dùng khoảnh với bà!**

(Ngô Tất Tố, *Tiểu thuyết xã hội Tắt đèn*, tr.120)

(96) Và có điều đáng để ý là báo nào cũng gọi việc vua Xiêm sang đây là một chỗ “rẽ ngoặt”. Những tờ báo hoàng thì đăng: Một cái hân hạnh đặc biệt cho bình dân Việt Nam: Cả vua Xiêm, nhân dịp, thân hành sang chơi với ta! Hai nước Xiêm - Việt từ nay bắt tay nhau trên đường tiến bộ! Duy có một tờ báo phản đối thì in lên trang nhất những câu xa xôi như thế này: Tốt khoe ra, xấu xa đây lại! **Chớ để bị khinh!**

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, tr.433)

Các vị từ tình thái xuất hiện khá phổ biến trong CDB tiếng Việt.

### 3.2.2.3. Các thán từ

Các thán từ tham gia biểu thị nghĩa tình thái trong CDB ở cả 2 nhóm vị trí trước và sau hạt nhân, có tác động khá lớn đến câu với khả năng bộc lộ trực tiếp giá trị ngữ nghĩa khi tham gia vào bất kì kết hợp nào. Đây cũng là nhóm có đa dạng biến thể phương tiện nhất, trong đó à (24 lần), *bấm* (18 lần), *ồ*, *áy* (16 lần), *ói* (7 lần) và các phương tiện khác như: *hời*, *ừ*, *a*, *ô kìa*, *chao ôi*, *ơ*, *trời ơi*, *ầy dà*, *á*... xuất hiện rải rác từ 1 - 5 lần. Số lượng các thán từ xuất hiện trong CDB khá nhiều và đa dạng về hình thái. Đó là chưa tính đến 968 CDB có thành tố hạt nhân là thán từ, tức những CDB không mang nghĩa sự tình mà hoàn toàn được dùng để chuyển tải nghĩa tình thái. Trong các nghiên cứu đi trước, nhiều nhà Việt ngữ cũng từng liệt kê CDB biểu thị cảm xúc, hay CDB thán từ là nhóm câu cơ bản nhất trong các kiểu loại CDB. Khảo sát của chúng tôi một lần nữa khẳng định các quan điểm của những nghiên cứu trước tuy nhiên cũng muốn tiếp tục làm rõ bằng cách phân định các CDB có thán từ thành hai nhóm. Nhóm 1 có thán từ là thành tố hạt nhân ngữ nghĩa cơ bản và duy nhất trong CDB, đảm nhiệm việc biểu thị nghĩa trong các câu sau:

(97) *Cơ quan này là nơi các sĩ quan nguy trình diện.*

*Đôn cũng đến đây để trình diện.*

**Ô hay!** *Có ai biết người đại tá nguy quân này đã suy nghĩ những gì trong độ ngót nửa giờ đồng hồ về trước không?*

(Nguyễn Công Hoan, *Trong chuyến xe lam*, tr.286)

(98) *Rồi bà lại nói rất thông thả:*

- *Này già có ít tiền cho vợ chồng con để làm vốn đây nhé. Mai sau có ra ở riêng thì lấy đấy mà tậu đất, buôn bán nuôi nhau.*

*Tôi còn sợ chưa dám cầm, sau thấy u tôi đưa mắt, mới cúi mà nhận lấy. **Ái chà?** Sao mà nặng thế, hẳn là được nhiều tiền, mình tha hồ ăn quà.*

(Thạch Lam, *Trẻ con lấy vợ*, tr.80)

(99) *Than soan nỗ lách tách liên thanh, Bằng lấy đồng hồ ra coi. Bằng hoảng hốt kêu:*

*- **Chết chưa!** Gần hai giờ rồi, tôi phải về... Thôi kính chào hai bác và cảm ơn các bác đã tiếp đãi tôi quá hậu.*

(Khái Hưng, *Bên đường dừng bước*, tr.436)

Trong khi đó, ở nhóm còn lại, thán từ là thành tố đảm nhiệm vai trò biểu thị tình thái trong các câu dưới đây:

(100) *Tôi trở to đôi mắt, ngạc nhiên. Hẳn thì thăm:*

*- Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.*

***Hỡi ơi lão Hạc!** Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết. Một người như thế ấy!... Một người đã khóc vì trượt lừa một con chó!... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ một ngày một thêm đáng buồn...*

(Nam Cao, *Lão Hạc*, tr.128)

(101) *Bỗng một bàn tay đặt lên bờ vai đang rung của Liêu thật khẽ, thật êm. Liêu ngẩng lên, khuôn mặt tràn đầy nước mắt như bông hoa lê ướt dẫm sương đêm. Liêu ngạc nhiên mở to đôi mắt ngân ngấn lệ. Là bà nội, đúng là bà nội của Liêu thật. Bà mặc áo dài chàm, tóc vấn trần, cổ đeo vòng bạc trắng, chân đi hài nhung thêu thật đẹp. Sương khói không biết từ đâu ùa ra mờ mịt khắp không gian tĩnh lặng. Liêu suýt reo lên nhưng kịp ngăn lại:*

*- **Trời ơi, bà nội.** Sao con lại được gặp bà nội ở đây thế này?*

(Hoàng Anh Tuấn, *Chín bậc nhớ thương*, tr.203)

Các thán từ khi tham gia vào các CDB với kết cấu khác nhau, đóng vai trò hạt nhân hay tác tử sẽ biểu đạt những nghĩa tình thái không giống nhau.

#### 3.2.2.4. Các quán ngữ tình thái

Quán ngữ tình thái là những tổ hợp từ, những lời nói có kết cấu tương đối ổn định được đặt vào các ô tác tử nhằm tạo nên giá trị tình thái tác động vào nội dung mệnh đề, từ đó xây dựng “các không gian tinh thần khác nhau cho mệnh đề (P) mà câu biểu thị” [23]. Cũng như các phương tiện biểu đạt tình thái khác, các quán ngữ tình thái của tiếng Việt có nhiều sắc thái ý nghĩa tinh tế, là công cụ không thể thiếu được trong giao tiếp nói chung và CDB nói riêng.

Một số ít CDB trong tiếng Việt được tạo nên bởi một quán ngữ, không bổ sung bất cứ hạt nhân là thành tố thực từ nào khác như:

(102) *Tôi cầm những bức ảnh mà V đưa. Mang chúng về phòng làm việc. Xếp chúng thẳng hàng trước mặt. Và nhìn thật kỹ lưỡng. Một vài tấm đã xuất hiện trên báo, trên mạng. **Đĩ nhiên**. Cô có chừng ấy. Chúng đẹp đến mức không thể chê vào đâu. Và nó sẽ lãnh nhiệm vụ tô vẽ cho những trang báo, nếu có hình cô xuất hiện.*

(Phong Điệp, *Sau cánh gà*, tr.59)

(103) *... Ngoan ngoãn, Mơ vâng lời, lấy gương lược phấn sáp ra chải chuốt tô điểm. Trông vào gương thấy dung nhan mình tiêu tụy, Mơ giật mình vì cùng một cảm tưởng như cha nuôi. Dầm mưa, dãi nắng, cái nước da trắng mát tự nhiên của nàng đã xám đen với gió bụi dọc đường. Mơ ngẫm nghĩ: "**Thảo nào!** Mà ta có ngờ đâu!"*

(Khái Hưng, *Đọc đường gió bụi*, tr.396)

Trong các CDB mà quán ngữ đóng vai trò tác tử, chúng tôi thống kê được 133 câu chứa quán ngữ tình thái ở vị trí (-1) với những phân loại như: *ấy thế là, bao nhiêu là, chí ít cũng là, chao ôi là, có lẽ...* Trong đó, *thật là* (28 lần), *có lẽ* (7 lần), *nhất là* (5 lần), *nhất định* (4 lần)...

Ngoài ra, trong CDB tiếng Việt còn chứa các quán ngữ tình thái khác như: *ấy thế mà, chả có lẽ, chắc chắn là, chính xác là, dễ cũng như, hoá ra là, rõ thật là, suýt nữa thì, tất nhiên là, thật đúng là, tội gì mà...* tuy nhiên do số lượng nhiều, lần xuất hiện ít nên chúng tôi không liệt kê toàn bộ được.

Với kết cấu tối giản, cấu thành bởi ít đơn vị tiếng, không nhiều CDB chứa quán ngữ tình thái, số lượt lặp lại của mỗi quán ngữ cũng vậy, tuy nhiên quán ngữ tình thái lại bộc lộ những chỉ báo tình thái mang tính đối thoại rất rõ ràng từ bác bỏ, khước từ đến phỏng đoán, hạn định, có thể minh hoạ ở các ví dụ dưới đây:

(104) *Thuyền chìm và Thuyền lồi anh hai chìm theo. Coi như chết cả hai rồi. Nhưng cuối cùng Thuyền được kéo vào bờ.*

*Thuyền không biết nhờ đâu mà hai anh em thoát chết. **Chỉ biết là quá đáng sợ**.*

(Võ Diệu Thanh, *Đàn bà đẹp*, tr.187)

(105) *Mọi sự khốn nạn lại bắt đầu từ cái chữ “nhưng”. Thủ phạm là hai vợ chồng thằng Sỹ. Vốn dĩ từ trước vợ chồng con cái nhà nó hoàn toàn sống dựa vào đồng lương của ông bố già, bây giờ ông lấy vợ thì chúng đâm lo. **Gì mà chả lo?** Lo rằng từ nay không được dựa dẫm, nhờ bà mẹ kể về nhà quản lí hết tiền lương thì nhà nó chết đói. Lo nhờ hai ông bà ấy mà lại sản xuất ra em bé nữa thì cái cơ ngơi này bị chia đôi. Lo nhờ ông bỏ nhà sang ở với bà Na thì ai trông con cho mà tung tẩy. Lo thì phải tính. Vậy là chúng bàn nhau tìm mọi cách để phá.*

(Mai Tiến Nghi, *Cá nưóng úp vung*, tr.45)

(106) *Sáng tinh swong, Văn Hải đương thơ thân ngồi trên bên chòm đá, bông  
vơ vẩn mắt chàng đặt tới một tảng đá có bốn chữ lớn viết bằng gạch non Văn Hải -  
Thu Cúc. Chàng nghĩ thầm, lắm bả:*

- **Chả có lẽ lại thế.**

(Khái Hưng, *Sóng gió Đồ Sơn*, tr.530)

Quán ngữ tình thái xuất hiện trong khá nhiều CDB và là phương tiện biểu thị tình thái sinh động trong CDB tiếng Việt.

### 3.2.2.5. Các tiểu từ tình thái cuối câu<sup>28</sup>

Tiểu từ tình thái là một loại phương tiện biểu thị tình thái thường gặp nhất trong câu tiếng Việt, đặc biệt là khi đặt ở vị trí cuối câu thường góp phần biểu đạt đa dạng nghĩa tình thái. Tiểu từ tình thái thường được phân thành hai loại:

Loại thứ nhất: các tiểu từ được dùng chủ yếu trong câu với các chức năng nhất định, như: *à, hả, hử, nhỉ, chẳng,...* dùng trong câu nghi vấn như: *đi, nào, với, nhé,...* trong câu cầu khiến.

Loại thứ hai: các tiểu từ biểu thị các sắc thái biểu cảm, đánh giá của người nói đối với hiện thực được phản ánh: *a, kia, vậy, mà, đâu, đấy, ấy, thế,...*

Loại phương tiện này được sử dụng khá phổ biến và góp phần kiến tạo nên một trong những dạng cấu trúc CDB có tính điển hình. Khi khảo sát trong CDB, chúng tôi thống kê được rất nhiều tiểu từ tình thái cuối câu, trong đó, nhiều tiểu từ tình thái xuất hiện khá dày trong ngữ liệu như: *rồi* (180 lần), *lắm* (146 lần), *đi* (130 lần), *đấy* (133 lần), *quá* (130 lần), *oi* (120 lần), *à* (121 lần), *thế* (79 lần)... và nhiều tiểu từ khác nữa.

Các tiểu từ tình thái đa phần xuất hiện trong các kiểu CDB có mức độ điển hình cao như  $X|+1$ ,  $-1|X|+1$ . Điều này cũng chứng minh tính ưu việt của loại phương tiện này trong việc biểu thị nghĩa tình thái cho CDB trong giao tiếp, có thể nhận rõ giá trị biểu đạt đó trong các ví dụ dưới đây:

(107) *Đã là thân, tôi không giấu giếm ông một mảy may, ông Cửu nói với ông Trương thế. Ông tính tôi không làm gì mà quanh năm được phong lưu, tức là tôi chỉ nhờ ở cái phép lạ này thôi.*

- *Phép gì?*

- *Phép làm cho bạc đẻ.*

- *Ồ, ông có phép làm cho bạc đẻ? **Lạ nhỉ!***

(Nguyễn Công Hoan, *Bạc đẻ*, tr.106)

<sup>28</sup> Nhóm tiểu từ tình thái này còn được gọi là trợ từ tình thái hoặc “trợ từ câu” theo cách phân loại của Phạm Hùng Việt [86; tr.83].

(108) *Nhà sư ngược lên, trong ánh nhìn loé một tia sáng thậm chí giống hệt dục vọng:*

- *Bình gồm thời Bắc thuộc, đời Lý Bí hay Khúc Thừa Dụ...*

*Ngần ngừ giây lát, nhà sư đưa bàn tay sờ lên miệng bình:*

*Chùa Trương có cái bình thế này, bán đi đủ tiền xây lại tam quan.*

- **Một “cây” đấy!**

*Tên cao gầy hãnh diện đỡ lấy chiếc bình trên tay ông giáo. Tên cướp dửng dưng, không điều gì trong đò lọt qua mắt hắn.*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Sang sông*, tr.349)

(109) *Lâu lâu một lúc, thì có tiếng cười, tiếng nói lơ lửng trong buồng giấy sô ra. Quan chủ tiễn quan khách xuống thềm. Sau khi ông kia đã lên ngòai ô tô, ông này còn nắm tay lại và dặn:*

- *Thôi! Để thứ bẫy sau vậy. **Đúng hện đấy nhé!***

(Ngô Tất Tố, *Phân I- A. Tiểu thuyết xã hội Tắt đèn*, tr.133)

Tiểu từ tình thái có thể được đánh giá là phương tiện biểu thị tình thái phổ biến và xuất hiện nhiều nhất trong CDB như các ví dụ trên và hàng loạt các câu khác như: *Sao lại thế nhỉ?* (Trần Nguyễn Anh, *Hơi ám linh cảm*, tr.142); *Lại chui nữa kia à?* (Nam Cao, *Sống mòn*, tr.347); *Lạ thật!* (Nhật Linh, *Tối tăm*, tr.52); *Khoẻ lắm.* (Nguyễn Hồng, *Vũng máu*, tr.160); *Nhất định rồi.* (Võ Thị Xuân Hà, *Bán hàng trên mạng*, tr.32)... Nhóm phương tiện này có giá trị có thể độc lập chuyển tải trọn vẹn nghĩa tình thái của CDB, cũng có thể xuất hiện trong CDB kết hợp với các phương tiện khác để tổng hoà nên nghĩa tình thái.

### 3.2.2.6. Các trợ từ

Trợ từ là một khái niệm quen thuộc trong tiếng Việt, tuy nhiên lại có nhiều cách nhận diện và phân loại khác nhau. Theo Phạm Hùng Việt, có thể hiểu: “Trợ từ là từ thuộc vào lớp tình thái từ, không đảm nhận chức vụ cú pháp trong câu, được sử dụng trong phát ngôn để biểu thị một số ý nghĩa như: thái độ, tình cảm, sự đánh giá,... của người nói đối với nội dung phát ngôn, đối với hiện thực và / hay đối với người đối thoại, hoặc để tham gia biểu thị các mục đích của phát ngôn.” [86; tr.71]. Cách định nghĩa này chú trọng chức năng của trợ từ và “đặc điểm gắn liền với giao tiếp, gắn liền với đối thoại của một bộ phận quan trọng của trợ từ” [86; tr.72]. Chính vì thế, đây là nhóm phương tiện đóng góp nhiều cho việc kiến tạo nghĩa tình thái chủ quan của câu nói.

Các trợ từ thường xuất hiện ở vị trí trước vị từ trong kết cấu hạt nhân (vị trí -1 hoặc -2), trong đó có thể kể đến: *phải* (79 lần), *còn* (63 lần), *cũng* (67 lần), *cứ* (50

lần), *chính* (38 lần), *thật* (39 lần)... Ngoài ra còn có các trợ từ: *chỉ, rõ, toàn, đến, nào, quá, đành, những, ngay...* xuất hiện rải rác trong các CDB mà chúng tôi tập hợp được.

Dưới đây là một số ví dụ:

(110) *Đôi lúc tôi cảm thấy hận cô ấy, thậm chí tôi nghĩ rằng cô ấy đã chạy khỏi một kẻ tàn tật như tôi. Nếu như cô ấy yêu thương tôi, cho dù tôi có đuổi như thế nào đi nữa... Và rồi tôi lại gạt phắt đi. Tôi nghĩ, có lẽ tôi đã nhầm. Không có thể giới phẳng và thật. **Chỉ có thể giới vô hình.** Và những người trong cái thế giới vô hình ấy đến với ta trong nhu cầu tự thân, xoay quanh ta khi ta còn giá trị trong chừng mực nào đó. Một giá trị hiện hữu bằng khối vật chất hay thân thể đầy đủ, không cần hoàn mỹ, mà chỉ cần đầy đủ.*

(Nguyễn Thị Kim Hoà, *Lính cứu hoả*, tr.29)

(111) *Mơ vẫn thích trêu ghẹo cha nuôi, õm ờ hỏi:*

- *Bác thông thuộc thế thì sao từ sáng đến giờ tới bao nhiêu nơi xin hát đều không đấy?*

*Câu hỏi của Mơ làm cho bác Hai phải buồn rầu nghĩ ngợi. Nay đã gần hết tháng ba hội hè ở các làng đã gần tàn đám, hèn chi mà phường bác đi từ sáng đến giờ không gặp một nơi giữ hát.*

*Kể thì cái nhan sắc của Mơ cũng đã khiến họ mời mọc ân cần. Song bọn kỳ mục hủ lậu, biển lận kia còn bao giờ biết ngắm nghía cái đẹp, biết thưởng thức cái tài.*

*Bác Hai lẩm bẩm:*

- ***Phải rồi! Chính phải rồi! Chỉ vì thế.***

(Khái Hưng, *Đọc đường gió bụi*, tr.395)

Trợ từ cũng là một nhóm phương tiện tình thái phổ biến trong CDB tiếng Việt, khá nhiều câu như: *Cả một gia tài đấy nhé.* (Nguyễn Huy Thiệp, *Cún*, tr.260); *Cứ yên nghĩ ở Rừng Cười* (Võ Thị Hào, *Người sót lại của Rừng Cười*, tr.120); *Thật chẳng ra sao!* (Nguyễn Huy Thiệp, *Con gái thủy thần*, tr.213)

Khác với các nhóm phương tiện từ vựng được thống kê ở trên, nhóm phương tiện này có tỉ lệ phân bố khá đều đặn giữa các trợ từ. Điều này phản ánh khả năng biểu đạt một cách tinh tế các cung bậc nghĩa tình thái trong hoạt động nói của nhóm phương tiện này.

### 3.2.2.7. Các đại từ nghi vấn hoặc các liên từ

Những đại từ nghi vấn và các liên từ được dùng kết hợp với các vị từ là trung tâm nghĩa sự tình giúp biểu đạt những sắc thái khả năng hiện thực khác nhau của CDB. Nhóm này có thể xuất hiện không phổ biến nhưng cũng có giá trị biểu đạt khá rõ trong nghĩa của câu. Các phương tiện thống kê được như: *mà* (27 lần), *để* (8 lần),

hay là (6 lần), đến, hay, hờ (5 lần)... trong đó sao xuất hiện 29 lần ở 4 ô tác tử khác nhau là -1, -2, -3 và +1; đâu xuất hiện 62 lần ở ô +1 và 10 lần ở các ô vị trí khác...

Dưới đây là một số ví dụ minh họa cho sự xuất hiện của nhóm phương tiện này trong CDB:

(112) - *Mình chết...Thiếu thư... con bé sẽ chết mất. Ngày ấy, mình giăng bát nước trúc đào trên tay nó... Rồi nghĩ ra những bức thư của chàng trai ẩn danh...*

- Thế mà cô bé cũng tin ư? Khó tin lắm!

- Khó, nhưng tin, vì nó muốn tin. Nó đã nhồi vào đầu bao nhiêu điều phi lý...

- Nghĩ là một phần, cô bé tự dối mình?

- **Biết làm sao?** Và mình sung sướng. Cậu không có em gái tàn tật, không hiểu được. Mất con bé rưng rưng. Nó cần những lời yêu đương ngọt ngào như cần nước...

(Võ Thị Hào, *Máu của lá*, tr.98)

(113) *Người đàn bà ngồi thụp xuống chân lão, nghẹn ngào:*

- Anh!... Anh không nhận ra... em răng?

- Cô đây là...? Lão Giăng Mừng ngơ ngác. Quả thật, ông không nhận ra người đàn bà dài các này.

- Đốt đây! Bác quên em rồi răng? Em làm khổ bác đến nước nó tê mà!...

- **Đốt hử?** Bông Lau đây á? Lão Giăng Mừng trở mắt - Cô chừ khác quá!

(Hữu Phương, *Bản nhạc mõ trâu*, tr.50)

(114) *Chị không thể chợp mắt. Đêm yên tĩnh nghe được hơi thở của từng bông chuối pháo. Chị cứ nghĩ mãi về căn nhà hộp diêm rồi lại nghĩ về chiếc quạt màu xanh gãy mất một cánh. Lần đó, người đàn ông ấy đã bán nó cho chị. Lần này, chị lại mua nó từ người đàn ông ấy. Bất giác, chị giật mình. Mơ hồ nhận ra một điều gì đó chẳng bình thường. Trách chi, sao ông luôn luôn có những thứ bỏ đi mà gọi chị vào để bán. Lẽ nào, ông ấy lại làm một việc nực cười như vậy? Trong chị bỗng dậy lên một niềm xúc động. Vì điều gì? Chẳng thể nào thế được. Có thật vậy hay không? Hàng mớ câu hỏi cứ bùng nhùng trong đầu như những đống phế liệu ngổn ngang.*

(Nguyễn Chu, *Giấc mơ bông chuối pháo*, tr.293)

Trên đây là các nhóm phương tiện từ vựng biểu thị tình thái phổ biến trong CDB tiếng Việt. Bằng việc điếm qua sự xuất hiện của các phương tiện tiêu biểu và ngữ cảnh CDB chứa nó, về cơ bản luận án đã khẳng định sự tồn tại của các phương tiện biểu thị tình thái, làm tiền đề cho việc phân tích nghĩa tình thái trong CDB. Do đặc thù cấu trúc của CDB nên các nhóm phương tiện biểu thị tình thái có giá trị kiến tạo quan hệ thuyết giải vị từ chỉ thái độ mệnh đề trong cấu trúc chỉ thái độ mệnh đề hay các vị từ ngôn hành trong kiểu câu ngôn hành với những điều kiện về ngôi, về chỉ tố thời,... thường không xuất hiện.



### 3.2.3. Phân tích nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt

#### 3.2.3.1. Nghĩa tình thái khách quan của CDB tiếng Việt

Nghĩa tình thái khách quan thông báo mối quan hệ giữa điều được nói ra với bên ngoài rằng điều ấy có thực hay không.

Theo khảo sát các phương tiện từ vựng biểu thị tình thái trong CDB, các phó từ và vị từ tình thái đóng vai trò chỉ báo cho nghĩa tình thái khách quan.

##### a. Nghĩa tình thái khả năng hiện thực

Nghĩa tình thái khả năng hiện thực biểu thị rằng sự việc được nói đến trong câu là chưa xảy ra nhưng có khả năng xảy ra.

(115) *Nàng ngòi lặng nhìn tôi, thở dài:*

- **Sắp hết hè rồi.** Mai kia anh đã lên Hà Nội.

*Tôi dõ dành nàng:*

- **Đến tết tôi lại về đây với Hậu.**

(Thạch Lam, *Nắng trong vườn*, tr.322)

(116) *Nửa giờ sau, Tú gọi:*

- **Sẽ bay chuyến hai giờ!**

- Sao không bay chuyến sớm hơn?

(Bích Ngân, *Đường đến cây cô đơn*, tr.98)

Những cột mốc thời gian được đề cập đến trong sự tình và nhận định về khả năng hiện thực đều mang tính khách quan, mặc dù sự việc chưa xảy ra nhưng khả năng xảy ra của thông tin “hết hè”, “bay chuyến hai giờ” là hiển nhiên, nếu không có thay đổi bất thường và nằm ngoài ý chí chủ quan của con người.

Tồn tại trong mối quan hệ với nghĩa tình thái khả năng hiện thực là nghĩa tình thái khả năng phi hiện thực biểu thị rằng sự việc được nói đến trong câu có khả năng không xảy ra. Tuy nhiên trong phạm vi ngữ liệu luận án khảo sát không thu thập được loại nghĩa tình thái này. Để biện luận cho vấn đề này, chúng tôi cho rằng với kết cấu ngắn gọn của CDB, thông thường người dùng nhấn mạnh các thông tin hiện hữu hơn là đề cập đến những khả năng không xảy ra trong hiện thực. Dĩ nhiên cũng không loại trừ trường hợp là dung lượng ngữ liệu chưa bao quát hết CDB, về vấn đề này chúng tôi cho rằng có thể mở rộng phạm vi nghiên cứu để đi đến những kết luận xác đáng hơn.

##### b. Nghĩa tình thái tất yếu hiện thực

Nghĩa tình thái tất yếu hiện thực biểu thị sự việc được nói đến trong câu là có tính hiện thực: đã xảy ra, có điểm bắt đầu, điểm kết thúc, có trạng thái kéo dài hoặc không kéo dài, bất ngờ hoặc không bất ngờ. Nhóm nghĩa tình thái này khá phổ biến

trong CDB có nòng cốt vị từ và được biểu thị bằng nhóm phương tiện: các phó từ chỉ thời gian, sự thường xuyên như các ví dụ sau:

(117) *Y lại đi biệt gần mười ngày. Không rõ đi đâu. **Đã qua mùa mưa.** Huế cuối năm đầy sương. Nhiều buổi sớm đạp xe lang thang, những ánh đèn đường mờ đục trong sương như những cái nhìn dò hỏi đầy ác cảm.*

(Hạo Nguyên, *Quả tim của Modigliani*, tr.163)

(118) *Huyền búa lấy bàn tay xương xẩu của cô Xu:*

- Ở đâu?

- **Đang đứng cạnh tao.**

- Sao cô biết?

- Tao nhìn thấy.

(Di Li, *Bộ tóc giả*, tr.242)

Những chỉ báo tình thái về thời gian thực hữu được người nói cung cấp trong câu có giá trị tất yếu (hoặc củng cố cho sự hiển nhiên các thông tin nhất định) là một loại nghĩa tình thái khá phổ biến trong CDB. Ở dạng thức không cần có chủ hay vị ngữ, đề hay thuyết thì chức năng thông báo ràng buộc CDB trong việc tiên quyết là cung cấp thông tin xác thực về thực thể, trong những ngữ huống nhất định. Chính vì thế, việc thêm “đang” không làm thay đổi việc “đứng cạnh tao”, “đã” - “qua mùa mưa”. Các phương tiện có giá trị chỉ báo tình thái, củng cố thông tin không làm thay đổi sự tình được nêu ra trong kết cấu hạt nhân của CDB. Loại nghĩa tình thái tất yếu hiện thực thường liên quan đến thời gian quá khứ và hiện tại, lấy thời điểm nói làm hệ quy chiếu. Các hiện thực được đề cập đến chủ yếu trong CDB là thời gian, không gian, trạng thái cuộc sống... không bị phương tiện biểu thị tình thái tác động hay thay đổi giá trị khách quan.

c. Nghĩa tình thái tất yếu phi hiện thực

Đôi lập với nghĩa tình thái tất yếu hiện thực, nhóm nghĩa tình thái *tất yếu phi hiện thực* lại biểu thị rằng sự việc được nói đến trong câu là không xảy ra hoặc được trình bày theo lối phủ định (theo dạng công thức “từ phủ định” + sự tình). Nghĩa tình thái này được kiến tạo bởi các phương tiện từ vựng có tính phủ định, bác bỏ, mà trong CDB chủ yếu là từ “không”.

(119) *Ông Sùng hỏi Bạc Kỳ Sinh:*

- *Này Sinh, mày có nghĩ rằng dân miền núi sẽ có hạnh phúc hay không?*

*Bạc Kỳ Sinh cười:*

- *Khi còn mê muội...*

*Muôn hỏi:*

- *Vậy vẫn minh?*

- **Không tốt gì!** - Một người đàn ông Thái vừa bước lên cầu thang vừa nói.

(Nguyễn Huy Thiệp, *Chuyện tình kể trong đêm mưa*, tr.368)

(120) Khi lớp học tan thì mọi người đã thân thiết với nhau lắm, thậm chí anh chàng Dân còn khoe rằng đã hôn được tất cả các cô gái ở trong lớp học. Họ ghi vào sổ tay của nhau những lời chúc tụng tốt đẹp, những bài thơ... Các cô con gái chép cho nhau cả những bài hát để khi về trường dạy lũ trẻ con... Rồi khóc lóc... Rồi chia tay... Rồi tiễn nhau ra bờ suối. Những cánh chim bay đi. Vùng cao xa mờ trong mây núi. Các thầy cô giáo trẻ tuổi bịn rịn lên đường, vừa háo hức, vừa sợ hãi, cả vui với buồn lẫn lộn. Ông giáo Chi lợi suối trở lại tỉnh lị báo cáo với trên về việc mở lớp "tập huấn" của mình.

- **Không có tài liệu! Không có sách vở! Không có chương trình!** Mình trần thân trụ! Thế ông làm những trò gì cho những giáo sinh ở vùng cao ấy? - Người ta hỏi ông.

- Tôi nhen lửa... nghĩa là thổi vào lòng họ vài ngọn gió... Tôi bảo họ sống dễ lắm! Chỉ có thể thôi!

(Nguyễn Huy Thiệp, *Sống dễ lắm*, tr.432)

Nhóm nghĩa tình thái tất yếu phi hiện thực còn gọi là nghĩa tình thái phủ định bác bỏ phản bác, không thừa nhận ý kiến đánh giá hoặc nhận xét của người khác về sự việc được nêu trong câu. Ở các ví dụ trên, các thuộc tính “tốt” (119), “có tài liệu”, “có sách vở” “có chương trình” (120) đều được xác nhận không tồn tại trong thực tế khách quan một cách ngắn gọn, rõ ràng. Ở đây, nghĩa tình thái tất yếu phi hiện thực được xác định dựa vào việc xuất hiện từ phủ định “không”, tức một sự tình nào đó đi đằng sau “không” và bị phủ nhận sự tồn tại trong thực tế.

Nhóm nghĩa tình thái khách quan loại trừ vai trò của người nói, chính vì thế thiên về logic hiện hữu, không phản ánh trạng thái tinh thần cũng như quan điểm của từng người. Vì thế, mặc dù xuất hiện trong nhiều CDB với những nội dung thông tin chỉ báo khá tường minh nhưng nhóm nghĩa tình thái khách quan vẫn có những hạn định trong khả năng biểu thị nghĩa tình thái của câu.

### 3.2.3.2. Nghĩa tình thái chủ quan của CDB tiếng Việt

Tiêu chí chính để xác định nghĩa tình thái chủ quan của câu nói chung và CDB nói riêng là phải nhận diện được người nói và quan điểm của họ khi phát ra câu đó. Sau đây, chúng tôi sẽ miêu tả nghĩa tình thái chủ quan, cũng là bình diện nghĩa tình thái rõ nét nhất của CDB tiếng Việt thông qua 2 nhóm chính là: (1) nghĩa tình thái chủ quan biểu thị quan hệ giữa người nói với điều được nói tới trong câu thể hiện qua nghĩa tình thái nhận thức, đánh giá và cảm xúc; (2) nghĩa

tình thái chủ quan biểu thị quan hệ giữa người nói với người nghe thể hiện qua nghĩa tình thái đạo lý và thái độ.

a. Nghĩa tình thái nhận thức

Nghĩa tình thái nhận thức thể hiện sự hiểu biết của người nói bao gồm cả sự xác nhận cũng như những cam kết của cá nhân người nói đối với tính chân thật của điều được nói ra trong câu. Tính chủ quan trong nghĩa tình thái nhận thức thể hiện những kinh nghiệm, và quá trình tri nhận của người nói thông qua các giác quan, hoặc các nguồn tin được thu thập qua các kênh khác nhau từ đó người nói suy luận và thể hiện trong câu nói của mình những cam kết có phạm vi, mức độ vào tính chân thực của điều được nói ra. Khác với nghĩa tình thái khách quan chỉ đơn thuần trình bày lại nội dung sự tình, nghĩa tình thái nhận thức sử dụng các phương tiện như quán ngữ tình thái, trợ từ, tiểu từ tình thái cuối câu để biểu thị sự phỏng đoán, nhận định của người nói về khả năng sự tình được đề cập đến trong câu.

Dựa trên chiều hướng nhận định vấn đề, có thể thấy hai nhóm sắc thái cơ bản là khả năng hiện thực và khả năng phi hiện thực. Sự phân loại này được xác lập dựa trên tính tất yếu của hiện thực, cơ sở của những nhận định chính là quá trình tri giác trực tiếp hay suy luận dựa trên nguồn tin có sẵn, trải nghiệm của bản thân người nói, vì thế thang độ của sắc thái khả năng hiện thực phân hoá đa dạng, phản ánh rõ dấu ấn cá nhân người nói về sự tình được nói ra.

a1. Nghĩa tình thái nhận thức sắc thái hiện thực

Ở sắc thái nghĩa này, người nói không cam kết điều mình nói là đúng hay sai, mà chỉ đưa ra phỏng đoán về một điều gì đó có thể đã xảy ra, đang, sẽ xảy ra nhưng người nói không biết chắc chắn. Kết quả khảo sát cho thấy những mức độ phỏng đoán đa sắc như:

(121) *Một bận, có một người khách lạ từ dưới xuôi lên, ông ta cao lớn, cười trên một con ngựa ô khoẻ mạnh. Ông rẽ vào nhà trưởng bản, thăm các bô lão, la cà khắp nơi đây đó, ông hiểu rất rõ phong tục ở bản. Dân bản Hua Tát đoán ông là người buôn cao hoặc lông thú hiếm. Ông rất nhiều tiền, cư xử hào hiệp và sang trọng lắm. Một bữa, ông khách qua miếu chày Khó, trông thấy hòn đá định cầm lên xem. Nhưng thật lạ lùng, ông không làm sao nhấc được hòn đá lên khỏi bệ thờ. Ngạc nhiên, ông về gọi dân bản đến xem. Người ta xúm xít xung quanh miếu nhỏ. Ông khách thử cho từng người lần lượt vào miếu để nhấc hòn đá lên tay, nhưng đều bắt lực. Hòn đá nặng đến kinh người.*

- **Chắc có chuyện gì uẩn khúc?** - ông khách căn vặn mọi người. - Trong bản liệu còn có ai chưa đến miếu này nhấc thử?

(Nguyễn Huy Thiệp, *Những ngọn gió Hua Tát*, tr.55)

(122) - *Thế nào, kể tiếp đi! Ngày hôm sau sống chết cậu cũng phải mò tới cái đội nữ công nhân ấy chứ?*

*Những người nghe chuyện vẫn tỉnh như sáo. Có lẽ đã hai ba giờ sáng. Gà rừng gáy eo óc, thưa thớt. Nghe tiếng đôi chim trống mái gọi nhau đã gần hơn.*

(Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng cuối rừng*, tr.51)

Bằng các phương tiện như *chắc* (121), *chính xác là* (124), *có lẽ* (122), *tất nhiên là* (125) người nói đã nêu ra phỏng đoán về thông tin “có chuyện gì uẩn khúc”, thời gian “đã hai ba giờ sáng”... Những phán đoán khác nhau về mức độ chân thực được người nói sử dụng các phương tiện tình thái để chuyển tải, mức độ chân thực cao thể hiện niềm tin của người nói về điều được nói ra khi họ dùng *đấy* (123):

(123) *Lòng bàn tay anh lầy nhầy một thứ đen đen mông mốc. Nhìn kỹ, hoá ra đó là một cái ruột ốc còn cựa quậy.*

- *Có lẽ đây là cái ruột ốc duy nhất còn sót lại của rừng này. Số cậu hên thật. Nuốt đi!*

*Tớ oẹ khan mấy tiếng. Nhưng cuối cùng, khát quá, tớ liều chết đón lấy vật bản thủ đó cho vào mồm nuốt chửng rồi lấy tay bưng miệng, nước mắt nước mũi trào ra. Nhưng cùng với ghê tởm, có một cảm giác dịu mát lan lan đầu lưỡi khiến tớ tỉnh hẳn. Mở mắt ra, tớ thấy "Quả táo Adam" nơi cổ Tuấn giật giật mấy lần có vẻ thèm thuồng. Hoá ra anh còn khát hơn cả tớ.*

- *Sâm của Trường Sơn đấy. Đùng ghê!*

*Tớ nhăn mặt khổ sở nhìn anh. Cả hai cùng phá lên cười.*

(Võ Thị Hào, *Máu của lá*, tr.96)

“Đấy” được thêm vào cuối câu để khẳng định. Sắc thái hiện thực có thể giảm xuống mức độ thấp hơn, còn nghi ngại về tình hình khi người nói dùng “chắc” “dễ” “có lẽ” để rào trước thông tin sự tình. Mức độ cao nhất là sắc thái hiện thực được đẩy lên cấp độ tất yếu hiện thực, tức là người nói gần như khẳng định tuyệt đối về thông tin sự tình, thể hiện trong các ví dụ sau:

(124) *Ngoảnh đi ngoảnh lại, họ đã sống cạnh lò mổ hơn năm trời. Đơn kêu ca của tổ dân phố hình như chả có ai buồn đọc. **Chính xác là lá đơn thứ 16.** Không lán chiếm đất đai. Không giết người cướp của. Mấy con lợn thì chết ai. Đơn từ rách chuyện!*

(Phong Điệp, *Kẻ dưng phần*, tr.8)

(125) - *Chào anh, em ngồi ghế này được không? - Giọng nói mềm mại, có phần quỵến rũ, vừa đủ lọt tai anh trong tiếng xôn xao không ngớt và tiếng nhạc đệm ngâm thơ lẩn át.*

- **Tất nhiên là được.** - Anh ngẩng lên trong lúc tay lượm vội cuốn thơ đặt trên ghế, và chợt ngỡ ngàng khi ánh mắt anh dừng lại trên khuôn mặt rạng rỡ nét cười của cô - Ô, tối qua chúng ta đã gặp nhau!

(Kiều Bích Hậu, *Say nắng ở Budapest*, tr.76)

Thông tin “lá đơn thứ 16” (124) hay phán đoán “được”(125) về sự tình được người nói khẳng định chắc chắn bằng các phương tiện “chính xác là” “tất nhiên là” bộc lộ một khoảng cách về mức độ nhận thức so với nghĩa tình thái của các CDB khác.

## a2. Nghĩa tình thái nhận thức sắc thái phi hiện thực

Nghĩa tình thái nhận thức sắc thái khả năng phi hiện thực xuất hiện khi người nói đưa ra phỏng đoán về khả năng không có thật, không xảy ra của điều được nói tới. Cơ sở của những phỏng đoán ở đây cơ bản giống như cơ sở của những phỏng đoán ở sắc thái khả năng hiện thực nhưng chỉ báo tình thái hướng phủ định sự tình hoặc sự tình chưa có khả năng xảy ra. Sự thực là người nói không làm rõ cam kết điều mình nói là đúng hay sai, một trong những lí do của việc này có thể vì nguồn thông tin chưa đủ, hoặc đánh giá không có khả năng xảy ra theo quan điểm người nói.

(126) *A Thao tránh cho khói khói vào mắt, đáp:*

- *Mé đừng, để con thi đua. Thế cái ấy mé cất đâu?*

- *Tao vặn xoắn lại, vớt mẹ nó xuống suối. Nó chả tìm thấy được.*

*Nói đoạn bà đắc chí, vừa cười vừa đứng dậy, đi lau lưỡi dao dính nhựa bừa vào cái giẻ:*

- **Cũng chả khó đâu.** *Tao tưởng thế nào, chứ như thế thì phụ lão cũng làm nên. Tao còn chặt gậy thêm ba cái cột, rồi lấy búa mài, tao mới sang Quảng.*

(Nguyễn Công Hoan, *Hai mẹ con*, tr.258)

(127) - *Sao nhà các ông hoang quá như vậy? Tôi thấy người ta "vào ngôi" cho con chỉ tốn độ vài đồng bạc là cùng!*

*Bác Hai xua tay và nói bằng giọng thì thầm:*

- **Nào có phải hoang!** *Ông tính ở đời ai muốn mất tiền! Đó là sự bất đắc dĩ.*

(Ngô Tất Tố, *Phóng sự Việc làng*, tr.346)

(128) *Sáng tinh sương, Văn Hải đương thơ thẩn ngôi trên bên chòm đá, bỗng vợ vẫn mắt chàng đặt tới một tảng đá có bốn chữ lớn viết bằng gạch non Văn Hải - Thu Cúc. Chàng nghĩ thầm, lẩm bẩm:*

- **Chả có lẽ lại thế.**

(Khái Hưng, *Sóng gió Đồ Sơn*, tr.530)

Bằng các phương tiện như *chả, chẳng, chưa* - *gì, nào - có, gì mà, chả có lẽ*, người nói đã nêu ra phỏng đoán phi hiện thực về các loại sự tình khác nhau như trong

các câu từ (126) đến (128): thuộc tính “khó”, xác thực “phải hoang”, hay không tin được diễn biến “lại thế”. Các sắc thái khả năng phi hiện thực được biểu đạt khá tường minh, và được phân hoá thành những mức độ thấp cao khác nhau, điều này hoàn toàn liên quan đến cơ sở nguồn tin của người nói. Và khi người nói nhận định khả năng phi hiện thực là tất yếu thì sẽ sử dụng các phương tiện từ vựng cực cấp để cam kết điều được nhắc đến trong câu là không thể xảy ra:

(129) *Sáng hôm nay đang ngồi viết với nhau, chẳng biết cái ý nghĩ lan man nào đã xui anh Sen đột ngột bảo tôi:*

- *Này! Tri ạ, cái mặt anh trông thế nào ấy. **Quả thực không chơi được!***

(Nam Cao, *Cái mặt không chơi được*, tr.7)

(130) - *Đi tào chứ?*

- *Tào cái cóc! Đẳng này bám vào ba mươi đồng bạc nợ. Tức mình cố luôn cái hòm thợ cúp lấy hai đồng rưỡi. **Nhất định không đánh nữa.** Chỉ có lấy tiền ăn tiền ngồi thần ra đấy.*

(Nam Cao, *Trẻ con không biết đời*, tr.244)

Các thông tin sự tình “chơi được” (129) và “đánh nữa” (130) hoàn toàn bị phủ định khi đi với “không”, tuy nhiên khác với sắc thái khách quan của “không”, các kết hợp “quả thực”, “nhất định” thể hiện quan điểm tất yếu phi hiện thực của người nói một cách rõ ràng, đồng dục. Khác với nghĩa tình thái nhận thức tất yếu hiện thực, nghĩa tình thái tất yếu phi hiện thực ít xuất hiện trong CDB hơn.

b. Nghĩa tình thái đánh giá

Nghĩa tình thái đánh giá là loại *nghĩa tình thái biểu thị quan hệ giữa người nói với điều được nói tới* nằm trong nhóm nghĩa tình thái chủ quan, biểu thị sự đánh giá của người nói về sự thể được nói tới trong câu. Nghĩa tình thái đánh giá thường được phân tích thông qua hai nhóm sắc thái là đánh giá về lượng và đánh giá về chất.

b1. Nghĩa tình thái đánh giá về lượng

Đánh giá về lượng là đánh giá thuộc tính của sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan về mặt khối lượng, kích thước, tốc độ... với những sắc thái có mức độ khác nhau theo hai chiều hướng cơ bản (có thể bị đẩy về hai cực) như:

- Đánh giá lượng của sự vật là nhiều hay ít:

(131) *Rồi Tuyết bám đầu ngón tay, lảm bảm tính:*

- *Một bạn gái, hai bạn trai, ông Victor Ban, tất cả là bốn người!*

*Hí hửng nhìn Xuân, Tuyết nói to một cách ngây thơ:*

- ***Những bốn người, mình ạ!** Những bốn người đã phải nghi ngờ tôi là hư hỏng, thế có sung sướng không? Chỉ nay mai là có người đôn đến tai thầy để tôi mà thôi! Hoặc không thì ít ra cũng đến tai cái thằng vị hôn phu của tôi! Thế cho bỏ ghét.*

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, tr.340)

(132) *Xe chạy khuất vào chỗ rẽ phố hàng Dẫy. Tôi thông thả trở bước về nhà, trong óc miên man nghĩ ngợi.*

*Sự gặp gỡ này vớt lại bao nhiêu kỷ niệm về quãng đời học sinh của tôi ở tỉnh Thái. Những nét mặt bạn cũ đã quên lại hiện ra trong trí nhớ, với những buổi học vui vẻ, những cuộc nô đùa vô tư lự. Bao nhiêu ngày sung sướng của tuổi trẻ!*

(Thạch Lam, *Người bạn trẻ*, tr.159)

(133) *Mấy quả cam đỏ lăn ra bàn. Huệ cầm một quả toan bóc. Liên giằng lấy:*

- *Con khỉ! Ăn trước à? Còn để cúng đã chứ.*

- *Ừ thì để mà cúng! Nhưng vàng hương đâu?*

*Liên đáp:*

- ***Chỉ có hương thôi.*** *Còn vàng không cần. Tiềm tiềm thôi cũng được.*

(Thạch Lam, *Tối ba mươi*, tr.257)

Các từ *những*, *bao nhiêu* được dùng để thể hiện đánh giá số lượng “bốn người” hay “ngày sung sướng của tuổi trẻ” là nhiều, trong khi đó, khi thêm *chỉ có - thôi* hoặc đặt *thôi* ở cuối câu, nội dung sự tình “hương” được đánh giá là ít về sự hiện diện so với mong muốn là vàng hương để cúng.

- Đánh giá thời gian dài hay ngắn, sớm hay muộn có sự khác nhau trong nhận định ở hai trường hợp sau:

(134) *Tim cô nghẹt lại, tưởng không thể chờ được cho tới lúc cuộc hành hình kết thúc. Mồ hôi đổ lạnh cứng sống lưng.*

***Phải mất chừng một tiếng.***

*Đến khi có tiếng vòi nước xoe xoe, xối xuống nên xi măng nhom nhóp máu lẫn lông lợn. Một cuộc tẩy rửa hối hả. Cánh thợ trở ra trước sân, toang toác nói cười, lột dạ sáng bằng bát tiết canh đỏ hôi hôi. Tiết dất đầy kẽ răng. Tiết văng cả ra ngoài trong những câu chuyện tiếu lâm tục tũ.*

(Phong Điệp, *Kẻ dưng phân*, tr.9)

(135) *Và Oanh khóc...*

*Nhưng Oanh khóc không lâu. Thứ thấy y có vẻ bận rộn hơn lên: viết thư, viết nhật kí, tính sổ sách, thúc học trò trả nốt tiền... **Chỉ mấy hôm thôi.** Rồi mọi thứ lại như thường, Thứ hay San có hỏi đến việc Địch về thì y trả lời gằn như thể lạnh lùng:*

- *Địch đỡ rồi. Tôi đã viết thư cho ông thân Địch, để ông cụ sang đón Địch.*

(Nam Cao, *Sống mòn*, tr.456)

(136) *Tôi lặng người nhìn nó. Xong thật rồi. Con gái tôi thành đàn bà thật rồi. Cái mặt nó ngậy dại vì hạnh phúc, và ánh mắt nó như người có lỗi. Ngượng ngùng và đờ đẫn. Đây là ánh mắt của tôi mười mấy năm về trước. Lúc ấy, tôi như đi trên*



*chín tầng mây mười tầng gió. Tôi không nhìn ai hết, không biết ai hết ngoài việc là tôi đang hạnh phúc. Tôi vừa bước vào thiên đường của đời người mà anh - người đàn ông đầu tiên trong đời đã mở cho tôi và đã dìu tôi vào đó. Người đàn ông ấy vừa mở cửa để cho tôi kịp thấy những vòng hào quang của nỗi đam mê thì lập tức, sau đó sáu tháng, anh ta dẫn tôi đến một cái hang sâu hun hút rồi đẩy tôi vào đó.*

**Đến tận bây giờ.**

(Nguyễn Thị Thu Huệ, *Hậu thiên đường*, tr.168)

Thời gian “một tiếng” được đánh giá là dài khi đi kèm *phải* trong câu (134), ngược lại thời gian “mấy hôm” (135) được đánh giá là ngắn, nhanh khi kết hợp với *chỉ*, tương tự ở câu (136) “Đến tận bây giờ” là quá muộn, quá lâu theo người nói, vậy nên họ dùng “đến tận” để chuyển tải thông tin đánh giá.

Trong phạm vi ngữ liệu của chúng tôi khảo sát, các CDB mang nghĩa tình thái đánh giá về lượng của thời gian có khá nhiều, nhưng câu mang nghĩa đánh giá khoảng cách gần xa của không gian không có hoặc không đơn thuần đánh giá khoảng cách khi kết hợp với phương tiện biểu thị tình thái thuộc nhóm nghĩa khác.

- Đánh giá về mức độ của thuộc tính

Đây là nhóm nghĩa tình thái đánh giá về lượng có mật độ xuất hiện dày nhất trong các CDB. Nhóm phương tiện biểu thị cho nhóm nghĩa này cũng có vị trí ô tác từ khá đa dạng, xuất hiện trước hoặc sau lõi sự tình và được góp thành từ nhiều nhóm phương tiện như trợ từ, vị từ tình thái, quán ngữ tình thái, tiểu từ tình thái hoặc thậm chí là kết hợp nhiều nhóm phương tiện phân bổ lần lượt trong một câu.

(137) *Song những câu tư tưởng và các bài thơ viết toàn bằng chữ Pháp. Có một bài để tặng người bạn gái, đại ý như sau:*

*"Ái tình là gì? Là một lời vĩnh biệt làm tan nát lòng người chẳng?*

*Hay là nụ cười chua chát ở cặp môi thắm,*

*Rơi vào luồng gió nó cuốn đi trên đôi cánh hồng?*

*Nếu ái tình là thế, thì than ôi!*

***Sầu thảm biết bao!***

(Khái Hưng, *Sóng gió Đồ Sơn*, tr.529)

(138) - *Thưa ông, vậy ông đi đưa dâu ai?*

- *Một người con gái. Tôi đã hẹn với cô ta từ bảy năm trước... ngày này, giờ này... lát nữa đám cưới cô ta sẽ đi qua đây...*

*Cậu con trai ngạc nhiên kêu lên: - Ồ...ồ... Thật lạ lùng!*

*Cô con gái thì thào vào tai cậu em trai:*

*Entre nous... Lãng mạn quá chừng...*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Hạc vừa bay vừa kêu thảng thốt*, tr.406)

(139) *Hắn cúi xuống, quắc mắt nhìn Từ, gõ gõ một ngón tay trở vào trán Từ và dọa như người ta dọa trẻ con:*

- Ngày mai... mình có biết không?... Chỉ ngày mai thôi! Là tôi đuổi tất cả mấy mẹ con mình ra khỏi cái nhà này... Tôi đuổi tất, không chừa một đứa nào, kể cả con bé Thảo là con ngoan nhất... Mấy đứa kia đều đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn với hét! Cả con mẹ nữa, con mẹ là mình ấy... cũng đáng vật một nhát cho chết cả! Chúng nó chỉ biết ăn rồi ngồi ôm con như nhện ôm khư khư bọc trứng, không chịu làm thêm việc gì cho có tiền. **Chỉ khổ thằng này thôi!**

(Nam Cao, *Đời thừa*, tr.165)

Các CDB với sự xuất hiện của các phương tiện từ vựng: *biết bao, quá chừng*, biểu thị nghĩa tình thái đánh giá mức độ cao của thuộc tính hoặc trạng thái được nêu ra như “sâu thăm” (137), “lãng mạn” (138). Câu có chứa phương tiện *chỉ - thôi* biểu thị nghĩa tình thái đánh giá thấp về sự tình “khổ thằng này”(139). Các câu mang nghĩa tình thái mức độ cao, thậm chí đánh giá tuyệt đối về thuộc tính xuất hiện nhiều trong ngữ liệu của chúng tôi hơn nhóm đối lập của nó là mức độ thấp. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi cũng thu được ngữ liệu khá thú vị sau:

(140) *Khiêm to lớn, lưng lừng, tính nóng nảy. Hàng ngày đi làm về (Khiêm hay làm ca đêm), Khiêm đều mang về khi cân thịt, khi bộ lòng. Ít hôm Khiêm về không. Đoài hay nói (cũng là nói sau lưng Khiêm): "Trước sau cũng vào tù thôi. Cái thằng ấy tôi đã thấy trước tương lai của nó. **Ít cũng sáu năm tù.** Kể cũng lạ. Một năm nó ăn cắp đến nửa tấn thịt mà người ta để yên cho nó!"*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Không có vua*, tr.183)

Tác giả sử dụng phương tiện biểu thị tình thái là “ít cũng” để đánh giá thời gian sáu năm tù sẽ là ít nhất có thể, đồng nghĩa với thời gian sáu năm tù là rất dài, khoảng thời gian sẽ tạo ra nhiều ảnh hưởng, chuyển biến. Như vậy, ở đây những tương nội dung tình thái đánh giá về lượng, nhưng thực chất lại là đánh giá về chất, về tính nghiêm trọng của vấn đề được nhắc đến trước đó.

## b2. Nghĩa tình thái đánh giá về chất

Đánh giá về chất là đánh giá sự vật, hiện tượng theo những tính chất, thuộc tính cơ bản, làm cho sự vật đó phân biệt với sự vật khác; phân biệt với lượng. Nghĩa tình thái về chất thường xuất hiện trong CDB thường có các sắc thái sau:

- Đánh giá tích cực hay tiêu cực

(141) *Lừa nỏ. Cơm đã cạn. Mụ Cửu Xung trở vào với cái dáng bộ đắc sách:*

- Nhà chị Đông Xá, cơm đã chín chưa? Tắm gội và thay áo đi! **Được làm rồi đấy!** Giấy của quan thầy thuốc vừa mới gửi đến, nói rằng sữa chị tốt lắm. Cụ lớn bà cho chị năm đồng một tháng. Nếu ngoan ngoãn chịu khó, sau này cụ lại cho thêm.

(Ngô Tất Tô, *Phân I.A. Tiểu thuyết xã hội Tất đền*, tr.144)

(142) *Bác Hai càng hạ giọng xuống, sau khi liếc mắt ngó qua những người chung quanh:*

- Ông bảo những công việc ấy, nói bằng miệng không được ư? **Phải mất tiền cả đấy!** Cụ chương lễ ba chục, ông chánh hội hai chục, cụ lý trưởng mười lăm đồng, ông phó lý và ông phó hội mỗi người mười hai đồng, thư ký, trưởng bạ, mỗi người mười đồng, hương trưởng, lý cựu, tộc biểu, trương tuần mỗi người năm đồng. Những số tiền ấy hết ngoài trăm đồng rồi. Lại còn ăn uống từ chiều hôm qua đến giờ...

(Ngô Tất Tô, *Phóng sự Việc làng*, tr.347)

Ở câu (141) sự xuất hiện của *được*, người nói biểu thị đánh giá tích cực về sự việc được cho phép thực hiện hành động được nêu ra trong thông báo, sự cho phép “làm” là một kết quả đang được mong đợi. Trong khi đó, khi xuất hiện *phải* (142) khiến sự tình “mất tiền” được chỉ báo ở hướng tiêu cực hay nói cách khác là biểu cảm âm về sự tình.

Tuy nhiên, các CDB biểu thị nghĩa tình thái ở nhóm phân loại này xuất hiện không nhiều.

- Đánh giá tính hợp lí hay không hợp lí

(143) *Từ hôm nói chuyện với chú tiểu ở trên gác chuông, mối hoài nghi của Ngọc một ngày một tăng. Trí nghĩ lúc nào cũng nhắc tới câu hỏi:*

- Gái hay trai?

*Hỏi rồi lại tự trả lời:*

- **Chả có lẽ là gái.** Những lời bàn về đạo Phật của chú tiểu có ý khinh bỉ cảnh phụ nữ... Nhưng ta cũng ngốc tê! Phải, nếu hẳn là gái thì hẳn càng cần phải làm thế để giấu ta chứ... Đích rồi! Chính hẳn là gái.

(Khái Hưng, *Hồn bướm mơ tiên*, tr.616)

(144) *Huyền mắt hét cả giận dữ thấy nhà sư nói bằng một giọng tha thiết ai oán nó thắt chặt lòng Huyền. Nhưng sự ngờ vực càng tăng thêm với lo sợ và ghê rợn.*

- Không, phải để tôi ra!

*Nhà sư vội vàng quỳ xuống, ngược mặt xám ngắt dẫm lệ trông Huyền:*

- **Không thể được!** Tôi van ông, ông nên thương chúng tôi. Trông ông, tôi chắc chắn là một người trí thức, mà đã là người trí thức ông nên nhận lời tôi van xin, ở lại với chúng tôi một lát để cứu sống đời khổ nạn của hai tôi.

(Nguyễn Hồng, *Nhà sư nữ chùa âm hồn*, tr.34)

Sắc thái đánh giá tính không hợp lí được nêu ra khá rõ ràng với các phương tiện: *chả có lẽ, không - được.*

- Đánh giá về mức độ quan trọng của sự tình

(145) *Đoạn rồi như một kẻ may mắn vừa thoát họa, lão Khủng thở phào. **Thực may! May quá!***

(Nguyễn Minh Châu, *Phiên chợ Giát*, tr.325)

(146) *Loanh quanh thế một lúc, rồi y đã trắng trợn nói bốp vào mặt Oanh:*

- *Xét cho kỹ thì ai chẳng vì mình. Nói chuyện nhân nghĩa, tử tế chỉ là nói chuyện thừa. Thí dụ tôi dạy học cho cô, có phải vì tử tế đâu? Vì hai mươi đồng mỗi tháng đó thôi. Mà cô thuê tôi dạy học có lẽ cũng chẳng phải vì tử tế với tôi, muốn giúp tôi có việc làm, có lương ăn. Nói cho đúng thì có lẽ vì cô không có bằng Thành chung, không thể đứng làm hiệu trưởng trường, không thể dạy lớp nhì lớp nhất.*

*Oanh đã vênh cái mặt đỏ bừng lên:*

- **Chưa hẳn đúng.** *Ừ, thì chú bảo chú vì tiền mà dạy cho tôi, tôi chỉ vì mảnh bằng của chú mà tôi thuê chú, nhưng cả một xứ Đông Dương này chỉ có một cái trường của tôi cho chú dạy thôi ư? Mà cả xứ Đông Dương này chỉ có một chú có bằng Thành chung ư? Tại sao chúng tôi không nhờ ai mà lại nhờ chú? Tại sao chú không dạy ở trường khác mà lại dạy ở trường chúng tôi?*

(Nam Cao, *Sống mòn*, tr.351)

Thông qua “*thực*” người nói đã nhấn mạnh sự may mắn vừa trải qua, trong khi *chưa hẳn* lại mang tính phủ định, điều được nói ở trên có chỗ chưa đúng.

Ngoài các sắc thái về chất nói trên, người nói có thể sử dụng các nhóm phương tiện biểu thị tình thái khác nhau để biểu thị sự đánh giá về ưu thế hoặc sự bất ngờ của sự tình diễn ra trong CDB như:

(147) *Quyên qua cửa soát vé, nhìn quanh. **Nhận ra tôi ngay.** Quyên bảo: "Tôi là Quyên. Có phải cô Lưu dặn anh đón tôi không?". Tôi bảo: "Vâng".*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Thương nhớ đồng quê*, tr.382)

(148) *Người nữ khán hộ giờ đưa bé con giai ra nói:*

- **Con giai hẳn hoi!** *Giống ông như đúc?*

(Vũ Trọng Phụng, *Người có quyền*, tr.70)

c. Nghĩa tình thái cảm xúc

Nghĩa tình thái cảm xúc là loại nghĩa tình thái biểu thị quan hệ giữa người nói với điều được nói tới thuộc nhóm nghĩa tình thái chủ quan biểu thị các cung bậc của cảm xúc hay thái độ của người nói với điều được đề cập trong câu.

Phương tiện biểu thị chính của nhóm nghĩa này là các thán từ, các trợ từ hoặc tiểu từ tình thái. Các phương tiện này vốn là dấu hiệu nhận biết cho một số cảm xúc, tuy nhiên, các loại cảm xúc của con người đôi khi dung hợp những trạng thái tâm lý phức tạp. Vì vậy, trong mỗi tình huống, một biểu thức ngôn ngữ có thể biểu thị một số cảm xúc riêng biệt hoặc được hoà lẫn các trạng thái cảm xúc khác nhau. Chính vì

thể chúng tôi cho rằng sự phân định các cung bậc cảm xúc theo bất cứ tiêu chí nào cũng mang tính tương đối. Ở phân loại này, chúng tôi tạm chia nghĩa tình thái cảm xúc thành hai chiều hướng đối lập là tích cực và tiêu cực với những mức độ phân hoá sắc thái khác nhau.

c1. Nghĩa tình thái cảm xúc có sắc thái tích cực

Cảm xúc tích cực là một trạng thái cơ bản trong cuộc sống con người, mang lại hạnh phúc và niềm vui. Hiểu một cách đơn giản, cảm xúc tích cực có thể được định nghĩa là một trạng thái thích thú, mãn nguyện và hài lòng của một con người. Nghĩa tình thái biểu thị cảm xúc tích cực thường không được biểu đạt rõ ràng trong CĐB, đa phần nhận định về sự tích cực của cảm xúc đến từ các thán từ (trong CĐB do thán từ tạo thành) hoặc đó là sự kết hợp của các phương tiện từ vựng biểu thị tình thái với phần nghĩa sự tình như trong một số ví dụ sau:

(149) *Cái lễ phép tắc trách đã làm xong, chủ khách ăn uống rất êm đềm vui vẻ. Vui vẻ, êm đềm thực! Sung sướng thay! Cui lò sưởi nổ đom đốp, át cả tiếng giọt mưa phùn. chuyện nói to làm lấp các tiếng gió bắc thổi. Hơi rượu nồng nàn, ai nghĩ đến rét buốt thấu tận xương.*

(Nguyễn Công Hoan, *Báo hiệu: Trả nghĩa cha*, tr.67)

(150) *Anh Triệu ra về. Tôi nói: “Anh ấy hay nhỉ?” Bó Lâm bảo: “Tốt lắm đấy. Trẻ con làng này học anh ấy cả, chúng tôi thì học ông ngoại anh ấy là cụ giáo Đạt”.*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Những bài học nông thôn*, tr.276)

c2. Nghĩa tình thái cảm xúc có sắc thái tiêu cực

Những trải nghiệm cảm xúc khó chịu được gọi là cảm xúc tiêu cực. Cảm xúc tiêu cực thường hình thành khi phải đối mặt với những sự việc xảy ra không như mong muốn. Cảm xúc tiêu cực rất đa dạng về hình thái và cách biểu hiện, đó có thể là băn khoăn, lo lắng; buồn khổ, tiếc nuối, sợ hãi, tức giận, đau đớn... So với cảm xúc tích cực thì sắc thái cảm xúc tiêu cực được biểu thị rõ nét hơn thông qua các phương tiện từ vựng: “cũng nên”, “chao ôi là”, “eo ôi”, “than ôi - chỉ vì”, có thể nhận thấy ở các ví dụ dưới đây:

Cảm xúc băn khoăn, chưa quyết đoán

(151) *Dững cúi mặt nhìn xuống đất. Trúc đột nhiên nói:*

*- Hay thôi vậy; anh nghĩ kĩ xem. Mà đi là đi hẳn, không bao giờ quay về được nữa. Tôi không mất gì nhưng anh mất nhiều lắm. Cũng nên nghĩ kĩ.*

(Nhật Linh, *Đôi bạn*, tr.365)

Cảm xúc buồn, thê lương

(152) *Khó tả? Đó là một cách nói. Tôi thì tôi hiểu rồi. Tôi hiểu anh muốn bảo: cái mặt tôi lạnh như nước đá và gương ngệu và vô duyên, và lố bịch và đủ hết. Tôi cười gương và tôi buồn... **Chao ôi là buồn!***

(Nam Cao, *Cái mặt không chơi được*, tr.8)

Cảm xúc sợ hãi

(153) - *Việt kiều thì xôm quá còn gì. Chứ mấy thằng chả Đài Loan, Hàn Quốc gì đó, bụng chầy cả lít mỡ, tiếng Việt không xoi, sang đây tuyển vợ về làm ô sin với nô lệ tình dục chứ bấu gì. Có khi còn phục vụ cả anh lẫn em cho tiết kiệm ấy chứ!*

- *Eo ôi, khiếp thế à?*

(Phong Điệp, *Người lạ*, tr.38)

Cảm xúc xót xa

(154) *Thì chị Bích lại vờ như không nhìn thấy nữa, ôm con và ôm rõ củi đầu quay đi thẳng, trước còn bước chậm, sau thoăn thoắt rõ nhanh, và sau cùng, thì chạy hần!*

***Than ôi, chỉ vì một đồng bạc!** Cái đồng bạc nhân đức rất đặc tội ấy! Chị Bích lẩn mặt, chạy trốn, sợ bị đòi tiền.*

(Vũ Trọng Phụng, *Một đồng bạc*, tr.154)

Cảm xúc vốn dĩ là một trạng thái tâm lí phức tạp nhưng lại mang tính nhất thời. Chính vậy nên, trong thực tế cũng như trong CDB có những dạng thức cảm xúc không hẳn tích cực hay tiêu cực mà chỉ mới biểu thị sự ngạc nhiên, đó là sự mất trạng thái cân bằng của người nói như ở trường hợp sau:

(155) *Bỗng hần bị một người nắm lấy vai. Hần giật mình. Một thứ tiếng trọ trọ Sài Gòn đã kêu lên:*

- *Ủa! Anh Hải!*

*Hải đáp ứng:*

- ***Trời đất ơi! Trời đất ơi!***

*Thư vừa nói vừa đập vào vai Hải bồm bộp. Tính anh như vậy. Anh bồm bộp. Trong lúc mừng rỡ quá, mặt anh đỏ bừng lên. Mắt anh loang loáng. Hải thì bình tĩnh hơn một chút. Nói là chậm chạp thì cũng được. Hần có vẻ như mệt mỏi. Bởi hần đã già hơn một chút. Cái nghề dạy học làm người ta chóng già. Thư nắm lấy cánh tay hần kéo đi như đội xếp kéo một thàng móc túi:*

- *Vào đây! **Trời đất ơi!** Tôi không ngờ lại được gặp anh Hải ở đây. Thế nào?*

(Nam Cao, *Quên điều độ*, tr.178)

d. Nghĩa tình thái đạo lí

Nghĩa tình thái đạo lí là loại nghĩa tình thái biểu thị quan hệ giữa người nói với người nghe. Nghĩa tình thái đạo lí thể hiện sự áp đặt của người nói đối với hành động của người khác hay chính người nói thực hiện dựa trên những quy tắc, chế định hay lẽ thường của cộng đồng. Khác với nghĩa tình thái nhận thức, tính chủ quan của nghĩa tình thái đạo lí thể hiện ở thái độ, ý chí và mong muốn của người nói đối với hành động, tức nó được xem xét dưới góc độ hành vi. Người nói cho rằng hành động là bắt buộc, là bị cấm đoán, là được phép hay ngược lại là miễn trừ qua đó tác động vào đối phương bằng những cách khác nhau.

Cũng giống như nghĩa tình thái nhận thức, các sắc thái nghĩa tình thái đạo lí có thể phân biệt bởi tính khả năng và hiện thực, chỉ khác ở điểm quan yếu của nghĩa tình thái đạo lí không phải tính tất yếu mà là tính bắt buộc.

d1. Nghĩa tình thái đạo lí biểu thị khả năng hiện thực

Sắc thái biểu thị khả năng hiện thực chỉ ra rằng hành động nêu trong câu có thể trở thành hiện thực bởi nó phù hợp về mặt đạo lí.

Nhóm câu biểu thị ý chí ngoài thường gắn với hành động được cho phép, được khuyến, yêu cầu hay xin cho diễn ra.

(156) *Thấy tôi gắt, người phu xe đứng lại, không dám theo nữa. Nhưng để tôi đi một quãng xa, anh ta ới gọi:*

- **Lại đây đi mà.**

(Thạch Lam, *Một cơn giận*, tr.146)

(157) *Hắn không ngờ lại gặp ông ở đây:*

- *Tên tôi là Mắt Xanh. Hãy tránh ra. Nếu không tôi sẽ giết ông rồi giết chết tất cả đồng loại của ông.*

- *Bình tĩnh, Mắt Xanh. Xin hãy bình tĩnh. Tôi là bác sĩ. Tôi chỉ muốn chữa bệnh cho cậu thôi.*

(Trần Thị Tú Ngọc, *Thăm thăm bóng sông*, tr.242)

Ở các câu trên, chủ thể nói áp đặt hành động cho tác thể là người nghe. Phương tiện tình thái: *đi mà - xin hãy* biểu thị sự áp đặt ở mức độ thấp khiến khả năng xảy ra hành động không cao, hành động “lại đây” (156) hay “bình tĩnh” (157) có xảy ra được hay không còn phụ thuộc vào người nghe.

Nhóm câu biểu thị ý chí của chủ thể biểu thị sự xin phép, ngỏ ý hay hứa để được thực hiện.

(158) - *Đừng làm vậy. Cho dù cậu là ai, tôi cũng sẽ chăm sóc cậu đến khi khỏi bệnh. Hãy tin ở tôi.*

(Trần Thị Tú Ngọc, *Thăm thăm bóng sông*, tr.242)

(159) *Dũng cũng thoáng nhận thấy vẻ nghi ngại trên nét mặt cụ Chánh, nên vội nói đùa với Loan:*

- *Có mỗi việc quay cái máy hát cho anh em nghe mà các anh ấy bàn mãi chưa biết cử ai.*

*Loan vui mừng:*

- *Phải đấy. Cử tôi cho.*

(Nhật Linh, *Nhật lá bàng rơi*, tr.221)

Các câu (158) - (159), người áp đặt ý chí cũng là người thực hiện hành động nên tính hiện thực của hành động nêu trong câu có thể cao hơn nhóm trên, tuy nhiên hành động có diễn ra được hay không còn tùy thuộc vào sự cho phép của người nghe. Điều này biểu thị tính khả năng của hai nhóm câu này.

d2. Nghĩa tình thái đạo lí biểu thị khả năng phi hiện thực

Sắc thái này biểu thị rằng hành động nêu trong câu có thể không trở thành hiện thực bởi về mặt đạo lí, tác thể được nói tới trong câu (hoặc là chính chủ thể lời nói) không phải có trách nhiệm thực hiện hành động đó.

(160) *Bà vợ Văn Minh đỡ lời:*

- *Vâng, ấy có nhiều bà, nhiều cô hỏi thăm quan anh luôn.*

*Vẫn vênh váo, Xuân dứt tay vào túi quần, nói dối:*

- ***Hỏi thăm làm gì? Tôi thì danh giá quái gì! Hạ lưu! Ma cà bông! Nhật banh quần, không đứng đắn, chỉ đáng nhỏ vào mặt!***

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, tr.389)

(161) *Nhà anh Hữu. Tôi không nhâm. **Không thể nhâm được.** Tôi cứ đứng lặng như thế một lúc lâu. Lòng tôi bồi hồi nghĩ về những tháng năm qua.*

(Thiên Sơn, *Năm tháng nhớ thương*, tr.148)

Với các phương tiện: *làm gì, không thể*, “hỏi thăm” (160), “nhâm” (161) bị phủ định, tức mang khả năng phi hiện thực.

Ngược lại, nhóm câu biểu thị ý chí chủ thể thường là những câu được người nói sử dụng với mục đích tự miễn trừ, tức người nói phủ định việc thực hiện một hành động mà lẽ ra mình phải làm.

(162) *Bà chủ nhà, vừa nói vừa cười, vừa đặt vào đĩa bà khách một cái tỏi gà thiến quay. Ngồi đối diện vợ, Tùng Thiện nói đùa:*

- *Đã thế thì sức hết cái đuôi gà, lại bắt ăn một cái cánh vịt nữa.*

- ***Sợ gì!***

(Khái Hưng, *Tình tuyệt vọng*, tr.561)



(163) - *Nghĩa là có thể xảy ra được lắm, phải không? Ờ, thế bây giờ tôi lại hỏi anh thế này, không có gì, nhưng tôi chỉ nói thí dụ thôi đấy nhé, thí dụ bây giờ đột nhiên anh nghe tin vợ anh ngoại tình thì anh nghĩ thế nào?*

*Thứ thấy nhói trong tim một cái và đột nhiên khó thở. Nhưng y vẫn cố thản nhiên:*

**- Chẳng nghĩ thế nào.**

(Nam Cao, *Sống mòn*, tr.329)

Với phương tiện biểu thị gì, *chẳng* người nói phủ định việc “sợ” (162) hoặc “nghĩ” (163) của bản thân trong tình huống giao tiếp. Theo chiều hướng nghĩa, việc miễn trừ hành động nêu ra trong các câu mang lại cảm xúc thoải mái hơn đối với người nói, tránh khỏi tình huống không có lợi cho họ.

Trong ngữ liệu của chúng tôi, nghĩa tình thái đạo lý biểu thị khả năng phi hiện thực xuất hiện rất ít hoặc mơ hồ về tình thái nên rất khó xác định.

d3. Nghĩa tình thái đạo lý biểu thị sắc thái bắt buộc hiện thực

Nghĩa tình thái đạo lý biểu thị sắc thái bắt buộc hiện thực biểu thị rằng hành động nêu trong câu buộc phải được thực hiện vì về mặt đạo lý, tác thể được nói tới trong câu phải có trách nhiệm thực hiện hành động đó. Ý chí ngoài hay ý chí chủ thể ở đây đều mang tính chất mạnh, đó là sự bắt buộc hay tự ép buộc.

(164) *Vợ chàng giờ tay khuyên như:*

**- Phải hy sinh! Phải có can đảm!** "Yêu người yêu mình chỉ là tự yêu"! Vẫn biết mình nói dối Oanh thì Oanh tất nhiên sẽ phải ghét mình, nhưng mà tôi xin mình, cứ thử một mình mình biết, một mình mình hay, mà yêu kẻ ghét mình tôi xem nào!

(Vũ Trọng Phụng, *Lòng tự ái*, tr.92)

Các câu mang tính áp đặt của người nói có vị thế giao tiếp cao hơn người nghe, mức độ bắt buộc có thể khác nhau *phải* nhưng đều dựa trên quyền của người nói và trách nhiệm thực hiện của người nghe.

Ở góc độ ý chí chủ thể, cơ sở của sắc thái bắt buộc hiện thực là sự tự áp đặt tình cảm, trách nhiệm dựa trên pháp luật, đạo lý...

(165) *Lan dăm dăm nhìn về phía chùa, se sẽ nói:*

**- Quên. Phải quên.**

(Khái Hưng, *Hồn bướm mơ tiên*, tr.673)

(166) *Thôi thì cố mẹ nó cái vườn cho xong! Thai nghĩ thế, bởi vì hấn đã thua cay lắm. **Cần phải gỡ.** Dẫu phải bán thân hấn đi để mà gỡ, hấn cũng không ngần ngại. Ấy thế là cái vườn mất.*

(Nam Cao, *Làm tổ*, tr.72)

Các hành động được người nói nêu bật trong câu, được xây dựng trên sự tự nhận thức về quyền, trách nhiệm của chính mình. Sự ràng buộc thông tin chính là ý chí, quyết tâm của người nói. Nhóm nghĩa này không xuất hiện phổ biến trong CDB.

d4. Nghĩa tình thái đạo lí biểu thị sắc thái bắt buộc phi hiện thực

Sắc thái này biểu thị rằng hành động, trạng thái nêu trong câu buộc không được thực hiện hay không được diễn ra và vì thế người nghe phải có trách nhiệm không thực hiện hoặc không để điều đó diễn ra, thường mang tính lập tức. Điều cấm cản này dựa trên các nguyên tắc đạo lí mang tính chất bắt buộc.

Với biểu thị ý chí ngoài có thể bắt gặp các trường hợp sau:

(167) *Chen lẫn vào những tiếng khóc lóc, mĩa mai nhau của những người trong tang gia, người ta thấy những câu thì thào như sau này:*

- *Con bé nhà ai kêu thế? – Con bé bên cạnh đẹp hơn nữa! – Ừ, ừ, cái thằng ấy bạc tình bỏ mẹ! – Xưa kia vợ nó bỏ nó chớ? – Hai đời chồng rồi! – Còn xuân chán! – Gớm cái ngực đầm quá đi mát! – Làm mối cho tớ nhé? – Mỏ vàng hay mỏ chì? – **Không, không hẹn hò gì cả.** – Vợ béo thế, chồng gầy thế, thì mọc sừng mát! v.v... Và còn nhiều câu nói vui vẻ, ý nhị khác nữa, rất xứng đáng với những người đi đưa đám ma.*

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, tr.401)

Trong câu, người nói đều thể hiện ý chí cao trong việc buộc người nghe không được tiến hành hay tiếp tục một hoạt động, trạng thái như “hẹn hò”. Sự áp đặt này được yêu cầu tiến hành lập tức, nên thường đi kèm với các phương tiện phủ định.

Nhóm câu chứa nghĩa tình thái đạo lí biểu thị ý chí chủ thể thường được người nói dùng để tự ngăn, tự cấm đoán mình, đó có thể là sự từ chối hoặc tự ép bản thân theo hướng không có lợi cho chính họ.

(168) *Tôi xoè lựa cho gã: “Cả thứ kia cũng không à?”*

*Gã rít thuốc khỏ sở: - Nó không thích hàng chợ.*

*- Hàng tình vậy.*

*- **Cũng không được.***

(Di Li, *Cocktail*, tr.293)

Người nói sử dụng “cũng không” để từ chối đề nghị của người đối thoại.

Nhóm nghĩa tình thái này có thể dùng để phủ nhận tâm trạng, những diễn biến theo người nói là vô lí, vô ích.

(169) *Thiều Hoa từ hôm ấy lo lắng, đứng ngồi không yên. Phong bảo: “Bối toán là trò nhảm nhí. **Nghĩ ngại làm gì**”. Thiều Hoa bảo: “Tôi sợ lắm. Tôi nghe tin lão Tân Dân mới ra tù. Lão ấy nham hiểm, xin ông cẩn thận”.*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Giọt máu*, tr.174)

e. Nghĩa tình thái thái độ

Nghĩa tình thái thái độ thuộc nhóm nghĩa tình thái chủ quan là loại *nghĩa tình thái biểu thị quan hệ giữa người nói với người nghe*. Trong tâm lí học, khi nhắc đến thái độ đồng nghĩa với việc nhấn mạnh một tập hợp các cảm xúc, niềm tin và hành vi đối với một đối tượng cụ thể. Thái độ thường là kết quả của những kinh nghiệm hoặc là kết quả của giáo dục, phản ánh cảm nhận của một người về đối tượng. Những đánh giá như vậy thường là có cả tích cực hoặc tiêu cực, nhưng đôi khi chúng cũng có thể là những xu hướng không chắc chắn. Đối với CDB, các nhóm phương tiện biểu thị tình thái thường không biểu đạt sắc thái tích cực hoặc tiêu cực một cách tường minh mà thông qua việc kết hợp với kết cấu hạt nhân để biểu thị nghĩa chung của câu, hoặc việc phân tích chiều hướng sắc thái nghĩa phụ thuộc vào ngữ cảnh để định vị. Vì thế, tạm thời trong luận án này chúng tôi chưa có cơ sở để phân tích phần nội dung nghĩa tình thái biểu thị thái độ này trong CDB.

## Tiểu kết

Với việc nhận định đây là chương trọng tâm của luận án nhằm làm rõ bình diện nghĩa học của CDB, lí giải chức năng của CDB trong giao tiếp, chúng tôi đã dành nhiều dung lượng để phân tích hai bình diện nghĩa sự tình và nghĩa tình thái của CDB tiếng Việt.

Ở bình diện nghĩa sự tình, CDB chứng tỏ khả năng chuyển tải nghĩa sự tình – một bình diện nghĩa quan trọng của câu, tuy nhiên CDB chỉ biểu đạt được một số loại sự tình nhất định như: sự tình hành động, sự tình tính chất, sự tình quan hệ, trong đó sự tính chất xuất hiện nhiều với các sắc thái biểu đạt phong phú nhất, các sự tình hành động và sự tình quan hệ chỉ xuất hiện thông qua một số dạng thức biểu đạt. Sự tình quá trình và nhiều phân loại chi tiết trong sự tình hành động và sự tình quan hệ không được thể hiện ở hình thức CDB.

Ở bình diện nghĩa tình thái, thông qua việc khảo sát các phương tiện từ vựng biểu thị tình thái, chúng tôi đã phân tích các bình diện nghĩa tình thái trong CDB. Điểm đáng lưu ý là, với kết cấu tối giản, CDB vẫn có thể chuyển tải nghĩa tình thái một cách sinh động và tinh tế trong nhiều trường hợp. Đặc trưng CDB loại trừ vai của chủ thể, thế nên CDB có thể biểu đạt nghĩa tình thái khả năng hiện thực, tất yếu hiện thực và tất yếu phi hiện thực thuộc nghĩa tình thái khách quan một cách hiệu quả. Các nhóm phương tiện từ vựng trong CDB thường liên kết trực tiếp với kết cấu hạt nhân, biểu thị khá rõ nét nghĩa tình thái chủ quan trong quan hệ giữa người nói với điều được nói đến trong câu và quan hệ giữa người nói với người nghe, trong đó, nghĩa tình thái nhận thức hiện thực, nghĩa tình thái đánh giá và nghĩa tình thái đạo lí có nhiều biểu hiện đặc sắc, nghĩa tình thái thái độ khá mơ hồ, khó định vị chiều hướng tích cực hay tiêu cực.

Cũng như những câu khác, đa phần các thành tố hạt nhân và tác tử trong CDB kết hợp hài hoà để chuyển tải thông tin sự tình theo góc nhìn của nhân vật giao tiếp, trong đó, đồng thời biểu đạt những nhận định, cảm xúc chủ quan. Tuy nhiên, một bộ phận có số lượng không nhỏ trong CDB tiếng Việt, tập trung ở phân loại có hạt nhân là thán từ, chỉ biểu đạt nghĩa tình thái, không biểu đạt sự tình nào trong quan hệ với hiện thực hoặc tưởng tượng. Khi xét nghĩa tình thái ở phân loại này, cũng rất khó để phân định rạch ròi chiều hướng nghĩa tình thái. Đây có thể xem là một trong những điểm hạn định chức năng của CDB trong giao tiếp.

Khi áp dụng bộ khung NPCN diễn ngôn kết hợp quan điểm phát triển cùng đường hướng của Cao Xuân Hạo và các tác giả khác khi nghiên cứu tiếng Việt để phân tích CDB, chúng tôi nhận thấy, một số phân loại nghĩa, bao gồm cả nghĩa sự tình và nghĩa tình thái không được thể hiện trong phạm vi ngữ liệu mà chúng tôi

khảo sát được. Theo một góc nhìn khác, có thể lưu ý đến những loại nghĩa đặc thù được diễn đạt trong CDB hoặc CDB được lựa chọn sử dụng trong những hoàn cảnh cụ thể, khi đó, CDB có khả năng biểu đạt tối ưu hơn các dạng thức khác trong cú pháp. Đây được xem là một lưu ý về bình diện nghĩa học của CDB, đồng thời là “hướng dẫn sử dụng” để lựa chọn CDB sao cho phát huy tối ưu công năng của loại câu này.

## CHƯƠNG 4. BÌNH DIỆN DỤNG HỌC CỦA CÂU ĐẶC BIỆT TIẾNG VIỆT

Bình diện dụng học của câu nghiên cứu mối quan hệ giữa câu với người sử dụng. Ở bình diện này, đối tượng xem xét là câu trong hoạt động giao tiếp, tức là câu với tư cách là một thông điệp (message).

Ở các chương trước, CDB được phân tích từ 2 bình diện kết học và nghĩa học. Với góc độ ngữ pháp và ngữ nghĩa, CDB được chúng tôi xem xét ở trạng thái cô lập, tách khỏi ngữ cảnh và hoạt động giao tiếp, chưa gắn với mục đích của người phát ngôn. Trong các điều kiện xem xét nói trên, cấu trúc ngữ pháp của câu được trừu tượng hoá từ lượng lớn ngữ liệu chúng tôi tập hợp được, còn nghĩa của CDB được là phân nghĩa từ các thành tố trong câu cấu tạo nên, xem như nghĩa tường minh. Khi hành chức, câu gắn với hoạt động giao tiếp, với mục đích nói rõ ràng trong tình huống cụ thể. Việc nghiên cứu CDB từ bình diện dụng học không chỉ giúp luận án có cái nhìn toàn diện về đối tượng nghiên cứu mà còn thêm một lần nữa chứng minh tính hoàn thiện của CDB.

Theo quan điểm của S.C. Dik, các chức năng dụng pháp bên trong (đề - topic, tiêu điểm - focus) và bên ngoài (chủ đề - theme, hậu đề - tail) được sử dụng nhằm “đánh dấu cương vị thông tin của các thành tố đang bàn, trong bối cảnh cụ thể mà nó sử dụng”[108; tr.34]. Vì thế, trong chương này, để phân tích bình diện dụng học của CDB, chúng tôi sẽ tập trung vào Đặc trưng ngữ cảnh của CDB và nội dung Đánh dấu mục đích phát ngôn để làm rõ tư cách thông điệp của CDB.

### 4.1. Đặc trưng ngữ cảnh của CDB

Mỗi một câu đều được sản sinh ra trong một bối cảnh nhất định, muốn lĩnh hội được đầy đủ, chính xác câu đó, ta phải đặt nó trong bối cảnh mà nó ra đời, bối cảnh đó được gọi là hoàn cảnh ngôn ngữ hay ngữ cảnh.

Ngữ cảnh chính là một khái niệm cơ bản của dụng học. Nguyễn Quang Ninh (1998) gọi ngữ cảnh là “tình huống giao tiếp” [53]. Theo Đỗ Hữu Châu (2002), ngữ cảnh (situational context, context of situation) là bối cảnh ngoài ngôn ngữ của một phát ngôn hay là những thông tin ngoài ngôn ngữ góp phần tạo nên nghĩa (của phát ngôn). Hiểu theo nghĩa rộng nhất, ngữ cảnh được xác định chính là bối cảnh ngôn ngữ, ở đó diễn ra hoạt động giao tiếp [11,12].

Ngữ cảnh có vai trò quan trọng vì thế khi tạo câu, người nói (viết) cần chú ý đến ngữ cảnh, đến từng nhân tố trong đó. Đồng thời, muốn lĩnh hội chính xác, thấu đáo một phát ngôn nào đó người nghe (người đọc) cần căn cứ vào ngữ cảnh, gắn với tình huống và diễn biến cụ thể.

Ở phần nội dung này, chúng tôi muốn xem xét các khía cạnh của hoàn cảnh mà CDB được sử dụng. Mục đích chính của thao tác này không phải là để tìm hiểu về

ngữ cảnh, mà làm rõ CDB thường xuất hiện trong những tình huống giao tiếp nào, qua đó tìm câu trả lời cho giả thiết: sự xuất hiện của kiểu cú pháp mang tên CDB là lựa chọn tất yếu cho hoàn cảnh mà nó tham gia vào.

#### 4.1.1. *Bối cảnh của CDB*

Luận án khảo sát ngữ liệu từ 16 tập truyện, CDB được dùng để phân tích các bình diện đã được văn bản hoá trong các tác phẩm văn học. Chính vì thế, ở đây, chúng tôi hiểu bối cảnh của CDB theo quan điểm hẹp về ngữ cảnh, đó là đoạn hoặc câu văn trên dưới của một CDB hoặc sự kết hợp các từ với nhau trong chuỗi lời nói của người nói trong trường hợp độc thoại và chuỗi lời nói trước sau trong tương quan giữa các bên tham gia giao tiếp khi hội thoại. Từ quan niệm nói trên, có thể xuất hiện ba nhóm phân loại sau: (1) CDB xuất hiện trong lời tự sự; (2) CDB xuất hiện trong chuỗi độc thoại; và (3) CDB xuất hiện trong hội thoại tương tác.

##### 4.1.1.1. *CDB xuất hiện trong lời tự sự*

Lời tự sự được chúng tôi hiểu là lời người dẫn chuyện làm nhiệm vụ dẫn dắt, kể lại toàn bộ câu chuyện. CDB ở trường hợp này thường xuất hiện trong một đoạn văn miêu tả. Vậy những tình huống nào khiến người viết chuyển mình lựa chọn CDB thay vì các kiểu câu quen thuộc và có cấu trúc an toàn khác. Có thể xem xét trong ví dụ sau:

(170) *Cùng họ nhà bún, riêu cua và thang cuốn vốn là quà sở trường của các bà. (Mà nghiệm ra cái triết lý sâu sắc này: thứ quà nào bán cho các bà bao giờ cũng đắt hàng, về hai lẽ: một là vì các bà nội trợ bao giờ cũng sẵn tiền, hai là các bà ăn quà đã thành tục ngữ, ca dao). Lại có một điều: nhà mình làm lấy, dù là bà vợ khéo tay đến đâu, ăn cũng không thấy ngon bằng mua của các hàng rong, nhất là hai thứ thang và riêu. **Tại sao vậy? Có ai tìm ra cái lẽ triết lý thứ ba không?***

(Thạch Lam, *Hà Nội 36 phố phường*, tr.37)

(171) *... Chiếc kéo của bác bán hàng thoăn thoắt cắt nhỏ ra từng miếng. Chúng tôi không kịp so đũa, đã hỏi bác rót nước chấm có đậm chua và ớt bột thật cay. Và chúng tôi ăn trong lúc bánh còn nóng hôi hổi, bỏng cả miệng, cả môi, cả lưỡi – chảy nước mắt vì ớt xông vào cổ họng, xuyết xoa cho vị bánh đượm đượm lâu. **Ngon biết chừng nào!***” (Thạch Lam, *Vài thứ chuyên môn nữa*, tr.60)

(172) *Những lời sắp lấy ra bỗng rơi đầu mắt. Tôi bắt gặp cái nhìn trống hoang trong mắt anh. Huân chìa ra mảnh giấy nâu xin ghi kết quả sinh thiết của bệnh viện K. **Ung thư!** Những người tôi quen đã đi xuống mộ quá nhiều vì ung thư. Tôi nghĩ đến những con sâu nhỏ màu xanh đang quần quai giẫy chết trong chất độc dioxin màu da cam hay dưới bình phun vô-pha-tóc và ruột gan quần thối buồn nôn. Trước sự tàn bạo của chính mình, con người hơn gì những con sâu đó?*

[...] Anh cười chua chát. Tôi quay đi, cắn môi đến bật máu, lau vội giọt nước mắt rớt ra ngoài kính. **Huân ơi!** Rồi đây nắp quan tài sẽ ập xuống trong tiếng búa. Có lẽ chiếc quan tài sẽ nghẹn lại khi phải nuốt chửng một người đàn ông tuấn tú như anh!

(Võ Thị Hảo, *Máu của lá*, tr.88-89)

(173) *Cái Hương đã ngán thịt lắm. Nó bốc một nhúm nộm trên cái đĩa sắt trắng men mà cái Phai đã bê lên theo tận trên trần nhà. Trên chiếc “đĩa bay” ấy bày mỗi thứ một tí, đủ mọi thức của một cái mâm cỗ đám cưới. **Thật là sướng ghê!** Xem đám cưới hàng xóm đã thích nhưng được xem đám cưới anh chị chúng nó lại càng thích bởi vừa được xem lại vừa được ăn ngon.*

(Nguyễn Minh Châu, *Hương và Phai*, tr.167-168)

Thông thường, lời tự sự được diễn đạt bằng những câu dài, kết hợp từ nhiều cụm chủ vị miêu tả bối cảnh hoặc dẫn dắt các tình tiết, diễn biến của câu chuyện, sau lớp màn tự sự chính là không gian tinh thần của tác phẩm, nơi các nhân vật bộc lộ mình. Tuy nhiên, cũng trong chính lời tự sự đó, khi xuất hiện những tình cảnh bất ngờ như nhận tin dữ một người thân cận mắc bệnh hiểm nghèo ở ví dụ (172) câu được phát ra cũng vì thế mà chỉ được cấu trúc vồn vện một từ “Ung thu”. Cũng có thể một câu hô gọi để nhắc đến đối tượng được xem là trung tâm của vấn đề đang đề cập, như câu “Huân ơi!”. Hoặc xuất hiện phổ biến hơn là các trường hợp những cảm xúc bật ra không thể kìm nén được trong dòng chảy tinh thần của tác giả hoặc người dẫn chuyện, như ở ví dụ “Ngon biết chừng nào!”, “Thật là sướng ghê!”. Có thể thấy, trong những tình huống này, lựa chọn CDB giúp người tự sự biểu thị trạng thái tinh thần một cách phù hợp nhất, hoặc điều hướng chủ đề (như ở câu “Tại sao vậy” trong ví dụ 170) hoặc nhấn mạnh điều được xem là tiêu điểm thông tin của cả đoạn (như ví dụ 173).

#### 4.1.1.2. CDB xuất hiện trong chuỗi độc thoại

Độc thoại trước hết là một hình thức thể hiện tâm tư, tình cảm quan trọng của nhân vật trong các văn bản tự sự. Độc thoại là hình thức bộc bạch lời lẽ của một nhân vật nào đó thành lời trong tình huống tự nói chuyện với chính mình hoặc nhân vật là ai đó do bản thân nhân vật tự tưởng tượng ra. Nhìn chung, độc thoại được phân biệt rất rõ ràng với hình thức đối thoại và cũng có những khác biệt với những lời tự sự mang tính dẫn dắt diễn ngôn vừa nêu ở phần trên.

Nhìn chung, hoàn cảnh độc thoại thường xảy ra khi nhân vật đó chỉ có một mình, thường là rơi vào cảm xúc, tâm trạng tê lương nhất, nhớ nhung da diết, khôn nguôi hoặc ăn năn, hối hận, thất vọng và có thể tìm đến cái chết. Mục đích độc thoại cũng là dấu hiệu để thể hiện chiều sâu trong tâm trạng, tâm tư, tình cảm của nhân vật thay vì đối thoại. Do đó, thường khi nhân vật rơi vào các nút thắt của câu chuyện



hoặc trạng thái đỉnh điểm, nhân vật sẽ thường độc thoại hoặc độc thoại nội tâm. CDB xuất hiện trong bối cảnh chung như vậy để khơi gợi các chủ đề, gọi tên những cảm xúc, tâm trạng hoặc chính xác là sự day dứt về vấn đề mà họ đang đối diện, thường bị rơi vào bế tắc. Cũng có khi, CDB được dùng để gợi ra những ý tưởng mà nhân vật bất chợt nghĩ ra trong quá trình độc thoại, có thể minh họa trong các ví dụ sau:

(174) *Giang ngó người nhìn anh. **Lạ thật.** Ông này hấp thật rồi. Sao đang yên đang lành lại nghĩ ra váy đỏ nhỉ? **Thôi chết.** Hay phải sang Thái mở xê chuyển giới?*

(Võ Thị Xuân Hà, *Bán hàng trên mạng*, tr.31)

(175) *Còn nó nghèo, nó khổ, nó đổ là tại số. **Tại số?** Phải, những bộ óc rắn đặc như óc nó thì bao giờ lý hội sự đời cũng chỉ thấy toàn số, mệnh. Nó không biết rằng bố mẹ nó đã bị xã hội hất hủi vào cái cấp hạ lưu đê tiện thì không còn mong gì ngoi ngóp được lên, đã không ngoi ngóp được lên, thì tiền đâu nuôi nó, cho nó học hành, mà nó chẳng phải cầm đến cái tay xe? Đã cầm đến bộ tay xe, không những nó phải ra sức kéo người có tiền cười nó, nó còn phải đem mảnh thân cát bụi của nó ra chiến đấu với tạo vật, với những tia nắng mặt trời dữ dội chiếu xuống đốt lưng đốt gáy nó, với những trận mưa trận gió phũ phàng ném những hạt nước nặng nề thẳng vào mặt nó, thổi tung cát bụi lên làm tối mắt nó hay đưa lạng cả xe nó kéo về đằng sau, làm trông trành sang bên phải, bên trái, trông trành như một chiếc thuyền. **Nào đã hết đâu!...** Thắng được tạo vật rồi, nó lại còn phải chiến đấu nữa, chiến đấu với cơ khí, chiến đấu để nuôi thân. [...]*

(Vũ Trọng Phụng, *Chống nạng lên đường*, tr.11)

Ở ví dụ (174), các CDB “Lạ thật.”, “Thôi chết” là những bộc phát tâm trạng của nhân vật Giang (dĩ nhiên là diễn biến và bất ngờ trong nội tâm) khi nghe nhân vật “anh” hỏi “Có váy đỏ không”. Còn với các câu: “Tại số?”(175) chính là câu nêu sự tình được đặt ra trong suy nghĩ của nhân vật, hay “Nào đã hết đâu!”(175) là câu chuyển hướng chủ đề, dẫn dắt câu chuyện tiếp tục với những viễn cảnh khôn khó mà nhân vật nó sẽ phải đối diện. Có thể thấy, dù không xuất hiện nhiều tuy nhiên CDB vẫn có vai trò và tình huống riêng biệt để xuất hiện trong bối cảnh nhân vật đang ngẫm nghĩ, trăn trở hoặc tự thoại với chính mình về một chủ đề nào đó, tuy nhiên thường thiên hướng tiêu cực, bế tắc nhiều hơn tích cực.

#### 4.1.1.3. CDB xuất hiện trong đối thoại

Ngôn từ đối thoại biểu hiện sự giao tiếp qua lại (thường là giữa hai phía) trong đó sự chủ động và sự thụ động được chuyển đổi luân phiên giữa những người tham gia giao tiếp, mỗi phát ngôn đều được kích thích bởi phát ngôn có trước và là phản xạ lại phát ngôn có trước ấy.

Thuận lợi nhất cho ngôn từ đối thoại là các kiểu tiếp xúc không mang tính quan phương, tính công cộng; là kiểu trò chuyện giản dị bằng khẩu ngữ, là không khí bình đẳng về tinh thần và đạo đức giữa những người phát ngôn. Chính vì thế đây là hoàn cảnh xuất hiện nhiều CDB. Rất dễ bắt gặp những câu như:

(176) *Chị Thục giằng lấy chày trong tay anh Bường: “Cút đi! Định giết người ta hay sao?” Chị Thục bảo anh Chinh: “Bao giờ được, anh bảo em.” Anh Chinh bảo: “Được rồi đấy! Chặt đi.” Chị Thục vung chày: “khự” một cái, chõ thối thối ở đầu ngón chân tôi văng ra. Tôi cắn chặt răng vào bàn tay, mắt hoa đi...*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Những người thợ xẻ*, tr.307)

Hoặc để làm rõ hơn, chúng tôi sẽ trích một đoạn tương đối dài có chứa nhiều CDB dùng để tương tác:

(177) *Y mặt sát cụ Hải Nam.*

- *Cái lão già thối đến thế là cùng! Thối nát đến thế là cùng! Đặt một tượng khoả thân trơ trẽn bên cạnh một hòn non bộ. Chửi mỹ thuật! Khiêu dâm! Đều cáng! Tự nhiên tôi có những ý nghĩa không tốt về lũ con gái cấm cung nhà nó. Chắc chúng nó phải có cái tâm hồn hư hỏng, đĩ thoã, dâm dăng ngấm ngấm, ghé gớm lắm. Đã ăn không, ngồi rồi, tắm bỏ nhiều mà lại ở trong một cái hoàn cảnh thối tha đến thế!...*

*San mỉm cười:*

- **Chó sói và giàn nho.**

*Lòng tự ái của Thứ gầm lên:*

- **Nho! Nho gì? Nho thối ấy à?**

*San vẫn mĩa mai:*

- **Thì cố nhiên!** Thối bởi vì cao quá.

- Anh nói đúng. Quả có như thế thật: thối chính vì cao quá.

*San vỗ tay xuống đùi cười hô hô:*

- **Phải rồi!** Tôi biết mà!

*Y khoái chí vì tưởng Thứ ngớ ngẩn không hiểu y mĩa mai. Nhưng Thứ vừa xoa tay vừa có lấp tiếng cười của San đi:*

- **Im đã nào!** Anh dốt lắm. Anh để tôi cắt nghĩa cho anh hiểu.

(Nam Cao, *Sống mòn*, tr.324)

Từ hai ví dụ nêu trên, có thể nhận thấy, trong hội thoại tương tác trực tiếp, người nói thường sử dụng CDB, đa phần là CDB vị từ (có số lượng nhiều nhất) khi muốn đưa ra những điều khiển về hành vi, nhận thức cho đối tượng, và CDB (đa phần là câu cấu tạo từ danh từ hoặc đại từ) để nêu thông tin về đối tượng hoặc bối cảnh giao tiếp.

Dĩ nhiên, trong bối cảnh đối thoại cũng thường gặp hiện tượng tỉnh lược hay câu chỉ có phần thuyết. Tuy nhiên trong phạm vi ngữ liệu mà chúng tôi tập hợp đã loại trừ các trường hợp này. Điều đó một lần nữa khẳng định quan điểm nhất quán của chúng tôi rằng CDB là loại câu được người nói lựa chọn hình thức cú pháp để chuyển tải ngữ nghĩa mà họ mong muốn trong ngữ cảnh phù hợp, không phải là kết quả gián tiếp của bất kì thao tác nào.

Đặc trưng cho ngôn từ đối thoại là sự luân phiên của các phát ngôn ngắn, của những người phát ngôn khác nhau. Trong đối thoại, CDB xuất hiện bởi không nhất thiết phải sử dụng các kiểu câu khác, hay chính xác là các kiểu câu khác không phù hợp. Dĩ nhiên, không thể phủ nhận là các yếu tố đối thoại như các phương tiện kèm lời và phi lời đều là những tín hiệu góp phần không nhỏ biểu thị thông điệp người nói cần chuyển tải.

#### **4.1.2. Quan hệ liên nhân**

Lí thuyết dụng học đã phân tích rất rõ tầm tác động của quan hệ liên cá nhân đối với việc lựa chọn phương thức giao tiếp nói chung và hình thức cú pháp nói riêng. Ở phần nội dung này của luận án, từ ngữ liệu khảo sát CDB, chúng tôi tham chiếu vào ngữ cảnh và phân tích đối tượng giao tiếp sử dụng nó, thao tác này không chỉ có giá trị làm rõ tính phù hợp về hình thức cú pháp CDB trong ngữ cảnh còn là một “hướng dẫn sử dụng” CDB sao cho hiệu quả, tránh vi phạm các quy tắc giao tiếp.

##### **4.1.2.1. Xét từ trục quyền lực**

Quan hệ quyền lực ở Việt Nam thường được biểu hiện ở một số phương diện như: quan hệ về giới, quan hệ về địa vị, thứ bậc, quan hệ tuổi tác, trình độ hiểu biết...

Về phương diện xã hội: Trong xã hội, sự phân chia quyền lực bao gồm trong công việc (*lãnh đạo cấp trên với nhân viên cấp dưới, thầy cô giáo với học sinh, sinh viên, người làm với ông chủ, bà chủ...*); quan hệ tuổi tác (*người lớn tuổi với người nhỏ tuổi hơn*); quan hệ vật chất (*người giàu với người nghèo*<sup>29</sup>).

Quan hệ quyền lực trong giao tiếp của người Việt mang đặc trưng ứng xử theo tôn ti. Nó tạo thành các lễ tiết, nghi thức giao tiếp sao cho đúng mực trong xã hội. Mọi quan hệ này cũng biểu thị rõ trong việc lựa chọn hình thức CDB, giữa người bậc trên đối với người dưới:

(178) *Mô ngẫm nghĩ một lúc rồi chọt hỏi:*

- *Hai cậu định cho mười bốn đồng nguyên tiền ăn, có phải không?*

- *Phải rồi.*

<sup>29</sup> Mọi quan hệ này không phải lúc nào cũng xuất hiện, tuy nhiên vẫn được nhắc đến vì vẫn hiện hữu trong xã hội và tác động đến giao tiếp.

- **Vâng biết vậy.** Thế thì thế này: Con nhận thôi cơm thôi. Còn mọi thứ, nhà cửa, giặt giũ, dầu đèn... mặc hai cậu cả.

- **Được rồi!** Mà cứ lấy mỗi tháng mười bốn đồng, còn mặc chúng tao. Nhưng phải tìm cho chúng tao cái nhà.

(Nam Cao, *Sống mòn*, tr.335)

Thứ là thầy giáo đứng tên hiệu trưởng và dạy ở trường nơi Mô là cậu giúp việc, chính vì sự ràng buộc đó nên cách sử dụng ngôn ngữ giao tiếp của hai người cũng khác biệt. Mô trình bày dài, lễ phép, trong khi Thứ đáp ngắn gọn, không cần dùng kính ngữ vì là bậc trên, mặc dù thế nhưng vì là người thầy nên các câu đáp của Thứ vẫn rất lịch thiệp, đúng mực và không có sự coi thường với anh giúp việc, cũng có thể vì các câu này được đặt trong ngữ cảnh là Thứ và San đang nhờ Mô giúp tìm nhà và người lo việc ăn uống nên lời cũng hoà nhã hơn.

Hoặc ngược lại là quan hệ giữa người bậc dưới với người bậc trên trong hoàn cảnh mang tính phân biệt gắt gao hơn, có thể xét ở ví dụ sau:

(179) Rồi như tiếng sét, ông Huyện gắt:

- **Đồ xỏ lá!** Dem về để vợ chồng con cái ăn với nhau! Nhà tao không có lợn!

Giật mình, ông Lý tái mét mặt, ấp úng nói:

- Lạy quan lớn, quả thực chúng con túng đói, xin quan lớn thương cho.

- Mà kêu mày túng? Mày túng thì ông cách cổ mày đi cho thằng khác làm. **Đồ ba que!**

Ông Lý không thể đáp thế nào được, bèn chỉ lạy van cho đỡ đòn:

- **Lạy quan lớn.**

Ông Huyện quắc mắt, đập bàn, lại quát:

- **Dem đi ngay! Đừng để bản công đường!** Từ giờ đến trưa, mày không Tết được tao, thì tao bỏ tù. Tao bảo trước cho mày biết.

(Nguyễn Công Hoan, *Gánh khoai lang*, tr.233)

Trong cuộc đối thoại trên có thể thấy rõ sự hèn mọn của vai giao tiếp ông Lý so với vai ông Huyện. Lý trưởng là người đứng đầu làng xã thời xưa, dưới bộ máy của chính quyền quân chủ chuyên chế nhưng lại là chức danh do làng xã bầu ra, không phải do triều đình bổ nhiệm và lý trưởng không được nhận lương bổng từ triều đình, vậy nên mới được nhận định là đứng đầu hàng xã nhưng đứng dưới trăm quan. Rõ ràng, ông Lý trong đoạn thoại khép nép “Lạy quan lớn”, không thể phản kháng trước những lời chửi mắng, hịch sách của quan lớn quyền uy. Vị thế được phân chia rất rõ trên trục quyền lực xã hội đã biểu thị qua xưng hô, qua cách dùng từ và cũng khác biệt qua cách sử dụng câu đặc biệt “Đồ xỏ lá!”, “Đồ ba que!”, “Dem đi ngay! Đừng để bản công đường!” với “Lạy quan lớn.”

Bên cạnh sự phân hoá cao thấp, ứng xử đúng mực giữa những người ngang vai nhau trong xã hội cũng được thể hiện qua cách dùng câu đặc biệt:

(180) *Một buổi, khi Y vừa vẽ xong, tôi lên tiếng:*

- *Mày ạ, ông Tâm ấy...*

- **Lão Modi à? Sao? Đòi tiền phòng à?**

- **Không.** *Tối hôm kia, cái hôm mày đi uống rượu trên Vọng Cảnh ấy...*

- **Sao?**

- *Tao ra bờ sông, thì thấy ông ấy đang cụng gì đấy.*

- **Bình thường mà.** *Hôm ấy gần rằm.*

- **Không.** - *Tôi cáu kỉnh. Mày cứ im để tao kể.*

(Hạo Nguyên, *Quả tim của Modigliani*, tr.151)

Khi những người có quan hệ ngang hàng trò chuyện, xu hướng sử dụng CDB rất phổ biến, cú pháp cũng được triển khai ngắn gọn, tường minh, tất cả các chi tiết rườm rà đều không đưa vào câu, mạch nội dung vì thế cũng tiến triển nhanh chóng và cuốn hút hơn. Các đoạn thoại này được trích trong văn bản văn chương, tuy nhiên phản ánh rất chân thực hơi thở đời sống, không khó để tìm thấy những mẫu thoại tương tự trong giao tiếp đời thường. Và những cách chuyển tải thông tin nêu trên chưa bao giờ làm khó các nhân vật giao tiếp hay tạo ra bất cứ rào cản gì về việc lĩnh hội hay giải thuyết thông điệp.

Ta cũng có thể tìm hiểu quan hệ quyền lực ở phương diện gia đình. Sự phân chia thứ bậc quyền lực trong gia đình chủ yếu căn cứ vào nguồn gốc của quyền lực, vị trí của nhân vật trong tổ chức gia đình và họ tộc. Trong gia đình Việt Nam, tính tôn ti trong quan hệ được thể hiện rất rõ. Thái độ ứng xử đối với người bề trên trong gia đình và trong xã hội, ngay trong truyền thống phải tuân theo chuẩn mực của sự lễ phép mới phù hợp với tập tục, với cách nhìn nhận có tính chất truyền thống từ lâu đời của người Việt Nam. Phương diện này được biểu thị rất rõ ràng trong việc sử dụng CDB, mặc dù cả người ở thứ bậc cao hơn trong gia đình hay thấp hơn đều có thể sử dụng CDB trong giao tiếp, có thể so sánh hai vai giao tiếp ở ví dụ sau:

(181) *Cửa xe mở, bà thả gậy để bước xuống. Hai cháu nội đỡ hai bên nách, bà hẩy tay chúng ra bảo:*

- **Khỏi.** *Bà về đất mẹ rồi thì bà khoẻ lắm. Ở đây có bố có mẹ của bà đỡ rồi thì ngã làm sao được.*

[...] - *Bà cứ như ngày xưa thì bao giờ cháu mới được lớn? - Thằng cháu đích tôn tên Núi trên bà.*

- **Sư bố anh!** - *Vừa mắng yêu thằng cháu, vừa vợ nắm rom dòn sang bên phải làm gối, bà nằm nghiêng, quay mặt vào tiểu sành đựng cốt chị dâu:[...]*

- *Đấy nhé, ở bên kia bà cứ nhắc suốt ổ rom, ổ rom. Hôm nay thì bà toại nguyện rồi nhé!*

- **Cha bố anh!**

(Vũ Thanh Lịch, *Bà cô bên chồng*, tr.265-267)

Đoạn thoại diễn ra giữa 2 nhân vật là người bà và cháu tên là Núi, có thể thấy chỉ có người bà sử dụng CDB, còn câu thoại của người cháu đều sử dụng các kiểu cú pháp khác nhằm đảm bảo tính lễ phép của cháu với bà.

Trong trường hợp người ở thứ bậc nhỏ hơn trong gia đình sử dụng CDB thì câu này thường tồn tại ở dạng câu đặc biệt thán từ, sử dụng kính ngữ để phản hồi lời hô gọi, yêu cầu, hoặc các mệnh lệnh của người lớn hơn nêu ra trước đó:

(182) - *Con yêu người con trai ấy lắm phải không? - Tôi hỏi. Im lặng. Rồi một lúc, nó khe khẽ trả lời:*

- **Vâng ạ!**

- *Con nhớ anh ấy lắm phải không?*

- **Vâng ạ!**

(Nguyễn Thị Thu Huệ, *Hậu thiên đường*, tr.169)

Nếu CDB được người nhỏ hơn trong quan hệ gia đình chủ động đặt ra cũng buộc phải có kính ngữ để thể hiện sự tôn kính với người bậc trên:

(183) *Đến nơi, cụ Cử hỏi ngay:*

- *Xí Quý đã về đó à? Việc con hẳn hay nên trông tươi lắm.*

- **Dạ, quả thị không sai.** Ông tổng cũng hỏi:

- *Thế nào? Ngài cho con một chân thư lại vị nhập lưu, hay cái bằng cấp đầu xứ?*

- **Bẩm to hơn nhiều.**

(Nguyễn Công Hoan, *Sóng vũ môn*, tr.20)

Khi trả lời các câu hỏi của cụ Cử, dù sử dụng CDB nhưng nhân vật bề dưới là Quý sử dụng các kính ngữ “dạ”, “bẩm” đầu câu nên vẫn đảm bảo sự lễ phép, kính trọng trong đoạn thoại.

Còn trong trường hợp, CDB được gán với người nhỏ trong gia đình nhưng không sử dụng cách diễn đạt như trên thì thường được gán với những đối tượng con cháu có hành vi hỗn láo, vô lễ hay xác xược như trong trường hợp người bác gái quát người bà trong ví dụ sau:

(184) *Bà lão loà, ăn hết một lưng, tay lấy bẫy chia bát ra toan xin ít nữa, chưa kịp nói, bác gái đã quát:*

- **Hết rồi...!** Còn đâu nữa mà chừa mãi bát ra... Đến tôi đây quân quật suốt ngày, đã ốm cả xác mà cũng chỉ được có ba lưng thôi đấy... Bà không phải làm gì, ngồi nhà ăn ít cũng được. (Vũ Trọng Phụng, *Bà lão loà*, tr.27)

Trục quyền lực không những không giới hạn việc người tham gia giao tiếp lựa chọn sử dụng CDB, mà thông qua việc sử dụng CDB theo những cách khác nhau cũng phản ánh sự phân vai rất rõ ràng trên trục giao tiếp này.

#### 4.1.2.2. Xét từ trục khoảng cách

Quan hệ khoảng cách còn được gọi là quan hệ ngang hoặc là quan hệ thân - sơ. Khi nói đến quan hệ này, có thể thấy ngay yếu tố “khoảng cách” là yếu tố đặc trưng và bản chất. Bản thân từ “khoảng cách” là một ẩn dụ không gian tượng trưng cho sự xa cách hay gần gũi trong quan hệ liên nhân. Một cách nói thân mật, cởi mở, thậm chí suồng sã trái ngược với cách nói khách sáo, xã giao chính là những biểu hiện của loại quan hệ này. Khoảng cách xã hội được hiểu như là sự thân tình hay xa lạ với những mức độ khác nhau giữa các nhân vật giao tiếp trong một bối cảnh giao tiếp cụ thể nào đó.

Ở mục nội dung này, chúng tôi muốn sử dụng một số ví dụ ở cùng một loại quan hệ nhưng khác nhau về “khoảng cách” để minh chứng cho sự khác biệt khi dùng CDB để giao tiếp.

(185) *Chị lay đầu chồng, khẽ gọi:*

- **Phải gió! Dậy đi! ... Sáng rồi.**

*Anh cu mở mắt ra. Chị giục:*

- **Kìa, dậy đi!**

- **Tạnh mưa rồi à?**

- **Tạnh rồi. Dậy đi**

- **Yên đã nào!...**

- **Dậy đi! Ra chõng kia mà nằm.**

*Anh mỉm cười. Chị hơi bẽn lẽn mà phát khẽ vào lưng anh, vừa bảo:*

- **Nấm lấm!** Có ra chõng mà nằm không? Cái Viễn nó lại cười cho là trò trẻ.

*Mới giận nhau chập tối, nửa đêm đã lành...*

*Anh vẫn nằm, không nhúc nhích. Chị đành bước qua anh, ra chõng.*

(Nam Cao, *Con mèo*, tr.22)

(186) *Tứ không bắt ngờ khi nghe vợ nói mình không về cùng đoàn. Trái tính, trái nết với những quyết định bất thường đã trở nên bình thường trong cuộc sống vừa chung đôi vừa riêng lẻ của cả hai. Tứ hỏi:*

- **Thằng nào giữ lại phải không?**

- **Có thằng nào đã không gọi?**

- *Giờ muốn gì đây?*
- *Lên đây đi!*
- ***Chùng nào?***
- ***Hôm nay!***
- ***Đi bằng gì?***
- ***Tùy, đi bộ cũng được!***

(Bích Ngân, *Đường đến cây cô đơn*, tr.98)

Ở ví dụ (185), vợ chồng thân mật, lại vừa âu yếm xong, cách sử dụng CDB hoàn toàn khác với sự lạnh nhạt, các câu thoại qua loa chiếu lệ ở mỗi quan hệ vợ chồng “trong cuộc sống vừa chung đôi vừa riêng lẻ” của ví dụ (186). Chính lời văn của người dẫn chuyện cũng chỉ rõ hỏi nhất gừng, trả lời nhất gừng, vắng cung bậc cảm xúc không biết từ lúc nào chính là thói quen của đôi vợ chồng trong truyện. Rõ ràng cùng một môi quan hệ nhưng với độ cách biệt về khoảng cách của hai cặp vợ chồng ở hai ví dụ nêu trên đã dẫn ra cách tạo lập CDB hoàn toàn khác nhau. Và để củng cố điều này, chúng tôi tiếp tục dẫn ra ví dụ sau đây ở một mối quan hệ vợ chồng trong một câu chuyện khác:

(187) *Nó bỗng giật mình. Tiếng mẹ. Đứng tiếng của mẹ, vọng sang:*

- ***Cẩn thận đấy. Bây giờ sida như điên. Nhỡ con ấy nó đổ bệnh cho thì sao?***
- ***Vớ vẩn. Làm gì có sida. Chẳng qua buồn thì ghé nó giải khuây thôi chứ có gì đâu!*** - *Tiếng bố.*

*Và bỗng tất cả oà sáng. Nó chui vội vào chăn, trùm kín. Người nó dán xuống giường, ngừng thở.*

- ***Nóng phát chết. Người đâu mà tham. Về đây.***

*Tiếng mẹ và cả tiếng nước rót vào cốc nước thủy tinh...*

- ***Đã sáng đâu. Bao giờ đến ngày toà hẹn?***

[...]

- *Mặc quần áo vào* - *Tiếng bố.*

- ***Nóng bỏ mẹ. Về ngủ đây.***

(Nguyễn Thị Thu Huệ, *Phù thủy*, tr.196-197)

Đoạn thoại trên diễn ra giữa hai vợ chồng chỉ 7 ngày nữa thì ra toà li hôn, người chồng có mối quan hệ ngoài luồng công khai. Ban ngày, trước mắt cô con gái và mọi người, hai vợ chồng thường có những lời xúc phạm, nhục mạ nhau, nhưng đêm đến, vẫn lén lút gần gũi. Với tình trạng quan hệ phức tạp, rối rắm và bất thường như trên, mật độ sử dụng CDB cũng dày hơn và giữa các câu cũng có nhiều khác biệt, lúc tưởng như gần gũi, thân thiết, lúc lại tục tĩu, thô thiển.



Qua ba ví dụ nêu trên, ở cùng một mối quan hệ xã hội nhưng khoảng cách khác nhau khiến cho việc sử dụng CDB cũng phân hoá theo ba chiều hướng hoàn toàn riêng biệt.

Ngoài hướng tiếp cận trên, sự lựa chọn hình thức CDB ở những mối quan hệ khác cũng khá đa dạng, có thể xem xét qua mức độ thân – sơ giữa các nhân vật giao tiếp trong các trường hợp sau, với một mối quan hệ giữa những người xa lạ:

(188) *Cháu xin bác... - Tôi rên rỉ - Bác bảo cho cháu đến cuối bến Cốc cơ mà!  
- Cốc với cò gì...*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Chạy đi sông ơi*, tr.83)

Người lái thuyền tỏ ra dửng dưng với lời khẩn cầu của “tôi”, bằng cách phủ quyết trực tiếp “Cốc với cò gì...”, không hề nhân nhượng, bởi chẳng có lí gì ông phải thoả hiệp, giúp đỡ một người xa lạ khi chính ông cũng sợ những mối đe dọa trong hoàn cảnh sông nước này.

Trong trường hợp những người trẻ tuổi có mối quan hệ gần gũi, thân tình, cách sử dụng CDB cũng làm không khí trở nên hoà nhã, dễ chịu hơn nhưng cũng không kém phần lịch sự:

(189) *Loan nói:  
- Em vừa xuống bếp làm lấy để các anh xơi cho ngon.  
- Quý hoá quá. Không ngờ cô Loan làm bếp lại khéo thế này!  
- Ấy, phải tập cho quen! Về sau khỏi bị bà mẹ chồng mắng là hư thân.*

(Nhật Linh, *Nhật lá vàng rơi*, tr.270)

Nếu quan hệ giữa những nhân vật giao tiếp vừa ngang hàng, vừa thân tình đến mức lời nói ra suông sã, bỗ bã, không kiêng dè gì thì CDB cũng được dùng nhiều hơn:

(190) *Tôi bắt loa gọi to:  
- Bác gì ơi! Có ai không? Bác ơi...  
Tiếng gọi của tôi loãng bèo trong không khí.  
- Thôi, đi mày! - Phan giật tay tôi - Ra chỗ cái xe xem thế nào.*

*Sau một chặng dài lặn độn, “con ngựa già” của chúng tôi trông thật thảm hại. Tôi cũng ngạc nhiên vì không hiểu tại sao “nó” tự đi vào giữa đường cái quan và đứng ì ra, rất chướng mắt. Thăng Phan đã nhảy lên buồng lái và tìm cách khởi động chiếc xe. Động cơ máy nổ ngon lành! Thật không thể tin được!*

*- Mẹ kiếp! Thế chứ lại! – Phan lảm bảm rồi đưa mắt nhìn quanh - Thôi đi đi mày. Tao ớn cái chỗ này lảm rồi.*

*- Làm chó gì có ai. Tao đi tìm rồi. Mà này, không phải tao với mày gặp ma đấy chứ? - Giọng thăng Phan không được tự tin cho lắm.*

- *Vớ vẩn. Ma quỷ nào - Tôi mắng át nó.*

(Phong Điệp, *Ngôi nhà hoang vắng*, tr.31-32)

Rõ ràng cũng là CDB, nhưng ở câu đầu tiên “Bác gì ơi! Có ai không? Bác ơi...” khi gọi một người xa lạ, nhân vật tôi đã đặt nên một câu rất lịch sự, chừng mực. Nhưng ở những câu tiếp theo đối thoại giữa “tôi” và “thằng Phan”, hai người bạn thân cận thì cách dùng CDB theo cách rất khác.

Trong giao tiếp, tùy theo mức độ thân hữu khác nhau mà đối tượng tham gia giao tiếp có cách sử dụng những CDB theo cách thức khác nhau.

Phần mục đích giao tiếp cũng là một nhân tố của hoàn cảnh giao tiếp, tuy nhiên, chúng tôi sẽ tách ra thành một mục riêng với hướng tiếp cận nghĩa phát ngôn dụng học, tức là mục đích giao tiếp được chuyển tải bằng cách nào và như thế nào trong CDB.

#### **4.2. Đánh dấu mục đích phát ngôn**

Từ *How to do things with words* (1962) của Austin với những phát hiện đầu tiên về nghĩa tương tác xã hội cho đến nay, lí thuyết hành động ngôn từ đã có nhiều bước tiến trong nghiên cứu lực ngôn trung của câu, đặc biệt là chỉ ra các dấu hiệu tường minh cho mục đích phát ngôn.

Các dấu hiệu đánh dấu kiểu câu có quan hệ mật thiết với các dấu hiệu đánh dấu mục đích phát ngôn. Việc phân tích các dấu hiệu đánh dấu kiểu câu và xác lập các kiểu CDB trong giao tiếp là một bước củng cố quan trọng để khẳng định tính tất yếu của sự tồn tại loại câu mà chúng tôi đang nghiên cứu.

Để thực hiện một mục đích phát ngôn, người ta thường dùng một cấu trúc cú pháp đặc trưng với những phương tiện ngôn ngữ riêng biệt như: tiêu từ, phụ từ, phụ tố, trật tự từ, ngữ điệu, hiện tượng tỉnh lược... tạo ra mối tương quan giữa kiểu hình thức của câu và mục đích sử dụng nó. Từ đó hình thành nên khái niệm kiểu câu (sentence type) và những kiểu câu thông dụng nhất thường được nhắc đến là: câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán [170, tr.155-156]. Theo Givón: “các kiểu câu được gọi là trần thuật, nghi vấn, cầu khiến chỉ là kết quả ngữ pháp hoá (hình thức hoá) ba mục đích phát ngôn được coi là điển hình hơn cả: nhận định, hỏi và cầu khiến” [Dẫn theo Nguyễn Văn Hiệp, 32; tr.220]. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa hình thức của câu với ý nghĩa và mục đích sử dụng của nó không phải là quan hệ đơn trị. Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, không khó để nhận diện hiện tượng một hình thức câu được sử dụng nhằm thực hiện nhiều mục đích phát ngôn khác nhau và một mục đích phát ngôn có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức câu khác nhau.

Đối tượng nghiên cứu của luận án này là một kiểu câu, chính vì thế, ở phạm vi chương này, chúng tôi chỉ tập trung làm rõ mục đích phát ngôn của CDB, không xử lí

các vấn đề về tiêu chí phân định kiểu câu. Dĩ nhiên, mục đích phát ngôn của câu có thể được xác lập dựa trên những cách thức khác nhau nhưng cần lưu ý đến đặc thù của từng kiểu câu. Với hình thức tối giản, CDB với tư cách là câu đúng, câu bình thường là kết quả của sự cân nhắc, lựa chọn về hình thức để xuất hiện đúng ngữ cảnh và đảm bảo phép lịch sự trong giao tiếp.

#### 4.2.1. Các phương thức đánh dấu mục đích phát ngôn trong CDB

CDB không có nhiều dấu hiệu mang tính đánh dấu phổ quát như các loại câu khác, tuy nhiên không phải vì thế mà mục đích phát ngôn không được biểu lộ rõ ràng. Các phương thức đánh dấu trong CDB có thể chia thành hai nhóm như sau:

##### 4.2.1.1. Các phương thức phổ quát

###### a. Các tiêu từ tình thái

Tiêu từ tình thái là một bộ phận hết sức quan trọng và đặc biệt trong hệ thống đơn vị tiếng Việt. Trong câu, tiêu từ tình thái không có khả năng miêu tả một sự tình của thế giới hiện thực hay đưa ra một nội dung thông báo mà chỉ biểu lộ cách đánh giá, thái độ của người nói đối với điều được nói ra, với hiện thực và đối với người đối thoại, nói cách khác, tiêu từ tình thái không có các chức năng định danh, miêu tả. Theo Lê Đông, Nguyễn Văn Hiệp, nghĩa ngữ dụng của các tiêu từ tình thái thường gắn chặt với ngữ cảnh [18]. Nguyễn Văn Hiệp đã chia chúng thành ba nhóm, trong đó, các tiêu từ tình thái được dùng khá ổn định trong một số kiểu hành động nào nhất định có thể mang tính đánh dấu một cách điển hình và đã được ngữ pháp hoá thành các cấu trúc tương đối ổn định. [30]

Các tiêu từ tình thái thường có hiệu lực tạo câu nghi vấn: *à, ư, nhỉ, chứ, chẳng, hả, hở, hử, hà...* và cần sự trả lời, giải đáp như:

(191) *Nguyễn nghĩ vậy. Ông lén ngắm nàng một lần nữa. Ông bị rung chuyển. Ông cũng không biết rằng số phận hai người từ nay đã được ràng buộc với nhau. Nơi nào giữa xa xôi kia trong vũ trụ mênh mông, tạo hoá mỉm cười. Thái Quân Thục hỏi Nguyễn:*

**- Người quen à?**

*Nguyễn gật đầu.*

(Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Thị Lộ, tr.413)

(192) *Nó ngo ngác nhìn hết mọi người rồi hỏi họ rằng: Nó được người ta đền cho bao nhiêu tất cả? Người ta chỉ nhìn nó mà cười một cách chế nhạo rồi bảo rằng người ta đền cho nó một cái chân gỗ, chỉ một cái chân gỗ và một cái nạn thôi, nó đã đi trái luật. **Trái luật ư?** Không, quyết là không, chẳng khi nào nó đi trái luật bao giờ, nó còn nhớ rõ, quả thật hôm ấy nó vẫn đi bên tay phải.*

(Vũ Trọng Phụng, *Chống nạng lên đường*, tr.12)

Các tiêu từ tình thái chuyên dùng câu khiến: *đi, xem, với...* thường có hiệu lực tạo tác động, thúc giục hoặc bày tỏ mong muốn của người phát ngôn với người nghe.

(193) *Nói xong, Thu đi thật. Nó bước vào khoảng trống không, hai tay bơi rẽ không khí. Đứng áp người vào hàng lan can, cảm gi ác cô đơn cô cút làm nó ớn lạnh.*

*Nó gọi Thu:*

- **Đợi với! Đợi tao đi với!**

(Nguyễn Huy Thiệp, *Tâm hồn mẹ*, tr.65)

Các tiêu từ tình thái chuyên dùng trong các câu trần thuật: *thật, đấy, đây, rồi, vậy...*

(194) *Hai người cười ô. Chú tiểu nói:*

- Ông nên cẩn thận, gần đến chùa rồi có cái giếng cạn ở bên đường khéo mà ngã xuống đấy thì khôn. Để tôi đi trước dẫn đường cho.

- Cảm ơn chú. À quên, tôi chưa hỏi tên chú gì?

- Tôi là Lan.

*Rồi chú trở tay bảo Ngọc:*

- **Tam quan đây rồi.**

(Khái Hưng, *Hồn bướm mơ tiên*, tr.604)

(195) *Thứ đã sắp ngủ, nhưng bị hơi lạnh làm tỉnh dậy. Và y chợt để ý đến những tiếng gọi rụt rè dưới cửa:*

- Anh Mô ơi!... Anh Mô!...

*Tiếng con gái. San huých khuỷu tay và cạnh sườn y một cái và khẽ nói:*

- Anh có nghe thấy gì không?

*Y lại hích San để tỏ rằng mình có biết. San bảo:*

- **Nhân tình thằng Mô đấy.** Lặng im, xem chúng nó làm gì, làm gì lúc đêm khuya khoắt thế này?

(Nam Cao, *Sống mòn*, tr.239)

Các tiêu từ tình thái cuối câu và tổ hợp đặc ngữ tương đương biểu thị thái độ hoặc cảm thán: *ạ, kia, mà, thôi, ôi, chứ...*

(196) *Bởi thế, giữa lúc công chúng reo ô reo a huyên náo cả một góc trời, giữa lúc viên trọng tài kêu Ca rằng ca tặng ta, đờ o séc vít thì thừa lúc Xuân Tóc Đỏ quay về với đưa trẻ nhạt bóng, ông bầu Văn Minh liền thất thanh khẽ bảo nó:*

- Thua đi! Nhường đi! **Được thì chết!** Chiến tranh!

(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*, tr.448)

(197) *Thấy chúng bạn huyên náo, kêu la ầm ĩ. Ba Đen, người nói đầu tiên, phải ca giọng thông thả bảo mọi người:*

- Xin anh em “lịch sự” một chút, để cùng nhau bàn chút việc...

*Tư Chơi láu táu cướp lời:*

- *Việc gì?*

*Hai Béo đang hút thuốc Lào cũng quẳng xe đi, xen thêm một câu hỏi:*

- *“Mô” hay “trô”?*

*Hàn Rám má nét mặt hằm hằm, vỗ tay xuống bàn:*

- ***Cứ pha mãi thôi!*** Để anh Ba nói, xem có việc gì nào!

*Trước cặp mắt long sòng sọc ẩn dưới đôi lông mày chổi sể của Hàn Rám má, Tư Chơi, Hai Béo và mấy người khác im bất chuyện. Bảy Hựu đứng lên khẽ bắm Hai:*

- *“Anh chị” có khác! **Hàn oai đấy!***

(Nguyễn Hồng, *Bảy Hựu*, tr.49-50)

Với khả năng đánh dấu mục đích phát ngôn rất hiệu quả, tiểu từ tình thái quả nhiên là đối tượng được tác giả quan tâm và đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt. Đối với CDB, đây cũng là nhóm phương thức đánh dấu điển hình nhất.

#### b. Các dấu câu

Phạm vi khảo sát của luận án là các CDB được văn bản hoá, chính vì thế các dấu chấm câu là một trong những phương tiện đánh dấu có khả năng chỉ báo mục đích phát ngôn. Dĩ nhiên, các nhận định về hiệu lực của dấu câu phải gắn chặt với hoàn cảnh phát ngôn và liên hệ chặt chẽ với các dấu hiệu khác để đảm bảo tính chân xác.

Trong hệ thống dấu câu trong tiếng Việt thì dấu chấm là loại dấu được sử dụng nhiều nhất. Dấu chấm được kí hiệu là “.” - sử dụng khi kết thúc một câu, được xem là báo hiệu cho sự kết thúc của một câu biểu thị nhận định, thường gọi là câu trần thuật, câu kể. Cuối các câu dạng câu hỏi, với mục đích nêu ra một thắc mắc cần được giải đáp, ta sẽ đặt một dấu chấm hỏi (kí hiệu: “?”). Dấu chấm than là một dấu chấm câu dùng để thể hiện cảm xúc diễn đạt với âm lượng lớn, có thể dùng để đánh dấu cho câu cảm thán hoặc câu cầu khiến hay còn được biết với cái tên khác là dấu chấm cảm (kí hiệu: “!”).

Các dấu câu biểu thị thức có thể kết hợp với các từ chức năng nhằm đánh dấu mục đích phát ngôn:

(198) *Vừa ngồi xuống, chúng tôi đã ngạc nhiên nghe thấy tạt trong xó tối đưa ra một tiếng rên khừ khừ như tiếng rên của người ốm.*

*Bạn tôi cất tiếng hỏi:*

- ***Ai đấy?***

*Chúng tôi nghe thấy tiếng người cựa mình, tiếng chiếu sột soạt: hình như người đó ngồi dậy.*

(Thạch Lam, *Người lính cũ*, tr.187)

(199) Ông huyện lắc đầu:

- Nó bị bức tử. Phải có đóc-tờ mổ xẻ nó ra mới rõ được.

Bỗng có một tiếng tru lên, bà Cửu ôm mặt, lạnh lạnh khóc:

- **Ôi con tôi!**

Tiếng khóc của người mẹ trước thi hài đứa con chết đuối đã chùng, làm ai cũng phải cảm động.

Để phát huy tốt vai trò đánh dấu, các phương thức có thể kết hợp với nhau ở các vị trí khác nhau trong cấu trúc của CDB (như đã trình bày ở phần kết học) để làm rõ mục đích phát ngôn như:

(200) Bà này chép miệng, lắc đầu:

- Cuối năm vừa rồi trượt cái bố chánh, tức cả mình. Nhà nước không công bình ra sao, chứ nhà tôi, làm việc quan thực là cần mẫn, đề điều thì vững, cướp trộm thì không, sân vận động cũng có, mà rất năng đi lại các quan trên, thế mà không biết vì lẽ gì lại không được thăng. Thế quan lớn nhà thăng bao giờ ạ?

- Thừa bà lớn, nhà tôi mới được thăng kỳ xuân thủ năm kia.

- **Ồ, quý hoá nhỉ.** Mời bà lớn xơi trà.

(Nguyễn Công Hoan, *Cái nạn ô tô (III)*, tr.238)

(201) Rồi chàng mở ví rút tập giấy bạc một đồng đếm năm tờ đưa cho bà kia, mà nhận lấy cái giấy năm đồng của bà ta.

- Ô! Ông có nhiều nhỉ. Biết thế tôi đem đi mấy tờ nữa.

Rồi bà ta vui sướng quay lại bảo cô hàng quán:

- Rõ may quá cô ạ. Sao mình lại ngứa mồm hỏi liêu, mà thầy ấy sẵn tiền. Không có thì còn biết làm ăn ra làm sao, còn mua bán được cái gì nữa. **Thực là sung sướng quá!**

(Khái Hưng, *Yêu đời*, tr.504)

Bên cạnh đó, nhiều trường hợp trong CDB không có phó từ hay tiêu từ tình thái nhưng có dấu câu biểu thị thức nên vẫn biểu thị mục đích phát ngôn rất rõ ràng.

(202) Chị Dậu vẫn ngồi trên chiếc chõng tre xó trại, tuy có nghe thấy hấn hỏi, nhưng không trả lời, vì chị không biết là hấn hỏi ai. Biện lệ gặng:

**Con mẹ Đông Xá?**

(Ngô Tất Tố, *Phần I- A. Tiểu thuyết xã hội Tắt đèn*, tr.132)

(203) Chàng tò mò muốn biết công việc và ý nghĩ của Tín ra thế nào, chàng hỏi:

- Đố này anh làm gì?

Tín ngạc nhiên, nhìn Trường rồi mỉm cười:

- Tôi ấy à? Chẳng làm gì sất.

- Thế anh không thấy buồn à?

- **Buồn?** Tín ngẩng đầu ra đằng sau, như nghĩ ngợi:

- Buồn thì cũng có buồn. Anh tính ở nhà quê này thì có gì vui. Hết ăn rồi lại ngủ.

(Thạch Lam, Ngày mới, tr.395)

(204) Chỉ đến khi giống như chiếc xe bị mất phanh lao xuống, cô mới hoảng hồn bưng tỉnh. Gió bạt bên tai thành những tiếng rít khủng khiếp. Những hòn đá, cây cỏ hai bên đường loang loáng. Rừng Sa Mộc nhoè nhoẹt. Cô thấy tức ngực, nghẹt thở, chân rã rời. **C...u...u...ừ...u!!!** Khi đôi chân sắp chuẩn bị khuy xuống thì Mây nghe có tiếng hét lớn. Tạt... Tạt! Đây! Cô nhìn về phía tiếng hét bắt gặp một người đứng bên vệ đường tay vẫy nàng rói rít.

(Nguyễn Mạnh Hùng, Giác sương, tr.295)

Cũng có một số trường hợp, dấu câu là yếu tố cốt yếu để giải thuyết mục đích phát ngôn của câu, như các trường hợp sau:

(205) *Chẳng hay ban hội đồng có trách nhiệm giữ mực thẳng bằng cho cuộc sinh hoạt kia đã ngó thấy chỗ đó hay chưa?*

**Chắc chắc chưa.**

*Nếu có ngó thấy các ngài đã chẳng để cho bọn đầu cơ được bóc lột dân chúng thái quá như vậy.*

*Thiên hạ kêu ca nhiều rồi.*

(Ngô Tất Tố, Phần thứ hai - Tản văn Ngô Tất Tố những năm 1934-1940, tr.45)

(206) *Tôi đã tìm vào trong vùng núi Đọi, được chỉ ra đây. Tôi lên đây có một chút công việc muốn thưa với ông.*

- **Chắc là việc hệ trọng?** - Tôi hỏi thẳng, biết là đã vào cuộc.

- Vâng. Khách đáp khẽ.

(Nguyễn Minh Châu, Cỏ lau, tr.286)

Ở ví dụ (205), nếu kết hợp với “?” sẽ trở thành câu hỏi để xác nhận lại về một sự tình nào đó, tuy nhiên vì kết hợp với “.” nên lại chuyển hướng sang mục đích xác tín, cam đoan của người nói về một điều gì đó chưa diễn ra ở thời điểm nói.

Nếu không có “?” thì ví dụ (206) sẽ được hiểu là một phán đoán của người nói về sự tình đang diễn ra, nhưng vì kết hợp với “?” nên mục đích phát ngôn lại chuyển hướng sang nghi vấn, thể hiện sự nghi hoặc về thông tin vừa tiếp nhận có thực sự “hệ trọng” hay không. Trong các trường hợp nói trên, dấu câu là phương thức đánh dấu mục đích phát ngôn thực sự của người nói, cũng là dấu hiệu chỉ dẫn cho những nhân vật giao tiếp khác có thể thuyết giải chính xác thông điệp được truyền tải.

#### 4.2.1.2. Các phương thức tự thân

Ngoài các phương thức phổ quát có thể xuất hiện và thực hiện chức năng đánh dấu mục đích phát ngôn trong CDB như tất cả các loại CDB thì trong CDB còn xuất hiện phương thức đánh dấu mục đích phát ngôn mang tính tự thân, được đảm nhận bởi chính hạt nhân của CDB, các phương thức này có thể không xác lập được trong các dạng câu khác hoặc không mang tính đánh dấu tương tự ở các loại câu khác như:

- Đánh dấu cảm thán bằng chính các từ biểu lộ cảm xúc

(207) *Rồi đến những buổi chợ sáng, những ngày nhịn đói như hôm nay. Bác mơ màng thấy vàng son chói lọi trong nhà ông Bá, thấy nét mặt gian ác của cậu Phúc, con chó tây nhe nanh chồm đến.*

- **Trời ơi!** Sao tôi khổ thế này?

*Tiếng kêu thất thanh của bác làm lũ trẻ giật mình, chúng nó ngòai dậy đưa mắt sợ hãi nhìn người mẹ. Hai hôm sau, bác Lê lại lên cơn mê sáng rồi chết. Người trong phố chợ gom góp nhau mua cho bác một cỗ ván mộc, rồi đưa giúp bác ra cánh đồng, chôn vùi dưới bãi tha ma nhỏ ở đầu làng.*

(Thạch Lam, *Nhà mẹ Lê*, tr.136)

(208) *Thưa ông, ông cho tôi hỏi, hôm nay là ngày thứ mấy hả ông?*

*Một người khách đi xe điện hốt hoảng hỏi Vũ. Chàng giật mình, chàng trả lời:*

- *Hôm nay là ngày thứ bảy, ông ạ.*

- **Chết!** *Đã thứ bảy rồi ư?*

*Vũ gật đầu.*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Bài học tiếng Việt*, tr.413)

- Đánh dấu mục đích nghi vấn bằng các đại từ nghi vấn:

(209) *Thoáng nghe ở trong nhà có ai cười nói, Bằng mừng quýnh lại đập phen.*

- **Ai?**

- *Tôi.*

*Trong nhà, có tiếng hai người thì thầm bàn tán.*

(Khái Hưng, *Bên đường dừng bước*, tr.425)

(210) - *Thế thì chúng bay bảo tao ngờ cho cụ à? À, quân này lão thật!*

- *Chết, sao cậu ăn nói càn làm vậy!*

*Câu bà Tham vừa nói dứt, thì tự nhiên như có cái gì nó giật nhồm ông cụ ngòai dậy. Cụ hỏi dồn:*

- **Cái gì? Cái gì? Thế nào? Thế nào?**

*Ông Tham dụi ngay nét mặt lại, nói:*

- *Không ạ.*

(Nguyễn Công Hoan, *Mắt cái ví*, tr.82)



- Đánh dấu mục đích cầu khiến bằng các động từ hoặc cụm động từ:

(211) **Cướp! Cướp! Cấp cứu!**

*Đó là tiếng kêu không vui vẻ gì mà hồi này dân quê Bắc Kỳ đã phải dùng luôn. Trước kia, những tiếng ấy, họ chỉ để kêu với hàng xóm, bây giờ họ muốn đem nó kêu với chính phủ.*

(Ngô Tất Tố, *Phần thứ hai - Tản văn Ngô Tất Tố những năm 1934-1940*, tr.48)

- Đánh dấu mục đích trần thuật bằng các danh từ, cụm danh từ, số từ

(212) **Trong khoảnh khắc trong ngần và duy mỹ đó, tôi tự thấy bao nhiêu lầm lỗi tan biến hết, chỉ còn lại tôi, út Quyên và Luân trong không gian làng mạc sau mùa. Bình yên. Rực rỡ.**

(Hoàng Khánh Duy, *Ánh trăng*, tr.251)

(213) **Giác giả ngôi. Định. Miền Cực Lạc, cõi Địa Ngục, chốn nhân gian... Phật, trời, người, atula, súc sanh, ngọc quý.**

*Anh ngôi đầu. Dưới vòm trời này (mây), trên mặt đất này (sự sống), trong lòng đất này (dung nham). Qua khỏi vòm trời, xuyên qua quả đất: vũ trụ.*

(Lê Vũ Trường Giang, *Lưỡi dêm*, tr.246)

Tức là, đối với CDB, bản thân lỗi sự tình có thể biểu lộ mục đích đánh dấu chứ không cần đến bất kì dấu hiệu, phương thức đi kèm nào. Rõ ràng điều này chỉ có thể xuất hiện trong loại câu có cấu trúc tối thiểu như CDB. Và cũng chính vì tối thiểu nên thành tố cấu tạo câu đồng thời đảm nhiệm nhiều chức năng nghĩa học, dụng học khác nhau. Vấn đề cốt yếu là, trong hình thái tối thiểu đó, các chức năng nghĩa vẫn được diễn đạt rất tròn trịa, hiệu quả, không gây khó hiểu hoặc mờ nhòe các năng lực giao tiếp khi được người phát ngôn sử dụng trong ngữ cảnh phù hợp.

#### **4.2.2. Mục đích phát ngôn của CDB**

Ý nghĩa của một câu được xem là lí do tồn tại của ngôn ngữ học, là chức năng trong ngôn cảnh. Nói cách khác, ý nghĩa của một phát ngôn có quan hệ với mục đích mà phát ngôn cần đạt được chứ không phải chỉ thuần túy là tổng của phép cộng cơ học các nét nghĩa có trong các từ tạo nên phát ngôn đó. Hình thức thông điệp chính là cách người nói lựa chọn để thể hiện ý nghĩa trong hoàn cảnh nhất định.

Từ cách hiểu đó, chúng tôi triển khai làm rõ các mục đích phát ngôn chính của CDB. Cần lưu ý rằng, ở đây, chúng tôi không triển khai nội dung phân loại kiểu câu, bởi bản thân CDB đã là một kiểu câu theo tiêu chí phân loại khác. Việc triển khai mục đích phát ngôn là một cách để chúng tôi chứng minh CDB là một kiểu câu có khả năng chuyển tải đầy đủ những mục đích phát ngôn chính như bất kì loại câu nào khác. Và khả năng đánh dấu mục đích phát ngôn một cách trọn vẹn nói trên là một trong những nguyên lí tồn tại của CDB trong nhận thức giao tiếp của người dùng.

#### 4.2.2.1. Dùng CDB để trần thuật (miêu tả, trình bày, kể)

CDB với mục đích trần thuật được dùng để kể, nêu, miêu tả sự vật, đối tượng trong những đặc trưng về hoạt động, tính chất, trạng thái hoặc quan hệ của nó.

Với mục đích trần thuật, CDB khẳng định là loại câu dùng để xác nhận hoạt động trạng thái, đặc trưng, tính chất của đối tượng.

(214) *May sao, anh kịp trở mình thức giấc và không thấy cô nằm bên. Linh tính của người chồng lôi anh đứng dậy, dò dẫm trong bóng tối của ngôi nhà để rồi phát hiện ra cô đang ngất xỉu trong nhà vệ sinh.*

**“Sảy thai rồi”.**

*Bà bác sĩ thông báo gọn lỏn. Anh chết điếng người. Cô thì không cần phải đợi đến lúc ấy mới biết kết cục.*

(Phong Điệp, *Kẻ dự phần*, tr.15)

Trong ví dụ (214), câu nói của nhân vật bà bác sĩ là một thông báo về trạng thái của cái thai, tình trạng sức khoẻ của nhân vật cô.

Hay trong ví dụ sau, CDB được dùng để gọi tên tâm trạng của nhân vật giao tiếp trong hoàn cảnh thiếu hụt thông tin về đối tượng mình đang quan tâm.

(215) *Tự trách mình đoảng vị. Không biết tên người, không biết thì hỏi kiểu gì đây? **Tiếc nuối. Vắn vơ.** Tôi đã phải lòng giọng nói ngà ngọc ấy. Tôi đánh liều gọi lại. [...]*

(Lê Thị Bích Hồng, *Những email chưa gửi*, tr.109)

“Tiếc nuối.” – “Vắn vơ” là những mảnh tâm trạng thoáng hiện lên trong nhân vật.

CDB cũng được sử dụng để nhấn mạnh một hành động nào đó cho người khác được biết:

(216) *Viu phòng mồm thổi lửa bằng cái ống vầu dài. Sức con trai mà lại. Người Mông, chỉ nên thổi lửa bếp nhà mình thôi. Kiêng thổi bếp nhà người, nhất là dịp tết, nhờ mà làm tắt lửa bếp người ta, đen đui cả năm, người ta trách móc. **Kiêng lảm đấy.** Nhiều nhà, đến bếp nhà mình cũng kiêng thổi ba ngày tết.*

(Tống Ngọc Hân, *Tiếng vó ngựa xa*, tr.20)

Trong ví dụ trên, “Kiêng lảm đấy” là một sự miêu tả, đồng thời cũng là thông tin cảnh báo, nhắc nhở về hành động thổi lửa bếp ngày tết của người Mông.

(217) *Anh nhặt được bên chân một quả trứng nhỏ trắng xanh, tung sang:*

*- **Trúng rắn đấy.** Hồi bé mình và con Tâm, em gái mình – bị một phen hú vía. Nhặt được quả trứng như thế này, hai anh em thay nhau ấp trong tú quần áo. Con Tâm cứ đinh ninh đó là trứng Tiên. Đủ tháng đủ ngày, hiện ra một vật loằng ngoằng...*

(Võ Thị Hào, *Máu của lá*, tr.97)

Câu “Trúng rắn đây” dùng miêu tả đối tượng, đây là một câu miêu tả điển hình. Không khó để gặp các CDB như vậy:

(218) *Cả đời Triết chưa thấy giận ai bằng giận Thoa lúc đó. Có tiếng động, chàng quay lại. Thoa ở ngoài đi vào tươi cười mừng rỡ chào Triết.*

- Anh đã về.

*Triết như người ngây dại, chỉ gói áo để trên giường nói:*

- **Áo cưới của cô đây.**

*Thoa ngồi xuống giường gỡ gói áo hỏi:*

- Anh mua cho em?

*Triết gay gắt đáp :*

- Không, của bác, tôi thì đâu dám tặng cô những thứ ấy.

*Bà mẹ Triết nói đùa:*

- Chắc anh sẽ làm quà cho cô thứ khác quý hơn nhiều. Đây là thứ quà quê mùa của tôi.

(Nhất Linh, *Hai buổi chiều vàng*, tr.143)

CDB phủ định, xét về mặt ý nghĩa, câu phủ định ghi nhận sự vắng mặt của sự vật, hiện tượng, đặc trưng tính chất của quan hệ trong hiện thực hoặc trong tưởng tượng.

(219) *Ngoài kia lại hỏi Út bỏ bùa gì trong rượu?*

*Chắc lại nắm tay bà ngoại rồi, Bé cười khan.*

**Không có bùa.** *Chỉ có một ít rễ cây Chơn Nhơn bà ngoại nó đem về từ Trảng Cò, phơi ba sương chín nắng, sao vàng rồi mài mịn rải vào những thùng ủ. [...]*

(Nguyễn Ngọc Tư, *Rượu trắng*, tr.112)

“Không có bùa” là một CDB phủ định, nêu rõ việc “bùa” không tồn tại như những gì người nói ở trên suy đoán về lí do rượu ngon và làm người khác mê say. Ở đây, câu trả lời “Không có bùa” rất rõ ràng và trọn vẹn. Đây cũng không phải là phiên bản tinh lược thay cho “Út không bỏ bùa vào trong rượu.”, bởi “Không có bùa” không đơn thuần là phủ nhận lời người nói trước, mà là phủ nhận sự tồn tại của một vật thể, cũng làm rõ đặc trưng tính chất của rượu trong hoàn cảnh được nhắc tới này.

Các CDB có mục đích phủ định cũng không khó để tìm thấy trong ngữ liệu của chúng tôi:

(220) *Suốt từ sáng, nó chỉ được có sáu đồng trinh, và một bát cơm nguội. Bát cơm ấy, chưa đủ sức đên vào chỗ nhịn chiều hôm qua. Nhưng thôi, làm quái gì cái vật! Ăn không ra bữa đã quen từ thuở bé. Nó chỉ thấy đói. Chứ không thấy cồn cào. Nó ngồi sán vào cô bán bánh đúc. Nó chìa tay ra xin một miếng. Cô hàng ôm khư khư lấy mẹt vào lòng, xua lấy xua để:*

- *Chưa bán mở hàng đấy! Khi ả!*

(Nguyễn Công Hoan, *Thằng ăn cắp*, tr.59)

(221) *Ngoài sân có mấy con gà mổ thóc. Tĩnh lặng. Không một tiếng động.*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Những bài học nông thôn*, tr.274)

Các câu trên đều miêu tả hiện trạng, trình bày thông tin về đối tượng dù ở dạng khẳng định hay phủ định. Loại thông tin này rất phổ biến trong cấu trúc CDB. Và có thể thấy CDB đã trần thuật đúng và đủ thông tin mà người nghe, người đọc quan tâm nhất. Trong hoàn cảnh này, việc bổ sung bất kì chi tiết nào cũng làm cho câu trở nên “dài” và không cần thiết.

#### 4.2.2.2. Dùng CDB để nêu ra điều thắc mắc và có nhu cầu được giải đáp

Mục đích cơ bản của câu nghi vấn là dùng để hỏi, và để đạt được mục đích đó, trong nhiều trường hợp, người nói lựa chọn CDB để làm bật lên nội dung nghi vấn, giúp người nói tập trung vào tiêu điểm thông tin để định hướng câu trả lời nhanh gọn nhất. Câu hỏi ở dạng CDB thường cấu thành bởi các đại từ nghi vấn *ai, gì, sao, thế nào...*

CDB có mục đích nghi vấn được dùng khi người nói có cái chưa rõ hay cái không biết:

(222) *Một lát Pha đứng dậy nói:*

- *Mời mấy bác ngồi chơi, tôi đi đặng này có tí việc.*

*Bà trùm, cơ chừng vì thông minh hay vì lịch duyệt, đoán ngay chủ nhân định đi làm cái gì, vội vàng gạt:*

- *Đi đâu? Đừng làm cơm nước gì đấy, chúng tôi ăn cả rồi.*

(Nguyễn Công Hoan, *Bước đường cùng*, tr.301)

(223) *Trông thấy chồng về, chị vội vàng hỏi:*

- *Thế nào cậu? Dì nó đã đỡ chưa? Liệu có qua khỏi được không?*

(Vũ Trọng Phụng, *Lòng tự ái*, tr.85)

Ở cả 2 ví dụ (222) và (223), các câu hỏi đều tồn tại ở dạng cụm từ có chứa từ nghi vấn “đâu” hoặc “thế nào” để giúp người nói hỏi được vấn đề mình thắc mắc một cách trực diện.

CDB có thể thực hiện mục đích nghi vấn thông qua từ nghi vấn, không cần phải kết hợp với các từ, thực từ nào khác. Mục đích hỏi vì thế cũng bộc lộ ra dễ dàng, giúp người nghe dễ dàng nhận thức được và phản hồi theo mạch thông tin.

(224) *Tôi hỏi:*

- *Chú còn muốn giết người không?*

- *Còn chớ, hận thâm căn cố đế mà. Lúc nào muốn quá thì xách câu ra, dặt trong bụng, chừng nào dính được con cá mới được đi nghen. Rủi, có bữa mới thả câu thì thấy nó rị phao.*

- **Rồi sao?**

- *Thì bắt cá nướng trui. Ăn no quá đâm ra buồn ngủ, đâu có muốn đi nữa.*

(Nguyễn Ngọc Tư, *Khói trời lộng lẫy*, tr.139)

Khác với các kiểu câu khác, CDB có thể thực hiện mục đích hỏi bằng cách thức đơn giản nhất là nêu vấn đề thắc mắc kết hợp với phương thức đánh dấu là dấu hỏi chấm “?”:

(225) [...] *Tiếng khèn lại cất lên gập gáp, bồi hồi. Đứa gái tần ngần một tí rồi bước vội về nơi phát ra tiếng khèn.*

- **Tưởng bỏ về rồi?**

*Đứa gái đứng trước mặt Tủa nói thật khẽ, cười cũng thật khẽ.*

(Nguyễn Phú, *Tuyết đào*, tr.127)

“Tưởng bỏ về rồi” là một cụm từ mang thông tin, nhưng khi kết hợp với “?” thì giúp người nói hiện thực hoá mục đích hỏi về động tĩnh của chàng trai tên Tủa.

CDB biểu thị mục đích nghi vấn xuất hiện khi người nói có nhu cầu và ý định hỏi như các câu trên. Nhưng cũng có thể phát huy tác động hữu hiệu trong các trường hợp người nói có vấn đề nghi hoặc muốn xác nhận với người nghe như trong các ví dụ sau:

(226) *Còn nó nghèo, nó khổ, nó đổ là tại số. **Tại số?** Phải, những bộ óc rắn đặc như óc nó thì bao giờ lý hội sự đời cũng chỉ thấy toàn số, mệnh.*

(Vũ Trọng Phụng, *Chống nạng lên đường*, tr.11)

(227) *Anh Bào khẽ thở dài:*

- *Nếu không có công việc thì thật tôi cũng không dám về. Thầy tôi nghiêm lắm anh ạ.*

- *Sao anh không đi làm?*

- *Không được.*

*Anh Bào trở nên yên lặng. Một lát, tôi hỏi:*

- **Còn các nhà buôn? Các sở tư?**

- *Áy, tôi cũng chỉ còn hy vọng ở những chỗ ấy. Với lại tôi cũng không có các giấy chứng chỉ, vì có đi làm bao giờ.*

(Thạch Lam, *Người bạn trẻ*, tr.159)

Ở ví dụ (226), câu hỏi “Tại số?” và ví dụ (227) 2 câu hỏi “Còn các nhà buôn?” “Còn các sở tư?” gọi ra các chủ đề mà người nói thắc mắc, cần sự trao đổi, bàn bạc

thêm từ các nhân vật giao tiếp. Có thể thấy, chỉ với cụm từ biểu thị chủ đề, nội dung nghi vấn đã tường minh mà không cần phải thêm bất kì chi tiết nào.

#### 4.2.2.3. Dùng CDB để biểu thị cảm xúc

Trong phạm vi ngữ liệu mà chúng tôi khảo sát, có tổng cộng 968 CDB thán từ, chiếm 16,9%. Các CDB thán từ thường làm tốt vai trò biểu đạt các cảm xúc đột ngột, bất ngờ mà các kiểu câu khác gần như không thể hiện trọn vẹn được.

(228) *Phạm Đài một hôm bực quá, tự than rằng:*

- *Cái buồn cái lo nhỏ mọn làm gì bút rứt thế? **Ôi!** Con người ta sinh ra là mảnh bụi làm gì mà bấn khoăn thế? Ta hãy quên đi, ta hãy nguôi đi.*

(Nhất Linh, *Làm gì mà bấn khoăn thế*, tr.38)

(229) *Nhưng tuổi thiếu niên tuy dễ buồn mà cũng dễ vui; lúc ấy lên đồi, đường vừa khắp khênh đá sỏi vừa trơn, lại thêm trời nhá nhem sắp tối nên Ngọc trượt chân suýt ngã, văng cái va lo xuống sườn đồi. Chú tiểu giật mình vội kêu:*

- **Chết chưa!** Ông có can gì không?

- Không.

(Khái Hưng, *Hồn bướm mơ tiên*, tr.604)

(502) *Ông Lục xua tay và trợn mắt, như ngăn cản một câu nói đại dột:*

- **Chết!** Anh nói mới dễ nghe sao! Rồi ghé tai ông Cửu, ông thăm thì:

- *Này, chỗ thân, đảng này cam đoan xin hộ cho bằng được. Nhưng ít ra anh cũng lo lấy bát thập, còn thập nguyên, cho đảng này ăn với chứ?*

(Nguyễn Công Hoan, *Thịt người chết*, tr.206)

(230) [...] *Họ kêu rầm lên:*

- **Ô hay!** Giếng nước cả làng người ta ăn cái bác này hư quá.

(Nhất Linh, *Vuông vãi trắng*, tr.46)

Các CDB “Ôi!”, “Chết chưa!”, “Chết!”, “Ô hay!” là phương thức hữu hiệu nhất để cảm thán, các kiểu câu khác không thể làm tốt vai trò bộc lộ cảm xúc trực tiếp như các câu nêu trên trong cùng một ngữ cảnh như này.

Bên cạnh thán từ, nhiều CDB biểu thị cảm xúc được cấu thành từ “thán từ + vị từ” hoặc “vị từ + tác tử tình thái” cũng là một cách súc tích nhất để biểu lộ các trạng thái tình cảm hoặc thái độ của người nói:

(231) *Anh mỉm cười. Chị hơi bẽn lễn mà phát khẽ vào lưng anh, vừa bảo:*

- **Nỡm lẫm!** Có ra chõng mà nằm không? Cái Viễn nó lại cười cho là trò trẻ. Mới giận nhau chập tối, nửa đêm đã làm...

(Nam Cao, *Con mèo*, tr.22)

(232) **Đau đớn biết bao!** Tôi hỏi hận biết bao!

(Khái Hưng, *Con chim vành khuyên*, tr.420)

(233) *Dửng ngồi xuống ghé đưa mắt nhìn mọi người, mỉm cười nói:*

*- Vui đấy. Mình đang buồn không biết làm gì?*

(Nhật Linh, *Nhật lá bàng rơi*, tr.283)

(234) *Đợi đến khi làm ma khô xong cho bố thằng Ché thì lão sợ con So nhà lão đã bị thằng Tà Phìn kia kéo đi mất rồi. Ưc quá! Ưc quá! Lão không để yên được. Lão phải nhốt con gái lão thôi. Nó ra khỏi nhà một bước lão theo một bước. [...]*

(Nguyễn Phú, *Tuyết đào*, tr.128)

Các CDB thuộc nhóm này chuyên dùng để biểu đạt các trạng thái cảm xúc với những mức độ, tình cảm khác nhau, thái độ đánh giá, những trạng thái tinh thần khác thường của người nói hay đối với sự vật hay sự kiện được đề cập đến trong ngữ cảnh.

Với số lượng nhiều và nội dung biểu thị đa dạng, có thể khẳng định rằng CDB là kiểu câu bộc lộ trực diện và hiệu quả nhiều cung bậc cảm xúc của người nói mà các loại câu khác khó hoặc không thể đạt đến.

#### 4.2.2.4. Dùng CDB để nêu ý gây khiến

CDB với mục đích cầu khiến là những câu nêu ý muốn mệnh lệnh của người truyền đạt, mục đích của câu cầu khiến là hướng tới người nghe, để người nghe phải thực hiện điều nói ra trong câu.

Ở đây chúng tôi muốn đề cập đến các câu được sử dụng ở hình thái CDB, tức người nói chủ động không đề cập đến chủ thể khi tạo ra câu. Người ta sử dụng CDB để mời, nhắc người khác một cách nhẹ nhàng, lịch sự nhưng cố ý không dùng các thành tố mô tả chủ thể, vậy nên câu này khác hoàn toàn với câu có chủ thể, hoặc câu tình lược chủ thể của hành động. Đường biên nhận định trường hợp này có thể khá mỏng, tuy nhiên vẫn khẳng định tính đặc biệt về cái biểu hiện của kiểu câu này trong giao tiếp. Hiển nhiên các câu này không phải là dạng mục đích được đánh dấu phổ biến trong CDB.

(235) *Nào, vậy thì mời các anh uống rượu đi, - Hạnh quay sang bao bọc lấy người yêu cũ trong một ánh mắt nồng nàn.*

*- Mời anh Thụy!* (Nguyễn Minh Châu, *Bên đường chiến tranh*, tr. 77)

(236) *Em thổi ngọn lửa lên rồi nhìn nó bay ra khung cửa sổ, như một linh hồn thăng thiên. Tôi cũng nhìn theo. Bất giác lòng trống hoác.*

*- Lại đây với em.*

*Em dịu dàng cầm tay tôi. Bàn tay em lạnh giá như vừa mất đi sự sống.*

(Hạ Nguyên, *Quả tim của Modigliani*, tr.161)

Các ví dụ (235) (236), lời mời của Hạnh dành cho nhân vật “anh Thụy”, hay lời đề nghị “Lại đây với em” được người nói nêu ra một cách nhẹ nhàng, lịch thiệp chỉ bằng một CDB súc tích. Có thể một số tác giả khác cho rằng, các câu “Mời anh

Thuy!” hay “Lại đây với em.” là các câu mệnh lệnh, bởi theo ngữ cảnh trên, chủ thể được hiểu là Hạnh bị ẵm đi, và có thể phục hồi là “Em mời anh Thuy” hoặc “Anh lại đây với em” nhưng khi so sánh các câu phục nguyên (hay cải biến) thì nhận thấy khác hoàn toàn so với thông điệp của hai câu trích dẫn. Trường hợp này có thể khẳng định, người nói lựa chọn hình thức không có chủ ngữ (bản thân câu không tồn tại chủ ngữ) chứ không phải bị lược đi.

Các câu biểu thị mục đích cầu khiến bằng các vị từ gây khiến kèm theo các tình thái từ *nhỉ, đi, với, nhé...* cuối câu, không phải là CĐB đã được chúng tôi đặt ngoài phạm vi ngữ liệu (ví dụ ***Cút mẹ mày đi!*** - Nguyễn Huy Thiệp, *Những người thợ xẻ*, tr.420; ***Ăn đi!*** - Thiên Di, *Ăn cầm đũa*, tr.214)

Như vậy, khi phân tích các mục đích phát ngôn thường gặp, CĐB ít được dùng để biểu thị mệnh lệnh, trong khi đó mục đích trần thuật trực tiếp, nghi vấn và cảm thán được dùng khá phổ biến.



## Tiểu kết

Ở chương này, luận án phân tích bình diện dụng học của CDB. Các CDB được đặt trong mối quan hệ với hoạt động giao tiếp để phân tích làm rõ đặc trưng ngữ cảnh và mục đích phát ngôn của CDB.

Ở nội dung đặc trưng ngữ cảnh, chúng tôi quan tâm đến bối cảnh xuất hiện của CDB và quan hệ liên nhân giữa các đối tượng giao tiếp sử dụng CDB.

CDB được phân tích trong ba bối cảnh chính là lời tự sự, chuỗi độc thoại và hội thoại tương tác. Với những ví dụ cụ thể đặt trong bối cảnh xác thực, chúng tôi đã chỉ ra rằng, CDB đã hoàn thành vai trò chuyên tải những thông điệp nhất định. CDB xuất hiện phổ biến nhất trong đối thoại, là kiểu trò chuyện giản dị bằng khẩu ngữ mang không khí bình đẳng về tinh thần và đạo đức giữa những người phát ngôn.

Ở nội dung quan hệ liên nhân, chúng tôi phân tích CDB trong mối quan hệ với đối tượng sử dụng nó, thao tác này đã chứng minh CDB được cấu tạo từ các thành tố ngữ nghĩa tương ứng với từng quan hệ giao tiếp của từng cuộc đối thoại. Hay nói cách khác hình thức cú pháp của CDB không làm vi phạm các quy tắc giao tiếp và các mối quan hệ liên cá nhân dù là xét theo trục quyền lực hay trục khoảng cách.

Ở nội dung mục đích phát ngôn, chúng tôi đã chứng minh CDB là một kiểu câu có khả năng chuyên tải đầy đủ 4 nhóm mục đích phát ngôn như những loại câu khác: (1) CDB với mục đích trần thuật được dùng để kể, nêu, miêu tả sự vật, đối tượng trong những đặc trưng về hoạt động, tính chất, trạng thái hoặc quan hệ của nó; (2) Dùng CDB để nêu ra điều thắc mắc và có nhu cầu được giải đáp; (3) Dùng CDB để biểu thị cảm xúc và đặc biệt là (4) Dùng CDB để nêu ý gây khiến. Trong đó, các ý muốn gây khiến hạn chế xuất hiện ở hình thức CDB, ý muốn cảm thán được dùng hiệu quả và rõ nét nhất trong CDB.

Có thể nói thêm rằng, vì đặc trưng cú pháp ngắn gọn nên các đơn vị từ vựng cấu tạo nên CDB được tối đa hoá chức năng, tức là một đơn vị từ có thể chuyên tải hơn một chức năng, vừa biểu thị nghĩa sự tình, vừa góp phần chuyên tải nghĩa tình thái và đánh dấu các thông điệp khác.

Thông qua những nội dung của chương 4, chúng tôi đã khẳng định rằng hình thức cú pháp mang tên CDB là sự lựa chọn tất yếu trong những hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Đồng thời, bản thân CDB cũng thực hiện trọn vẹn vai trò truyền tải thông điệp như tất cả những kiểu loại câu khác.

## KẾT LUẬN

1. Thực hiện đề tài này, chúng tôi đã rút ra được cho mình những bài học về phương pháp luận và những bài học về thao tác luận. Đối với việc phân tích một kiểu câu cụ thể có nhiều điểm khác với khung câu thông thường thì việc lựa chọn đường hướng lí thuyết phù hợp là yếu tố quan trọng. Bên cạnh đó, khi tiến hành khảo sát và miêu tả cần tôn trọng các đặc điểm loại hình ngôn ngữ và lưu ý điểm đặc thù của đối tượng nghiên cứu.

Trên cơ sở nghiên cứu, chúng tôi đã xác lập cương vị của CĐB trong cú pháp tiếng Việt thông qua việc xây dựng khái niệm và phân tích các tiêu chí nhận diện CĐB, đồng thời phân biệt CĐB với các hình thức ngữ pháp tương tự, bao gồm các loại câu có đặc điểm gần giống với CĐB và các hình thức cận câu dễ bị nhầm lẫn với một số phân loại của CĐB.

2. Từ khái niệm và các tiêu chí nhận diện, chúng tôi đã tập hợp lượng lớn ngữ liệu đủ độ tin cậy, phối hợp các phương pháp định lượng và định tính trên bộ khung ngữ pháp chức năng diễn ngôn của S.C. Dik và cộng sự để miêu tả một cách xác đáng CĐB trên các bình diện kết học, nghĩa học và dụng học.

2.1. Ở bình diện kết học, dựa trên mô hình cấu trúc lớp, các khái niệm công cụ là hạt nhân – tác tử, chúng tôi đã xác định được mô hình cấu trúc của CĐB tiếng Việt, từ đó phân lập được 13 dạng cấu trúc CĐB gồm 2 nhóm lớn: CĐB chỉ có hạt nhân và CĐB có cấu trúc hạt nhân kết hợp với tác tử. Các mẫu câu được kí hiệu hoá và lí giải dựa trên vị trí của các thành tố giá trị. Thực tế ngữ liệu cũng bước đầu chứng minh sự khác nhau về mức độ điển hình của các dạng mẫu câu, trong đó CĐB có dạng thức càng tối giản càng phổ biến trong giao tiếp.

Từ việc miêu tả bình diện kết học có thể khẳng định CĐB là loại câu độc lập, có mô hình riêng, tách biệt hoàn toàn với các loại câu khác trong cú pháp tiếng Việt, cấu trúc CĐB được tổ chức một cách hoàn chỉnh và phân tầng rõ rệt, có thể mô hình hoá và phân hoá về tính điển dạng.

2.2. Ở bình diện nghĩa học, thông qua việc phân tích hai bình diện nghĩa chính của câu là nghĩa sự tình và nghĩa tình thái, luận án đã chứng minh được khả năng biểu đạt nghĩa của CĐB. Cũng như những câu khác, các thành tố ngữ nghĩa trong CĐB kết hợp hài hoà để chuyển tải khá trọn vẹn thông tin sự tình và bộc lộ một cách khéo léo, tinh tế thái độ của người nói với điều được nói đến trong câu hay đối với người nghe. Bình diện nghĩa học cũng chỉ ra những điểm đặc biệt của loại câu này hay nói cách khác là phân hoá CĐB thành những nhóm chuyển tải nghĩa khác nhau như: CĐB có thể chuyển tải trọn vẹn nghĩa sự tình và nghĩa tình thái; CĐB chỉ có nghĩa tình thái mà không xác định được nghĩa sự tình (thường là các CĐB chỉ hạt nhân là thán từ)

và CDB chỉ xác định rõ phần nghĩa sự tình, khó xác định được nghĩa tình thái (CDB chỉ có hạt nhân, và hạt nhân không phải là thán từ). Khi đi vào chi tiết, hình thái CDB cũng phản ánh tính chọn lọc về biểu đạt khi chỉ phản ánh các loại sự tình và tình thái nhất định.

2.3. Ở bình diện dụng học, luận án nghiên cứu các CDB trong mối quan hệ với hoạt động giao tiếp để phân tích làm rõ đặc trưng ngữ cảnh và mục đích phát ngôn của CDB. Thông qua việc phân tích bối cảnh trực tiếp xuất hiện CDB và tác động của mối quan hệ liên nhân đối với việc điều chỉnh cú pháp của CDB, chúng tôi đã khẳng định rằng hình thức cú pháp mang tên CDB là sự lựa chọn tất yếu trong những hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Đồng thời, bản thân CDB cũng có khả năng chuyển tải những mục đích phát ngôn chính như tất cả những kiểu loại câu khác, trong đó, có những trường hợp mục đích phát ngôn được đánh dấu trọn vẹn, sắc sảo thông qua cái biểu đạt là CDB.

Như vậy, từ kết quả nghiên cứu của đề tài, chúng tôi đã bước đầu xác lập được cương vị của CDB trong cú pháp tiếng Việt, đề xuất được khái niệm CDB và áp dụng bộ khung lí thuyết NPCN diễn ngôn (về cơ bản) để miêu tả ba bình diện kết học, nghĩa học và dụng học của CDB tiếng Việt. Với tư cách là một câu, CDB thể hiện trọn vẹn ba bình diện nghiên cứu là kết học, nghĩa học và dụng học.

3. Từ những nội dung đã biện luận trong luận án, theo quan điểm ngữ pháp chức năng, chúng tôi có thể khẳng định rằng, hình thái tồn tại của CDB là **kết quả lựa chọn cần thiết**, có chủ định trong rất nhiều phương án giao tiếp mang tính khả dụng của hệ thống ngôn ngữ. Nói theo cách khác, CDB ắt hẳn phải có những điểm **khác** so với các phân loại khác cùng cấp độ, nhưng không phải là một loại câu bất thường, vì thế không nên (hoặc không cần) phải tách biệt loại câu này thành một nhóm riêng, đồng thời tránh những nhận định mang tính khắt khe đối với sự tồn tại của CDB trong cú pháp. Có thể xem đây là một điều kiện hoặc một cơ sở để nhận diện, phân biệt CDB trong lí thuyết cú pháp tiếng Việt.

4. Như đã nhận định trong luận án, quan niệm về các bình diện của CDB chưa hẳn đã có sự thống nhất triệt để, nhất là những vướng mắc về bộ khung lí luận khi áp dụng lên một đối tượng có nhiều điểm đặc thù như CDB tiếng Việt. Vì vậy chúng tôi cho rằng có thể tiếp tục khai thác và làm rõ CDB theo các khung lí thuyết chức năng khác (như trường phái Ngôn ngữ học chức năng hệ thống của Michael Halliday), các lí thuyết hiện đại như lí thuyết điển mẫu (Prototype theory) hay ngữ pháp Nano (Nanosyntax) để hoàn thiện những phần còn thiếu hụt của luận án này. Bên cạnh đó, vùng khảo sát CDB cũng cần được mở rộng trên các dạng thức diễn ngôn khác nhằm tăng độ tin cậy cho các nhận định cũng như tầm soát được ngữ liệu có tính khái

quát cao hơn. Nếu mở rộng cả phạm vi và số lượng đơn vị khảo sát chúng tôi cho rằng có thể vươn tới việc định dạng dữ liệu CDB trong kho đơn vị cú pháp tiếng Việt nói riêng, góp phần hoàn thiện bộ sưu tập ngôn ngữ viết và nói được sử dụng trong nghiên cứu ngôn ngữ (Vietnamese Corpus).

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trịnh Quỳnh Đông Nghi, Lê Thị Thanh (2020), “Nghiên cứu câu đặc biệt trong tuyển tập *Truyện ngắn hay các tác giả nữ*”, *TC Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục*, T.10 S.(2020), tr.133-142.
2. Trịnh Quỳnh Đông Nghi, Phạm Thị Kim Oanh (2022), “Nghiên cứu câu trong tập *Truyện ngắn hay 2019* (nhiều tác giả)”, *Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học toàn quốc năm 2022 - Ngôn ngữ học ứng dụng trong xu hướng hội nhập quốc tế*, tr.1068-1075.
3. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2023), “Xác lập khái niệm câu đặc biệt trong cú pháp tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, 10(345)-2023, tr.14-20.
4. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2023), “Applying the heterophonic perspective to analyzing modality of the Vietnamese fragments (Vận dụng quan điểm dị thanh vào phân tích nghĩa tình thái của câu đặc biệt tiếng Việt)”, *Лингвистика и образование*. 2023. Том 3. No4. С. 80-93 (*Linguistics & Education 2023*, Vol. 3, No. 4. P. 80-93).
5. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2024), “Bình diện kết học của câu đặc biệt tiếng Việt (khảo sát truyện ngắn Nguyễn Công Hoan)”, *TC Khoa học Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh*, T.21, S.4 (2024).
6. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2024), “Nghĩa tình thái của câu đặc biệt tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, số 5(353)-2024, tr.41-52.
7. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2024), “Khảo sát các phương tiện biểu thị tình thái trong câu đặc biệt tiếng Việt”, *TC Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục*, T.14, Số 1(2024).
8. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2024), “Nghiên cứu bình diện câu đặc biệt theo cách tiếp cận của lí thuyết điển mẫu”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế “Những khuynh hướng ngôn ngữ học hiện đại – Lí thuyết và ứng dụng tháng 6/2024*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.956-969.
9. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2024), “Contextual Characteristics of Vietnamese Fragments”, *Sarcouncil Journal of Humanities and Cultural Studies*, Vol-3 - Issue - 4, p24-32.
10. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2024), “Applying Nanosyntax theory to isolate Vietnamese fragments”, *Sarcouncil Journal Arts Humanities and Social Sciences*, Vol - 3 - Issue - 9, p1-10.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### *Tài liệu tiếng Việt*

- [1] Lê Thị Lan Anh (2006), *Sự tình quan hệ và Câu quan hệ tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
- [2] Diệp Quang Ban (1998), *Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Diệp Quang Ban (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt, Tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Diệp Quang Ban (2000), *Câu tiếng Việt và các bình diện nghiên cứu câu*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Diệp Quang Ban (2004), *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt, tập 2, Phần câu*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Diệp Quang Ban (2009), *Ngữ pháp Việt Nam, Phần câu*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [7] Diệp Quang Ban (2009), *Ngữ pháp Việt Nam*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [8] Diệp Quang Ban (2010), *Từ điển thuật ngữ Ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [9] Diệp Quang Ban (2012), *Giao tiếp, diễn ngôn và cấu tạo văn bản*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [10] Phan Mậu Cảnh (1996), *Các phát ngôn đơn phần tiếng Việt*, Luận án Phó Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [11] Đỗ Hữu Châu (2002), *Đại cương Ngôn ngữ học, Tập 2 – Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [12] Đỗ Hữu Châu (2002), *Cơ sở Ngữ dụng học, Tập 1*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [13] Trương Văn Chình, Nguyễn Hiền Lê (1963), *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam*, Đại học Huế.
- [14] Noam Chomsky (2020), *Các cấu trúc cú pháp*, Tạ Thành Tấn (dịch), NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
- [15] Nguyễn Hồng Côn (2010), “Các kiểu cấu trúc thông tin của câu đơn tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, 11, tr. 26-32.
- [16] Hồng Dân (1986), “Trở lại vấn đề câu đặc biệt tiếng Việt”, *Báo cáo tại Hội nghị khoa học, hội nghị IV giữa các nước XHCN*, Hà Nội.
- [17] Nguyễn Cao Đàm (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

- [18] Lê Đông và Nguyễn Văn Hiệp (2001), “Ngữ nghĩa - ngữ dụng các tiểu từ tình thái trong tiếng Việt”, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [19] Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [20] Nguyễn Thiện Giáp (2010), *777 khái niệm Ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [21] Nguyễn Thiện Giáp (2010), *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [22] M.A.K Halliday (2001), *Dẫn luận NPCN*, Hoàng Văn Vân dịch, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [23] Đoàn Thu Hà (2015), *Quán ngữ tiếng Việt dưới góc độ Ngôn ngữ học tri nhận*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
- [24] Huỳnh Thị Hồng Hạnh (2021), “Bàn về việc dịch câu đặc biệt trong tiếng Việt sang tiếng Anh”, *Tạp chí Công thương*, 17(01).
- [25] Cao Xuân Hạo (chủ biên) (2003), *Câu trong tiếng Việt, Quyển 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [26] Cao Xuân Hạo (2004), *Tiếng Việt sơ thảo Ngữ pháp chức năng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [27] Cao Xuân Hạo (2004), *Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm ngữ pháp ngữ nghĩa*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [28] Cao Xuân Hạo, Hoàng Dũng (2005), *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học đối chiếu Anh – Việt, Việt – Anh*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [29] Z.S. Harris (2006), *Những phương pháp của ngôn ngữ học cấu trúc*, Cao Xuân Hạo dịch, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [30] Nguyễn Văn Hiệp (2001), “Hướng đến một cách miêu tả và phân loại các tiểu từ tình thái cuối câu Tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, 5.
- [31] Nguyễn Văn Hiệp (2001), “Về một khía cạnh phân tích tầm tác động tình thái”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, 11, tr. 42-50.
- [32] Nguyễn Văn Hiệp (2008), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [33] Nguyễn Văn Hiệp (2009), *Cú pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [34] Nguyễn Văn Hiệp (2019), “Nghiên cứu quán ngữ tình thái từ cách tiếp cận dị thanh”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 7, tr. 89-98.
- [35] Nguyễn Văn Hiệp (2021), *Xác lập cơ sở lý thuyết cho việc biên soạn cú pháp tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

- [36] Nguyễn Chí Hoà (2003), *Nghiên cứu đối chiếu cấu trúc cú pháp và cấu trúc ngữ nghĩa câu thuyết tiếng Việt và, tiếng Anh - Ứng dụng vào việc dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ*, Báo cáo tổng kết đề tài khoa học, Mã số QX2002-03.
- [37] Lê Hoàng (2005), “Thử tìm một khung miêu tả cú pháp cho những ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập - Khả năng phân định từ loại trong các ngôn ngữ đơn lập”, *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
- [38] Phan Khôi (2020), *Việt ngữ nghiên cứu*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [39] Trần Trọng Kim, Phạm Duy Khiêm, Bùi Kỳ (1940), *Việt Nam văn phạm*, NXB Lê Thăng.
- [40] Đinh Trọng Lạc (1994), *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, , Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [41] Đinh Trọng Lạc (1999), *Phong cách học tiếng Việt*, , Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [42] Đào Thanh Lan (2002), *Phân tích câu đơn tiếng Việt theo cấu trúc đề - thuyết*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [43] Nguyễn Lân (1970), “Một vài ý kiến về cách phân tích câu”, *TC Ngôn ngữ* 2/1970.
- [44] Lưu Vân Lăng (chủ biên) (1994), *Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.
- [45] Lưu Vân Lăng (1970) “Nghiên cứu tiếng Việt theo quan điểm ngữ đoạn tầng bậc có hạt nhân”, *T/c Ngôn ngữ*, Số 3/ 1970, tr 49-62.
- [46] Hồ Lê (1973), “Về vấn đề phân loại câu trong tiếng Việt hiện đại”, *Ngôn ngữ*, 1973, số 3, tr. 36.
- [47] Hồ Lê (1991), *Cú pháp tiếng Việt, quyển 1*, Nxb KHXH, Hà Nội.
- [48] Đỗ Thị Kim Liên (2002), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [49] Nguyễn Văn Lộc (2012), “Bàn thêm về bình diện cú pháp và nghĩa cú pháp”, *TC Ngôn ngữ*, số 6 – 2012.
- [50] Nguyễn Thị Lương (2009), *Câu tiếng Việt*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [51] Lê Văn Lý (1972), *Sơ thảo ngữ pháp Việt Nam*, Trung tâm Học liệu – BGD.
- [52] John Lyons (2009), *Ngữ nghĩa học dẫn luận*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [53] Nguyễn Quang Ninh (1998) *Một số vấn đề dạy ngôn bản nói và viết theo hướng giao tiếp (sách bồi dưỡng thường xuyên chu kì 1997 - 2000)*, Nxb Giáo dục.



- [54] Đái Xuân Ninh (2008), “Câu chuẩn mực tiếng Việt hiện đại”, *Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt hiện đại*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [55] Bùi Trọng Ngoãn (2004), *Khảo sát động từ tình thái trong tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [56] Trần Thị Ánh Nguyệt, Vũ Đình Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Quốc Việt, Nguyễn Quang Hưng (2019), “Tình hình nghiên cứu các kiểu câu đặc biệt trong tiếng Trung Quốc tại Trung Quốc”, *Tạp chí Khoa học Viện Đại học Mở Hà Nội*, 55 (05), pp. 9-18.
- [57] Nguyễn Thị Nhung (2016), *Nghĩa tình thái của câu tiếng Việt trong các văn bản văn học giảng dạy ở trường trung học phổ thông*, Báo cáo tổng kết đề tài khoa học & công nghệ cấp Bộ, Mã số: B2014-TN03-02, Trường Đại học Thái Nguyên.
- [58] Nguyễn Thị Nhung (2016), *Nghĩa tình thái của câu tiếng Việt và việc vận dụng trong dạy học Ngữ văn*, NXB Giáo dục.
- [59] Panfilov, V. S. (2008), *Cơ cấu ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [60] Hoàng Phê (1989), *Logic ngôn ngữ học*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [61] Hoàng Trọng Phiến (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt – Câu*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [62] Trần Kim Phụng (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt - Những vấn đề về thời, thể*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [63] Trần Kim Phụng (2012), *Các phương pháp phân tích câu (Trên ngữ liệu tiếng Việt)*, NXB KHXH, Hà Nội.
- [64] Dương Xuân Quang (2021), *Biến thể cú pháp của câu tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [65] Nguyễn Thị Quy (1995), *Vị từ hành động trong tiếng Việt và các tham tố của nó* (so sánh với tiếng Nga và tiếng Anh), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [66] Hữu Quỳnh (1980), *Ngữ pháp tiếng Việt hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [67] E, Sapir. (2000), *Ngôn ngữ - Dẫn luận vào việc nghiên cứu tiếng nói*, Vương Hữu Lễ dịch, Trường Đại học KHXH&NV TP HCM.
- [68] Saussure, F., *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Bản dịch của Cao Xuân Hạo), NXB Khoa học Xã hội - 1973, Hà Nội.

- [69] Lê Xuân Thại (1969), “Cụm từ và phân tích câu theo cụm từ”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, 2, tr. 32-42.
- [70] Lê Xuân Thại (1995), *Câu chủ vị trong tiếng Việt*, NXB KHXH, Hà Nội.
- [71] Nguyễn Kim Thân (1964), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt, Tập 2*, NXB KHXH, Hà Nội.
- [72] Nguyễn Kim Thân (2008), *Cơ sở ngữ pháp tiếng Việt*, NXB KHXH, Hà Nội.
- [73] Đỗ Tiến Thắng (2009), *Ngữ điệu tiếng Việt – Sơ khảo*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [74] Lý Toàn Thắng (1981), "Giới thiệu Lí thuyết phân đoạn thực tại câu", *Tạp chí Ngôn ngữ*, 1.
- [75] Lý Toàn Thắng (2005), *Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [76] Lý Toàn Thắng (2008), *Lí thuyết trật tự từ trong cú pháp*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [77] Trần Ngọc Thêm (2011), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [78] Nguyễn Thị Thìn (2003), *Câu tiếng Việt và ứng dụng dạy – học câu ở trường phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [79] Đào Minh Thu, Đào Thị Minh Ngọc, Nguyễn Mai Vân, Lê Kim Ngân, Lê Thanh Hương, Nguyễn Phương Thái, Đỗ Bá Lâm, *Tập quy tắc cú pháp tiếng Việt, SP8.5, Đề tài KC.01.01.05/06-10*.
- [80] Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp (2004), *Thành phần câu tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [81] Nguyễn Thị Minh Trang, Phan Văn Hoà (2021), “Một hướng tiếp cận khác về phương pháp phân tích câu trong tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 9(316).
- [82] Hoàng Anh Tuấn (2005), *Khảo sát khái niệm câu (đơn) theo quan điểm truyền thống và cú (đơn) theo quan điểm của NPCN hệ thống*, Luận văn Thạc sĩ, Trường ĐH Khoa học XH&NV, ĐHQG Hà Nội.
- [83] Hoàng Tuệ, Lê Cận, Cù Đình Tú (1962), *Giáo trình về Việt ngữ*, Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [84] UBKHXH (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[85] Hoàng Văn Vân (2002), *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt mô tả theo quan điểm chức năng hệ thống*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[86] Phạm Hùng Việt (2002), *Trợ từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

***Tài liệu bằng tiếng Anh***

[87] Barton, E. L. (1990), *Nonsentential Constituents: A Theory of Grammatical Structure and Pragmatic Interpretation*, John Benjamins, Amsterdam and Philadelphia.

[88] Bavin, E. L. (2000), “Introduction: a functional approach to ellipsis”, *Linguistics*, 38 (3), pp. 449-455.

[89] Barton, E. & Progovac, L. (2005), *Nonsententials in minimalism*, In R. Elugardo & R.

[90] Bezuidenhout, A (2013), “Structuring silence versus the structure of silence”, In L. Goldstein (Ed.), *Brevity*, Oxford: Oxford University Press, pp. 36-52.

[91] Biber, D., Johansson, S., Leech, G., Conrad, S. & Finegan, E. (1999), *Grammar of Spoken and Written English*, Longman, London

[92] BICLCE (2017), *7<sup>th</sup> Biennial Conference on the Linguistics of Contemporary English* (Book of Abstracts), University of Vigo,

[93] BICLCE (2022), *The 9<sup>th</sup> Biennial International Conference on the Linguistics of Contemporary English (BICLCE) (Book of Abstracts)*, University of Ljubljana, , Ljubljana University Press.

[94] Bloomfield, L. (1933), *Language*, Holt, Rinehart & Winston, New York.

[95] Bowie, J. & Aarts, B. (2016), “Clause fragments in English dialogue”, In López-Couso, M. J., Méndez-Naya, B., Núñez-Pertejo, P. & Palacios-Martínez, I. M. (ed.), *Corpus Linguistics on the Move: Exploring and Understanding English through Corpora*, Brill, Leiden and Boston, pp. 259-288

[96] Bowie, J. & Popova, G. (2019), “Grammar and discourse”, In Aarts, B., Bowie, J. & Popova, G. (ed.), *The Oxford Handbook of English Grammar*, University Press, pp. 554-580.

[97] Brown, D. R. (1985), *Term operators*, In Bolkestein, A. M, Groot, C. de & Mackenzie, J. L. (ed.), *Predicates and Terms in Functional Grammar*. Foris. Dordrecht, pp. 127-145.

- [98] Brown, R., & Gilman, A. (1960), *The Pronouns of Power and Solidarity*, In T. A. Sebeoki (Ed.), *Style in Language* (pp. 252-281), Cambridge, MA: MIT Press.
- [99] Bybee, J., Perkins, R. & Pagliuca, W. (1994), *The Evolution of Grammar- Tense, Aspect, and Modality in the languages of the world*, The University of Chicago Press, Chicago and London.
- [100] Cappelle, B. (2020), “Not on my watch and similar not-fragments: Stored forms with pragmatic content”, *Acta Linguistica Hafniensia*, 52(2), pp/ 217-239. doi: 10.1080/03740463.2020.1812365.
- [101] Cappelle, B. (2021), “Not-fragments and negative expansion”, *Constructions and Frames*, 13(1), pp. 55-81. doi: 10.1075/cf.00047.cap.
- [102] Carston, R. (2002) “Linguistic meaning, communicated meaning and cognitive pragmatics”, *Mind and Language*, 17, pp. 127-148. doi: 10.1111/1468-0017.00192.
- [103] Chomsky, N. (1965), *Aspects of the theory of syntax*. Massachusetts Institute of Technology Press, Massachusetts
- [104] Penelope, C., Dorothy, G.C.(2014), *Basic grammar and usage*, The Decisive Battles of World History.
- [105] Culicover, P. W., Ray, J. (2005), *Simpler Syntax*, Oxford University Press.
- [106] Craenenbroeck, J.V. (2010), *The Syntax of Ellipsis: Evidence from Dutch Dialects*, Oxford University Press.
- [107] Craenenbroeck, J. V., Tanja, T. (ed.) (2018), *The Oxford Handbook of Ellipsis*, Oxford University Press.
- [108] Dik, S.C. (1981), *Functional Grammar*, Foris Publications, Dordrecht. (Tham khảo bản dịch của Nguyễn Văn Phổ, Trần Thuý Vịnh, Nguyễn Hoàng Trung, Đào Mục Đích, Nguyễn Thanh Phong; NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, năm 2005).
- [109] Dik, S. C. (1989), *The Theory of Functional Grammar*, Foris Publications, Dordrecht.
- [110] Emeneau, M.B. (1951), *Studies in Vietnamese (annamese) grammar*, University of California Press, Berkeley and Los Angeles.
- [111] Enç, M. 1986, *Topic switching and pronominal subjects in Turkish*, In Slobin, D. I.
- [112] Fernández, R.R. (2006), *Non-Sentential Utterances in Dialogue: Classification, Resolution and Use*, PhD. Thesis, King’s College London, UK.

- [113] Fernández, R. & Ginzburg, J. (2002), “Non-sentential utterances in dialogue: A corpus-based study”, *Traitement Automatique des Langues*, 43(2), pp. 13-42.
- [114] Fernández, R., Ginzburg, J. & Lappin, S. (2007), “Classifying non-sentential utterances in dialogue: A machine learning approach”, *Computational Linguistics*, 33(3), pp. 397-427, doi: 10.1162/coli.2007.33.3.397.
- [115] Fillmore, C. J. (1968), *The case for case*. In E. Bach & R. T. Harms (ed.), *Universals in linguistic theory*, New York, pp. 1-88.
- [116] Fillmore, C. J., Kay, P. & O’Connor, M. C. (1988) “Regularity and idiomatcity in grammatical constructions: The case of Let alone”, *Language*, 64(3), pp. 501-538, doi: 10.2307/414531.
- [117] Galperin, I.R. (ed.) (1977), *Stylistics*, 2<sup>nd</sup> edition, Moscow Higher School, Moscow.
- [118] George, W.D. (2002), *Phrases, Clauses and Sentences*, Learners Publishing Pte Ud, Singapore.
- [119] Ginzburg, J. & Sag, I. A. (2000). *Interrogative Investigations: The Form, Meaning, and Use of English Interrogatives*, Center for the Study of Language and Information, Stanford.
- [120] Givon, T. (1993), *English Grammar, Volume 2*, John Benjamins, Amsterdam.
- [121] Goldberg, A. E. (1995), *Constructions: A Construction Grammar Approach to Argument Structure*, University of Chicago Press.
- [122] Goldberg, A. E. (2006), *Constructions at Work: The Nature of Generalization in Language*, Oxford University Press.
- [123] Goldberg, A. E. & Perek, F. (2019), “Ellipsis in Construction Grammar”, In Craenenbroeck, J. V. & Temmerman, T. (ed.), *The Oxford Handbook of Ellipsis*, Oxford University Press, pp. 188-204.
- [124] Gunter, R. 1974. *Sentences in dialo*. Columbia: Hornbeam Press.
- [125] Greenbaum, S. & Nelson, G. (1999), *Elliptical clauses in spoken and written English*, In Collins, P. & Lee, D. A. (ed.), “The Clause in English”, In Honour of Rodney Huddleston, Amsterdam and Philadelphia: John Benjamins, pp. 111- 125.
- [126] Hall, A. (2007). “Subsentential utterances, ellipsis, and pragmatic enrichment”, *UCL Working Papers in Linguistics*, 19, pp. 235-259.

- [127] Hall, A. (2019), *Fragments*. In Craenenbroeck, J.V. & Temmerman, T. (ed.), *The Oxford Handbook of Ellipsis*, Oxford University Press, pp. 605-623.
- [128] Halliday, M.A.K. (1985), *An Introduction to Functional Grammar*, Hodder & Stoughton, London.
- [129] Halliday, M. A. K. (1994), *An Introduction to Functional Grammar* (2nd ed.). London Edward Arnold.
- [130] Halliday, M.A.K, Michael and Matthiessen, Christian. (2013). *An Introduction to Functional Grammar* (4th edition), London: Routledge.
- [131] Hankamer, J. (1979), *Deletion in Coordinate Structures*, Garland, New York.
- [132] Harnish, R. M. (2009), “The problem of fragments. Two interpretative strategies”, *Pragmatics & Cognition*, 17(2), pp. 251-282, doi: 10.1075/pc.17.2.03har.
- [133] Harris, Z. S. (1951). *Methods in structural linguistics*, University of Chicago Press.
- [134] Heine, L. (2011), “Non-coordination-based Ellipsis from a Construction Grammar” Perspective: The Case of the Coffee Construction” *Cognitive Linguistics*, 22 (1), pp. 55–80, doi:10.1515/cogl.2011.003.
- [135] Hengeveld, K. (1989) "Layers and operators in functional grammar". *Journal of Linguistics*, 25(1), pp.127-157.
- [136] Hiep, N.V. (2020), “Heteroglossia: another sfg-based approach to treatment of word order as a means for expressing modality in Vietnamese”, *VNU Journal of Foreign Studies*, 36(4), /pp. 25-35.
- [137] Huddleston, R. & Pullum, G. K. (2002). *The Cambridge Grammar of the English Language*, Cambridge University Press.
- [138] Ido, S. (2003), *Agglutinative information*, Harrassowitz, Wiesbaden.
- [139] Ido, S. (2006), “A model for sentence-fragment production”, *SPRIK Conference. Explicit and Implicit Information in Text - Information Structure across Languages University of Oslo*, June 8-10 2006.
- [140] Kline, C. R. Jr. & Memering, W. D. (1977), “Formal fragments: The English minor sentence”, *Research in the Teaching of English*, 11(2), pp. 97-110.
- [141] Kay, P., and Charles. J.F.(1999), “Grammatical Constructions and Linguistic Generalizations: The What’s X Doing Y Construction”, *Language*, 75 (1), pp. 1–33, doi:10.2307/417472.

- [142] Laury, R. & Ono, T. (ed.) (2020) *Fixed Expressions: Building Language Structure and Social Action*, John Benjamins, Amsterdam and Philadelphia.
- [143] Lyons, J. (1977), *Semantics*, Vol.1, 2, Cambridge University Press, UK.
- [144] Mackenzie, J. L., & Gomez-Gonzalez, M. A. (ed.) (2004), “A new architecture for Functional Grammar”, *Functional Grammar Series*, No. 24. Mouton de Gruyter.
- [145] Malá, M. (2000), “Irregular sentences in colloquial English”, *Acta Universitatis Carolinae, Philologica*, 5, pp. 79-90.
- [146] Malá, M. (2001), “Irregularities of sentence structure in contemporary colloquial English”, In *Proceedings of The 6<sup>th</sup> Conference of British, American, and Canadian Studies*, Silesian University, Katowice, pp. 42-48.
- [147] Malmkjaer, K. (ed) (2002), *The linguistics encyclopedia 2nd edition*, Routledge.
- [148] Matthew, P.A. (2002), “Layers and Operators Revisited”, *Working Papers in Functional Grammar*, pp. 1-37.
- [149] Matthew, P.A. (2004), Functional Grammar from its Inception, From the book *A New Architecture for Functional Grammar*, Mackenzie, J. L., & Gomez-Gonzalez, M. A. (Eds.) (2004). A new architecture for Functional Grammar. (Functional Grammar Series; No. 24). Mouton de Gruyter, pp23-72.
- [150] Matthews, P. H. (1997), *The concise Oxford dictionary of linguistics*, Oxford University Press.
- [151] Mathesius, V. (1936), “On Some Problems of the Systematic Analysis of Grammar”, *Travaux du Cercle Linguistique de Prague*, 6, pp. 95-107.
- [152] Martin, J.R. and Matthiessen, Christian M.I.M. and Painter, Claire (1997). *Working with Functional Grammar*. Hodder Education Publishers.
- [153] Merchant, J. (2001), *The Syntax of Silence: Sluicing, Islands, and the Theory of Ellipsis*, Oxford University Press.
- [154] Merchant, J. (2004), “Fragments and ellipsis”, *Linguistics and Philosophy*, 27(6), pp. 661-738. doi: 10.1007/s10988-005-7378-3
- [155] Merchant, J. (2013), *Ellipsis: A survey of analytical approaches*, University of Chicago.
- [156] Morgan, J. L. (1973), “Sentence fragments and the notion ‘sentence’” In Kachru, B. B., Lees, R. B., Malkiel, Y., Pietrangeli, A. & Saporta, S. (ed.),

Issues in Linguistics: Papers in Honor of Henry and Renée Kahane (pp. 719-751), Chicago, IL: University of Illinois Press.

- [157] Lambrecht, K. (1994), *Information Structure and Sentence Form*, CUP, Cambridge.
- [158] Lyons, J. (1977), *Semantics*, Two volumes, Cambridge University Press.
- [159] Napoli, D. J. (1996), *Linguistics: An Introduction*, Oxford University Press.
- [160] Nelson, G., Wallis, S. & Aarts, B. (2002), *Exploring Natural Language: Working with the British Component of the International Corpus of English*, John Benjamins, Amsterdam and Philadelphia.
- [161] Nikolaos, L. & Meike, P. (2020), “Introduction to thematic issue “Fragments or ellipsis or both? New challenges and new perspectives”, *Acta Linguistica Hafniensia*, 52(2), pp. 147-150, DOI: 10.1080/03740463.2020.1819008.
- [162] Nuyts, J., Bolkestein, A. M. & Vet, C. (ed.), “Layers and level of representation in language theory: A functional view”, *Pragmatics & Beyond*, John Benjamins, pp. 193-232.
- [163] Nuyts, J. (2001), *Epistemic Modality, Language and Conceptualization: A Cognitive-Pragmatic Perspective*, Benjamins, Amsterdam.
- [164] Ourania Sinopoulou (2020), “Wh-questions with conjunction in Greek: ellipsis as an epiphenomenon of multidominance”, *International Journal of Linguistics*, 52 (2), Special Issue: Fragments or ellipsis or both? New challenges and new perspectives, pp. 180-200, <https://doi.org/10.1080/03740463.2020.1798178>.
- [165] Palmer, F.R. (1986), *Mood and Modality*, Cambridge University Press.
- [166] Progovac, L., Paesani, K., Casielles, E. & Barton, E. (2006), *The Syntax of Nonsententials: Multidisciplinary Perspectives*, John Benjamins, Amsterdam and Philadelphia.
- [167] Purver, M., Ginzburg, J. & Healy, P. (2001), “On the means for clarification in dialogue”, In Kuppevelt, J.V. & Smith, R. (ed.), *Current and New Directions in Discourse and Dialogue* Kluwer Academic Publishers, Dordrecht, pp. 235-256.
- [168] Quirk, R., Greenbaum, S., Leech, G. & Svartvik, J. (1985), *A Comprehensive Grammar of the English Language*, Longman, London.



- [169] Raphael S., Pierre B., Auwera, J.V.D.(2009), *Modality in English: Theory and Description*, Mouton de Gruyter Berlin, New York.
- [170] Sadock, J. M. & Zwicky, A. M. (1985). "Speech act distinctions in syntax. In T. Shopen (Ed.)", *Language Typology and Syntactic Description*, Vol.1: Clause Structure, Cambridge University Press, pp. 155-196.
- [171] Edward Sapir (1921), *Language: An introduction to the study of speech*. New York: Harcourt, Brace & World.
- [172] Schlangen, D. & Lascarides, A. (2003), "The interpretation of non-sentential utterances in dialogue. In Proceedings of the 4th SIGdial Workshop on Discourse and Dialogue", pp. 62-71, <https://www.aclweb.org/anthology/W03-2106.pdf>
- [173] Schuster, E. H. (2006), A fresh look at sentence fragments, *The English Journal*, 95(5), 78-83. doi: 10.2307/30046593
- [174] Searle, J. (1969). *Speech acts: An essay in the philosophy of language*. Cambridge:Cambridge University Press.
- [175] Seuren, P. A. M. (1969). *Operators and nucleus: A contribution to the theory of grammar*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [176] Shufaa Haroon (2019), *Basic English Language: Phrase, Clause and Sentence*, Independently published, US.
- [177] Siewierska A. (1991), *Functional Grammar*, London and New York: Routledge.
- [178] Stainton, R. J. (2004), "The pragmatics of non-sentences", L. R. Horn & G. Ward (Eds.), *The Handbook of Pragmatics* (pp. 266-287). Oxford: Blackwell.
- [179] Stainton, R. J. (2006), *Words and Thoughts: Subsentences, Ellipsis, and the Philosophy of Language*, Oxford University Press.
- [180] J. Stainton (Eds.), "Ellipsis and Non-Sentential Speech", Dordrecht: Kluwer, pp. 71-93.
- [181] John R. Taylor (1995), *Linguistic Categorization: Prototypes in Linguistic Theory*, Clarendon Press.
- [182] Thompson, L.C (1965), *A Vietnamese Reference Grammar*, University of Washington Press, Seattle and London.
- [183] Wei, Ting-Chi (2013), "Fragment question and ellipsis in Chinese", *Studies in Chinese Linguistics*, 34(3), p.151-198.
- [184] Tressler, J.C. (1938), *Grammar in Action Revised*, D C Heath & Co.

- [185] Van Valin, R. D. J. (1990), *Layered syntax in role and reference grammar*.
- [186] White, P.P.R (2003), “Beyond modality and hedging: A dialogic view of the language of intersubjective stance”, *Text and Talk: An Interdisciplinary Journal of Language, Discourse & Communication Studies*, CUP.
- [187] White, P.P.R. (2006), “Dialogistic positioning and interpersonal style- A framework for stylistic comparison”, *Pragmatic Markers in Contrast*, CUP.
- [188] Weir, Andrew (2014), *Fragments and Clausal Ellipsis*, Doctoral Dissertations, Tên trường?
- [189] Wray, A. (2002), *Formulaic Language and the Lexicon*, Cambridge University Press.
- [190] Xinzhang, Y.. (2000), “Review of Dik - The Theory of Functional Grammar, Part 1: The Structure of the Clause (2nd edition), Part 2: Complex and Derived Constructions”, *Word*, 51(2), 308-313.
- [191] Yim, C (2012), “Fragment Answers Containing -yo in Korean: New Evidence for the PF Deletion Theory of Ellipsis”, *Linguistic Inquiry*, 43 (3), pp. 514–518.
- [192] Yolanda Fernández-Pena (2021), “Towards an Empirical Characterisation and a Corpus-Driven Taxonomy of Fragments in Written Contemporary English”, PKP, RAEL: Revista Electrónica de Lingüística Aplicada , Vol. 20 Num. 1 (2021): Enero-Diciembre 2021.
- [193] Zimmer, K. eds (1986), “*Studies in Turkish linguistics*”, John Benjamins, pp. 195-208.

### **Tài liệu bằng tiếng Pháp**

- [194] Benveniste, É. (1966), *La phrase nominale*. In Benveniste, Émile (ed.), *Problèmes de linguistique générale*, 151-167. Gallimard, Paris:
- [195] Claude, H. (1982), *La structure des langues Que sais-je*, Presses Universitaires de France.
- [196] Lê Văn Lý (1960), *Le Parler Vietnamien*, Imprimerie Edition Hương Anh Paris.

### **Nguồn ngữ liệu**

- [1] Cao Đắc Điểm & Ngô Thị Thanh Lịch (sưu tầm, biên soạn) (2016), *Ngô Tất Tố tuyển tập*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [2] Nam Cao ((2021), *Tuyển tập*, NXB Văn học, Hà Nội.

- [3] Nguyễn Minh Châu (2022), *Tuyển tập truyện ngắn hay nhất của Nguyễn Minh Châu*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Công Hoan (2019), *Tuyển tập*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Hồng (2022), *Truyện ngắn Nguyễn Hồng*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [6] Thạch Lam (2019), *Tuyển tập*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [7] Nhất Linh – Khải Hưng (2018), *Tuyển tập*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [8] Suong Nguyệt Minh (tuyển chọn) (2013), *Truyện ngắn 5 tác giả nữ*, NXB Thời đại.
- [9] Vũ Trọng Phụng (2022), *Tuyển tập*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [10] Nguyễn Huy Thiệp (2022), *Tướng về hưu & những truyện khác*, NXB Trẻ.
- [11] Nguyễn Ngọc Tư (2010), *Khói trời lộng lẫy – tập truyện ngắn*, NXB Thời đại.
- [12] Nhiều tác giả (2016), *Truyện ngắn hay 2016*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [13] Nhiều tác giả (2017), *Truyện ngắn hay 2017*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [14] Nhiều tác giả (2018), *Truyện ngắn hay 2018*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [15] Nhiều tác giả (2019), *Truyện ngắn hay 2019*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [16] Nhiều tác giả (2020), *Truyện ngắn hay 2020*, NXB Văn học, Hà Nội.